



Michel

Benoît



231 ăm công đồ chỉ môn ba

nhà thuyết

VH-Project xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc chế bản ebook **Bí mật tông đồ thứ mười ba**, của nhà văn **Michel Benoît**.

---oOo---

Đây là một trong những dự án chế bản ebook mà VH-Project (VH-P) gửi tặng đến tất cả những bạn yêu thích sách, đặc biệt là những người không có điều kiện đọc những ấn phẩm sách thông thường. **Tuy nhiên trong khả năng có thể, hãy mua và thưởng thức sách như sự tôn trọng đối với tác giả và các nhà xuất bản.**

Là nhóm chế bản của VH-P – VH-ebook Project (VH-eP) - hoạt động với mục đích hoàn toàn phi lợi nhuận, trên tinh thần chia sẻ niềm đam mê sách đến tất cả những người cùng chung sở thích. VH-eP hoạt động theo nguyên tắc mở rộng và tương tác cao, khi bạn là thành viên của VH-P bạn có thể tự mình làm quản lý dự án sách riêng với sự hỗ trợ góp sức của tất cả các thành viên trong nhóm. Chỉ cần bạn có nguồn sách hãy tham gia với chúng tôi.

Ebook được thực hiện bởi thành viên VH-P, với mong muốn đem đến những tác phẩm văn học có giá trị nghệ thuật, nhân văn và giải trí cho tất cả những người yêu sách. Ebook sau khi hoàn thành sẽ được VH-P đăng tải trên các diễn đàn văn học mạng. **Bất kỳ hình thức sao lưu, sử dụng làm bài viết, tư liệu hay đăng trên các diễn đàn, yêu cầu giữ nguyên nội dung cũng như ghi rõ nguồn cung cấp và nhóm chế bản ebook như sự tôn trọng đối với những người thực hiện.**

Rất mong sự phản hồi và đóng góp ý kiến của các bạn, giúp chúng tôi hoàn thiện hơn trong các Dự án tiếp theo. VH-P luôn chào đón các bạn

gia nhập thành viên, để cùng nhau mang đến những chế bản ebook sách hay đến mọi người.

VH-Project

Thông tin ebook

EBOOK 46: BÍ ẨN TÔNG ĐỒ THỨ MƯỜI BA

Ebook được thực hiện bởi các thành viên VH-Project và TVE

---oOo---

Thông tin sách

BÍ ẨN TÔNG ĐỒ THỨ MƯỜI BA

Tác giả: **Michel Benoît**.

Dịch giả: **Nguyễn Thị Tươi**.

Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn

Số trang: 480

Kích thước: 14x20.5 cm

Trọng lượng: 550 gram

Ngày xuất bản: 2010

Giá bìa: 87.000 VNĐ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới thiệu:

Cùng bạn mình là cha Andrei, người bị ám sát trên một chuyến tàu từ Rome đi Paris, cha Nil đã phát hiện ra một bí mật động trời về thân thể Jesus, một bí mật hãn sẽ khiến cả phương Tây lẫn bất cứ quốc gia nào thờ phụng Jesus cũng đều phải chao đảo. Trước mỗi nguy hiểm tàng ấy, không chỉ Rome

mà cả Jerusalem và Mecca cùng lao vào cuộc đua vây đồn ông, và không loại thủ đoạn nào không được viện tới...

Bí ẩn tông đồ thứ mười ba không chỉ đơn thuần tìm cách làm sáng tỏ bí mật về thân thể chúa Jesus, một bí mật từng khiến thế giới tôn không biết bao nhiêu giấy mực, xương máu và nước mắt, mà còn kể lại một cách sinh động đến ghê rợn những câu chuyện hậu trường tôn giáo đầy gian dối, cạm bẫy, hiểm nguy và chết chóc, làm mê say độc giả, góp phần vinh danh Michel Benoît như một "chuyên gia về nguồn gốc Thiên chúa giáo"

Michel Benoît là nhà thần học, tiến sĩ sinh học và từng là tu sĩ. Ông rời Giáo hội năm 1984 và các nghiên cứu của ông về cuộc sống cũng như nhân thân Chúa Jesus bị Giáo hội kịch liệt phản đối. Đây cũng chính là lý do khiến ông quyết tâm theo đuổi công cuộc nghiên cứu này – vốn được thể hiện rõ qua nhiều tác phẩm văn học của ông như ***Tù nhân của Chúa***, ***Bí mật tông đồ thứ mười ba***...

Đôi nét về tác giả:

Michel Benoît sinh năm 1940 tại Madagascar. Bút danh này được lấy từ tên thị trấn Saint Benoît sur Loire. Ông là nhà văn Pháp nổi tiếng với các tác phẩm về Chúa.

18 tuổi, Michel Benoît trở thành tu sĩ dòng Thánh Benedict. Ông nghiên cứu rất nhiều về lịch sử Giáo hội và Chúa Jesus cũng như về các tôn giáo khác. Năm 1984, ông rời khỏi nhà dòng, kết thúc hơn hai mươi năm làm tu sĩ do Giáo hội không ủng hộ những nghiên cứu chuyên sâu về cuộc đời và con người Chúa Jesus mà ông đang tiến hành. Nhưng niềm đam mê với các công trình nghiên cứu về Chúa là vô tận, ông tiếp tục chuyên tâm tìm hiểu, khai thác nhiều hơn những tư liệu về Chúa.

Ngoài ***Bí ẩn tông đồ thứ mười ba***, ông còn có nhiều tác phẩm khác liên quan đến chủ đề này: ***Prisonnier de Dieu*** (Tù nhân của Chúa), ***Jésus et ses héritiers: mensonges et vérités*** (Jesus và những người thừa kế: dối trá và sự thật), ***Dieu malgré lui*** ... Tác phẩm đầu tiên ***Tù nhân của Chúa*** có mặt trong danh sách bestseller quốc tế khi ra mắt độc giả năm 1992.

Từ sau tác phẩm đầu tiên, phải mất 23 năm sau, Michel Benoît mới cho ra mắt tác phẩm lớn trong cuộc đời sáng tác của mình cho dù trong suốt thời gian đó, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu và tìm hiểu về chúa Jesus và lịch sử tôn giáo. Sau khi công bố những phát hiện của mình về chúa Jesus ở Pháp, ý tưởng về ***Bí ẩn tông đồ thứ mười ba*** bắt đầu hình thành trong tâm trí Benoît.

Bí ẩn tông đồ thứ mười ba đã từng lọt vào danh sách những cuốn sách bán chạy nhất tại Pháp và Tây Ban Nha.

Đánh giá về tác phẩm:

“Một cuốn tiểu thuyết lôi cuốn, khám phá sự kỳ bí vẫn luôn ngự trị quanh câu chuyện về chúa Jésus.”

- evene.fr

“Thoạt nhìn qua người ta có thể tưởng cuốn tiểu thuyết này là một kiểu Mật mã Da Vinci. Nhưng càng đọc người ta càng khám phá ra nó chứa đựng nhiều điều hấp dẫn hơn cả những gì người ta có thể tưởng.”

- critiqueslibres.com

“Với Bí mật tông đồ thứ mười ba, Michel Benoît không chỉ bàn đến các vấn đề liên quan tới nhà thờ mà còn bàn đến nhiều vấn đề xã hội khác như đồng tính, quan hệ Israel và thế giới Ả rập... Điều đặc biệt là ông đã biết gắn kết các hiểu biết và nghiên cứu của mình một cách hết sức thông minh.”

- polarnoir.fr

---oOo---

MỤC LỤC

PHẦN MỘT

[1.2.3.4.5.6.7.8.9.10.11.12.13.14.15.16.17.18.19.20.21.22.23.24.25.26.27](#)

PHẦN HAI

[35.36.37.38.39.40.41.42.43.44.45.46.47.48.49.50.51.52.53.54.55.56.57.](#)
[60.61.62.63.64.65.66.67.68.69.](#)

PHẦN BA

[70.71.72.73.74.75.76.77.78.79.80.81.82.83.84.](#)
[85.86.87.88.89.90.91.92.93.94.](#)

Dành tặng David,

Cậu con trai mà tôi luôn muốn có

Dẫn chuyện

Uốn theo sườn núi, con đường hẹp vắt mình chênh vênh phía trên thung lũng. Rất sâu phía dưới, có thể mừng tượng ra một dòng chảy nhỏ tập hợp nước từ mọi nơi chảy đến. Tôi đã để chiếc xe cắm trại lại ở cuối con đường rừng, vì nếu có cố đi tiếp thì cũng chẳng được bao lâu. Ngay trong lòng đất nước Ý nổi tiếng về du lịch và công nghiệp, dãy Abruzzes này vẫn mang dáng vẻ hoang dã và cô tịch như một miền đất thời tiền sử.

Ra khỏi một lùm thông rậm rạp, đáy sâu của thung lũng bắt đầu hiện ra thấp thoáng: sườn dốc dựng đứng, hun hút đến hết tầm mắt. Những con chim săn mồi tha thẩn với vẻ biếng nhác, khung cảnh hiu quạnh bao trùm lên tất cả mọi vật, mặc dù nơi này chỉ cách con đường chật ứ khách du lịch ngoài kia vài chục kilomet, nhưng chẳng ai trong số đó mạo hiểm đến tận đây.

Chính ở nơi đây, tôi đã gặp ông: khoác trên người một chiếc áo kiểu như áo blu của bác sĩ, tay cầm liềm, ông đang cúi xuống một khóm cây long đorm. Mái tóc bạc phát phơ trên vai càng khiến dáng ông trở nên mảnh dẻ. Khi ông ngẩng lên, tôi nhận thấy một bộ râu để tự nhiên không cạo và đôi mắt sáng, gần như trong suốt: cái nhìn của một đứa trẻ, ngây thơ và dịu dàng, nhưng cũng tinh anh và linh hoạt, dường như đang thấu tâm can tôi.

- Ông đây rồi... Tôi đã nghe thấy tiếng chân ông đi đến đây. Ở đây, âm thanh vang xa lắm, với lại chưa bao giờ có ai đến thung lũng này.

- Ông nói được tiếng Pháp!

Ông đứng thẳng dậy, giắt cán liềm vào dây thắt lưng buộc quanh áo blu, nhưng không chìa tay cho tôi bắt.

- Tôi là cha Nil. Tôi là – hay nói đúng hơn, tôi đã từng là tu sĩ trong một tu viện ở Pháp. Nhưng đó là trước đây thôi.

Một nụ cười ranh mãnh khiến vầng trán phẳng phiu của ông nhăn lại. Không hỏi xem tôi là ai, mà cũng chẳng hỏi làm thế nào tôi đến được chốn tận cùng này của thế giới, ông nói thêm:

- Ông cần uống một chút nước lá, mùa hè thật nóng bức. Tôi pha long đorm với bạc hà và hương thảo, nước này uống đắng nhưng sẽ làm ông khỏe ra đấy. Đi nào.

Đó là một mệnh lệnh, nhưng được đưa ra bằng giọng khá trù mến, và tôi đi theo ông. Dáng người mảnh và thẳng, ông nhẹ nhàng bước đi. Thỉnh thoảng, vài giọt nắng lọt qua đám lá vân sam làm mái tóc bạc của ông ánh lên lấp lánh.

Lối đi càng hẹp lại, rồi bỗng mở ra một khoảng trống nhỏ nhô cao trên dốc đứng. Trên sườn núi, chợt hiện ra một mảng tường bằng đá, cửa ra vào thấp tè và một khung cửa sổ.

- Ông phải cúi xuống thì mới chui vào được: căn nhà này là một hang đá cải tạo lại, hẳn cũng giống như những hang đá ở Qumran.

Có nên coi như tôi đã biết Qumran là gì rồi không nhỉ? Cha Nil không giải thích, mà cũng chẳng hỏi tôi câu nào. Chỉ riêng sự hiện diện của ông đã khiến cho mọi vật như được sắp đặt theo trật tự, giống như vốn đã vậy. Giả như ông có xuất hiện cùng một con quái vật hay một nàng tiên thì tôi cũng vẫn thấy đó là điều hoàn toàn tự nhiên.

Tôi ở lại với ông cả ngày. Khi mặt trời đứng bóng, chúng tôi ngồi trên một lan can bắc cheo leo trên miệng vực, ăn bánh mì với pho mát dê và uống nước nấu từ các loại lá thơm tuyệt diệu. Đến khi bóng của sườn núi đối diện ngả vào tường nhà, ông bảo tôi:

- Tôi sẽ đi cùng ông ra đến đường rừng. Nước ở trong khe đá là nước sạch, ông có thể uống được.

Hình như bất cứ thứ gì mà ông chạm vào cũng đều trở nên sạch sẽ và tinh khiết. Tôi nói với ông rằng tôi muốn cắm trại ở vùng núi này một thời gian. Ông bảo tôi:

- Ông không cần phải khóa cửa xe đâu, chẳng có ai đến đây, còn những con thú hoang ở đây thì luôn tôn trọng tất cả mọi thứ. Sáng mai, mời ông quay trở lại đây dùng pho mát tươi.

Khi ở cùng ông, tôi đánh mất khái niệm về thời gian. Hôm sau, đàn dê của ông xuất hiện trên khoảng đất trống, và đến ăn những mẩu bánh vụn trên tay chúng tôi.

- Hôm qua, chúng đã quan sát ông nhưng ông không nhìn thấy chúng. Nếu như chúng xuất hiện khi ông có mặt ở đây, thì nghĩa là tôi có thể kể cho ông nghe chuyện của mình. Ông là người đầu tiên được nghe chuyện này.

Và cha Nil bắt đầu kể. Trong câu chuyện, ông là nhân vật chính, tuy nhiên ông không nói với tôi về mình, mà về một người đã để lại dấu ấn trong Lịch sử, một người dân vùng Judee ^[1] ở thế kỷ I. Và phía sau người đó, tôi còn thấy hình bóng lung linh của một người khác, người này chỉ được ông nói đến rất ít nhưng lại là lời giải thích cho ánh nhìn sáng suốt và xuyên thấu của ông.

Đến ngày cuối cùng, thế giới phương Tây mà tôi có được nhờ nền giáo dục Cơ Đốc giáo đã bị xô đổ. Tôi ra đi khi những ngôi sao đầu tiên xuất hiện. Cha Nil vẫn ở lại khoảnh đất trống, như một cái bóng nhỏ bé mang lại ý nghĩa cho cả thung lũng, còn đàn dê của ông đi cùng tôi một đoạn. Nhưng khi tôi bật đèn đi đường lên thì chúng hoảng sợ và chạy quay lại.

PHẦN MỘT

1.

Đoàn tàu lao đi trong đêm tháng Mười một. Ông liếc nhìn đồng hồ đeo tay: tàu tốc hành Roma Express vẫn muồn hai tiếng trên đất Ý như thường lệ. Ông thở dài: chẳng thể nào có mặt ở Paris trước hai mươi một giờ được...

Ông cố lựa tư thế ngồi thoải mái nhất, lấy ngón tay trở nới rộng cổ áo thầy tu cho đỡ bó sát lấy cổ. Cha Andrei không quen mặc trang phục này, ông chỉ khoác mỗi khi ra ngoài tu viện – điều rất hiếm hoi. Mà hình như những toa tàu này có từ thời Mussolini thì phải! Ghế ngồi bọc da giả cứng nhắc như ghế phòng khách trong tu viện, cửa sổ có thể hạ xuống tận chỗ tì tay vốn cũng rất thấp, điều hòa thì không có...

May thay, cuối cùng thì chỉ còn khoảng một tiếng nữa thôi. Ánh đèn trên sân ga Lamotte-Beuvron vừa vun vút lướt qua ngoài cửa sổ: bao giờ cũng thế, đoàn tàu luôn chạy tốc độ cao nhất trên đoạn đường thẳng băng ở Sologne.

Thấy cha Andrei ngơ ngậy, người khách có dáng dấp béo lùn ngồi đối diện ông ngược đôi mắt màu hạt dẻ khỏi tờ báo đang đọc và nặn ra một nụ cười, nhưng gương mặt với nước da nhợt nhạt của anh ta chẳng tươi tỉnh lên được chút nào.

“Anh ta chỉ cười bằng môi thôi, cha Andrei nghĩ. Mắt anh ta vẫn lạnh lẽo hết như những hòn đá ven sông Loire...”

Hành khách của Roma Express thường là giới tu hành khiến đoàn tàu giống như một giáo đường phụ của Vatican. Nhưng trong khoang này, chỉ có cha Andrei và hai người đàn ông lặng lẽ khác: những chỗ ngồi còn lại đã đặt trước nhưng vẫn bỏ trống từ khi tàu xuất phát đến giờ. Ông đưa mắt nhìn người khách thứ hai, ngồi khuất trong góc sát hành lang: người này có vẻ nhiều tuổi hơn, dáng dấp sang trọng và có mái tóc vàng như lúa mạch chín. Có vẻ như anh ta đang ngủ - mắt nhắm, nhưng thỉnh thoảng anh ta lại gõ gõ mấy ngón tay phải lên đầu gối, còn tay trái thì đánh nhịp lên đùi. Từ khi tàu chạy, cả ba chỉ trao đổi vài lời lấy lệ bằng tiếng Ý, và cha Andrei nhận thấy anh ta có giọng ngoại quốc rất nặng, nhưng không xác định được là người nước nào. Đông Âu chăng? Mặt anh ta trông còn trẻ, mặc dù có một vết sẹo chạy dài từ tai trái rồi lẫn vào mái tóc vàng.

Thói quen quan sát đến từng chi tiết nhỏ nhất này hẳn là kết quả của cả một cuộc đời cúi mình trên những trang bản thảo cũ kỹ, mờ mịt nhất của ông.

Ông tựa đầu vào cửa kính, lơ đãng nhìn ra con đường chạy dọc theo đường sắt.

Lẽ ra ông đã phải gửi bản dịch và báo cáo phân tích bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ của Nag Hamadi về Roma từ cách đây hai tháng. Bản dịch thì ông đã hoàn thành lâu rồi. Nhưng còn báo cáo phân tích phải gửi kèm! Ông vẫn không thể viết được. Không thể *nói hết mọi chuyện*, lại càng không thể viết ra được.

Quá nguy hiểm.

Và thế là họ đã gọi cho ông. Trong văn phòng của Cơ quan truyền bá đức tin Thiên Chúa giáo – trước đây là Tòa án dị giáo – ông không thể thoát ra khỏi mớ câu hỏi mà những người tiếp chuyện ông đặt cho. Lẽ ra ông không nên nói với họ những giả thiết của mình, mà nên che đậy bằng những vấn đề thuần túy thuộc về kỹ thuật dịch. Tuy nhiên, Hồng y Giáo chủ, và nhất là viên thư lại ^[2] đáng gờm của ngài, đã không ngừng tấn công ông, buộc ông phải nói ra nhiều hơn những điều ông muốn nói. Sau đó họ còn hỏi han ông về phiên đá Germigny: mặt họ lại càng sa sầm xuống.

Cuối cùng, ông đã đến kho của Thư viện Vatican. Nơi đây, quá khứ đau thương của gia đình lại khiến ông phải đau đớn – có lẽ rốt cuộc đó chính là cái giá phải trả để được tận mắt nhìn thấy bằng chứng cụ thể của điều mà ông vẫn nghi ngờ bấy lâu này. Thế là ông phải vội vàng rời khỏi San Girolamo, bắt chuyến tàu trở về tu viện: ông đang trong vòng nguy hiểm. Ông muốn được yên ổn, chỉ cần được yên ổn thôi. Chỗ của ông không phải là ở giữa những mưu đồ này, Roma không phải là nhà của ông. Nhưng liệu ông có nơi nào để coi là nhà nữa không? Khi vào sống trong tu viện, ông đã phải thay đổi tổ quốc lần thứ hai, và nỗi cô độc đã vây hãm ông.

Bây giờ, bài toán đã được giải. Khi trở về, ông sẽ nói gì với cha Nil đây? Cha Nil là người rất kín đáo, và ông ấy cũng đã một mình đi được một phần đường... Ông sẽ đưa ông ấy vào cuộc. Điều mà ông khám phá ra sau cả một đời tìm kiếm, hẳn cha Nil cũng sẽ tự tìm ra được.

Và nếu như có chuyện gì xảy ra với ông... Cha Nil sẽ xứng đáng là người tiếp tục con đường.

Cha Andrei mở túi và lục tìm thứ gì đó trước ánh mắt thản nhiên của người hành khách ngồi đối diện. Dù sao thì ba người trong một khoang dành cho sáu hành khách cũng là điều dễ chịu. Ông có thể cởi bỏ chiếc áo vest của tu sĩ còn quá mới, đặt lên chiếc ghế trống bên phải để khỏi bị nhàu. Cuối cùng thì ông cũng tìm thấy thứ đang cần: một cái bút chì và một mảnh giấy vuông. Đặt nó trong lòng bàn tay, ông viết vội lên đó vài chữ rồi vô thức nắm chặt các ngón tay lại, ngả đầu ra sau.

Tiếng ồn của đoàn tàu và âm thanh dội lại từ rằng cây bên đường khiến ông thấy dờ dẩn. Ông có

cảm giác mình sắp ngủ thiếp đi...

Mọi việc diễn ra quá nhanh. Người khách ngồi đối diện lặng lẽ đặt tờ báo xuống và đứng dậy. Cùng lúc đó, trong góc phía hành lang, gương mặt người khách có mái tóc vàng bỗng đánh lại. Anh ta đứng lên và tiến lại phía ông như muốn lấy thứ gì đó trong cái túi lưới phía trên đầu ông. Cha Andrei ngược mắt lên theo phản xạ: chiếc túi rỗng không.

Ông không có thời gian để suy nghĩ: mái tóc vàng hoe của người khách đã chúi về phía ông, và ông thấy cánh tay người đàn ông đó vươn về phía chiếc áo mà ông đặt trên ghế bên cạnh.

Đột nhiên, mọi thứ tối sầm lại: ai đó đã trùm chiếc áo lên đầu ông. Ông cảm thấy hai cánh tay cuộn cuộn cơ bắp ôm ngang lưng ông, thít chặt cái áo vào người ông, và nhấc ông lên khỏi mặt đất. Tiếng kêu kinh hoàng của ông bị bóp vụn làm cho tắc nghẹn. Thoắt cái, ông đã cảm thấy mình đang ở phương nằm ngang với sàn tàu, nghe thấy tiếng rít của cánh cửa sổ đang hạ xuống, rồi hông ông bị ép sát vào chỗ tì tay bằng kim loại ở cửa sổ. Ông cố giãy giụa, nhưng toàn bộ thân trên của ông đã bị đẩy ra ngoài cửa sổ tàu cho gió quất, còn mặt ông vẫn bị thít chặt trong chiếc áo bởi một bàn tay cứng như thép.

Ông sửng sốt: “Chúng là ai? Lẽ ra sau ngàn ấy chuyện xảy đến trong suốt hai nghìn năm qua, mình phải lường trước được chuyện này. Nhưng tại sao lại là lúc này? Tại sao lại ở đây?”

Tay trái của ông, bị ép chặt giữa chỗ tì tay và bụng ông, vẫn nắm chặt mẫu giấy hình vuông.

Ông cảm thấy cả người mình đang bị đẩy ra ngoài.

2.

Đức ông Alessandro Calfo cảm thấy hết sức hài lòng. Trước khi rời khỏi căn phòng lớn gần Tòa Thánh Vatican, nhóm Mười một đã trao toàn quyền hành động cho ông: không thể để xảy ra bất kỳ rủi ro nào. Từ bốn thế kỷ nay, thành viên của nhóm Mười một là những người duy nhất bảo vệ kho báu quý giá nhất của Giáo hội Công giáo, tông truyền và Roma. Những kẻ tiếp cận kho báu này quá mức phải bị vô hiệu hóa.

Ông đã hết sức tránh không nói hết mọi việc với Hồng y Giáo chủ. Liệu có thể giữ mãi bí mật này không? Nhưng nếu lộ ra thì bí mật này sẽ là kết thúc của Giáo hội và toàn bộ nền Cơ Đốc giáo trên trái đất này. Đó sẽ là một cú đánh kinh hoàng đối với Phương Tây, vốn đã rất mệt mỏi khi phải chống đỡ sự tấn công của đạo Hồi. Trách nhiệm lớn lao này đè nặng lên vai mười hai con người: Hội Thánh Pie V đã được lập ra chỉ nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ bí mật này, và Calfo là Hội trưởng.

Ông tự cho phép mình khẳng định với Hồng y Giáo chủ là chỉ còn tồn tại một số dấu hiệu rất tản mát, và trên thế giới chỉ một vài nhân vật uyên bác là có khả năng hiểu và giải nghĩa các dấu hiệu này. Nhưng ông đã giấu đi điều cơ bản nhất: nếu các dấu hiệu này được chấp nối lại với nhau và phổ biến rộng rãi cho công chúng, thì có thể sẽ dẫn họ đến chỗ tìm ra *bằng chứng* xác thực, không thể chối cãi được. Chính vì thế, phải luôn đảm bảo rằng những dấu vết còn tồn tại luôn trong tình trạng phân tán. Bất kỳ kẻ nào có đủ ác tâm – hoặc chỉ là đủ sáng suốt – để tập hợp chúng lại với nhau thì sẽ có khả năng phát hiện ra sự thật.

Ông đứng dậy, đi vòng quanh bàn, rồi đứng chôn chân trước thánh giá trên đó Chúa đang bị đóng đinh câu rút, mình đầy máu.

“Thưa Thầy! Mười hai tông đồ luôn bảo vệ Người!”

Một cách máy móc, ông đưa tay xoay xoay chiếc nhẫn đang đeo ở ngón đeo nhẫn bên tay phải. Trên đó có gắn một viên ngọc thạch anh màu xanh đậm điểm những đốm đỏ, viên ngọc to một cách bất

thường – ngay cả ở Roma, nơi mà giáo sĩ cấp cao ưa chuộng những dấu hiệu cho phép họ phô trương đẳng cấp của mình. Vật sang trọng này luôn nhắc ông nhớ đến bản chất đích thực của sứ mệnh ông đang thực hiện.

Bất kỳ kẻ nào biết được bí mật cũng sẽ bị ông thủ tiêu, và biến mất khỏi thế gian này!

3.

Đoàn tàu trông như một con rắn phát sáng đang lao hết tốc độ trong vùng bình nguyên Sologne. Thân người vẫn bị gập làm đôi, nửa trên bị gió quất, cha Andrei oằn người chống cự lại hai cánh tay cứng như thép đang cố đẩy ông xuống vực thẳm. Rồi đột nhiên, ông thả lỏng người.

“Chúa ơi, con đã kiếm tìm Người từ khi mới chào đời, giờ là lúc kết thúc rồi.”

Hây! Người hành khách béo lùn lẳng mạnh cha Andrei vào khoảng không ngoài cửa sổ toa tàu, trong khi đó, bạn đồng hành của hắn vẫn bất động như đã hóa đá phía sau, chăm chú quan sát cảnh tượng xảy ra.

Cả thân người cha Andrei quay tròn như một chiếc lá rồi rơi xuống, nằm bẹp trên nền đường đá.

Đoàn tàu Roma Express hắn là đang cố gắng bù đắp lại thời gian chậm trễ: chỉ chưa đầy một phút sau, trên lễ đường ray chỉ còn lại một hình người chổng chơ trong khí lạnh trời đêm. Chiếc áo vest đã bay ra xa. Kỳ lạ là khuỷu tay trái của cha Andrei vẫn mắc vào giữa hai thanh tà vẹt, bàn tay ông vẫn nắm chặt mẫu giấy giờ giờ thẳng lên bầu trời xám đen âm lạnh, nơi những đám mây đang nặng nề trôi về phương Đông.

Một lát sau, một con hươu cái từ khu rừng gần đó chạy ra và tò mò tiến lại hít hít trên cái vật thể hình thù kỳ dị có hơi hướm con người kia. Nó nhận ra cái mùi khó chịu mà con người thải ra khi họ sợ hãi quá mức. Nó ngửi rất lâu bàn tay nắm chặt của cha Andrei đang chỉ lên trời một cách kỳ cục.

Đột nhiên nó ngẩng đầu lên, rồi nhảy sang một bên và nhanh chóng núp vào sau những bụi cây. Một chiếc ô tô đã rọi đèn chiếu vào nó, rồi đột ngột phanh kít lại trên con đường phía dưới đường tàu. Hai người đàn ông bước ra, trèo lên bờ dốc đường ray và cúi xuống xem xét cái xác đã bị biến dạng. Con hươu đứng im quan sát: hai người đàn ông lại đi xuống đường, và đứng bên ngoài xe tranh luận sôi nổi.

Khi nhìn thấy ánh đèn xe cảnh sát lao đến, con hươu lại nhảy lên lần nữa rồi bỏ chạy vào khu rừng tối đen và tĩnh lặng.

4.

Kinh Phúc âm theo Marc và Jean

Ông vừa nhăn mặt vừa đưa tay kéo lại chiếc gối đã bị trượt xuống dưới hông. Chỉ người giàu mới có thói quen ăn uống theo kiểu của người La Mã, nửa nằm nửa ngồi trên di văng thế này. Những người Do Thái nghèo khổ như nhóm của ông thì ngồi luôn trên mặt đất mà ăn. Chính ông là người muốn tổ chức bữa ăn tối này một cách trang trọng. Vị khách danh dự ăn uống rất thoải mái, nhưng Mười hai người còn lại, những người cũng đang nửa nằm nửa ngồi vòng quanh chiếc bàn hình chữ U thì có vẻ hơi lạc lõng trong căn phòng này.

Tối thứ Năm, ngày mùng 6 tháng Tư năm 30, con trai của Joseph, người được tất cả cư dân ở Palestine gọi là Jesus xứ Nazareth, đang chuẩn bị ăn bữa tối cuối cùng của mình cùng với mười hai tông đồ.

Tách ra khỏi các môn đồ khác, mười hai tông đồ này đã tạo thành một tổ chức bảo vệ thân cận cho Jesus, tổ chức này chỉ giới hạn trong Mười hai người họ mà thôi: con số Mười hai mang ý nghĩa tượng trưng đặc biệt, nhắc người ta nhớ đến mười hai bộ tộc của đất nước Isarel. Sắp tới đây, khi họ tấn công Đền thờ, nhân dân sẽ hiểu ra. Mười hai người sẽ cùng lãnh đạo Israel, nhân danh Chúa trời là người đã ban cho Jacob mười hai người con. Về vấn đề này, tất cả mười hai tông đồ đều đã thống nhất. Chỉ có điều, bên phải của Jesus – khi Người lên ngôi – sẽ chỉ có một vị trí duy nhất, và tất cả họ đã ngầm đối địch nhau một cách kịch liệt để biết xem ai trong số họ sẽ là người đứng đầu trong số mười hai tông đồ.

Điều đó sẽ trở thành hiện thực sau cuộc nổi dậy mà họ sắp tiến hành nhân bối cảnh lộn xộn sau Lễ Vượt qua. Chỉ còn hai ngày nữa thôi.

Khi rời bỏ miền đất Galilee quê hương để đến thủ đô, họ đã gặp lại người đang là chủ nhà hôm nay, một người xứ Judee sở hữu một ngôi nhà đẹp trong khu phía Tây Jerusalem. Ông giàu có, được học hành, thậm chí có thể gọi là có tri thức. Trong khi tầm hiểu biết của Mười hai tông đồ không vượt ra khỏi đầu kia của lưới đánh cá.

Trong khi người hầu mang thức ăn ra, chủ nhà im lặng. Ở giữa mười hai tông đồ cuồng tín này, Jesus đang ở trong tình cảnh hết sức nguy khốn: vụ tấn công Đền thờ sắp tới của họ chắc chắn sẽ thất bại... Cần phải hành động để bảo vệ Người khỏi tham vọng của họ, mặc dù để làm

được điều đó, ông đã phải tạm thời liên minh với Peter.

Ông đã gặp Jesus hai năm trước, bên bờ sông Jordan. Từ một người Esseni, ông đã trở thành người Nazareth – một trong những giáo phái đấu tranh vì phong trào Baptist của người Do Thái. Bản thân Jesus cũng tham gia giáo phái này, mặc dù Người chẳng bao giờ nói về điều đó. Giữa hai người họ đã nhanh chóng hình thành nên một mối đồng cảm dựa trên sự thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Ông khẳng định rằng mình là người duy nhất hiểu rõ Jesus là ai. Không phải là hậu duệ của Chúa như một số người đã ca tụng sau khi khỏi bệnh một cách thần kỳ nhờ bàn tay chữa trị của Người, cũng không phải Chúa Cứu thế như Peter mong muốn, lại càng không phải vua David mới như những người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt ước ao.

Jesus là một người *hoàn toàn khác*, người mà thậm chí Mười hai tông đồ vốn đang bị tham vọng quyền lực làm mờ mắt cũng không thể nhận ra được.

Ông tự coi mình cao hơn họ một bậc, và ông nói với bất kỳ ai muốn nghe rằng ông chính là *môn đồ cưng* của Thầy. Trong khi đó, từ nhiều tháng nay, Jesus ngày càng cảm thấy khó có thể chịu đựng nổi đội quân gốc Galilee đốt nát với bàn tay hám quyền lực của mình.

Mười hai tông đồ giận dữ điên cuồng khi chứng kiến có thêm một kẻ ngấp nghé quyền lực bỗng nhiên lọt vào được nơi mà họ chẳng bao giờ vào được: đó là nội bộ của những người Nazareth.

Kẻ thù đang ở ngay trong nhóm của họ, đó chính là kẻ tự xưng là môn đồ cưng này. Hắn chưa bao giờ rời khỏi vùng đất Judee nơi hắn sinh ra, mà lại dám nói rằng hiểu rõ Jesus hơn tất cả bọn họ, những người đã luôn theo sát chân Người ngay từ vùng đất Galilee.

Hắn là một tên lừa bịp.

Ông nằm dài bên phải Jesus – vị trí của chủ nhà. Peter không rời mắt khỏi ông: liệu ông ta có nói ra cái bí mật kinh khủng đã liên kết họ lại từ ít lâu nay, và khiến cho Jesus hiểu rằng Người đã bị phản bội? Phải chăng ông ta đang hối tiếc vì đã dẫn Judas đến gặp Caiphe, để lập ra cái bẫy sẽ sập vào chính Thầy, ngay tối nay?

Đột nhiên, Jesus đưa tay nhón một miếng thức ăn, Người để tay bên trên đĩa một lát cho nước xốt nhỏ bớt xuống: Người sẽ tặng nó cho một trong số các khách ăn, đó là một cử chỉ thể hiện tình bằng hữu. Tất cả đột nhiên im lặng. Peter tái mặt, quai hàm cứng lại. Ông ta nghĩ: “Nếu Người tặng miếng thức ăn này cho kẻ bịp bợm kia, mọi việc sẽ hỏng hết, vì như thế có nghĩa là hắn ta vừa phản bội thỏa thuận với ta. Như vậy, ta phải giết hắn, sau đó ta sẽ trốn...”

Bằng một cử chỉ hào hiệp, Jesus đưa miếng thức ăn cho Judas, người đang ngồi bất động như hóa đá ở một đầu bàn.

- Nào, bạn của tôi... Chúng ta cùng ăn nào!

Không nói một lời, Judas cúi người về phía trước, đón lấy miếng thức ăn và đưa lên môi. Một chút nước xốt chảy trên chòm râu ngắn của ông.

Cuộc trò chuyện lại tiếp tục, trong khi Judas nhai chậm chạp, mắt dán chặt vào mắt người thầy của mình. Sau đó, Judas đứng lên và tiến về phía cửa. Khi ông ta đi qua chỗ họ, người chủ nhà thấy Jesus hơi quay đầu lại. Và ông cũng là người duy nhất nghe thấy Jesus nói:

- Bạn của tôi... Cần làm gì thì làm nhanh lên!

Judas chậm rãi mở cửa. Bên ngoài, vầng trăng đêm Lễ Vượt qua còn chưa lên. Màn đêm đen đặc.

Quanh Jesus chỉ còn mười một người.

Chính xác là mười một tông đồ và môn đồ cung của Jesus.

5.

Tiếng chuông cửa vang lên lần thứ hai. Trong ánh bình minh lơ mờ, tu viện Saint-Martin là nơi duy nhất trong làng có ánh sáng đèn. Trong những đêm mùa đông như đêm nay, tiếng gió rít dọc bờ sông hoang vắng khiến vùng Val-de-Loire mang chút dáng vẻ của hoang mạc Siberia.

Tiếng chuông vẫn còn vang dội trong mái vòm của tu viện khi cha Nil bước vào, sau khi đã cởi bộ lễ phục lưng thụng ra: ông vừa kết thúc buổi lễ sớm. Mọi người dân quanh đây đều biết rằng các thầy tu luôn giữ im lặng tuyệt đối cho đến lễ cầu kinh nửa buổi, nên không bao giờ đến bấm chuông tu viện trước tám giờ.

Tiếng chuông lại khẩn thiết vang lên lần thứ ba.

“Thầy dòng gác cửa hẳn sẽ không ra mở vì đây là quy định. Thôi được, mình ra xem sao.”

Từ khi làm sáng rõ được những chi tiết vẫn còn bị che giấu liên quan đến cái chết của Jesus, cha Nil càng ngày càng cảm thấy khó chịu. Ông không thích sự vắng mặt hiếm hoi của cha Andrei: viên thủ thư này đã trở thành người tin cậy duy nhất của ông sau Chúa. Các tu sĩ sống cùng nhưng không giao tiếp với nhau, trong khi đó cha Nil lại cần phải nói với ai đó về những nghiên cứu của mình. Đáng lẽ phải quay vào phòng riêng, nơi công việc tìm hiểu về các biến cố xảy ra khi Jesus bị bắt đang chờ đợi, thì ông lại đi ra phía phòng của người gác cửa và mở cánh cửa nặng nề ngăn cách tu viện với toàn bộ thế giới bên ngoài.

Trong ánh sáng đèn pha, một viên cảnh sát đứng nghiêm chào ông.

- Thưa cha, có phải đây là nơi cư trú của người này không?

Anh ta đưa ra một cái chứng minh thư. Không nói một lời, cha Nil cầm lấy mảnh giấy ép plastic và đưa lên đọc: Andrei Sokolwski. Tuổi: 67. Nơi ở: tu viện Saint-Martin...

Cha Andrei!

Máu trong người ông bỗng chảy dồn dập:

- Vâng...tất nhiên, ông ấy là thủ thư của tu viện. Có chuyện gì...

Viên cảnh sát đã quen với những công việc khó chịu này.

- Tôi qua, có hai công nhân nông nghiệp đến báo với chúng tôi rằng trên đường về nhà, họ đã phát hiện thi thể của ông ấy trên mép đường ray đoạn giữa Lamotte-Beuvron và La Ferté-Saint-Aubin. Ông ấy đã chết. Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng phải có một người trong số các cha đến nhận diện thi thể... Để điều tra ấy mà, thưa cha.

- Cha Andrei chết rồi ư?

Cha Nil cảm thấy đất dưới chân như đang chao đảo.

- Nhưng... đó phải là đức Cha tu viện trưởng...

Phía sau họ, có tiếng bước chân khê khàng đặc trưng của một người đi giày tu sĩ. Chính là đức Cha tu viện trưởng. Cha bị những tiếng chuông cửa đánh động, hay bị thúc đẩy bởi một linh cảm bí ẩn nào đó?

Viên cảnh sát cúi chào. Trong đội cảnh sát Orléans, mọi người đều biết rằng ở tu viện, người mang nhẫn và đeo thánh giá trước ngực có vị thế Giám mục. Nhà nước Cộng hòa tôn trọng những điều này.

- Thừa đức Cha, một trong các tu sĩ của Ngài, cha Andrei, đã được phát hiện trên mép đường ray tuyến Roma Express, cách đây không xa. Ông ấy không có cơ may sống sót nào sau cú ngã: đốt sống cổ bị gãy, hẳn là ông ấy đã chết ngay lập tức. Chúng tôi sẽ chỉ mang xác ông ấy đến Paris để khám nghiệm sau khi đã làm xong thủ tục nhận diện. Không biết cha có thể lên xe của tôi, và hoàn thành thủ tục... nặng nề, nhưng cần thiết này không?

Từ khi được bầu lên vị trí danh giá này, đức Cha tu viện trưởng tu viện Saint-Martin chưa bao giờ để lộ bất kỳ biểu hiện tình cảm nào. Đương nhiên là cha được các tu sĩ bầu lên theo đúng Quy định của tu viện. Tuy nhiên, ngược với quy định này, đã có rất nhiều cuộc điện thoại trao đổi giữa Val-de-Loire và Roma. Sau đó, ngay trước kỳ bầu tu viện trưởng, lại có một giáo sĩ cấp bậc khá cao về nghỉ dưỡng hàng năm tại tu viện, và kín đáo thuyết phục những người ương ngạnh rằng Dom Gérard chính là người cần phải lựa chọn.

Chỉ có thể trao quyền điều hành tu viện, học viện rất đặc biệt ở đây cũng như ba thư viện trực thuộc vào tay một người vững vàng. Không một thớ thịt trên mặt đức Cha tu viện trưởng để lộ bất kỳ cảm xúc nào trước mặt viên cảnh sát, người vẫn đang giữ tư thế đứng nghiêm.

- Cha Andrei! Lạy Chúa tôi, thật là một thảm họa! Chúng tôi đang chờ ông ấy từ Roma quay về

đây sáng nay. Làm sao lại có thể xảy ra tai nạn như vậy được?

- *Tai nạn?* Vẫn còn quá sớm để dùng từ này, thưa đức Cha. Một vài chi tiết có được khiến chúng tôi thiên về một giả thiết khác. Toàn bộ các toa tàu trên chuyến Roma Express đều làm theo kiểu cũ, tất cả cửa ra vào đều được khóa chặt ngay khi tàu khởi hành, và vẫn khóa như thế trong suốt chuyến đi. Đạo hữu của các cha *chỉ có thể ra ngoài qua đường cửa sổ* từ chính khoang của ông ấy. Khi đi kiểm tra lần cuối trước khi tàu đến ga cuối cùng, nhân viên soát vé nhận thấy khoang đó trống không: không chỉ có cha Andrei vắng mặt, mặc dù va li của ông ấy vẫn còn ở đó, mà cả hai hành khách trong khoang cũng đã biến mất không để lại hành lý gì. Ba chỗ ngồi khác trong khoang đều đã được đặt trước, nhưng không có ai ngồi ngay từ khi tàu rời Roma. Thế nghĩa là không có một nhân chứng nào. Việc điều tra đã bắt đầu được tiến hành, nhưng giả thiết ban đầu của chúng tôi loại trừ bất cứ khả năng tai nạn nào: vụ này giống như một vụ giết người thì đúng hơn. Chắc chắn cha Andrei đã bị hai hành khách đi cùng ném ra ngoài cửa sổ khi tàu đang chạy nhanh. Cha có thể đi cùng tôi để làm thủ tục nhận diện được không?

Cha Nil đã kín đáo lùi ra phía sau một chút, nhưng ông vẫn có cảm giác một làn sóng cảm xúc đang trào lên và sắp sửa tràn qua bức màn bình thần che chắn trên khuôn mặt cấp trên của ông.

Đức Cha tu viện trưởng lặp lại ngay lời của viên cảnh sát:

- Đi cùng ông? Bây giờ ư? Không thể được, vì sáng nay tôi phải tiếp các Giám mục của miền Trung, tôi không thể vắng mặt được.

Ông quay sang phía cha Nil, thở dài.

- Cha Nil, liệu cha có thể đi cùng ông đây để hoàn tất thủ tục nặng nề này không?

Cha Nil cúi đầu vâng lệnh. Công việc nghiên cứu về những âm mưu đặt ra xung quanh Jesus đang chờ ông. Hôm nay, chính cha Andrei vừa bị đóng đinh câu rút.

- Tất nhiên, thưa Cha: tôi đi lấy áo khoác của chúng ta, vì trời có vẻ lạnh – thưa ông, xin ông chờ cho một lát, tôi sẽ quay ra ngay...

Tu viện vốn nghèo khó nên các tu sĩ bị cấm phát ngôn những từ ngữ thể hiện sự sở hữu cá nhân đối với bất kỳ vật gì, dù là nhỏ nhất: áo khoác *của chúng ta* chỉ do một mình cha Nil sử dụng từ nhiều năm nay, nhưng điều đó không có nghĩa là ông có thể nói áo khoác của tôi.

Đức Cha tu viện trưởng dẫn viên cảnh sát vào trong căn phòng vắng vẻ của người gác cổng, và thân mật nắm lấy cánh tay anh ta.

- Tôi không vội phán đoán kết quả điều tra cuối cùng. Nhưng một *vụ giết người* thì hoàn toàn không thể xảy ra được! Ông cứ tưởng tượng cảnh báo chí, truyền hình, phóng viên khi biết thông tin này. Dù thế nào, Giáo hội Công giáo cũng sẽ bị bôi nhọ, và nhà nước Cộng hòa cũng rất khó xử. Tôi chắc đó là một vụ *tự tử*. Cha Andrei khốn khổ... ông hiểu không?

Viên cảnh sát rút cánh tay ra khỏi tay ông: anh quá hiểu điều đó, nhưng điều tra là điều tra, không thể dễ dàng chui ra ngoài cửa sổ của một đoàn tàu đang chạy hết tốc độ. Và anh cũng không thích bị

một người ngoại đạo chỉ dẫn cho anh biết điều anh phải làm – dù người đó có đeo thánh giá và nhẫn Giám mục đi chăng nữa.

- Thừa Cha, việc điều tra vẫn đang được tiến hành. Cha Andrei không thể tự mình rời ra ngoài cửa sổ tàu được: Paris sẽ xác định vấn đề này. Nhưng ngay lúc này, tôi xin nói với cha một điều, rằng tất cả mọi dấu vết đều cho thấy đây là một vụ giết người.

- Xem nào, một vụ tự tử...

- Một tu sĩ, lại đã gần ấy tuổi đời, mà tự tử ư? Rất ít khả năng.

Anh đưa tay xoa cằm: dù sao, đức Cha tu viện trưởng cũng có lý, vụ việc này rất có thể làm nảy sinh những rắc rối lộn xộn, và rắc rối có thể lên đến những cấp cao...

- Thừa Cha, hãy cho tôi biết cha Andrei có biểu hiện... rối loạn tâm thần nào không?

Cha tu viện trưởng có vẻ nhẹ nhõm hẳn: hình như viên cảnh sát đã hiểu ra vấn đề.

- Đương nhiên là có! Ông ấy đang phải điều trị, tôi khẳng định với ông rằng ông ấy đang trong tình trạng tổn thương rất nặng nề về mặt tinh thần.

Thật ra, tất cả các đạo hữu của cha Andrei đều biết rằng cha có thần kinh và tâm lý hết sức cân bằng, và suốt bốn mươi năm sống trong tu viện, ông chưa lần nào phải đến bệnh xá. Ông là một nhà nghiên cứu chuyên làm việc với các bản thảo viết tay, một học giả mà nhịp tim chưa bao giờ vượt quá sáu mươi lần một phút. Cha tu viện trưởng mỉm cười với viên cảnh sát.

- Tự tử là tội lỗi đáng sợ đối với một nhà tu hành, nhưng bất kỳ tội lỗi nào cũng đáng được tha thứ. Trong khi một vụ giết người...

Ánh nhợt nhạt của buổi bình minh chiếu lên cảnh tượng. Người ta đã kéo cái xác ra xa đường ray để tàu có thể chạy bình thường, nhưng do đã cứng đờ lại nên nó vẫn giữ nguyên tư thế: cẳng tay trái của cha Andrei vẫn chỉ lên trời, bàn tay nắm chặt. Trên đường đi, cha Nil đã có thời gian để chuẩn bị tinh thần đối mặt với cú sốc. Tuy nhiên, ông vẫn cảm thấy hết sức khó khăn khi phải đến gần, quỳ xuống và kéo tấm vải che mặt ra khỏi cái đầu người nát bấy.

- Đúng rồi, ông thì thào trong hơi thở. Đúng là cha Andrei. Ông bạn tội nghiệp của tôi...

Ông im lặng một lúc, và viên cảnh sát tôn trọng sự im lặng của ông. Rồi, anh ta chạm vào vai cha Nil:

- Cha hãy ở lại với ông ấy, tôi sẽ lập biên bản nhận dạng trong xe, cha chỉ cần ký tên là xong, sau đó tôi sẽ đưa cha về tu viện ngay.

Cha Nil đưa tay lau dòng nước mắt đang lăn dài trên má. Rồi ông nhận thấy bàn tay nắm chặt của thi thể, như đang nguyện rửa bầu trời trong một cử chỉ tuyệt vọng cuối cùng. Khó khăn lắm ông mới

kéo được các ngón tay đã lạnh giá của người chết ra: trong lòng bàn tay, ông nhìn thấy có một mảnh giấy hình vuông nhàu nát.

Cha Nil quay nhìn về phía viên cảnh sát: anh ta đang cúi lom khom lên mui xe. Ông liền gỡ mảnh giấy ra khỏi bàn tay ông bạn quá cố, và nhìn thấy trên đó vài dòng chữ viết vội bằng bút chì.

Không ai để ý đến ông: ông nhanh nhẹn dứt mảnh giấy vào túi áo khoác.

6.

Kinh Phúc âm theo Matthieu và Jean

Vài ngày trước bữa tiệc cuối cùng, Peter chờ ông bên ngoài tường thành. Người đàn ông vùng Judee đi qua cửa thành, những tên lính canh vội vàng chào ông, vì biết ông chính là người sở hữu một trong những tòa nhà đẹp nhất vùng. Đi vài bước, ông nhận thấy dáng dấp ngư phủ của Peter hiện ra trong bóng tối.

- *Shalom!*

- *Mà shalom lek'ha.*

Ông không chia tay cho người đàn ông đến từ vùng Galilee này bắt. Nỗi lo sợ gặm nhấm tâm can ông suốt cả tuần nay: khi ông gặp họ, trên ngọn đồi phía bên ngoài thành phố, nơi họ qua đêm trong bóng tối đầy chõ che của vườn ô liu, Mười hai người này chỉ nói đến vụ tấn công Đền thờ sắp tới. Chưa bao giờ có bối cảnh thuận lợi đến vậy: hàng nghìn người hành hương đang cắm trại khắp vùng ven thành phố. Dưới sự kích động của các nhà Do Thái yêu nước cuồng nhiệt, đám đông này sẵn sàng làm bất kỳ chuyện gì. Cần sử dụng uy tín của Jesus trong nhân dân như một ngòi nổ.

Ngay lúc này.

Họ sẽ thất bại, điều đó là đương nhiên. Và Jesus sẽ bị giết chết một cách ngớ ngẩn trong đám Do Thái hỗn loạn. Thầy xứng đáng được hơn thế, xứng đáng hơn bất cứ ai, và cần được bảo vệ khỏi đám môn đồ cuồng tín của Thầy. Trong đầu ông đã nung nấu một kế hoạch, chỉ còn phải thuyết phục Peter nữa thôi.

- Thầy hỏi không biết có thể đến nhà anh ăn tối trong căn phòng lớn được không. Năm nay, Thầy không thể tổ chức mừng Lễ Vượt qua được, vì chúng tôi bị giám sát quá chặt chẽ. Thế nên chỉ cần một bữa tối trang trọng một chút, theo đúng nghi lễ của người Esseni là được.

- Các anh điên hết rồi! Đến ăn tối tại *nhà tôi*, cách lâu đài của Giáo chủ chưa đầy hai trăm mét, trong một khu vực mà chất giọng miền Galilee của các anh sẽ khiến các anh bị bắt ngay lập tức!

Anh chàng ngư phủ nhếch một nụ cười tinh quái:

- Đúng thế, không đâu có thể an toàn cho chúng tôi hơn nhà anh. Không bao giờ bọn lính lại có ý nghĩ truy tìm chúng tôi trong chính khu vực được bảo vệ này, ngay trong nhà một người bạn của Giáo chủ lại càng không!

- Ô, một người bạn ư..., anh hơi quá lời rồi. Chỉ là quan hệ láng giềng thôi, không thể có tình cảm bạn bè nào giữa một người gốc Esseni như tôi với nhân vật cấp cao nhất trong giới tăng lữ được. Các anh định khi nào vậy?

- Tối thứ Năm, sau khi mặt trời lặn.

Đúng là một ý tưởng điên rồ, nhưng cũng hết sức khôn khéo: một khi đã trốn được trong nhà ông thì những người vùng Galilee này sẽ không bị phát hiện.

- Được. Hãy nói với Thầy rằng tôi rất vinh dự được đón tiếp Người trong nhà mình, và tất cả sẽ được chuẩn bị sẵn sàng cho bữa tiệc trang trọng đó. Một người của tôi sẽ đưa các anh lọt qua các đội tuần tra: dấu hiệu nhận diện là anh ta sẽ mang theo một hũ nước để các anh thực hiện nghi lễ rửa tay trước bữa ăn. Bây giờ, anh đi theo tôi, chúng ta cần nói chuyện một chút.

Peter cùng ông leo lên một đồng gạch. Một vật bằng kim loại ánh lên dưới vạt áo khoác: chính là *sica*, thanh kiếm ngắn mà các thành viên của tổ chức người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt dùng để mổ bụng nạn nhân của họ. Vậy là ông ta sẽ không rời bỏ vũ khí của mình! Các môn đồ của Jesus đã sẵn sàng làm bất cứ việc gì...

Ông nói vắn tắt với Peter về kế hoạch của mình. Có nhất định phải hành động vào dịp lễ không? Đó là một ý tưởng tuyệt vời, điều khiển đám người hành hương sẽ là việc rất dễ dàng. Nhưng Jesus chỉ là một nhà thuyết giáo luôn kêu gọi hòa bình và tha thứ. Người sẽ phản ứng thế nào trước ngọn lửa hành động? Rất có thể Người sẽ bị thương, thậm chí tệ hơn là Người sẽ bị chết dưới lưỡi kiếm của một tên lính, và vụ tấn công của họ sẽ hoàn toàn thất bại.

Peter đột nhiên lắng nghe với vẻ quan tâm.

- Thế có nghĩa là phải đề nghị Người quay về Galilee, nơi không có chút nguy hiểm nào ư? Mọi chuyện sẽ diễn ra rất nhanh, mà nơi đó thì cách đây đến bốn ngày đường...

- Ai nói là phải đưa Người ra khỏi Jerusalem? Ngược lại, cần để Người ở lại chính nơi diễn ra hành động, nhưng cũng là nơi mà không một mũi tên La Mã nào có thể chạm đến Người. Các anh sẽ ăn tối ngay cạnh lâu đài của Caiphe, vì các anh nghĩ không có nơi nào an toàn hơn để các anh ẩn nấp. Đó là một ý tưởng hay. Còn ý tưởng của tôi là thế này: ngay trước khi hành động, hãy để Jesus được an toàn *ngay trong chính lâu đài đó*. Hãy làm thế nào đó để Người bị bắt và giải đến lâu đài của Caiphe trước Lễ Vượt qua. Chúng sẽ giam Người dưới hầm ngầm, và như anh đã biết, trong suốt thời gian lễ hội chúng sẽ không mở bất cứ phiên tòa nào. Còn khi lễ hội kết thúc... cũng có nghĩa là quyền lực đã không còn trong tay chúng nữa! Các anh sẽ đến đón Người trong vinh quang, Người sẽ xuất hiện trên ban công của lâu đài, đám đông sẽ vui sướng hò reo vì cuối cùng cũng được giải thoát khỏi gông cùm của các giáo sĩ...

Peter hoảng hốt cắt ngang.

- Giao Thầy vào tay kẻ thù không đội trời chung của chúng tôi ư?

- Các anh cần làm mọi việc để Jesus được an toàn. Việc của các anh là hành động bạo lực, còn

việc của Người tiếp theo đó là dẫn dắt quần chúng bằng lời nói, việc chỉ có mình Người làm được. Hãy để Người tránh xa những rắc rối lộn xộn của một vụ nổi dậy đầy bạo lực của các anh, rồi sau đó hãy rước Người trở lại!

“Và sau khi bọn họ thất bại – vì chắc chắn họ sẽ thất bại trong cuộc chiến với quân đội La Mã – ít nhất thì Jesus cũng sẽ còn sống. Đoạn tiếp theo sẽ không như bọn họ mong muốn. Israel cần một nhà tiên tri, chứ không cần một người cầm đầu băng đảng.”

Hai người im lặng bước trên một vách đá trông xuống thung lũng Gehenna.

Đột nhiên, Peter ngẩng lên.

- Anh nói đúng. Thầy sẽ làm chúng tôi vương chân, vì hẳn là Người không tán thành vụ tấn công của chúng tôi. Nhưng làm thế nào để Người bị bắt đúng vào thời điểm thuận lợi nhất? Vì chỉ nhanh hoặc chậm một giờ, mọi thứ có thể sẽ khác đi!

- Tôi đã nghĩ đến điều đó. Anh biết rằng Judas vô cùng tận tụy với Người. Anh cũng từng là một thành viên của tổ chức người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt như anh ta, hãy giải thích cho anh ta hiểu: cần dẫn lính gác Đền thờ đến vào thời điểm chính xác, vị trí chính xác để bắt được Thầy, khi Thầy đã bị tách ra khỏi đám đông lúc nào cũng bảo vệ Người. Ví dụ, ngay sau bữa tiệc tối tại nhà tôi, đêm thứ Năm rạng ngày thứ Sáu, trong vườn ô liu.

- Liệu Judas có đồng ý không? Mà anh ta làm thế nào để liên hệ được với các chức sắc Do Thái? Anh ta chỉ là một người gốc Galilee, làm sao mà vào trong lâu đài của Giáo chủ được? Làm sao mà thỏa thuận được với hắn, trong khi hắn chỉ muốn loại bỏ Thầy? Làm sao mà anh lại nghĩ rằng anh ta có qua lại với các thành viên tổ chức người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt? Tôi thì biết rõ họ đấy. Với họ, chỉ có thể thỏa thuận bằng *cái này* thôi!

Ông ta vỗ vỗ vào thanh *sica* đang đập đập vào đùi trái của mình.

- Nói với anh ta rằng đây là vì sự nghiệp chung, để bảo vệ Thầy. Anh sẽ tìm được cách nói thuyết phục nhất, anh ta sẽ phải nghe theo anh. Đích thân tôi sẽ dẫn anh ta vào trong lâu đài của Caiphe. Tôi có thể tự do ra vào lâu đài đó, và nếu Judas đi cùng tôi thì bọn chúng sẽ để anh ta qua. Caiphe sẽ mắc bẫy: các giáo sĩ vốn rất sợ Jesus mà.

- Được... nếu như anh nhận đưa anh ta đến gặp Caiphe, nếu anh cho rằng anh ta có thể giả vờ phản bội để bảo vệ Jesus... Việc này rất nguy hiểm, nhưng lúc này thì liệu có việc gì là không mạo hiểm không?

Khi đi qua cửa thành, người đàn ông vùng Judee thân mật đưa tay chào các lính canh. Vài ngày nữa, phần lớn trong số họ sẽ chết hoặc bị thương, nhưng người La Mã sẽ đàn áp được vụ nổi dậy này. Vùng đất Israel cũng sắp vĩnh viễn thoát khỏi băng nhóm Mười hai người.

Và nhiệm vụ của Jesus, nhiệm vụ thực sự của Người cuối cùng cũng có thể bắt đầu.

7.

Cả sáng nay, từ khi viên cảnh sát đưa ông trở về tu viện, cha Nil ngồi lả trên ghế đầu, tập tài liệu mà ông đang nghiên cứu về các tình tiết quanh cái chết của Jesus không hề được mở ra lần nào. Phòng ở của tu sĩ không có ghế tựa, nên ông không có chỗ nào để ngả người ra mà suy ngẫm. Tuy nhiên, bất kể tư thế ngồi gò bó ấy, tâm trí ông vẫn đang bay về với quá khứ. Cả tu viện tĩnh mịch như đang được bọc trong một lớp bông: tất cả các giờ học của tu viện đã bị hoãn lại cho đến khi lễ tang cha Andrei kết thúc. Còn một giờ nữa mới đến lễ mixa.

Andrei... Người duy nhất có thể chia sẻ với ông những tìm tòi, khám phá. Người duy nhất có thể hiểu, thậm chí đôi khi còn đoán trước được các kết luận của ông.

- Nil ạ, đừng bao giờ sợ hãi sự thật. Chính là để tìm kiếm sự thật, để *biết* sự thật mà cha vào tu viện này. Sự thật sẽ biến cha thành một kẻ cô đơn, thậm chí còn có thể khiến cha chuốc lấy thất bại. Đừng bao giờ quên rằng chính sự thật đã dẫn Jesus và rất nhiều người sau Người đến chỗ chết. Tôi đã tiếp cận được với sự thật qua những bản viết tay mà tôi giải mã từ bốn mươi năm nay. Nhưng vì rất ít người có thể theo được tôi trong chuyên môn này, và cũng vì tôi không bao giờ nói ra những kết luận của mình, nên người ta tin tưởng ở tôi. Còn cha, cha đã phát hiện ra... một số điều ngay trong kinh Phúc âm. Hãy cẩn thận, vì nếu như Giáo hội đã vùi lấp những điều này vào quên lãng từ rất lâu rồi, thì có nghĩa là công khai nói ra sẽ là một việc nguy hiểm.

- Kinh Phúc âm theo lời Thánh Jean có trong chương trình học tập của tu viện năm nay. Tôi không thể nào lẩn tránh một câu hỏi: *ai* là tác giả của kinh này? Vai trò của *môn đồ cung* bí ẩn trong âm mưu thời đó, cũng như trong suốt thời kỳ quan trọng tiếp theo cái chết của Jesus là gì?

Là con trai của những người Nga di cư cải đạo sang Công giáo, khả năng thiên phú về ngôn ngữ đã khiến Andrei trở thành người phụ trách ba thư viện của tu viện, một chức vụ rất nhạy cảm mà chỉ những người có uy tín mới được giao phó. Khi mỉm cười, trông ông giống như một nhà truyền giáo già.

- Bạn của tôi... Từ khởi nguồn, *câu hỏi này đã được né tránh*. Và hẳn là cha cũng đã bắt đầu hiểu tại sao, đúng không? Vậy thì hãy cứ làm như những người đi trước: đừng nói hết tất cả những gì cha biết. Học trò của cha trong tu viện này sẽ không dung thứ cho điều đó đâu... và trong trường hợp này, thì tôi cho cha đấy!

Cha Andrei nói đúng. Từ ba mươi năm nay, Giáo hội Công giáo đang phải đương đầu với tình trạng khủng hoảng chưa từng có. Những người vô thần thường chạy theo các giáo phái mới hoặc chuyển sang theo đạo Phật, khiến cộng đồng Cơ Đốc giáo hết sức khó chịu. Không còn tìm đâu ra những giáo sư *vững vàng* để giảng dạy giáo lý thuần khiết trong những buổi thuyết giáo ngày càng vắng người tham dự.

Vì thế, Roma đã quyết định tập hợp những học viên ưu tú nhất còn lại vào một trường học, một kiểu *trường dòng* như thời Trung cổ. Khoảng hai chục học viên được giao phó cho tu viện này, và các tu sĩ uyên bác của tu viện chịu trách nhiệm giảng dạy. Các tu sĩ đã lựa chọn con đường tránh xa thế giới thối nát này sẽ trang bị cho các học viên trẻ tuổi của trường dòng chiếc áo giáp sự thật cần thiết để họ có thể tồn tại.

Cha Nil đảm nhận việc chú giải kinh Phúc âm. Ông không phải là một chuyên gia thực sự về các ngôn ngữ cổ, nên phối hợp làm việc cùng cha Andrei, người có thể đọc thông thạo tiếng Ai Cập cổ, tiếng Xiriát và rất nhiều từ ngữ khác.

Từ chỗ chỉ đơn thuần là làm việc cùng nhau, hai con người cô đơn đã trở thành bạn bè: tình yêu đối với các bản viết cổ xưa đã biến một điều hết sức khó khăn trong cuộc sống tu hành trở thành hiện thực.

Cha Nil vừa mất người bạn duy nhất này trong một bối cảnh thật thảm khốc. Cái chết đó khiến ông cảm thấy vô cùng đau buồn.

Cùng lúc đó, một bàn tay đầy căng thẳng đang bấm một số điện thoại quốc tế bắt đầu bằng mã 390, đường dây riêng (và vô cùng bảo mật) của Nhà nước Vatican. Trên ngón áp út bàn tay đó có đeo chiếc nhẫn trang trí bằng một viên ngọc mắt mèo đơn giản: tổng Giám mục Paris cảm thấy có trách nhiệm phải làm gương về tính khiêm tốn.

- *Pronto?*

Dưới mái vòm do Michel-Ange thiết kế, một bàn tay có những chiếc móng được cắt sửa kỹ lưỡng nhấc máy. Chiếc nhẫn giám mục được trang trí bằng một viên ngọc thạch anh màu xanh kỳ lạ: một hình thoi không đối xứng gắn trên xương nhẫn bằng bạc chạm trổ, tạo thành một cái nắp quan tài. Một thứ đồ trang sức rất có giá trị.

- Chào ngài, tôi là tổng Giám mục Paris... Thế sao, ngài đang định gọi cho tôi?... Vâng, một chuyện rất đáng tiếc, thực sự... nhưng... ngài đã biết rồi ạ?

“Sao lại thế được nhỉ? Tai nạn vừa xảy ra trong đêm qua mà.”

- Giữ kín tuyệt đối à? Chắc là khó đấy ạ, vì việc điều tra được giao cho Ga Orfèvres, có vẻ là một vụ giết người... Hồng y Giáo chủ à? Đúng vậy, tôi hiểu... Tự tử, phải không ạ? Vâng... đúng là tôi thấy chuyện này thật tồi tệ, tự tử là một tội lỗi mà lòng nhân từ của Chúa vẫn không thể chấm dứt được. Ngài nói... hãy để Chúa quyết định việc này?

Tổng Giám mục đưa tai nghe ra xa, mỉm cười. Tại Vatican, người ta ra lệnh cho Chúa thật dễ dàng.

- Alô? Vâng, tôi đang nghe đây... Cần sử dụng các mối quan hệ của tôi à? Tất nhiên, chúng tôi có quan hệ rất tốt với bộ Nội vụ. Được... tôi sẽ chịu trách nhiệm về việc này. Ngài hãy nói để Hồng y Giáo chủ yên tâm, đó sẽ là một vụ tự tử, và mọi chuyện sẽ kết thúc. *Arrivederci, monsignore.* ^[3]

Ông luôn thận trọng để không phung phí uy tín của mình đối với chính phủ. Tại sao lại phải chấm dứt việc điều tra về cái chết của một thầy tu, một học giả vô hại nhỉ? Tổng Giám mục Paris thở dài. Không nên tranh luận về một mệnh lệnh do Đức ông Calfo đưa ra, nhất là khi ngài chỉ truyền đạt lại yêu cầu rõ ràng của Hồng y Giáo chủ.

Ông bấm máy gọi tổng đài:

- Làm ơn nói máy cho tôi nói chuyện với bộ Nội vụ. Cảm ơn, tôi sẽ chờ...

8.

Kinh Phúc âm theo Matthieu và Jean

Đêm thứ Năm sắp hết để nhường chỗ cho ngày thứ Sáu, bình minh đang rạng dần. Người đàn ông vùng Judee tiến lại gần đồng lửa và đưa tay ra để hưởng chút hơi ấm dễ chịu. Trời quá lạnh nên lính gác đã đốt một đồng lửa trong sân lâu đài của Caiphe, và họ kính cẩn lùi ra để nhường chỗ cho ông: một ông chủ giàu có trong vùng, có quan hệ thân thiết với Giáo chủ... Ông quay lại nhìn: Peter cố nấu mình trong một góc, hẳn là đang rất khiếp đảm khi phải ở trong trung tâm quyền lực mà anh ta mong muốn lật đổ bằng cuộc tấn công sẽ xảy ra trong vài giờ tới. Với cái cung cách của một kẻ phạm tội bị bắt quả tang kia, thế nào anh ta cũng khiến bọn lính nghi ngờ.

Ông ra hiệu cho Peter đến gần đồng lửa. Người ngư phủ ngần ngại, rồi rón rén nhập vào vòng tròn những kẻ hầu người hạ đang đứng sưởi.

Mọi việc diễn ra hết sức tốt đẹp. Hôm kia, ông đã dẫn dụ được anh chàng Judas khi đó còn đang sừng sốt vì lần đầu tiên đặt chân vào khu vực dành riêng cho các chức sắc Do Thái. Buổi gặp mặt Caiphe dường như bắt đầu thuận lợi – Giáo chủ có vẻ rất phấn khởi vì đã có được cơ hội để bỏ tù Jesus một cách êm thấm, không gây ra náo động gì. Nhưng sau đó Judas bỗng phản ứng. Phải chăng anh ta đột nhiên hiểu ra mình đang đối mặt với ai, và rằng anh ta sẽ giao người Thầy của mình cho chính quyền Do Thái?

- Thế lấy gì để đảm bảo rằng một khi Jesus đã ở trong tay ông, ông sẽ không giết Người?

Giáo chủ trang trọng giơ tay phải lên.

- Hỡi người đàn ông Galilee, ta thề trước Đấng Tối cao: Jesus xứ Nazareth sẽ được xét xử công bằng theo đúng pháp luật, và chưa bao giờ một nhà thuyết giáo lang thang bị xử tội chết cả. Mạng sống của anh ta sẽ không bị đe dọa. Để người yên tâm, ta trao cho người một khoản tiền cược để đảm bảo lời nói của ta: từ nay trở đi, Đấng Tối cao: từ nay trở đi, Đấng Tối cao sẽ là nhân chứng giữa ta và người.

Ông ta mỉm cười và đưa cho Judas ba mươi đồng tiền vàng.

Judas lẳng lẳng bỏ tiền vào túi. Giáo chủ vừa đưa ra một cam kết trang trọng: Jesus bị bắt, nhưng sẽ được xét xử trong một phiên tòa. Việc này cần có thời gian, mà chỉ trong vòng ba ngày nữa Caiphe sẽ không còn là lãnh đạo tối cao của đất nước. Hắn sẽ chẳng còn là gì hết.

Nhưng chúng đang làm gì trên đó thế nhỉ? Tại sao Jesus chưa bị giam vào một nhà ngục nào đó dưới hầm ngầm? Bị giam cầm, cũng có nghĩa là được an toàn?

Người đàn ông vùng Judee thấy vài thành viên của Tòa án Do Thái vừa cúi xuống xi vừa leo lên những bậc cầu thang dẫn đến tầng một của lâu đài, nơi Jesus đã bị giải đến từ khi bị bắt.

Từ lúc đó trở đi, không có động tĩnh gì lọt ra ngoài sân lâu đài nữa. Ông cảm thấy khó chịu trước diễn biến của sự việc; để bớt căng thẳng, ông tiến về phía cửa thành, đi đi lại lại trong phố.

Ông va vào một bóng người đang nép sát tường.

- Judas... anh làm gì ở đây thế?

Người này đang run lẩy bẩy như một chiếc lá sung trước gió biển Galilee.

- Tôi... tôi đến để xem, tôi lo cho Thầy quá! Liệu có thể tin tưởng vào lời hứa của Caiphe không?

- Thôi nào, bình tĩnh đi anh bạn: mọi việc đang diễn ra rất bình thường. Đừng đứng ở đây, lính tuần tra sẽ tóm cổ anh đấy. Đến nhà tôi đi, anh sẽ được an toàn ở phòng trên lầu.

Ông tiến về phía cửa lâu đài. Ngoái lại đằng sau, ông vẫn thấy Judas đứng bất động, hẳn anh ta sẽ không rời khỏi đó.

Tiếng gà gáy bắt đầu vang lên khắp nơi. Đột nhiên cánh cửa phòng lớn mở toang, và ánh đuốc chiếu sáng rực trước hiên nhà. Caiphe bước ra đưa mắt nhìn khắp sân: người đàn ông vùng Judee vội tránh khỏi vùng ánh sáng, không nên để bị nhìn thấy lúc này. Sau này, khi vụ nổi dậy đã thất bại, ông sẽ đến gặp Giáo chủ và đòi hắn phải trả tự do cho Thầy.

Rồi Jesus xuất hiện, đi xuống cầu thang. Người bị trói chặt, hai tên lính gác kẹp hai bên khuỷu tay.

Sao thế nhỉ? Cần gì phải trói chặt thế kia nếu bọn chúng chỉ giải Người xuống hầm giam?

Đám người đi qua đông lữ, và ông nghe thấy giọng nói sắc lạnh của Caiphe:

- Giải hắn đến nhà Pilate, ngay lập tức!

Mồ hôi lạnh vã ra trên trán ông.

Đến nhà Pilate! Một khi chúng đã giải Người đến nhà tổng đốc La

Mã thì chỉ có một cách giải thích duy nhất: Caiphe đã phản bội lời thề của hắn.

Judas vẫn đứng chôn chân ở vị trí quan sát. Lúc đầu, anh chỉ nhìn thấy một bó đuốc, ánh lửa tỏa ra khiến anh lóa mắt: anh cố gắng thụt sâu vào trong một hốc cửa, và nín thở. Lính tuần tra chẳng?

Nhưng đó không phải là một nhóm lính tuần tra. Giữa một nhóm lính gác Đền thờ, anh nhận ra dáng dấp của một người đang bước đi chệnh choạng, tay bị trói chặt ra sau lưng. Viên quan đi đầu đưa ra một mệnh lệnh ngắn gọn đúng lúc cả nhóm đi qua chỗ Judas đang nấp trong bóng tối:

- Đừng lè mề nữa, đến lâu đài của Pilate ngay!

Anh kinh hoàng nhìn rõ gương mặt của người đang bị bọn lính thúc cùi chỏ vào lưng để giải đi: chính là Jesus.

Mặt Người xanh tái, các đường nét căng ra. Người đi qua cửa mà không hề nhìn vào bất cứ thứ gì – dường như Người đang nhìn sâu vào chính tâm hồn mình. Judas kinh sợ nhìn chăm chú vào cổ tay Người: hai cổ tay bị trói rất chặt, một chút máu còn vương trên sợi dây thừng, hai bàn tay co quắp xanh tái.

Con ác mộng đã đi qua: nhóm người đặng đặng sát khi vừa rẽ phải, đi về hướng pháo đài Antonia nơi Pilate ở mỗi khi ông ta đến Jerusalem.

Bất cứ ai là người Do Thái đều biết Luật này: ở Israel, kẻ báng bổ bị xử tội chết, và việc hành hình bằng cách ném đá vào người phạm tội sẽ được tiến hành ngay lập tức. Chúng đã không ném đá Người trong sân, thế có nghĩa là Người không nhận tội tự coi mình ngang bằng với Chúa trời, tội báng bổ cao nhất. Vậy là các nhà lãnh đạo nhà nước Do Thái đang tìm cách buộc Người vào một tội danh chính trị nào đó, điều chúng sẽ dễ dàng đạt được nhờ tâm trạng dễ bị kích động của người dân La Mã trong Lễ Vượt qua.

Judas loạng choạng rời khỏi thành phố. Jesus sẽ không được xét xử, Caiphe đã phản bội lời thề của mình và quyết định giết Người. Và để làm được điều đó, chúng sẽ giao Người vào tay người La Mã, vì không thể ép Người nhận tội báng bổ.

Người đang ở rất gần giá chữ thập.

Anh tiến đến đối mặt với khối Đền thờ sừng sững. Ba mươi đồng tiền vàng vẫn đang kêu leng keng trong túi anh – khoản tiền không đáng kể gì để đảm bảo cho cam kết giữa anh và Giáo chủ, cam kết vừa bị phản bội bất chấp lời đã hứa. Caiphe đã chơi anh một ván đau đớn.

Anh sẽ đối mặt với hắn ngay trong Đền thờ để nhắc cho hắn nhớ lời hắn đã hứa. Và nếu hắn vẫn khẳng khái bảo vệ cho tội lỗi của hắn, Judas sẽ cầu xin Đấng Tối cao, nhân chứng giữa anh và Caiphe, đứng ra xét xử.

“Hỡi các giáo sĩ của Đền thờ, đã đến giờ Chúa đưa ra phán xét!”

9.

Cha Nil giật mình: tiếng chuông đầu tiên nhắc giờ lễ mixa đã điểm, sắp phải xuống kho đồ thờ để chuẩn bị rồi. Ông đọc lại lần nữa mảnh giấy mà ông đã lấy ra khỏi bàn tay lạnh ngắt của Andrei trước đó mấy tiếng:

Nói chuyện với Nil: bản thảo tiếng Ai cập cổ (Apoc).

Bức thư của Tông đồ.

M M M.

Phiến đá G.

Tìm ra mối liên hệ. Ngay lập tức.

Cố gạt bỏ việc tìm hiểu vai trò của Judas trong cái chết của Jesus ra khỏi đầu, ông lại phải đối mặt với thực tế phũ phàng. Điều này có nghĩa là gì? Đương nhiên đây là một mảnh giấy nhắc việc rồi. Cha Andrei muốn nói với ông về một bản thảo tiếng Ai Cập cổ - bản thảo nào Roma đã gửi đến cho ông ấy, hay một bản thảo khác? Có đến vài trăm bản sao được lưu trữ trong văn phòng của cha Andrei: bản thảo mà ông ấy đang nói đến là bản nào trong số đó? Ông ấy lại còn chú thích trong ngoặc đơn (*Apoc*): một bản thảo tiếng Ai Cập cổ lấy từ kinh Khải Huyền? Manh mối này quá mỏng manh, có hàng chục cuốn Khải Huyền [4] khác nhau, của cả Do Thái giáo lẫn Cơ Đốc giáo. Và cho dù cha Nil biết đọc tiếng Ai Cập cổ, thì ông cũng thấy mình không đủ khả năng để dịch chính xác một văn bản khó như vậy.

Dòng tiếp theo gợi ông nhớ đến một trong những lần ông nói chuyện với viên thủ thư. Liệu có phải cha Andrei muốn nói đến bức thư của tông đồ mà đã có lần ông ấy đề cập đến một cách e dè, bóng gió như thể chỉ đưa ra một phỏng đoán, một giả thiết mà không có bất kỳ bằng chứng nào? Ông ấy đã không nói thêm điều gì với cha Nil về bức thư này.

Ba chữ *M* liên tục ở phía dưới có nghĩa là gì?

Chỉ có dòng chữ sát dòng cuối cùng là rõ ràng đối với Nil. Đúng là ông cần phải quay lại chụp ảnh phiên đá Germigny, như ông đã hứa với bạn mình trước khi ông này đi Roma.

Còn dòng chữ cuối cùng, *tìm ra mối liên hệ*, thì họ đã nói với nhau thường xuyên rồi: đối với cha Andrei, đó chính là công việc chủ yếu của ông ấy với tư cách là nhà sử học. Nhưng tại sao lại *ngay lập tức*, và tại sao ông ấy lại gạch chân mấy chữ này?

Ông cố gắng tập trung suy nghĩ. Đầu tiên là những điều ông tìm thấy trong kinh Phúc âm mà cha Andrei thường xuyên hỏi đến. Sau đó là chuyện cha Andrei bị triệu tới Roma để trả lời về bản thảo tiếng Ai Cập cổ kia, cuối cùng là điều phát hiện ra tại Germigny, điều khiến bạn ông tỏ rất bối rối: dường như tất cả những chuyện này đột nhiên mang một ý nghĩa nào đó với ông ấy đến mức ông ấy vô cùng mong muốn được nói với cha Nil ngay khi về đến tu viện.

Hay là cha Andrei đã phát hiện ra điều gì đó ở Roma? Điều gì đó mà hai người đã từng đề cập đến trong nhiều lần trò chuyện cùng nhau? Hay ở đó, ông ấy đã trót nói ra điều lẽ ra nên giữ kín?

Viên cảnh sát đã nói đến cụm từ “giết người”. Nhưng động cơ là gì mới được chứ? Cha Andrei chẳng có tài sản gì, ông ấy sống tách biệt trong thư viện, hầu như không được ai biết đến. Không mấy ai biết đến, trừ Vatican. Tuy nhiên, cha Nil không thể chấp nhận ý nghĩ Roma lại đặt hàng một vụ giết người. Lần cuối cùng Giáo hoàng cho phép ám sát các linh mục của mình sau khi đã suy nghĩ cân nhắc là ở Paraguay, vào năm 1760. Bối cảnh chính trị thời đó cho thấy việc giết chết hàng loạt người vô tội là cần thiết, nhưng bối cảnh hiện nay đã khác rồi. Vào cuối thế kỷ XX này, hãn Giáo hoàng không thể ra lệnh thủ tiêu một học giả tu hành vô hại được!

“Roma đã không còn gây đổ máu nữa rồi. Tòa Thánh Vatican mà lại giết người ư? Không thể thế được!”

Cha Nil nhớ rằng cha Andrei thường xuyên nhắc ông phải cẩn thận. Nỗi lo sợ xâm chiếm con người ông từ vài tiếng nay bỗng khiến bụng ông quặn thắt.

Ông liếc nhìn đồng hồ đeo tay: còn bốn phút nữa là đến lễ mixa, nếu không xuống kho đồ thờ ngay thì sẽ muộn mất. Ông liền mở ngăn kéo bàn làm việc, cẩn thận nhét mảnh giấy xuống tận đáy, bên dưới mớ thư từ. Tay ông chạm vào cuộn phim chụp ở nhà thờ Germigny cách đây một tháng. *Mong muốn cuối cùng của cha Andrei...*

Ông đứng dậy và ra khỏi phòng.

Hành lang tầng hai – “hành lang của các cha” – tối tăm và lạnh lẽo mở ra trước mắt ông, nhắc ông nhớ lại mình đang ở đâu: ông đang ở tu viện, và từ nay trở đi chỉ còn mình ông thôi. Không bao giờ ông còn nhìn thấy nụ cười chia sẻ của ông bạn thủ thư nữa, nụ cười khiến ông thấy hành lang này sáng lên.

10.

- Mời Đức ông ngồi.

Đức cha Calfo kiểm chế không nhản mặt và để thân hình mũm mĩm của mình được ôm khít trong ghế pho toai mềm mại đặt trước chiếc bàn làm việc đồ sộ. Ông không thích bị Emil Catzinger, vị Hồng y Giáo chủ đầy quyền lực đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin, triệu tập một cách chính thức như vậy. Ai cũng biết rằng công việc thực sự không được xử lý tại bàn viết mà được giải quyết khi đang cùng ăn bánh pizza hoặc tản bộ trong một khu vườn râm mát sau khi ăn một đĩa spaghetti, một miếng xi gà ngon kẹp giữa ngón trỏ và ngón giữa.

Alessandro Calfo sinh ra ở khu Tây Ban Nha, trung tâm bình dân của thành phố Napoli, là thành viên của một gia đình sống chật vật, nghèo khổ trong căn hộ một phòng hỗn tạp quay ra phố. Đắm chìm trong một cộng đồng mà dục vọng mạnh mẽ được nuôi dưỡng bởi ánh nắng dồi dào, từ rất sớm ông đã cảm thấy không thể cưỡng lại nhu cầu khoái lạc. Da thịt ở đó, êm ái, run rẩy, nhưng là cái không thể với tới đối với cậu trai khốn khổ, người đã học được cách mơ mộng về tình dục và thèm muốn những giấc mơ của mình.

Alessandro lẽ ra đã trở thành một người xứ Napoli thực sự, bị ám ảnh bởi tín ngưỡng thờ thần Eros – cách duy nhất để lãng quên cảnh nghèo khổ ở khu phố nơi ông sinh ra. Nhưng trong một xã hội phụ hệ, từ ham muốn chuyển thành hành động còn bấp bênh hơn việc được chứng kiến những phép màu mà năm nào Thánh Gennaro ^[5] cũng hứa hẹn.

Chính khi ấy cha ông đã gửi ông đến miền Bắc không mền khách. Trong căn hộ một phòng duy nhất đó đã có quá nhiều trẻ con phải nuôi: *cậu trai* này sẽ trở thành người của Giáo hội, nhưng không phải ở bất kỳ đâu. Vốn là người hâm mộ Mussolini đến đờ đẫn, cha ông nghe nói rằng ở đó những người yêu nước thực sự đã thiết lập lại các trường dòng theo tinh thần của chủ nghĩa phát xít. Chúa trời vốn cũng là một người Ý tốt bụng, nên không cần phải đi nơi khác để học tập nhằm phục vụ Người. Ngay từ khi mười tuổi, ở miền bình nguyên sông Po, Alessandro đã khoác lên người chiếc áo thầy tu mà ông không bao giờ rời ra nữa.

Nhưng chiếc áo đó cũng bao bọc, tuy không thể kìm giữ, những đòn đau thường xuyên trong cậu

con trai của ngọn núi lửa Vesuvius đang khốn khổ với những đợt phun trào của mình.

Ở trường dòng, ông đã có phát hiện thứ hai: sự tiện nghi, thoải mái. Tiền bí ẩn đổ về từ vô số mạng lưới thuộc phái cực hữu của Châu Âu. Cậu trai nghèo khổ trong khu phố ngày nào đã hiểu được tầm quan trọng của đồng tiền, và rằng tiền có thể làm tất cả.

Mười bảy tuổi, ông được gửi đến dưới bóng Vatican, để học về đức tin bằng ngôn ngữ của Chúa, tiếng Latin. Ở đó, ông đã có phát hiện thứ ba: quyền lực. Và rằng hơn cả nỗi ám ảnh về khoái cảm xác thịt, việc thực thi quyền lực có thể chiếm trọn một cuộc đời và mang lại ý nghĩa cho nó. Tất nhiên, tín ngưỡng thờ thần Eros là một trong những cách để tiếp cận bí ẩn của Chúa: nhưng quyền lực còn khiến người nắm giữ nó trở thành ngang hàng với chính Chúa trời.

Rồi một ngày, khuynh hướng phát xít tự nhiên trong con người ông đã hội ngộ Hội thánh Pie V. Ông hiểu rằng ba phát hiện liên tục của mình sẽ có đất để thực hiện ngay trong chính Hội này. Ham muốn quyền lực của ông sẽ càng phát triển trong chế độ tư tưởng cực quyền của Hội. Chiếc áo thầy tu viền tím sẽ nhắc nhở ông về những khát vọng tinh thần muôn màng, và cũng là một cái vỏ thanh lịch để ông thỏa mãn những ham muốn xác thịt của mình. Cuối cùng, tiền sẽ đổ vào tay ông, nhờ vào hàng trăm hồ sơ được Hội cập nhật một cách cẩn thận và không loại trừ bất cứ một người nào.

Tiền bạc, quyền lực và tình dục: Alessandro Calfo đã sẵn sàng. Ở tuổi bốn mươi, ông được phong *Đức ông*, và trở thành người đứng đầu của Hội hết sức bí ẩn và rất có ảnh hưởng này, là giáo sĩ cấp cao trực tiếp làm việc dưới quyền của Giáo hoàng, và chỉ phải tuân thủ sự chỉ đạo của duy nhất Giáo hoàng. Thế là điều không ngờ tới đã xảy ra: ông cảm thấy một niềm say mê thực sự đối với sứ mệnh được giao gán vác, và trở thành người bảo vệ nhiệt thành cho những giáo lý nền tảng của Giáo hội, nơi đã mang lại cho ông tất cả.

Ông thôi không kìm nén ham muốn xác thịt của mình nữa. Nhưng đồng thời với việc để mặc ham muốn này bộc lộ, ông còn gán cho nó một tầm vóc tương hợp với thiên chức của mình: thông qua hóa thân xác thịt, ông tìm thấy cách thức nhanh chóng nhất để đạt đến sự hợp nhất thần bí.

Hai người – và chỉ hai thôi – biết rằng nhân vật đứng đầu đầy quyền lực của Hội chính là người đàn ông nhỏ bé có giọng nói êm dịu: Giáo hoàng và Hồng y Giáo chú Emil Catzinger. Đối với tất cả những người khác, *trong và ngoài Roma*, ông chỉ là một trong những viên thư lại khiêm tốn của Cơ quan truyền bá đức tin.

Về nguyên tắc là thế.

- Mời ông ngồi. Hai vấn đề, một bên ngoài, một bên trong.

Sự phân biệt này đã trở nên quen thuộc trong các bộ của Vatican: ở đây, người ta gọi là “các vấn đề bên trong”, những việc xảy ra trong Giáo hội, thế giới thân tình, bình thường và có thể kiểm soát được. Và “các vấn đề bên ngoài” là những gì xảy ra trong phần còn lại của hành tinh, thế giới thù địch, bất bình thường và cần phải được kiểm soát dù muốn dù không.

- Tôi đã nói với ông về vấn đề đáng lo ngại liên quan đến một tu viện dòng Benedict ở Pháp...

- Vâng, ngài đã yêu cầu tôi làm mọi việc cần thiết. Nhưng chúng ta không cần phải can thiệp nữa, vì cha Andrei tội nghiệp đã tự sát, tôi chắc vậy, và vụ việc đã được xếp lại.

Đức Hồng y rất ghét bị cắt ngang: mặc dù Calfo cố gắng khiến ông quên điều này, nhưng ở đây, ông mới là chỉ huy. Lát nữa ông sẽ phải đặt hân về đúng chỗ của mình.

Là người Áo, Catzinger đã được Giáo hoàng lựa chọn nhờ có tiếng là một nhà thần học sáng suốt. Nhưng ông nhanh chóng thể hiện là một nhân vật bảo thủ đáng gờm, và vì đó cũng chính là bản chất sâu kín ở người kế tục mới của Thánh Peter, giai đoạn trắng mắt giữa hai người đã biến thành mối liên minh bền vững.

- Tự sát là một tội lỗi tồi tệ, cầu Chúa cứu vớt linh hồn ông ấy! Nhưng hình như còn có một con chiên ghê khác trong tu viện đó, nơi đàn chiên phải thật hoàn hảo. Hãy xem cái này – ông đưa cho Calfo một tập hồ sơ, tố cáo của Cha tu viện trưởng, v.v... Có thể không có gì quan trọng: ông hãy xem xét, rồi chúng ta sẽ nói lại chuyện này. Không có gì khẩn cấp, ít ra là cũng chưa khẩn cấp.

Các mối liên hệ của Hồng y Giáo chủ với quá khứ của chính ông rất mâu thuẫn. Cha ông là sĩ quan trong đội quân Wehrmacht đóng trên đất Áo, sư đoàn Anschluss. Mặc dù luôn duy trì khoảng cách với chủ nghĩa phát xít, ông vẫn có một đặc điểm của chủ nghĩa này: niềm tin rằng mình là người duy nhất nắm giữ một sự thật, chỉ một mình sự thật này có thể thống nhất thế giới quanh một đức tin công giáo không thể phản bác.

- Vấn đề bên trong liên quan trực tiếp đến ông, Đức ông ạ...

Calfo bắt tréo chân và chờ nghe tiếp.

- Ông hẳn biết câu ngạn ngữ của người Roma: *una piccola avventura non fa male*, một cuộc phiêu lưu nhỏ thì không có gì xấu, chừng nào giáo sĩ cấp cao đó còn giữ được phẩm cấp của mình, trước hết là sự kín đáo lịch sự. Vậy mà tôi lại được biết rằng một... cô gái đang đe dọa sẽ để các *paparazzi* làm việc cho giới truyền thông chống giáo quyền tiếp cận, vì họ hứa sẽ cho cô ta nhiều của cải để đổi lấy những tiết lộ liên quan đến một số... nói thế nào nhỉ? một số cuộc nói chuyện riêng tư giữa ông và cô ta.

- Tinh thần, thưa Đức Hồng y. Chúng ta cùng tiến bước trên con đường thử nghiệm thần bí.

- Tôi không nghi ngờ điều đó. Nhưng tóm lại, số tiền đưa ra rất đáng kể. Ông định làm gì?

- Im lặng là đức tính đầu tiên của người Cơ đốc. Chính Thầy của chúng ta cũng đã từ chối trả lời Giáo chủ Caiphe khi hắn lăng nhục Người. Như vậy là nó vô giá: tôi nghĩ rằng vài trăm đô...

- Ông nói đùa! Lần này, cần phải thêm vào một con số không nữa. Tôi luôn sẵn sàng giúp đỡ ông, nhưng đây phải là lần cuối cùng. Đức Thánh Cha hẳn sẽ không bỏ qua mục tin vắn trên tờ *La Stampa* mà người ta dùng để cảnh báo chúng ta. Tất cả những chuyện này thật là tệ hại!

Emil Catzinger luồn tay vào dưới áo choàng màu tím và lấy từ túi trong ra một chìa khóa nhỏ bằng bạc mạ vàng. Ông cúi xuống, tra chìa khóa vào ngăn tủ dưới cùng của bàn làm việc rồi mở ra.

Trong ngăn có khoảng hai chục chiếc phong bì căng phồng. Từ những xứ đạo nhỏ bé nhất của Đế chế Công giáo, một khoản thuế được thu để nộp về trụ sở giáo hội. Catzinger là người đứng đầu một trong ba cơ quan phụ trách việc thu nhận thứ thức ăn trời ban này, đều đặn – và không mùi – như mưa phùn ở xứ Bretagne.

Ông khê khàng nhặt chiếc phong bì đầu tiên, mở ra và đếm nhanh số tiền bằng đầu ngón tay. Sau đó, ông đưa cho Calfo, ông này chỉ mở hé và không cần đưa tay vào phong bì cũng biết chính xác số tiền bên trong: một người xứ Napoli thực thụ chỉ cần một cái liếc mắt để xác định giá trị của một tập tiền.

- Thừa Đức Hồng y, cử chỉ của ngài khiến tôi vô cùng xúc động, tôi dành hết lòng biết ơn và sự tận tụy của tôi cho ngài!

- Tôi không nghi ngờ điều đó. Giáo hoàng và tôi đánh giá cao lòng nhiệt tình của ông đối với sự nghiệp cao cả nhất của chúng ta, vì nó động chạm đến chính con người Đức Thiên Chúa Jesus Christ. *Va bene,*

monsignore ^[6] hãy làm dịu những khát khao truyền thông của cô gái đó, và hãy dẫn dắt cô ta trên những lối đi tinh thần... theo cách ít tốn kém hơn.

Vài giờ sau, Catzinger đang ở trong văn phòng nhô ra bên trên hàng cột Bernin, phía bên phải, có cửa sổ nhìn thẳng ra quảng trường Saint Peter. Từ khi được bầu, Giáo hoàng đã chọn cách đi du lịch, giao lại việc quản lý các công việc hàng ngày cho những người ở dưới bóng Vatican, những người không được ai nói đến. Nhưng chính họ là người chèo lái con thuyền của Thánh Peter đi theo đúng hướng, trên con đường khôi phục trật tự cũ.

Đức Hồng y Emil Catzinger lãnh đạo một cách bí mật – và bằng bàn tay sắt – Giáo hội Công giáo.

Một bàn tay run rẩy chìa một tờ *La Stampa* về phía Hồng y, người đang đứng kính cẩn trước ghế của ông già. Ông già này diễn đạt một cách khó khăn:

- Câu chuyện này, nơi xuất hiện cái tên Calfo... hừm... có phải là Đức ông Calfo của chúng ta không?

- Đúng, thưa Cha rất thánh, đúng là ông ta. Tôi đã gặp ông ta hôm nay. Ông ta sẽ làm mọi việc

cần thiết để ngăn những điều vu khống bĩ ổi này làm vấy bẩn Tòa thánh.

- Vậy... làm thế nào để tránh...?

- Ông ta sẽ đích thân giám sát việc này. Và Ngài cũng biết rằng, thông qua trung gian là Ngân hàng Vatican, chúng ta kiểm soát được tập đoàn báo chí mà *La Stampa* trực thuộc.

- Không, tôi không biết chi tiết này. Tốt lắm, hãy làm sao để bình yên trở lại, *đức cha* ạ. Bình yên là điều khiến tôi lúc nào cũng lo lắng

Hồng y Giáo chủ vừa nghiêng mình vừa mỉm cười. Ông đã học được cách để yêu quý vị Giáo hoàng già, người mà quá khứ của ông ngăn cách ông với ngài đến từng thớ thịt trên thân thể. Mỗi ngày, ông lại xúc động trước cuộc đấu tranh chống lại bệnh tật của Giáo hoàng, trước sự chịu đựng dũng cảm của ngài.

Và ông ngưỡng mộ sức mạnh của đức tin nơi ngài.

11.

Đức Cha tu viện trưởng là người cuối cùng bước vào phòng ăn rộng, trong khi các thầy tu đang kính cẩn chờ đợi trước những chiếc ghế xếp hàng thẳng tắp. Ông bắt đầu nghi lễ bằng giọng thánh thót. Sau bài *Edent pauperes*, bốn mươi bàn tay nắm lấy những chiếc ghế đồng loạt kéo vào dưới những vạt áo choàng bằng vải len bua. Những ngón tay đan vào nhau trên mép bàn bằng gỗ màu trắng, bốn mươi mái đầu cúi xuống để lắng nghe đoạn đầu bài kinh.

Bữa ăn trưa vừa bắt đầu.

Đôi diện với vị giáo sĩ cấp cao, ở đầu kia phòng ăn, các sinh viên của học viện chiếm cả một bàn. Những mục sư hoàn hảo, một số người ủng hộ chủ nghĩa nguyên vẹn nhiệt thành nhất mặc áo dòng, những gương mặt căng thẳng, những cặp mắt có quầng: tinh hoa của giới tăng lữ Pháp tương lai đang chuẩn bị đón nhận những liễn xúp bằng kim loại, đựng đầy món xa lát mà đạo hữu Antoine mới hái sáng nay. Năm học vừa bắt đầu, phải cầm cự đến tận tháng Sáu.

Cha Nil yêu thích tiết đầu thu này, khi trái cây trong vườn nhắc ông nhớ rằng ông đang sống trong khu vườn của nước Pháp. Nhưng từ nhiều ngày nay, ông không cảm thấy thích thú nữa. Giờ giảng của ông ở học viện diễn ra trong một bầu không khí khiến ông khó chịu.

- Như vậy, đương nhiên là kinh phúc âm theo thánh Jean, với nội dung phức hợp, là kết quả của một quá trình soạn thảo văn học lâu dài. Tác giả của nó là ai? Hay đúng hơn, tác giả của nó là những ai? Những so sánh mà chúng ta vừa đưa ra giữa các đoạn của văn bản đáng kính này cho thấy từ ngữ và thậm chí cả nội dung vô cùng khác nhau. Chỉ một người không thể viết lại cùng lúc các cảnh tượng sống động, phác họa chính thực tế mà người đó được tận mắt chứng kiến, đồng thời với những bài diễn văn dài bằng một thứ tiếng Hy Lạp sang trọng thể hiện rõ ràng hệ tư tưởng của những người theo thuyết ngộ đạo, các nhà triết học phương Đông.

Ông đã cho phép sinh viên của mình được phát biểu khi ông đang giảng, miễn là các câu hỏi của họ phải ngắn gọn. Nhưng từ khi đề cập đến nội dung quan trọng của chủ đề này, trước mặt ông chỉ còn là hai mươi hình khối bất động.

“Tôi biết rằng chúng ta đã ra khỏi lối mòn, và đó không phải là điều mà giáo lý Cơ đốc đã dạy các bạn. Nhưng văn bản đặt ra... Các bạn còn chưa hết ngạc nhiên!”

Bài giảng của ông là kết quả của nhiều năm nghiên cứu cô độc và suy ngẫm. Ông đã nhiều lần tìm kiếm trong thư viện của tu viện, nơi ông được quyền vào, một số tác phẩm mới xuất bản ông được biết tới qua một tạp chí chuyên ngành cha Andrei nhận được, nhưng vô ích.

- Cha Nil, xem này. Cuối cùng thì người ta cũng lôi ra khỏi quên lãng một lô mới các bản thảo vùng biển Chết! Tôi đã không còn tin chuyện đó... Cách đây năm mươi năm, những cái vại đã được phát hiện trong những hang đá Qumran, vậy mà không có gì được công bố từ sau khi Ygaël Yadin chết: hơn một nửa số bản thảo này vẫn chưa hề được công chúng biết đến. Một vụ rắc rối không thể tin được!

Cha Nil mỉm cười. Trong không khí thân mật của văn phòng này, ông đã phát hiện ra một cha Andrei say mê, tỏ tường mọi chuyện. Ông yêu những cuộc trò chuyện dài của họ, sau cánh cửa đóng kín. Cha Andrei nghe ông kể về những nghiên cứu của mình, đầu hơi cúi xuống. Rồi, bằng một từ, đôi khi là một sự im lặng, hưởng ứng hoặc định hướng cho học trò của mình giữa những giả thiết táo bạo nhất.

Con người mà ông nhìn thấy lúc đó mới khác biệt làm sao so với viên thủ thư hay dẫn đo, người canh giữ nghiêm khắc ba chiếc chìa khóa mà mọi người trong tu viện bên bờ sông Loire từng biết!

Tòa nhà được xây dựng lại sau chiến tranh, mái vòm vẫn chưa hoàn thiện. Cả tòa nhà tạo thành hình chữ U, quay ra phía bình nguyên. Các thư viện chiếm trọn tầng trên cùng của ba cánh nhà: cánh giữa, cánh Bắc và cánh Nam, ngay bên dưới mái nhà.

Bốn năm trước, cha Andrei đã được giao những khoản tiền đáng kể kèm theo lệnh mua chính xác một số sách trong các lĩnh vực giáo lý và lịch sử. Ông đã vui sướng được sử dụng năng lực của mình để phục vụ cho khoản đầu tư kỳ diệu này. Các kệ sách chất đầy những cuốn sách hiếm, những xuất bản phẩm khó tìm được hoặc đã bán hết, viết bằng tất cả các ngôn ngữ cổ và hiện đại. Đương nhiên, việc mở học viện đặc biệt, vốn được Vatican theo dõi sát sao, chính là nguyên nhân của việc thành lập phương tiện nghiên cứu tuyệt vời này.

Tuy nhiên, có một điều hạn chế bất thường. Mỗi người trong số tám tu sĩ giảng dạy ở học viện chỉ có một *chìa khóa duy nhất*, chìa khóa của thư viện tương ứng với bộ môn người đó phụ trách. Chịu trách nhiệm về kinh Tân ước, cha Nil đã nhận được chìa khóa thư viện cánh giữa, trước cửa có gắn một tấm biển gỗ khắc chữ: *Khoa học về Kinh Thánh*. Các thư viện cánh Bắc, *Khoa học lịch sử*, và ở cánh Nam, *Khoa học Thần học*, vẫn khăng khăng đóng kín đối với ông.

Chỉ có cha Andrei và cha Tu viện trưởng có chìa khóa của cả ba thư viện, treo thành một chùm đặc biệt mà họ không bao giờ rời xa.

Ngay từ khi bắt đầu nghiên cứu, cha Nil đã đề nghị bạn mình cho phép được vào thư viện lịch sử.

- Ở cánh giữa, tôi không tìm thấy một số tác phẩm mà tôi cần để tiến xa hơn. Cha đã có lần nói với tôi rằng chúng được xếp ở cánh Bắc. Tại sao tôi không thể vào đó được? Thật là buồn cười!

Lần đầu tiên, cha Nil thấy khuôn mặt của bạn mình trở nên kín bưng. Cuối cùng, với vẻ vô cùng ngại ngùng, nước mắt lưng tròng, cha Andrei cũng nói với ông:

- Cha Nil... Nếu tôi có nói với cha điều đó, thì tôi đã sai, cha hãy quên đi. Tôi xin cha, *đừng bao giờ* hỏi tôi chìa khóa của một trong hai thư viện mà cha không được phép tiếp cận. Bạn của tôi, hãy hiểu cho tôi, tôi không làm điều tôi muốn được. Đó là mệnh lệnh chính thức của đức Cha tu viện trưởng, và những mệnh lệnh này được đưa ra... từ cấp cao hơn. Không ai có thể cùng lúc vào cả ba thư viện. Chuyện này đã khiến tôi không thể ngủ được, không phải chuyện buồn cười, mà là bi kịch. Tôi có thể vào cả ba thư viện, và tôi thường dùng thời gian rảnh rỗi để lục lọi rồi đọc. Vì sự yên bình của tâm hồn cha, nhân danh tình bạn của chúng ta, tôi xin cha hãy bằng lòng với những gì cha tìm thấy trong thư viện cánh giữa.

Rồi ông chìm vào im lặng nặng nề, điều không thường thấy ở ông mỗi khi ông còn một mình với cha Nil.

Mất phương hướng, giảng viên phụ trách việc chú giải Kinh Thánh đành thỏa mãn với những kho báu mà chiếc chìa khóa duy nhất của ông mở ra.

- Lời kể cho thấy tác giả chính của kinh Phúc âm theo Thánh Jean biết rõ Jerusalem, và có nhiều mối quan hệ tại đây. Đó là một người vùng Judee khá giả, có học thức, trong khi đó tông đồ Jean sống ở Galilee, là người nghèo và mù chữ... làm sao mà ông có thể là tác giả của văn bản mang tên ông?

Trước mặt ông, những gương mặt dần sa sầm lại theo những điều ông nói. Một số người lắc đầu với vẻ phản đối – nhưng không ai phát biểu. Sự im lặng này của cử tọa khiến cha Nil lo lắng hơn bất kỳ điều gì. Các sinh viên của ông xuất thân từ những gia đình có truyền thống nhất nước. Được lựa chọn kỹ lưỡng để trở thành mũi giáo của Giáo hội bảo thủ trong tương lai. Tại sao người ta lại chọn ông vào chức vụ này? Ông đã sung sướng biết bao khi được lặng lẽ làm việc, cho riêng mình!

Cha Nil biết rằng ông không thể truyền đạt cho họ tất cả các kết luận của ông. Ông chưa bao giờ mừng rỡ tưởng rằng việc chú giải Kinh thánh lại có ngày trở thành một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm. Khi còn là sinh viên ở Roma, bên cạnh một anh chàng Rembert Leeland nồng nhiệt và thân ái, mọi chuyện thật dễ dàng biết bao...

Tiếng chuông đầu tiên của lễ mixa chậm rãi vang lên.

- Cảm ơn các bạn. Hẹn gặp lại tuần sau.

Các sinh viên đứng dậy và thu xếp sách vở. Ở cuối phòng, một sinh viên mặc áo thầy dòng, đầu cạo nhẵn, nán lại một lát để viết mấy dòng lên một mảnh giấy vuông - thứ được các thầy tu dùng để trao đổi với nhau mà không phá vỡ sự im lặng.

Trong khi anh ta vừa gập vuông giấy làm đôi vừa mím môi, cha Nil kín đáo nhận thấy móng tay anh ta bị gặm nham nhở. Cuối cùng anh ta cũng đứng lên, và đi qua thầy giáo của mình mà không hề

đưa mắt nhìn ông.

Trong khi cha Nil đang mặc áo lễ trong kho đồ thờ thơm mùi sáp mới, một bóng áo thầy tu lén vào căn phòng chung và tiến lại gần những ngăn tủ dành cho các cha. Sau khi liếc nhìn quanh, chắc chắn rằng không có ai trong phòng, một bàn tay có những chiếc móng bị găm nham nhở luôn một vuông giấy gấp đôi vào ngăn tủ của đức Cha tu viện trưởng.

12.

Nếu không có những chiếc đèn vách theo kiểu Venise tỏa ra một thứ ánh sáng ấm dịu, hẳn là căn phòng sẽ có vẻ bi thảm. Suốt dọc phòng không có cửa sổ nào, chỉ có một cái bàn gỗ đánh xi, phía sau bàn là mười ba chiếc ghế xếp thẳng hàng, dựa lưng vào tường. Ở chính giữa là một chiếc ngai theo phong cách Napoli – Anjou phủ nhung màu tía. Mỗi bên chiếc ngai là sáu chiếc ghế phôi đơn giản, có tay vịn mang hình đầu sư tử.

Cửa ra vào được làm bằng sắt dày, bên ngoài bọc gỗ quý.

Đối diện chiếc bàn, cách khoảng năm mét, là một mảng tường hoàn toàn trống trơn. Hoàn toàn? Không. Một mảng gỗ tối màu được gắn vào tường. Nổi bật lên trên nền gỗ gụ là sắc nhợt của một cây thánh giá màu đỏ máu, theo phong cách Jansen, tạo nên một mảng gần như thô kệch dưới luồng ánh sáng rọi xuống từ hai chiếc đèn chiếu ẩn ngay phía trên ngai trung tâm.

Chiếc ngai này chưa bao giờ có người ngồi, và cũng sẽ không bao giờ có người ngồi. Nó nhắc nhở các thành viên của Hội rằng sự hiện diện của người Thầy Hội Thánh Pie V là hoàn toàn mang ý nghĩa tinh thần, nhưng vĩnh cửu. Từ bốn thế kỷ nay, Jesus – Christ, Chúa tái sinh, ngự ở đây trong tâm trí và trong hiện thực, bao bọc xung quanh là mười hai tông đồ trung thành, sáu người bên phải và sáu người bên trái. Giống hệt như trong bữa ăn cuối cùng mà Người đã dùng cùng với các học trò của mình hai nghìn năm trước, trong căn phòng lớn ở khu phía Tây Jerusalem.

Trên mỗi ghế phôi là một người đàn ông mặc áo lễ màu trắng rộng thùng thình có mũ trùm phủ lên đầu. Trước mặt mỗi người là một mảnh vải trắng đơn giản được gắn vào mũ bằng hai khuy bấm ở ngang gò má. Phần dưới khuôn mặt được che kín, chỉ có thể nhìn thấy đôi mắt và phần trước trán.

Ngồi xếp hàng như thế đối diện với bức tường, mỗi người đều phải cúi về đằng trước và xoay đầu một góc bốn mươi lăm độ để nhận thấy dáng vẻ của những người ngồi cùng bàn. Đương nhiên việc quay ngang dọc hay nhăn nhó nét mặt bị cấm chỉ, cũng giống như việc mọi người phải hạn chế để lộ bàn tay của mình đến mức tối thiểu. Cẳng tay khoanh lại đặt trên bàn, những ống tay áo được thiết kế với độ mở rộng để có thể lồng khít vào nhau một cách tự nhiên, che đi phần cổ tay và bàn tay của những người tham dự.

Khi nói chuyện, các thành viên của Hội không trao đổi trực tiếp với nhau, mà nói với hình ảnh đầm máu gắn phía trước họ. Nếu như tất cả mọi người đều có thể nghe thấy điều người khác nói mà không cần phải quay đầu thì theo quy định có nghĩa là Thầy, người đang im lặng trên thánh giá, đồng ý với điều đó.

Trong căn phòng mà loài người nói chung không biết rằng nó đang tồn tại này, Hội Thánh Pie V đang tổ chức cuộc họp thứ ba nghìn sáu trăm linh ba của mình, kể từ khi Hội này được thành lập.

Ngồi bên phải của chiếc ngai bỏ trống, một người duy nhất để duỗi trên chiếc bàn hoàn toàn trống trơn đôi bàn tay mủm mĩm của mình: trên ngón tay đeo nhẫn bên phải, một viên ngọc thạch anh màu xanh đậm ánh lên khi người đó đứng dậy và máy móc vuốt thẳng nếp áo lễ trên chiếc bụng đã hơi nhô ra.

- Các anh em, hôm nay chúng ta phải quan tâm đến ba vấn đề bên ngoài mà chúng ta đã từng bàn đến ở đây, và vấn đề thứ tư, vấn đề bên trong và... đau buồn đối với mỗi người trong chúng ta.

Tiếp nhận thông báo này là sự im lặng hoàn toàn: mọi người đều chờ đợi phần tiếp theo.

- Theo yêu cầu của Hồng y Giáo chủ đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin, các vị đã được thông tin về một vấn đề nhỏ mới phát sinh ở Pháp, trong một tu viện dòng Benedict được giám sát rất chặt chẽ. Các vị đã trao cho tôi toàn quyền hành động để giải quyết vấn đề này. Và tôi vui mừng được thông báo với các vị rằng vấn đề đã được giải quyết một cách thỏa đáng: từ nay trở đi, tu sĩ mà những câu chuyện gần đây khiến chúng ta lo lắng sẽ không còn khả năng làm phương hại đến Giáo hội Công giáo rất thánh nữa.

Một người tham dự khẽ nhấc hai cẳng tay đang khoanh vào nhau dưới tay áo lên, để tỏ dấu là mình sắp nói:

- Ngài muốn nói rằng ông ta đã bị... thủ tiêu?

- Tôi sẽ không dùng từ đó, *offensivum auribus nostris* ^[7]. Các vị chỉ cần biết rằng ông ấy đã bị ngã một cách không đúng lúc ra khỏi đoàn tàu Roma Express đang đưa ông ấy trở lại tu viện, và rằng ông ấy đã chết ngay tại chỗ. Chính quyền Pháp đã kết luận đó là một vụ tự sát. Thế nên tôi yêu cầu các vị hãy cầu nguyện cho ông ấy. Các vị đều biết rằng tự sát là một tội lỗi khủng khiếp chống lại đáng tạo ra mọi sự sống.

- Nhưng... người anh em hội trưởng, liệu có nguy hiểm không khi nhờ đến một người lạ để khiến cho vụ... tự sát có thể xảy ra? Chúng ta có thực sự được bảo đảm về sự kín đáo của anh ta không?

Tôi đã gặp người Palestine đó trong thời gian tôi ở Cairo, cách đây nhiều năm. Kể từ đó, anh ta luôn tỏ ra rất đáng tin cậy. Trong vụ này, lợi ích của anh ta lại trùng khớp với lợi ích của chúng ta, anh ta hiểu rất rõ điều đó. Anh ta đã nhờ đến sự trợ giúp của một người quen biết cũ, một người Israel:

người của Fatah và người của Mossad chống đối nhau kịch liệt, nhưng đôi khi họ cũng biết sát vai nhau để cùng đương đầu với một vấn đề chung – và chính là trường hợp này, nó phục vụ cho các kế hoạch của chúng ta. Chỉ có kết quả là quan trọng, các công cụ được sử dụng phải hiệu quả, nhanh chóng và dứt khoát. Và tôi xin đứng ra bảo đảm cho sự kín đáo tuyệt đối của hai người này. Họ đã được trả công rất hậu hĩnh.

- Chính xác mấy nghìn đô la mà ngài đã nói với chúng tôi là một khoản đáng kể. Khoản chi này có được hợp lý hóa không?

Hội trưởng quay mặt về phía người vừa nói, điều hiếm khi xảy ra.

- Người anh em, khoản đầu tư này là một điều nực cười nếu đem so sánh với những lợi ích mà nó có thể mang lại. Và theo ước tính của tôi, thì không phải là hàng nghìn, mà hàng triệu đô la. Nếu chúng ta đạt đến đích, chúng ta sẽ có được những phương tiện để hoàn thành sứ mệnh của mình. Các vị hãy nhớ đến tài sản đột ngột xuất hiện và kén thù của các Hiệp sĩ dòng Đền. Đúng vậy, chúng ta sẽ khai thác cùng một nguồn với họ. Nhưng sẽ thành công ở chính nơi mà họ đã thất bại.

- Thế còn phiến đá Germigny?

- Tôi đang định nói đến chuyện đó. Phát hiện này hẳn sẽ vẫn không được ai biết đến nếu cha Andrei không nắm được thông tin về nó, do tu viện của ông ta có vị trí địa lý gần đó. Ông ta đã có ý nghĩ không đúng lúc là nhanh chóng đến tận nơi, và là người đầu tiên đọc bản khắc trên đó. Chúng ta biết đến sự tồn tại của phiến đá này qua hồ sơ của các Hiệp sĩ dòng Đền.

- Điều này ngài đã nói với chúng tôi rồi.

- Trong chuyến đi đến Roma mới đây, ông ta đã để lộ một vài nhận xét dường như chứng tỏ rằng ông ta đang kết nối các thông tin mà ông ta có được với nhau. Điều này vô cùng nguy hiểm, chúng ta không bao giờ biết được nó sẽ dừng ở đâu, và Hội của chúng ta đã được Đức Thánh Cha Pie V lập ra – ông cúi người, đầu tiên là về phía bên trái, trước chiếc ngai bỏ trống, và sau đó về phía trước, nơi có cây thánh giá – nhằm tránh để kỷ niệm và hình ảnh về Thầy bị vấy bẩn hoặc lu mờ. Trong suốt lịch sử lâu dài của Giáo hội, tất cả những kẻ có ý định hành động theo chiều hướng đó đều đã bị loại trừ. Thường là kịp thời, đôi khi quá muộn – và đó là những vụ lộn xộn tồi tệ, gây ra rất nhiều đau khổ: hãy nghĩ đến Origène, Arius, rồi còn Nestorius và nhiều kẻ khác nữa... Nhóm hành động trên chuyến tàu Roma Express sẽ tiến hành những việc cần thiết, theo yêu cầu của tôi: phiến đá Germigny sẽ sớm được yên ổn ngay tại đây, tránh khỏi những con mắt tọc mạch.

Một tiếng thở dài nhẹ nhõm lan khắp cử tọa.

- Nhưng bây giờ chúng ta lại có một vấn đề khác, đi liền với vấn đề thứ nhất, hội trưởng dẫn dắt.

Vài cái đầu quay sang ông một cách máy móc.

- Một thời gian trở lại đây, có vẻ như cha Andrei quá cố đã khơi dậy lòng tò mò của một môn đồ nào đó: một trong các tu sĩ, làm giảng viên trong học viện đặc biệt của tu viện có liên quan.Ồ, có thể đây chỉ là một báo động nhầm, bắt nguồn từ một tin nhắn mà đức Cha tu viện trưởng đã gửi cho chúng ta. Một sinh viên tham dự giờ chú giải Kinh Thánh của giảng viên này – một cha Nil nào đó – đã cho

biết anh ta nghe thấy cha này phát ngôn những quan điểm ảnh hưởng đến luận thuyết đúng đắn về kinh Phúc âm theo Thánh Jean. Xét bối cảnh mới đây, Cha tu viện trưởng đã cho rằng cần cảnh báo chúng ta ngay lập tức.

Nhiều người ngẩng đầu lên: kinh Phúc âm theo Thánh Jean chính là trung tâm sứ mệnh của họ, bất kỳ điều gì đụng chạm đến nó đều phải được phân tích sát sao.

- Thông thường, tính chính thống của một người chú giải Kinh Thánh công giáo liên quan đến Cơ quan truyền bá đức tin, và tu sĩ này không phải là người đầu tiên Cơ quan này cần đặt lại vào đúng vị trí...

Có thể đoán biết một vài nụ cười dưới tấm mạng phủ trên các khuôn mặt.

- ... nhưng đây là hoàn cảnh đặc biệt. Cha Andrei quá cố từng là một học giả ở hàng ngoại lệ, được trời phú cho một trí tuệ sắc bén và sáng tạo. Từ giờ trở đi ông ta không thể gây hại được nữa, nhưng ông ta đã để cho học trò của mình là cha Nil nghe được những gì? Bởi vì, Cha tu viện trưởng đã nhấn mạnh với chúng ta rằng một tình bạn khăng khít – điều luôn luôn đáng tiếc trong một tu viện – đã gắn kết hai nhà trí thức này lại với nhau. Nói cách khác, liệu thứ chất độc đã ngấm vào đầu óc cha Andrei có lây sang cha Nil không? Chúng ta không có cách nào để biết được điều đó.

Một trong những thầy tu nhắc hai cánh tay bắt vào nhau lên.

- Người anh em hội trưởng, hãy cho tôi biết... Cha Nil này, liệu có khi nào, ngẫu nhiên thôi, cũng đi trên chuyến Roma Express?

- Ông ta có thể, hẳn là thế. Nhưng một vụ tự sát thứ hai trong số các tu sĩ của tu viện là điều không nên dự kiến. Cả Chính phủ Pháp lẫn dư luận sẽ không dễ bị thuyết phục, khi khoảng cách giữa hai vụ quá ngắn. Mà đây lại là việc tương đối gấp, vì thầy tu này thường xuyên lên lớp, và có vẻ đã quyết tâm để sinh viên của mình biết được những... tóm lại, một vài kết luận về những nghiên cứu của ông ta. Những kết luận nào? Chúng ta không biết, nhưng chúng ta không thể để bất cứ nguy cơ nào đe dọa. Hồng y Giáo chủ đặt rất nhiều hy vọng vào học viện của tu viện Saint-Martin, ngài muốn nó phải tuyệt đối hoàn hảo.

- Ngài có đề xuất gì không?

Hội trưởng ngồi xuống, thu bàn tay và chiếc nhẫn vào trong ống tay áo lễ.

- Tôi còn chưa biết, tất cả những chuyện này quá mới mẻ. Trước mắt, phải tìm hiểu xem tu sĩ này biết gì, hoặc – nếu ông ta chưa biết điều gì quá trầm trọng – thì ông ta còn có thể đi đến đâu. Tôi sẽ thông tin cho các vị.

Ông ngừng lời, đưa mắt chăm chăm nhìn lên cây thánh giá mà chất liệu ngà bị vấy bẩn vì một thứ máu dường như đã đông cứng lại sau nhiều thế kỷ. Vấn đề tiếp theo sẽ khó khăn hơn, phải dẫn dắt một cách ôn hòa. Nói cho cùng, mỗi đạo hữu đều mong chờ Hội áp dụng các quy chế của mình.

Ngay cả khi những quy chế này dẫn đến cái chết của một người trong số họ.

- Mỗi chúng ta đều không biết tất cả, hoặc hầu như tất cả mọi điều về người anh em ngồi bên cạnh mình lúc này. Nên chính tôi là người phải đảm nhận nhiệm vụ khủng khiếp là bảo vệ bản chất của Hội chúng ta, khi điều đó trở nên cần thiết.

Hội trưởng Hội Thánh Pie V là một chức vụ trọn đời. Khi cảm thấy mình cận kề cái chết, hội trưởng sẽ chỉ định trong số các hội viên người kế vị mình – và đến lượt mình, người này (và chỉ một mình người đó) sẽ phải biết rõ nhân thân của mười một bạn đồng hành, cũng như được tất cả những người này nhận biết. Phần lớn các hội trưởng từ năm 1570 đều có thiện chí là chết trước khi trở nên vô hiệu. Đôi khi cũng phải hỗ trợ một chút đối với những người gắn bó với cuộc sống nhiều hơn là với Thầy. Mười một thành viên của Hội thực hiện việc kiểm tra chặt chẽ đối với mức độ hiệu quả của hội trưởng. Có hẳn một quy định cho trường hợp này – và chính quy định này sẽ được áp dụng nhưng lần này là để chống lại một hội viên.

- Một trong số chúng ta, thật buồn vì tôi phải nói điều này ở đây, mới đây vừa thể hiện sự bất lực của mình trong việc tuân thủ quy định chính của chúng ta, đó là bảo mật hoàn toàn. Hẳn là tuổi cao đã khiến người đó giảm năng lực tư duy.

Một trong những người tham dự bắt đầu run, làm ông tay áo bị trượt đi, để lộ đôi bàn tay gầy guộc nổi đầy gân.

- Làm ơn che mình đi, đạo hữu! – Tốt, các vị đã biết quy trình áp dụng đối với kẻ mắc lỗi. Tôi báo cho các vị hay, để các vị có thể bắt đầu ngay từ tối nay giai đoạn nhịn ăn, cầu nguyện và hình phạt nghiêm khắc, là những điều luôn gắn liền với việc chấm dứt vĩnh viễn sứ mệnh của một đạo hữu. Chúng ta phải giúp đạo hữu này chuẩn bị, đi cùng người đó trên con đường từ nay trở đi là của người đó. Nhịn ăn hoàn toàn trong ngày trước ngày diễn ra cuộc họp sắp tới, tự phạt bằng roi kim loại sáng và tối, mỗi ngày trong khoảng thời gian một bài kinh *Miserere* – hoặc nhiều hơn nếu các vị mong muốn. Chúng ta sẽ không kể hết nỗi tình cảm triu mến dành cho người anh em cùng chia sẻ trách nhiệm với chúng ta từ bao lâu nay mà chúng ta sắp phải chia tay.

Calfo không thích phải áp dụng quy định này với một trong số Mười hai thành viên của Hội. Ông nhìn chăm chăm vào cây thánh giá: từ khi làm chủ tọa các cuộc họp của Hội, Thầy đã thấy và nghe biết bao vụ khác.

- Cảm ơn các vị. Chúng ta có thời gian đến tận cuộc họp tiếp theo để bí mật chứng tỏ với người anh em chúng ta sức mạnh tình yêu chúng ta dành cho người đó.

Các hội viên đứng dậy và tiến về phía cánh cửa ra vào bọc sắt ở phía cuối phòng.

13.

Kinh Phúc âm theo Matthieu và Jean

Ánh mặt trời mới mọc của ngày thứ Bảy Lễ Vượt qua ve vuốt trên mái che *húng nước mưa* ^[8]. Ngồi trên gờ bồn phun nước trung tâm, kiệt quệ sau hai ngày chứng kiến biết bao hy vọng tiêu tan, người đàn ông vùng Judee thở dài: ông phải lên thôi. Mười một tông đồ đang ẩn nấp trên phòng lớn, như một bầy cừu sợ sệt. Jesus đã bị giao cho Pilate và bị đóng đinh câu rút vào trưa hôm qua...không chỉ là thua cuộc, mà là thất bại thảm hại.

Cuối cùng ông cũng quyết định, chậm chạp leo lên những bậc cầu thang dẫn lên tầng một và đẩy cánh cửa mà Judas đã bước qua trước mắt ông vào tối thứ Năm. Chỉ có một mẫu nến nhỏ cháy trong căn phòng rộng. Ông nhận ra những bóng người ngồi rải rác trên nền đất. Không ai nói gì. Những người Galilee khiếp sợ và đang lẩn trốn: đây là tất cả những gì còn lại của một đất nước Israel thời kỳ mới.

Một bóng người tách ra khỏi bức tường và tiến về phía ông.

- Thế nào?

Peter ngạo ngễ nhìn ông.

“Hắn sẽ không bao giờ chấp nhận thất bại, không bao giờ chấp nhận là kẻ chịu ơn mình khi phải ẩn nấp trong nhà mình như thế này, cũng như hắn chưa bao giờ chấp nhận mối quan hệ ưu ái mà mình đã có với Jesus.”

- Thì Pilate đã cho phép hạ thi thể Jesus khỏi giá chữ thập tối qua. Vì đã quá muộn để làm các nghi lễ cho Người, nên người ta đã đặt tạm Người trong một ngôi mộ gần đó, thuộc sở hữu của Joseph vùng Arimathie, một người có cảm tình với Người.

- Ai đã mang thi thể Người đi?

- Nicodème đỡ phía đầu, Joseph đỡ chân. Và vài phụ nữ đóng vai người than khóc, là những người quen việc mà chúng tôi biết rõ, Marie de Magdala và các bạn của cô ta.

Peter cắn môi dưới và đấm nắm tay vào lòng bàn tay trái.

- Thật là xấu hổ, thật là... thật là sa sút! Việc bày tỏ lòng kính trọng cuối cùng đối với một người đã chết bao giờ cũng phải do các thành viên trong gia đình người đó thực hiện! Thế mà cả Marie, cả em trai Người là Jacques đều không có ở đó... chỉ có những người có cảm tình với Người! Thầy thực sự đã chết như một con chó.

Người đàn ông vùng Judee nhìn ông với vẻ mĩa mai.

- Có phải là lỗi của bà Marie mẹ Người, của Jacques và ba người anh em khác của Người, và của các chị em Người không, khi mà những việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy của các anh diễn ra trong vòng bí mật nhất? Có phải là lỗi của họ không khi mọi thứ đều bị đổ vỡ trong vòng vài giờ, một cách bí thảm và bất ngờ? Có phải là lỗi của họ không khi Caiphe đã nói dối, khi Jesus bị dẫn đến nhà Pilate sáng hôm qua? Khi Người bị đóng đinh câu rút ngay tức khắc, không qua xử án? Đó là lỗi của ai?

Peter cúi đầu. Chính ông đã giao du với đám bạn cũ là những người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt, chính ông đã thuyết phục Judas chấp nhận vai trò bán thiu của mình, tóm lại chính ông là người phải chịu trách nhiệm về mọi chuyện. Ông biết vậy, nhưng không thể thừa nhận như thế được. Không thể thừa nhận trước mặt gã này, kẻ tiếm quyền, kẻ đang tiếp tục nói một cách hùng hồn:

- Anh đã ở đâu khi bọn chúng đặt Jesus nằm lên xà gỗ, khi chúng đóng đinh vào cổ tay Người? Trưa hôm qua tôi đã ở đó, nấu mình trong đám đông. Tôi đã nghe những tiếng nện búa khủng khiếp, tôi đã nhìn thấy máu và nước chảy ra từ thân thể Người khi một tên lính kết liễu Người bằng một nhát giáo. Tôi là người duy nhất ở đây có thể làm chứng rằng Jesus xứ Nazareth đã chết như một người đàn ông, không một lời than thở, không một lời trách móc đối với chúng ta, những kẻ đã khiến Người rơi vào cái bẫy đó. Khi đó, tất cả các anh ở đâu?

Peter không nói gì. Caiphe phản bội, Jesus bị giao cho người La Mã, những sự kiện bất ngờ này đã khiến mọi việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy biến thành con số không. Cũng như những người khác, vào lúc Thầy hấp hối, ông đang trốn đâu đó trong khu phố thấp. Càng xa đám lính La Mã, càng xa cửa phía Tây của thành Jerusalem và các giá chữ thập của nó càng tốt. Đúng vậy, ông ta là người duy nhất có mặt, là người duy nhất đã *nhìn thấy*, từ nay trở đi chỉ có mình ông ta là có thể làm chứng cho cái chết của Jesus, về lòng dũng cảm và phẩm cách của Người. Từ giờ trở đi, ông ta sẽ tỏ ra là kẻ thắng thế, sẽ lên mặt sừng sộ, đồ bịp bợm!

Ông phải lấy lại thế chủ động của mình. Người chỉ huy ở đây chính là ông. Ông kéo người đối thoại với mình đến bên một cửa sổ.

- Lại đây, chúng ta cần nói chuyện.

Peter quan sát bóng đêm một lát. Mọi thứ ở Jerusalem đều đen tối, cả bầu trời cũng vậy. Ông quay lại, cắt ngang bầu không khí im lặng nặng nề:

- Có hai vấn đề khẩn cấp. Đầu tiên là thi thể của Jesus: không ai trong chúng ta có thể chấp nhận

việc Người bị vút vào hồ chôn chung, như tất cả những kẻ bị kết án tử hình khác. Làm như vậy sẽ là xúc phạm đến danh tiếng của Người.

Người đàn ông vùng Judee đưa mắt nhìn những bóng người không rõ rệt, lả đi dọc những bức tường của căn phòng lớn. Đương nhiên, không người nào trong số họ có thể mang lại cho người bị tử hình một mộ phần tử tế. Joseph vùng Arimathie hẳn sẽ không chấp nhận để thi thể Jesus được an táng lâu dài trong hầm mộ của gia đình mình. Phải tìm chỗ khác.

- Có thể có một cách giải quyết... Người Esseni vẫn luôn coi Jesus là một người trong số họ - mặc dù Người chưa bao giờ chấp nhận là thành viên trong giáo phái của họ. Tôi đã tham gia cộng đồng phi tôn giáo của họ trong một thời gian dài: tôi hiểu họ rất rõ. Chắc chắn họ sẽ chấp nhận để thi thể Người yên nghỉ tại một nghĩa địa của họ trong sa mạc.

- Anh có thể liên hệ ngay với họ không?

- Eliézer ở rất gần đây, tôi sẽ thu xếp việc này. Thế còn vấn đề thứ hai?

Peter nhìn sâu vào mắt người đối thoại: lúc này mặt trăng đã ra khỏi đám mây, và càng làm nổi bật những đường nét thô ráp trên mặt người ấy. Trở lại là một người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt, ông trả lời bằng giọng nghệt ngẫ:

- Vấn đề khác là Judas. Và tôi sẽ chịu trách nhiệm về anh ta.

- Judas?

- Anh có biết rằng sáng nay anh ta đã đến Đền thờ và gây ra một vụ âm ỉ không? Anh có biết rằng anh ta đã tố cáo Giáo chủ là kẻ phản bội, và lấy Chúa trời ra làm nhân chứng giữa Caiphe và anh ta, trước mặt đám đông không? Theo mê tín của người Do Thái, giờ đây một trong hai người sẽ chết trong tay Chúa. Caiphe biết điều đó, và sẽ cho bắt giữ anh ta: thế thì anh ta sẽ nói ra. Anh và tôi, nhất là tôi, sẽ bị vạch mặt. Đối với các Giáo chủ thì điều đó không quan trọng. Nhưng hãy nghĩ đến những người ủng hộ chúng ta, nếu họ biết được rằng vì chúng ta mà Jesus đã bị bắt – mặc dù chúng ta không có ý định nào khác ngoài việc bảo đảm an toàn cho Người – thì tương lai sẽ chấm hết. Anh hiểu chứ?

Kinh ngạc, người đàn ông vùng Judee nhìn chòng chọc vào mặt người đàn ông vùng Galilee: “Tương lai nào, hỡi kẻ thoát nạn khôn khổ, sau một cuộc phiêu lưu thất bại? Còn có tương lai nào khác ngoài việc quay về với những tấm lưới đánh cá của người, thứ mà lẽ ra người không bao giờ nên rời bỏ?”

Ông không nói gì. Peter cúi đầu, gương mặt lại chìm vào bóng tối.

- Anh ta đã rối trí, đã trở thành kẻ nguy hiểm. Cần phải làm gì đó để tránh mối nguy hiểm này. Đừng bận tâm đến điều đó nữa. Tôi sẽ chịu trách nhiệm về Judas.

Và theo bản năng, bàn tay trái ông lướt qua đùi trái nơi có đeo thanh kiếm ngắn *sica*.

14.

Văn tự của các Tông đồ

Để mặc người đàn ông vùng Judee còn đang sững sờ, Peter rời khỏi phòng, đi qua hành lang có mái che và lên ra ngoài. Trong buổi bình minh lờ mờ của ngày thứ Bảy Lễ Vượt qua này, chắc là đường phố sẽ vắng vẻ: ông đã biết tìm Judas ở đâu.

Ông lượn lách trong khu phố thấp. Một loạt những con phố nhỏ quanh co rắc rối, càng ngày càng hẹp, không phố nào lát đá: cát lạo xạo dưới dép ông.

Ông gõ vào một cánh cửa.

Gương mặt khiếp sợ của một phụ nữ che mạng hiện ra ở ngưỡng cửa.

- Peter! Nhưng... vào giờ này ư?

- Ta đến không phải để tìm cô, cô gái. Ta tìm Iscariote. Anh ta có ở đây không?

Cô để ông đứng ngoài, và hạ giọng:

- Có, anh ấy đến đây lúc đêm, hốt hoảng. Thực tình, anh ấy dường như không còn là mình nữa... Anh ấy đã cầu xin tôi che giấu anh ấy đến hết dịp lễ này. Anh ấy nói đã công khai tố cáo Giáo chủ Caiphe là kẻ phản bội, và đã xin Chúa làm nhân chứng: bây giờ một trong hai người sẽ phải chết.

- Cô không tin tất cả những điều đó, đúng không?

- Tôi cũng là một học trò của Jesus như ông. Người đã giải phóng chúng ta khỏi tất cả những chuyện hoang đường nhằm chế ngự nhân dân đó.

Peter mỉm cười với cô:

- Vậy thì cô không có gì phải sợ cả, tôi đến đây là để trấn an Judas. Chúa rất công bằng, Người hiểu rõ sự ngay thẳng trong tâm hồn anh ta. Judas đã sai lầm khi lấy Người làm nhân chứng giữa mình và Giáo chủ. Hãy bảo anh ta ra đây, tôi có chuyện muốn nói với anh ta.

Người đàn bà ngập ngừng, nhìn Peter và đóng cửa lại trước mặt ông.

Vị tông đồ bước vài bước: ba căn nhà thấp tạo thành một cái ngõ cụt, tất cả các cửa chớp bên ngoài đều đóng kín. Jerusalem vẫn còn đang ngủ, sau một đêm thức giấc cầu kinh *Seder* cho lễ Thiên Di.

Một tiếng động làm ông rùng mình quay lại. Judas đang đứng trước mặt ông.

- Peter! *Shalom!*

Trông anh rất nhợt nhạt, đôi mắt thâm quầng và mái tóc rối bù khiến anh có vẻ nhớn nhác. Anh lo lắng nhìn chòng chọc vào mặt Peter, người không trả lời câu chào của anh mà chỉ gật đầu. Judas liền nói trước.

- Giá mà anh biết được... Chúng ta đã bị phản bội, Peter ạ, bị chính Giáo chủ phản bội. Hắn đã thề rằng sinh mạng của Jesus sẽ được bảo vệ. Thế mà mờ sáng hôm qua tôi đã nhìn thấy Thầy bị dẫn đến nhà Pilate, bị trói. Thế là...

- Thế là mày trở nên điên rồ! Giọng Peter sắc lạnh.

- Thế là tôi muốn nhắc cho Caiphe nhớ thỏa thuận giữa chúng tôi. Và tôi đã nhờ Chúa trời làm nhân chứng giữa tôi với hắn.

- Mày có biết điều đó nghĩa là gì, theo niềm tin vô lý của chúng mày không?

Judas cúi đầu, căng thẳng vịn hai tay vào nhau.

- Mọi lời thề đều gắn với Thượng đế. Caiphe đã thề trước mặt tôi, hắn đã trao cho tôi một khoản coi như tiền cược cho lời hứa của hắn, thế mà Jesus vẫn chết như một kẻ xấu xa!Ồ, đúng, chỉ có Thượng đế mới có thể phán xét một điều bỉ ổi như vậy.

- Chẳng phải Jesus vẫn nhắc đi nhắc lại với chúng ta là không nên thề trước bàn thờ Chúa, vì làm thế là sỉ nhục Người đó sao?

Judas lắc đầu.

- Chúa phán xét, người anh em ạ, Chúa phải phán xét sự bỉ ổi của những kẻ...

“Các Giáo chủ đã biến chúng ta thành thế này đây, Peter nghĩ, nô lệ của những đức tin vô lý. Trước hết phải giải phóng Israel khỏi điều đó và nếu không phải với Jesus, thì sẽ là không có Người. Nhưng Judas đã hoàn toàn hỏng mất rồi. Quá muộn cho anh ta.”

- Và thế nào nữa, Judas?

- Thế là mọi chuyện đã kết thúc. Chúng ta chỉ còn cách quay về Galilee, để chuộc lại cái chết của Thầy chừng nào chúng ta còn sống. Tất cả đã kết thúc rồi, Peter ạ!

Vị tông đồ bước một bước về phía Judas, người đang nhìn ông tiến lên với vẻ ngơ vác. Để trấn an, Peter mỉm cười với anh - người này là một nạn nhân của chính quyền Do Thái, hãy để anh ta được chết yên ổn! Rồi ông rút thanh *sica* ra, và bằng một động tác mau lẹ, như trước đây ông đã từng học từ những người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt, đâm vào bụng dưới Judas. Mặt nhăn lại vì khó chịu, ông kéo lưỡi kiếm lên trên cho đến khi cảm thấy va phải xương ức.

- Chúa đã phán xét, Judas ạ, ông thì thảo vào mặt anh. Chúa luôn luôn phán xét. Caiphe sẽ tiếp

tục sống, vì sự bất hạnh của Israel.

Mắt mở to hoảng sợ, Judas đổ gục về phía trước không một tiếng kêu, bụng mở phanh, ruột xổ tung trên cát.

Peter chậm rãi lùi lại và xem xét ngõ cụt: không có gì động đậy, hẳn là không có nhân chứng nào. Ông chậm rãi lau thanh kiếm ngắn vào mặt trong áo lót. Rồi ngước mắt lên. Vầng mặt trời vui vẻ của Lễ Vượt qua vừa chiếu sáng vùng đất Israel, nhắc ông nhớ đến khi thoát khỏi ách nô lệ của Ai Cập, và lần lượt vượt qua sóng nước biển Đỏ một cách thần kỳ.

Ngày hôm đó, một dân tộc đã ra đời, Dân tộc của Chúa. Sau đó, mười hai bộ lạc sống du cư trong sa mạc trước khi đến định cư ở Canaan: đất nước Israel cổ xưa, đất nước đã ở vào thời kỳ tàn lụi. Một nước Israel Mới phải được khai sinh, và lần này sẽ do mười hai tông đồ dẫn dắt. Họ chỉ còn lại có mười một người? Chính Chúa trời sẽ chỉ ra người thay thế Judas.

Nhưng không bao giờ gã người vùng Judee kia, kẻ tự xưng là môn đồ cung, có thể trở thành một trong số Mười hai tông đồ.

Không bao giờ.

Peter bước qua xác Judas. Khi phát hiện ra hân, tất cả mọi người sẽ nghĩ đến một vụ thanh toán nợ nần giữa những người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt với nhau: mổ bụng kẻ thù là cách ký tên quen thuộc của họ. Ông đưa mắt nhìn cái xác lần cuối:

“Từ nay trở đi, ta sẽ là tảng đá trên đó Giáo hội được dựng lên, và cái chết sẽ không còn khả năng chống lại chúng ta. Tất cả chưa phải là đã kết thúc, Judas ạ.”

15.

Hai ngày đã trôi qua từ sau cái chết của cha Andrei. Cha Nil ngắm nghía bàn làm việc chất đầy giấy tờ, kết quả của nhiều năm nghiên cứu. Ông nghĩ đã làm sáng tỏ những tình tiết thực sự về cái chết của Judas: tất cả đều liên kết với nhau trong vòng vài ngày trước ngày Jesus bị đóng đinh câu rút. Sau đó Judas đã bị giết, ông ta không treo cổ tự tử. Các sự kiện diễn ra tiếp theo chỉ có thể được giải thích bằng cách lục lọi trong các văn tự để nắm bắt không chỉ điều được nói ra trong đó, mà là những điều phải ngầm hiểu ra từ đó. Lịch sử không phải là một môn khoa học chính xác: sự thật của nó bắt nguồn từ việc đối chiếu các dấu hiệu tích lũy được.

Giờ đây, ông phải áp dụng đúng phương pháp này với vuông giấy bí ẩn phát hiện được trong bàn tay người bạn đã khuất. Để làm được điều đó, ông phải tiếp cận được thư viện lịch sử. Thủ thư mới của tu viện sẽ chỉ được bầu ra sau lễ tang, dự kiến diễn ra vào ngày mai.

Ông nhắm mắt lại, để mình chìm vào quá khứ.

- Cha Nil, tôi vừa được biết rằng trong khi trùng tu lại nhà thờ Germigny, công nhân đã phát hiện ra một bản khắc cổ. Tôi muốn được nhìn thấy bản khắc đó, cha có đi cùng tôi được không? Tôi phải chụp ảnh các bản thảo viết tay ở Orléans, đường đến đó có qua vùng Germigny-des-Prés...

Họ đậu xe tại quảng trường của ngôi làng nhỏ. Cha Nil thích thú được đến lại nhà thờ này: kiến trúc sư của vua Charlemagne đã muốn dựng mô hình thu nhỏ của thánh đường Aix-la-Chapelle, được xây dựng vào khoảng năm 800. Những cửa kính ghép màu quý giá bằng alêbát mang lại cho bên trong nhà thờ một bầu không khí thân mật và tĩnh tâm.

Họ bước vào cửa chính điện.

- Cha xem, dường như bí ẩn vẫn bao trùm nơi đây!

Tiếng thì thầm của cha Andrei lẫn trong tiếng búa đập vào bức tường phía cuối chính điện: để hạ những tấm kính ghép màu xuống, công nhân phải phá bỏ những phần vữa bao quanh. Giữa hai chỗ mở,

ngay trong phần kéo dài của gian giữa, có thể thấy một cái hồ há hốc miệng trong vùng tranh tối tranh sáng. Cha Andrei tiến lại gần.

- Xin lỗi các ông, tôi muốn xem qua một phiến đá mà hình như các ông đã tìm thấy trong khi tiến hành công việc.

- À, phiến đá à? Đúng vậy, chúng tôi đã thấy cái đó dưới một lớp vữa. Chúng tôi đã lấy nó ra khỏi bức tường và đặt trong gian cánh trái.

- Chúng tôi có thể xem được không?

- Không vấn đề gì, các cha là những người đầu tiên quan tâm đến phiến đá ấy đấy.

Hai thầy tu đi vài bước và nhận ra trên nền đất một phiến đá vuông, trên rìa vẫn còn dấu vết của lớp vữa gắn. Cha Andrei cúi người, rồi quỳ một chân xuống đất.

- A... rõ ràng là ngay từ đầu người ta đã gắn nó lên tường bằng vữa. Được gắn lên tường ở vị trí như vậy, phiến đá này sẽ nằm ngay trong tầm mắt của các tín đồ. Thế nghĩa là nó có một tầm quan trọng đặc biệt... Sau đó, cha nhìn xem, người ta đã che phủ nó bằng một lớp vữa có vẻ mới hơn.

Cha Nil cũng chia sẻ tâm trạng hưng phấn của bạn mình. Những người như hai ông không bao giờ đề cập đến Lịch sử như một thời đại đã trôi qua: quá khứ chính là hiện tại của họ. Đúng lúc này, họ nghe thấy một giọng nói vượt qua nhiều thế kỷ: giọng nói của vị hoàng đế đã ra lệnh khắc chữ lên phiến đá này, và muốn rằng nó được gắn lên một vị trí dễ nhận thấy như vậy.

Cha Andrei rút khăn mùi soa và nhẹ nhàng lau mặt phiến đá.

- Lớp vữa này cùng loại với vữa ở các nhà thờ La Mã. Như vậy, phiến đá này đã bị che phủ đi khoảng hai đến ba thế kỷ sau khi được gắn ở đây. Một ngày nào đó, người ta đã nhận thấy cần che giấu bản khắc này khỏi con mắt của công chúng. Nhưng ai có lợi trong việc che giấu này?

Những ký tự hiện ra dưới lớp vữa bị phủ đi.

- Chữ viết dưới thời Carolingien. Nhưng... chính là văn tự về Tín điều Nicée!

- Văn tự *Tín điều Credo*?

- Chính thế. Tôi đang tự hỏi tại sao người ta lại muốn nó được đặt một cách công khai, trong tầm mắt tất cả mọi người, trong nhà thờ hoàng tộc này. Nhất là, tôi tự hỏi...

Cha Andrei quỳ một lúc lâu trước bản khắc, sau đó đứng lên, phủi bụi và đặt một tay lên vai cha Nil.

- Bạn của tôi, trong bản sao lại Tín điều Nicée này có điều gì đó mà tôi không hiểu: tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó.

Họ nhanh chóng chụp một bức ảnh bề mặt phiến đá, và ra đi khi công nhân đóng cửa công trường để nghỉ trưa.

Cha Andrei lặng im cho đến tận Orléans. Khi cha Nil chuẩn bị máy ảnh cho buổi làm việc, ông ngăn lại:

- Không, đừng dùng cuộn phim này, đây là cuộn phim chụp phiến đá. Cha hãy để riêng nó ra, và dùng một cuộn phim khác để chụp các bản thảo này.

Chặng đường về buồn tẻ. Trước khi ra khỏi xe, cha Andrei quay sang cha Nil. Ông có vẻ đặc biệt nghiêm trang.

- Chúng ta sẽ in phim chụp ở Germigny ra thành hai bản. Tôi sẽ lấy một bản, và sẽ fax ngay cho một người làm việc ở Thư viện Vatican mà tôi có liên hệ: tôi muốn biết ý kiến của ông ấy, rất ít người có thể hiểu được những nét đặc thù của các bản khắc vào đầu thời kỳ Trung cổ. Bản thứ hai... cha hãy giữ gìn nó cẩn thận trong phòng của cha. Chẳng ai biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Mười lăm ngày sau, cha Andrei gọi cha Nil vào văn phòng mình. Ông có vẻ lo lắng:

- Tôi vừa nhận được một lá thư từ Vatican: họ triệu tập tôi đến đó để báo cáo về việc dịch bản thảo tiếng Ai Cập cổ mà tôi đã nói với cha. Tại sao họ lại yêu cầu tôi đi chuyến này? Cùng với lá thư, còn có lời nhắn của người làm ở Vatican, nói với tôi rằng ông ấy đã nhận được bức ảnh chụp phiến đá Germigny. Không bình luận gì thêm.

Cha Nil cũng ngạc nhiên không kém gì bạn mình:

- Khi nào cha đi?

- Sáng nay, Cha tu viện trưởng đã đến đưa cho tôi một vé đi chuyến tàu Roma Express ngày mai. Cha Nil... xin cha, trong khi tôi đi vắng, cha hãy quay lại Germigny. Bức ảnh mà chúng ta đã chụp không được rõ, cha hãy chụp một bức khác ở góc ánh sáng chiếu là là.

- Cha Andrei, có thể nói cho tôi biết cha đang nghĩ đến điều gì không?

- Hôm nay, tôi không nói với cha nhiều hơn được. Hãy tìm một cơ nào đó để ra ngoài, và nhanh chóng chụp bức ảnh ấy. Chúng ta sẽ cùng xem xét khi tôi trở về.

Ngày hôm sau, cha Andrei lên đường đi Roma.

Và không bao giờ trở về tu viện nữa.

Cha Nil mở mắt ra. Ngay khi có thể, ông sẽ đi thực hiện ước nguyện cuối cùng của bạn mình. Nhưng không có ông ấy thì một phim mới chụp bản khắc sẽ dùng làm gì?

Tiếng chuông sầu thảm bắt đầu vang lên liên hồi, thông báo cho toàn thể thung lũng biết rằng ngày mai, một tu sĩ sẽ được trang trọng đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng. Cha Nil hé mở ngăn kéo bàn và lựa

tay xuống dưới chồng thư.

Tim ông bắt đầu đập mạnh. Ông kéo hẳn ngăn bàn ra: *bức ảnh chụp ở Germigny đã biến mất, cả mảnh giấy của cha Andrei cũng vậy.*

“Không thể! Không thể thế được!”

Ông rải hết những thứ đựng trong ngăn kéo lên bàn: không tác dụng gì, cả bức ảnh và mảnh giấy đều không thấy.

Các tu sĩ đều nguyện sống trong cảnh nghèo khổ: vậy nên họ tuyệt đối không sở hữu thứ gì, không được khóa kín bất cứ thứ gì, và không một phòng nào trong tu viện có ổ khóa. Trừ các văn phòng của thủ quỹ, văn phòng của Cha tu viện trưởng - và ba thư viện, nơi mà chìa khóa được phân phát với sự dè sẻn ta đã biết.

Nhưng phòng của một tu sĩ là nơi sự cô độc của người đó không bị xâm phạm: không ai được vào phòng khi chủ nhân vắng mặt, hoặc không được chủ nhân chính thức cho phép. Trừ Cha tu viện trưởng, người ngay khi được bầu lên đã thề danh dự là tôn trọng quy định không thể xâm phạm này, là điều bảo đảm cho sự lựa chọn của các tu sĩ: sống trong cộng đồng nhưng cô độc trước Chúa.

Không chỉ xâm phạm nơi riêng tư của cha Nil, mà *người ta* còn lục lọi và lấy cắp. Ông liếc nhìn những tập hồ sơ nằm rải rác, lộn xộn trên bàn. Đúng, *người ta* không bằng lòng với việc chỉ lục lọi trong ngăn bàn: tập dày nhất trong số các hồ sơ của ông, kinh Phúc âm theo Thánh Jean, không còn ở vị trí quen thuộc. Nó đã bị xê dịch đôi chút, và mở ra. Cha Nil, người đã dùng nó hằng ngày từ khi bắt đầu khóa học, nhận ra ngay rằng một số ghi chép của ông không còn ở đúng vị trí mà ông sắp xếp theo logic của riêng mình. Thậm chí hình như một số tờ đã biến mất.

Một nguyên tắc trong cuộc sống của tu viện dòng Benedict vừa bị xâm phạm, ông đã có bằng chứng hiển nhiên. Điều này hẳn phải do một nguyên do vô cùng nghiêm trọng. Ông lơ mơ cảm thấy có một mối liên hệ giữa những sự kiện bất thường xảy ra thời gian vừa qua, nhưng đó là gì?

Ông đã chống lại mong muốn của gia đình không theo đạo của ông để trở thành tu sĩ, ông nhớ lại hình ảnh mình khi còn là chàng thanh niên tập tu. *Sự thật...* ông đã mang cả cuộc đời mình để đi tìm nó. Có hai người hiểu ông: Rembert Leeland, bạn đồng môn của ông trong bốn năm học ở Roma, và cha Andrei. Leeland hiện đang làm việc ở đâu đó tại Vatican, cha Nil thấy mình đơn độc với những vấn đề mà ông không đủ khả năng giải quyết, và một nỗi lo sợ âm thầm vẫn không rời bỏ ông từ cuối mùa hè.

Ông đưa tay vuốt nhẹ lên tập hồ sơ dày về kinh Phúc âm theo Thánh Jean: tất cả là ở đây. Thật ra, cha Andrei đã không ngừng khiến ông hiểu ra điều đó, mặc dù vẫn từ chối nói hết mọi chuyện với ông hoặc cho phép ông tiếp cận thư viện cánh Bắc. Ông ấy không thể làm khác được: phải phục tùng. Nhưng cha Andrei đã chết, có thể là do sự phục tùng của ông ấy. Và căn phòng của chính ông đã bị lục lọi, một sự xâm phạm đến những quy định bất di bất dịch của tu viện.

Phải làm một điều gì đó.

Vẫn còn một giờ trước kinh chiều tối. Ông đứng dậy, đi ra hành lang, và cả quyết bước về phía

cầu thang dẫn đến các thư viện.

Nhờ có trí nhớ hình ảnh tốt, ông đã ghi nhận những chi tiết nhỏ nhất trên mảnh giấy của cha Andrei. *Bản thảo tiếng Ai Cập cổ (Apoc)* chắc chắn là một bản thảo kinh Khải Huyền bằng tiếng Ai Cập cổ. *Bức thư của Tông đồ*, sau đó là ba ký tự bí ẩn *M M M*, và phiến đá Germigny. Sợi dây liên kết tất cả các yếu tố bí ẩn này còn đang nằm im đâu đó, trong những cuốn sách của thư viện.

Ông đến trước văn phòng của cha Andrei, nằm ngay bên thư viện Khoa học về Kinh Thánh. Cách đó mười mét là góc cánh Bắc và lối vào thư viện Khoa học lịch sử.

Cánh cửa văn phòng thủ thư cũng không có ổ khóa giống như bất cứ phòng nào khác trong tu viện. Ông bước vào, bật đèn, thả mình xuống chiếc ghế mà ông đã ngồi trong biết bao giờ phút hạnh phúc để trò chuyện với bạn mình. Không có gì thay đổi. Trên tường, những bộ ván giá chất đầy sách dán nhãn mới tinh: những cuốn mới được mang đến, đang chờ được sắp xếp vĩnh viễn vào một trong ba thư viện. Bên dưới là cái tủ bằng kim loại nơi cha Andrei xếp bản sao của các bản thảo viết tay ông đang nghiên cứu. Bản thảo kinh Khải Huyền bằng tiếng Ai Cập cổ hẳn đang nằm đâu đó trong tủ. Liệu có nên bắt đầu từ đó không?

Bỗng ông giật mình. Trên một giá sách, nhiều cuộn phim để lộn xộn: âm bản của những bản thảo viết tay... Trong số đó, ở hàng đầu tiên, ông nhận ra ngay cuộn phim ông đã dùng để chụp phiến đá Germigny. Cha Andrei đã để nó ở đó, không nghĩ đến nữa, trước khi đi Roma.

Người ta vừa đánh cắp bức ảnh của ông, nhưng không nghĩ đến phim âm bản, hoặc chưa có thời gian để khám xét văn phòng của viên thủ thư. Không ngần ngại, cha Nil đứng dậy, lấy cuộn phim trên giá và bỏ vào túi. Những ước nguyện cuối cùng của một người quá cố là thiêng liêng...

Ngay trước mặt ông, trên lưng ghế phô toi, ông nhận ra áo vest và chiếc quần tu sĩ mà cha Andrei mặc lúc chết. Ngày mai, ông ấy sẽ được chôn cất trong lễ phục thầy tu: sẽ không bao giờ có ai mặc đến bộ quần áo này nữa, chúng đã trở nên vô ích cho việc điều tra. Mắt cha Nil bị một làn nước làm nhòe đi, rồi một ý nghĩ điên rồ bỗng lướt qua đầu ông. Ông cầm lấy chiếc quần, thọc tay vào túi bên trái: ngón tay ông nắm vào một vật bằng da. Ông vội rút nó ra khỏi túi: một túi đựng chìa khóa! Không ngần ngại, ông mở khuy bấm.

Ba chiếc chìa khóa. Chiếc dài nhất hoàn toàn giống với cái của ông, là chìa khóa thư viện cánh giữa: hai cái còn lại hẳn là chìa khóa cánh phía Bắc và cánh phía Nam. *Chùm chìa khóa đặc biệt, chùm chìa khóa mà chỉ thủ thư và Cha tu viện trưởng mới có.* Rồi trí vì những sự kiện bi thảm xảy đến với tu viện của mình, Cha tu viện trưởng chưa kịp nghĩ đến việc lấy lại chùm chìa khóa này - chùm chìa khóa mà ông ấy sẽ trao lại cho người kế vị cha Andrei sau khi đã lựa chọn được ứng cử viên để bầu vào chức vụ tế nhị này.

Cha Nil lưỡng lự một lát. Rồi ông thấy lại khuôn mặt của bạn mình, ngồi đối diện với ông trên chiếc ghế phô toi. “Sự thật, cha Nil ạ, chính là để biết được sự thật mà cha đã vào tu viện này!” Ông bỏ chùm chìa khóa vào túi, vượt qua mấy mét hành lang ngăn cách ông với cánh phía Bắc và thư viện của ông.

Khoa học lịch sử: nếu bước qua cánh cửa này, ông sẽ trở thành một kẻ phản nghịch.

Ông quay lại nhìn phía sau lưng: hành lang của cánh giữa và cánh phía Bắc vắng hoe.

Ông cả quyết tra một trong hai chiếc chìa khóa nhỏ vào ổ khóa: ổ khóa xoay tròn không một tiếng động.

Cha Nil, giảng viên hiền hậu phụ trách môn chú giải Kinh Thánh, tu sĩ mẫu mực chưa bao giờ vi phạm quy định nào của tu viện, dù là nhỏ nhất, mở cửa và bước lên trước một bước: vào trong thư viện phía Bắc này là ông bước vào thế chống đối.

16.

Kinh Phúc âm theo Matthieu

- Họ làm gì trên đó?

Họ ngồi trên một trong những chiếc ghế dài bằng đá trong hành lang có mái che. Bình minh ngày Chủ nhật Lễ Vượt qua vừa hé lộ, căn nhà vẫn im lìm. Giống như chủ nhà, Peter cũng mệt mỏi. “Hai đêm không ngủ, bữa ăn thực sự cuối cùng là vào tối thứ Năm, trong căn phòng lớn cùng với Jesus. Sau đó Thầy bị bắt và chết. Rồi Judas bị thủ tiêu.”

Hai quầng mắt trũng sâu trên gương mặt ông. Ông nhắc lại câu hỏi:

- Thế họ làm gì trên đó?

- Anh phải biết chứ: chẳng phải hôm qua chính anh cũng đã trốn tọt trên đó cả ngày, trong khi tôi mặc cả với người Esseni hay sao?

Người đàn ông vùng Judee không nhắc đến lần ra ngoài ngăn ngủi của Peter vào sáng hôm trước. Khi thấy ông này lên ra phố, bàn tay áp sát đùi trái, ông đã đoán ra. Rồi trong ngày hôm đó, ông nghe thấy những lời đồn đại ở Jerusalem: người vùng Galilee bị một người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt nào đó sát hại chính là kẻ đã viện Chúa trời làm nhân chứng giữa mình và Caiphe ngày hôm qua. Anh ta chết là đúng thôi: Chúa trời đã phán xử, và đã chọn Iscariote.

- Tôi tin rằng, Peter mỉm cười cay đắng, đa số họ đang ngủ. Anh nói xem, người Esseni có sẵn sàng giúp chúng ta không?

- Có, tôi có tin tốt đây. Họ cho rằng Jesus là một Người Israel chân chính, và sẵn sàng dành cho Người một phần mộ tại một trong số các nghĩa địa của họ. Việc chuyển thi thể không thể tiến hành trước khi có tiếng tù và báo hiệu kết thúc Lễ Vượt qua. Anh biết rằng người Esseni rất nghiêm túc trong những vấn đề sạch sẽ trong nghi thức, họ sẽ không bao giờ đụng vào một xác chết chừng nào lễ hội chưa chính thức kết thúc. Trong một giờ nữa.

Peter ném sang ông một cái nhìn thận trọng.

- Họ sẽ chôn Người ở đâu? Ở Qumran ư?

Người đàn ông vùng Judee không vội trả lời. Ông nhìn thẳng vào mặt Peter.

- Tôi không biết gì cả, họ không nói gì với tôi.

“Họ sẽ nói với ta, nhưng người sẽ không biết đâu.

Không phải người, không bao giờ.”

17.

Cha Nil nhẹ nhàng khép cánh cửa thư viện lại. Ông đã từng tự do vào đây trong một thời gian dài. Nhưng từ khi thành lập học viện, người ta đã thay ổ khóa, ông không đặt chân vào cánh phía Bắc này từ bốn năm nay.

Ông nhận ra mùi hương quen thuộc, và khi nhìn lướt qua, ông thấy dường như không có gì thay đổi. Biết bao lần ông đã đến đây, bị một cuốn sách mới lôi cuốn! Nghĩa là làm quen với một người bạn mới, bắt đầu một cuộc trò chuyện mới. Sách là những người bạn đồng hành tin cậy: chúng hiền lành hoàn toàn, không giữ gìn, cho những người biết tìm hiểu chúng một cách tế nhị nhưng bền bỉ. Và cha Nil là người vô cùng bền bỉ.

Chìm trong môi trường vật chất chủ nghĩa ngay từ thời thơ ấu, nơi thành công trong xã hội là vị thần duy nhất được sùng bái, một ngày ông đã nhìn thấy một luồng ánh sáng. Như thế nào? Trí nhớ của ông đã mờ mất dấu vết này. Nhưng ngày đó ông đã *biết* rằng sự thật trên thế giới này không hạn chế ở cái mà chúng ta nhận thấy, đơn thuần ở cái vỏ bên ngoài. Thế là trong ông nảy sinh một điều hiển nhiên: biết được cái *vượt lên trên những vỏ bề ngoài* mới là việc phi thường nhất, mới minh chứng được việc một người dốc hết sức lực của mình trong suốt cuộc đời.

Kể từ đó, đối với ông, chuyến phiêu lưu nội tâm dường như đã trở thành điều duy nhất mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của một con người tự do. Và việc kiếm tìm điều vượt trên những cái bề ngoài trở thành điều duy nhất không bị gấn với bất kỳ sức ép nào từ bên ngoài.

Điều ông không hề biết khi bước vào thư viện phía Bắc, đó là ông đã nhầm. Bởi vì ông đã phải bước qua cánh cửa này bằng cách lấy trộm chìa khóa, và người bạn duy nhất của ông ở tu viện đã chết, có thể là vì đã bước qua cánh cửa này quá thường xuyên.

Trước mặt ông, hàng tá kệ sách xếp thẳng hàng, chứa trong mình kiến thức lịch sử của toàn thế giới.

- Sách không mang lại hiểu biết, cha Andrei đã từng nói với ông. Chúng là một loại thực phẩm thô. Việc của cha là phải tiêu hóa nó, nghĩa là phá dỡ nó ra trong khi đọc, sau đó xây dựng lại trong chính bản thân cha. Tôi đã nghiên cứu nhiều, cha Nil ạ, nhưng tôi học được ít. Đừng quên điều mà cha tìm kiếm: đó chính là bí ẩn của Chúa, điều nằm bên trên ngôn từ. Ngôn từ và ý tưởng chứa đựng trong sách sẽ dẫn dắt cha theo những hướng rất khác nhau, tùy theo cách cha sắp xếp chúng. Tất cả đều nằm ở đó, có sẵn trong những cuốn sách này: nhưng đa số mọi người chỉ thấy trên giá sách này những tảng

đá đặt lộn xộn. Việc của cha là dùng chúng để xây dựng một công trình có cấu trúc chặt chẽ. Chỉ có điều, cha hãy cẩn thận: không phải mọi kiểu kiến trúc đều có thể được chấp nhận, và không phải tất cả các kiểu kiến trúc đều đã được chấp nhận. Chừng nào cha còn ở trong cái được coi là chuẩn mực về mặt tư tưởng, cha sẽ không gặp vấn đề gì. Hãy nhắc lại điều người ta đã nói trước cha, hãy dựng lại công trình đã được quá khứ công nhận, và cha sẽ được tôn vinh. Nhưng nếu cũng với những tảng đá này, cha dựng nên một công trình mới, thì cha hãy cẩn thận...

Cha Nil nhận ra những kệ sách đầu tiên: thế kỷ XX. Viên thủ thư thời kỳ sau chiến tranh - giờ đây ông ấy đang yên nghỉ ở nghĩa trang - đã không tuân thủ chặt chẽ Hệ thống phân loại phổ thông của Dewey, mà theo một cách thức tiện lợi hơn cho các tu sĩ là sắp xếp theo thứ tự niên đại. Như vậy, những kệ sách mà cha Nil quan tâm nằm ở đầu kia. Ông đi tiếp.

Và bỗng mở tròn mắt.

Cách đây bốn năm, chỉ hai kệ là đủ để chứa các tài liệu về thế kỷ I, được sắp xếp theo nguồn gốc địa lý: Palestine, phần còn lại của Trung Đông, phương Tây dùng ngôn ngữ Latin, phương Tây dùng ngôn ngữ Hy Lạp... Thế mà trước mắt ông bây giờ là cả nửa tá kệ sách. Ông bước đến khu vực tài liệu về Palestine: gần hai kệ! Những văn bản mà ông đã uống công tìm kiếm trong thư viện duy nhất ông có quyền tiếp cận, những tài liệu về cách chú giải Kinh Thánh Midrash trong thời kỳ của người Do Thái sùng nghi thức đạo, những Thánh vịnh và văn tự thông thái không có cả trong kinh Cựu ước lẫn kinh Tân ước...

Bước thêm vài bước nữa, ông đến trước kệ sách chỉ có một nhãn duy nhất: “Qumran”. Vừa đưa tay lướt qua các cuốn sách, đột nhiên ông dừng lại. Ở đó, xếp giữa những bản in các bản thảo có nguồn gốc từ vùng biển Chết, ngón tay ông vừa chạm vào một tập dày. Trên gáy tập bản in không hề có tên tác giả hay tên nhà xuất bản, mà chỉ có ba chữ cái do tay cha Andrei viết: M M M.

Tim đập mạnh, cha Nil kéo tập sách về phía mình. M M M, chính là ba chữ cái mà cha Andrei đã viết ngay trước khi chết!

Dưới ánh sáng mờ nhạt hắt xuống từ đèn trần nhà, ông mở tập sách ra. Đây không phải là một cuốn sách, mà chỉ là một tập bản sao: cha Nil nhận ra ngay thuật viết đặc thù của các bản thảo vùng biển Chết. Như vậy, M M M chỉ đơn giản là “Manuscripts de la mer Morte” ^[9]... Những bản thảo này từ đâu đến?

Phía cuối trang đầu tiên, ông luận ra được một con dấu in bằng mực xanh đã phai màu: “Thư viện Huntington, San Marino, California”.

Những bản thảo của người Mỹ!

Một hôm, cha Andrei đã nói với ông bằng giọng thì thầm, mặc dù cửa văn phòng của ông đang đóng:

- Các bản thảo vùng biển Chết đã được phát hiện ngay trước khi Nhà nước Israel ra đời, vào năm 1947-1948. Trong bối cảnh lộn xộn khi đó, nơi này là một cái chợ hỗn độn, nơi kẻ nào cũng cố gắng mua - hoặc ăn cắp - những cuộn giấy này càng nhiều càng tốt, vì người ta cho rằng chúng sẽ làm một cuộc cách mạng đối với đạo Cơ Đốc. Người Mỹ đã cuồn được một số lượng lớn. Từ đó, nhóm nghiên cứu quốc tế phụ trách việc công bố các bản thảo này đã cố gắng hết sức để trì hoãn việc xuất bản. Thấy thế, thư viện Huntington đã quyết định công bố tất cả những gì họ có, bằng cách sao lại và phân phối trong phạm vi bí mật. Tôi hy vọng một ngày nào đó - ông nở một nụ cười ranh mãnh - chúng ta có thể sở hữu một tập ở đây. Đây là bản in lậu những tác phẩm bị kiểm duyệt, cứ như là trong thời kỳ Xô Viết ấy, người ta phải lén lút truyền nhau những bản thảo này!

- Tại sao thế, cha Andrei? *Ai* ngăn chặn việc xuất bản các bản thảo này? Và tại sao người ta lại lo sợ rằng cuối cùng chúng sẽ bị khám phá?

Như thỉnh thoảng lại xảy ra trong những lần trò chuyện của họ, cha Andrei chìm trong im lặng ngái ngái. Và ông ấy nói sang chuyện khác.

Cha Nil ngái ngái một lúc: đúng ra, ông không thể mượn tập bản thảo này. Mỗi khi một tu sĩ mượn một cuốn sách trên giá, người đó phải đặt vào vị trí cuốn sách một “bóng ma”, tức là một lá phiếu có chữ ký của mình và ngày mượn. Hệ thống này nhằm tránh mất sách, nhưng cũng cho phép giám sát công việc trí óc của các tu sĩ. Cha Nil biết rằng, từ một thời gian trở lại đây, việc giám sát này rất chặt chẽ.

Ông nhanh chóng quyết định: “Người thay thế cho cha Andrei còn chưa được chỉ định. Với đôi chút may mắn, sẽ không ai nhận thấy có một cuốn sách biến mất mà không có bóng ma, chỉ trong một đêm duy nhất.”

Như một tên trộm, ghì chặt thứ vừa ăn cắp được vào ngực, ông tiến về phía cửa và lén ra ngoài thư viện: hành lang cánh Bắc trống trơn.

Ông có một đêm: một đêm dài làm việc bí mật.

Trên kệ “Qumran” của thư viện khoa học lịch sử, một khoảng trống há hốc không có bóng ma cho thấy hôm nay một tu sĩ đã vi phạm một trong những quy định chặt chẽ nhất của tu viện Saint-Martin.

18.

Cách đó vài kilomet, trong đêm khuya, khi cha Nil đang lật từng trang bản thảo M M M dưới ánh đèn chụp trong phòng mình (ông đã bịt ô kính trên cửa sổ phòng bằng một cái khăn mặt, hành động chống đối thứ hai trong ngày), hai người đàn ông lặng lẽ bước xuống từ một chiếc xe phủ đầy bụi. Vừa thối vào những ngón tay bị tê cứng vì cái lạnh thánh Mười một, tên lái xe vừa quan sát nhà thờ nhỏ nơi những ô kính màu bằng alêbát đang nhẹ ánh lên trong đêm. Cảm thấy trong lòng dâng lên một làn sóng phấn khích mạnh mẽ, hấn rùng mình, gương mặt chợt đông cứng lại.

Hành khách còn lại tiến lên trước một bước và xem xét xung quanh: ngôi làng đang ngủ. Đằng trước chúng, hàng rào lỏng lẻo của công trường chắc là có thể kéo ra rất dễ dàng, và chúng sẽ mang phiến đá ra một cách thoải mái. Trò trẻ con thôi!

Hắn quay lại.

- *Bismillah, yallah!* ^[10]

Người đồng hành của hắn cầm một cái túi bằng da.

- *Ken, baruch Adônai!* ^[11]

Vài phút sau, chúng quay ra, khệ nệ khiêng theo một phiến đá nặng. Trong khi chúng luôn lách giữa những tấm ván hàng rào, tên lái xe cố chế ngự nhịp tim: “Mình phải trấn tĩnh lại...”

Quảng trường của ngôi làng vẫn vắng vẻ và yên ắng. Chúng dựng phiến đá trong cốp xe, rồi tên lái xe ngồi vào trước tay lái, thở dài: chặng đường đến tận Roma sẽ dài lắm đây... Trước khi đóng cửa, ánh đèn trên trần xe soi sáng mái tóc vàng hoe của hắn, nơi một vết sẹo chạy từ tai trái mắt hút vào trong.

Viên ngọc thạch anh có điểm những đốm đỏ và được viền khung bạc của Đức ông Calfo hắt ra một tia sáng, trong khi bàn tay mũm mĩm của ông lướt trên mái tóc rục rờ của cô gái. Ông những muốn tái tạo lại, vào cuối thế kỷ XX này, những điều tinh tế của thời Cổ đại: tầng hầm của Roma chứng tỏ nhà thờ và đền thờ các vị thần luôn tạo thành một thể thống nhất hữu cơ. Cùng một cánh cửa dẫn đến những ngọn nguồn của cùng một cảm giác ngây ngất.

Trong không khí tĩnh mịch tại căn hộ của ông ở gần lâu đài San Angelo, nơi chỉ nghiêng người là có thể thấy mái vòm uy nghi che trên phần mộ Thánh Peter, ông hài lòng vì tối nay toàn bộ trang phục trên người chỉ bao gồm chiếc nhẫn Giám mục.

“Sự hợp nhất giữa thánh thần và thể xác... Nếu Chúa đã hiển linh trong hình hài Jesus-Christ thì đó là để thực hiện sự hợp nhất này. Nào, người đẹp của ta, hãy khiến ta lên trời đi!”

19.

Kinh Phúc âm theo Marc và Luc

Từ Đèn thờ, tiếng tù và vang vọng chào đón ánh mặt trời, đánh dấu chấm hết Lễ Vượt qua vào sáng Chủ nhật ngày mùng 9 tháng Tư. Bốn thanh niên cả quyết bước vào nghĩa trang nằm phía trước cửa Tây thành Jerusalem. Một trong số họ mang một cái đòn bẩy: cần phải đẩy tảng đá đặt trên mộ sang một bên, chúng nặng vô cùng. Họ đã quen với việc này.

Khi bước vào trong hầm mộ, họ thấy thi thể một người bị tử hình được đặt sơ sài trên một tảng đá trung tâm, trên mình vẫn còn hằn rõ những vết roi và vết đóng đinh. Bên sườn, một vết thương hở vẫn để rỉ ra một chút máu. Họ buột miệng rên lên:

- Thượng đế ơi! Hãy xem chúng đã làm gì con trai Người, những nhà tiên tri Israel! Hãy để sự trừng phạt của Người vì những giọt máu này gọi lên đầu chúng! Người đàn ông chân chính này đã phải chịu biết bao đau đớn!

Sau khi đọc xong kinh *Qaddish*, họ choàng lên người những chiếc áo dài màu trắng: đối với họ, chuyển một thi hài đến miền đất trong sạch là một hành động tôn giáo, trang phục màu trắng là điều bắt buộc. Hơn nữa trang phục này sẽ khiến những người Do Thái hành hương nhận ra họ - những người này đã quen nhìn thấy người Esseni vận chuyển các thi thể để mai táng lại trong các nghĩa địa của mình.

Hai trong số họ đã sẵn sàng khiêng thi thể. Nhưng vì vào tối thứ Sáu, mọi việc đã diễn ra rất nhanh, nên hôm nay thân quyến của người quá cố hẳn sẽ đến để hoàn tất nghi lễ xức dầu. Nếu họ phát hiện hầm mộ trống không thì sẽ hoảng lên mất: cần phải báo cho họ.

Hai người còn lại, vẫn mặc trang phục trắng, đứng luôn ở đầu và cuối tảng đá liệm, trong khi hai người đồng hành của họ bắt đầu chuyển đi dài mang thi thể đến một trong những nghĩa trang của người Esseni trong sa mạc.

Họ không phải chờ đợi lâu: mặt trời vẫn còn thấp ở phía chân trời, họ đã nghe thấy tiếng bước chân lén lút. Những người phụ nữ thân thích với Jesus.

Khi nhìn thấy tảng đá nặng nề đặt trên mộ bị dịch chuyển sang một bên, những người phụ nữ giật

này mình. Một trong số họ tiến lên một bước, và kêu lên một tiếng kinh hoàng: hai sinh vật mặc đồ trắng đứng trong hầm tối của ngôi mộ, có vẻ như đang chờ đợi họ. Khiếp sợ, bà lắp bắp hỏi, và được hai người đó trả lời một cách ung dung. Khi hai người này tỏ vẻ sắp bước ra để trả lời họ chi tiết hơn, thì những người phụ nữ quay gót chạy trốn, kêu rối rít như một bầy chim.

Hai người Esseni nhún vai. Tại sao các tông đồ của Jesus lại cử phụ nữ đến đây, trong khi lẽ ra chính họ phải đến? Dù sao, nhiệm vụ của họ đã kết thúc. Chỉ còn việc dọn dẹp lại chỗ này trước khi đi.

Họ cởi áo choàng trắng và định dịch chuyển tảng đá trên mộ: vô ích, vì họ chỉ còn có hai người, mà tảng đá thì quá nặng. Để mặc hầm mộ mở toang, họ ra khỏi khu vườn và ngồi sưởi nắng. Người đàn ông vùng Judee, người đã thu xếp mọi chuyện sẽ đến gặp họ: phải chờ ông ta.

20.

Calfo xoay tròn cái roi một lần nữa, nó đập xuống xương bả vai ông. Chiếc roi tự phạt bằng kim loại, theo quy định chỉ được Hội sử dụng trong những dịp hiếm hoi, được tết bằng dây mảnh có dính những hình cầu nhỏ bằng nhôm. Thông thường, máu sẽ chảy ra vào khoảng tiết thứ mười bảy của bài Thánh vịnh *Miserere* - ở đây cũng được coi như một loại đồng hồ cát cho hình phạt này. Đến tiết thứ hai mươi một và cũng là tiết cuối cùng, phải có vài giọt máu đỏ bắn lên bức tường phía sau tu sĩ tự phạt bằng roi.

Nghi lễ hành xác này nhắc đến ba mươi chín roi Jesus phải chịu trước khi bị đóng đinh câu rút. Được một tên lính tráng kiện điều khiển, với những hòn bi bằng chì có kích thước bằng quả ô liu, ngọn roi La Mã xưa rạch nát thịt, thấu đến tận xương, và thường đánh chết người.

Alessandro Calfo không hề có ý định chết vì hình phạt đánh roi mà ông đang bắt mình phải chịu: một *kẻ khác* sắp phải chết, và nỗi đau đớn này sẽ là một bằng chứng kỳ diệu thể hiện tình đoàn kết anh em. Ông thậm chí còn không có ý định làm xước làn da mịn màng trên vùng lưng mũm mĩm của mình: chắc là cô gái sẽ quay lại vào tối thứ bảy.

“Ba ngày trước khi ‘kết thúc sứ mệnh’ của người anh em đã trở nên già lão của chúng ta”

Khi đưa cô gái đến cho ông, điệp viên người Palestine đã nói trước:

- Sonia là người Rumani, thừa Đức ông, đó là một cô gái đáng tin cậy. Với cô ta, ngài không cần phải lo ngại về những vấn đề cô gái lần trước đã gây ra... Đúng thế, tuyệt đối an toàn, *bismillah*, lạy Chúa!

Những năm làm công sứ Toà Thánh ở Hy Lạp đã dạy ông sự cần thiết phải có điều đình với những việc khẩn cấp mâu thuẫn với nhau. Ông nhắm mắt và chuẩn bị vung tiếp roi lên phía bả vai: bởi vì điều đình không có nghĩa là nhượng bộ. Mặc dù sắp có một cuối tuần yên ả cùng Sonia, ông vẫn không huỷ bỏ việc thực hiện nghi lễ tự phạt bằng roi, bằng chứng xác thực thể hiện tình đoàn kết đối với một trong các thành viên của Hội. Ông sẽ dàn xếp được giữa tình anh em và yêu cầu phải đảm bảo cho làn da mịn màng của mình được vẹn toàn: hình phạt roi sẽ chỉ diễn ra trong khoảng thời gian một bài kinh *De Profundis*.

Đó cũng là một bài kinh sám hối giống như *Miserere*, và hẳn là sẽ mang lại một giá trị rất thoả đáng cho nỗi đau đớn mà ông bắt mình phải chịu vì đức hạnh Cơ Đốc.

Nhưng kinh *De Profundis* chỉ gồm có tám tiết, nên chỉ dài bằng một phần ba bài kinh *Miserere* dài vô tận kia.

21.

Cha Nil tháo kính ra, matxa đôi mắt đang cay sè và lùa bàn tay vào mái tóc xám cắt ngắn. Cả một đêm xem xét tỉ mỉ bản sao của các bản thảo M M M! Ông đẩy ghế đầu, đứng dậy và đến tháo chiếc khăn mặt che kín cửa sổ ra. Những bài kinh mừng của lễ nhật tụng đầu tiên trong buổi sáng sắp sửa vang lên: sẽ chẳng còn ai ngạc nhiên khi nhìn thấy ánh sáng trong phòng ông.

Qua ô cửa sổ, ông ngắm nghía một lát nền trời đen của vùng Val-de-Loire vào mùa đông. Mọi thứ đều tối tăm, ở bên ngoài cũng như trong lòng ông.

Ông quay lại bên bàn và nặng nề ngồi xuống. Ông có vóc người mảnh dẻ, nhỏ nhắn: vậy mà ông cảm thấy quá đồi nặng nề. Trước mặt ông rải rác những chồng giấy ghi chép viết tay, những ghi chép ông đã thực hiện trong suốt đêm dài vừa qua, được sắp xếp cẩn thận thành từng chồng riêng biệt. Ông thở dài.

Những nghiên cứu về kinh Phúc âm theo Thánh Jean đã dẫn ông đến chỗ phát hiện ra một nhân vật bí hiểm, một người đàn ông vùng Judee chỉ xuất hiện thoáng qua trong văn bản và đóng vai trò chủ chốt trong những ngày cuối cùng của Jesus. Người ta không biết gì về ông ta, kể cả tên gọi, nhưng ông ta tự gọi mình là “môn đồ cưng”, và nói mình là người đầu tiên gặp Jesus bên bờ sông Jordan, trước cả Peter. Và cũng là một trong số những thực khách tham dự bữa tiệc cuối cùng, trong căn phòng lớn - căn phòng này hẳn là nằm trong chính ngôi nhà của ông ta. Ông ta kể rằng đã nằm cạnh Thầy, vị trí danh dự. Miêu tả việc đóng đinh câu rút, tả nắm mồ trống rỗng, với cách thức và giọng điệu chân thực của một người đã tận mắt chứng kiến sự việc.

Một người chủ chốt biết rõ Jesus và những ngày đầu của nền Cơ Đốc Giáo, một người thân cận mà lời chứng có tầm quan trọng cao nhất. Kỳ lạ là sự tồn tại của nhân chứng quan trọng này đã bị cẩn thận tẩy xóa khỏi tất cả các văn tự của kinh Tân ước. Kể cả kinh Phúc âm khác, những lá thư của Paul, thư của các Tông đồ đều không nói đến sự tồn tại của ông ta.

Tại sao người ta lại quyết liệt mong muốn xóa bỏ một nhân chứng có tầm quan trọng nhường ấy? Phải có một lý do vô cùng nghiêm trọng mới có thể thúc đẩy việc xóa bỏ hoàn toàn dấu vết của người này trong ký ức của đạo Cơ đốc. Và tại sao những người Esseni không bao giờ được nhắc đến trong thời kỳ đầu của Giáo hội? Tất cả những chuyện này hẳn phải liên quan đến nhau: cha Nil chắc chắn về

điều đó, và cha Andrei đã khuyến khích ông lần theo sợi dây bí ẩn nối kết những sự kiện đã vĩnh viễn in dấu trong Lịch sử phương Tây.

- Người mà cha phát hiện ra khi nghiên cứu kinh Phúc âm, tôi nghĩ rằng bản thân tôi cũng đã bắt gặp trong lĩnh vực của tôi, những bản thảo từ thế kỷ III đến thế kỷ VII.

Đang ngồi đối diện ông trong văn phòng, cha Nil nảy người lên.

- Cha muốn nói rằng cha đã thấy lại dấu vết của người “môn đồ cung” trong những văn tự ra đời sau kinh Phúc âm à?

Cha Andrei nheo đôi mắt trên khuôn mặt tròn.

- Ô, những dấu hiệu này hẳn đã không khiến tôi chú ý nếu chính cha không kể với tôi về những điều cha phát hiện ra! Những dấu vết vô cùng nhỏ, cho đến khi Vatican gửi cho tôi bản thảo tiếng Ai cập cổ tìm thấy được ở Nag Hamadi – ông phác một cử chỉ về phía chiếc cặp xếp giấy tờ của mình.

Ông nhìn người bạn đồng hành của mình với vẻ ngẫm ngợi

- Chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu theo hướng của mỗi người. Hàng chục chuyên gia chú giải và sử học cũng đang làm như vậy mà không hề bị quấy rối chút nào. Tuy nhiên, với một điều kiện: các công trình của họ phải tách biệt nhau, không ai được có ý định kết nối các thông tin này lại. Cha có biết vì sao việc tiếp cận các thư viện của chúng ta lại bị hạn chế không? Chừng nào mỗi người chỉ dừng lại trong chuyên môn của riêng mình, anh ta sẽ không có nguy cơ bị kiểm soát hay trừng phạt và tất cả các Giáo hội có thể tự hào khẳng định rằng trong lãnh địa của mình, quyền tự do suy nghĩ là trọn vẹn.

- Tất cả các Giáo hội?

- Ngoài Giáo hội Công giáo, còn có đông đảo những người theo đạo Tin Lành – và trong số họ là những người theo trào lưu chính thống hiện đang rất mạnh, nhất là ở Mỹ. Rồi còn người Do Thái, và Hồi Giáo...

- Người Do Thái thì có lẽ là chính xác – mặc dù tôi không hiểu vì sao việc chú giải một văn tự trong kinh Tân ước lại liên quan tới họ, vì họ chỉ thừa nhận kinh Cựu ước. Nhưng còn người Hồi giáo thì sao?

- Cha Nil, cha Nil... cha đang sống ở thế kỷ I tại Palestine, nhưng tôi thì đã lần đến thế kỷ VII kia! Muhammad đã viết trong kinh Coran vào năm 632. Cha nhất thiết phải nghiên cứu văn bản này, không chậm trễ. Và cha sẽ phát hiện ra rằng nó có liên quan chặt chẽ đến những biến động và số phận của người đàn ông mà cha đang tìm kiếm dấu vết, nếu ông ta thực sự đã từng tồn tại!

Một lúc im lặng, cha Nil ngẫm nghĩ, không biết tiếp tục câu chuyện từ đâu.

- *Nếu ông ta đã từng tồn tại... vậy cha nghi ngờ sự tồn tại của người này bên cạnh Jesus?*

- Chắc là tôi sẽ nghi ngờ nếu không theo sát nghiên cứu của cha. Cha đã vô tình thúc đẩy tôi xem xét những đoạn cho đến nay vẫn không được để ý đến trong văn học Cổ đại. Cha đã vô tình giúp tôi hiểu được ý nghĩa của một bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ tối nghĩa mà tôi phải nghiên cứu và báo cáo kết quả về Roma – tôi nhận được bản sao của bản thảo này đã sáu tháng nay, thế mà vẫn chưa biết phải xoay xở thế nào với bản báo cáo, tôi bối rối quá. Roma đã nhắc nhở tôi một lần về việc này, tôi e sẽ bị triệu tập nếu vẫn chậm trễ.

Cha Andrei đã bị triệu về Roma.

Và không bao giờ quay về căn phòng yên tĩnh này nữa.

Chuông điểm từng tiếng trong đêm tháng Mười một, cha Nil đi xuống và bước vào vị trí quen thuộc của mình trong gian thờ của tu viện. Cách ông vài mét về phía bên phải, một chiếc ghế vẫn trống khuyết một cách ngoan cố: cha Andrei... Nhưng tâm trí ông không thể nào tập trung được vào những cung bậc chậm rãi của giai điệu Grégoire mà vẫn chìm trong những bản thảo ông vừa giải mã suốt đêm qua. Một thời gian trở lại đây, điều từng là niềm tin của ông trong suốt cuộc đời bị cắt xén dần, từng mảnh từng mảnh một.

Tuy nhiên, thoát nhìn, các bản thảo M M M không cho thấy bất kỳ điều gì nhạy cảm. Phần lớn các bản thảo này có nguồn gốc từ thư viện bị phân tán của người Esseni vùng Qumran: những luận bàn về Kinh Thánh theo cách của các pháp sư Do Thái, những đoạn giải thích về cuộc chiến giữa cái Tốt và cái Xấu, giữa những người con của ánh sáng và những người con của bóng tối, vai trò trung gian của một người Thầy Công Lý... Bây giờ người ta biết rằng Jesus không thể là người Thầy Công Lý này. Đã có lúc say sưa với những phát hiện tại biển Chết, công chúng liền nhanh chóng thất vọng. Chẳng có gì ly kỳ hết... và những văn tự mà ông cặm cụi đọc suốt đêm qua cũng không phải ngoại lệ.

Nhưng đối với một trí óc tinh nhanh như của ông, điều ông vừa đọc khẳng định toàn bộ những nhận xét mà ông đã cẩn thận ghi chép lại. Những ghi chép này chưa hề ra khỏi phòng ông, không ai biết đến – trừ cha Andrei, người mà ông không che giấu bất cứ bí mật nào.

Các ghi chép này đặt ra việc xem xét lại toàn bộ những điều cho đến nay vẫn được nói về nguồn gốc của đạo Cơ Đốc, nghĩa là nền văn hoá và văn minh của toàn bộ phương Tây.

“Từ San Francisco đến Vladivostok, mọi thứ đều dựa trên một định thể duy nhất: Christ có lẽ là người sáng lập ra một tôn giáo mới. Thiên chất của Người có lẽ đã được tiết lộ với các tông đồ bởi những lưỡi lửa trù lên họ vào ngày lễ Hạ Trần. Có thể có một thứ *trước* ngày đó, kinh Cựu ước, và một thứ *sau* ngày đó, kinh Tân ước. Thế mà điều này lại không chính xác, thậm chí còn sai!”

Cha Nil bất giác thấy mình đang đứng trong gian thờ, trong khi các đạo hữu của ông vừa rạp người xuống để hát kinh *Gloria Patri*. Ông nhanh chóng theo tư thế rạp người trong hàng của mình. Từ hàng phía trước, Cha tu viện trưởng ngẩng đầu lên và quan sát ông.

Ông định theo sát hơn diễn biến của buổi lễ, nhưng đầu óc ông lại đang phi nước đại như một con ngựa điên cuồng: “Ta đã phát hiện ra trong các bản thảo vùng biển Chết những khái niệm là *cơ sở*

để thiên chất của Jesus được thực hiện. Nhưng vì không có học nên các tông đồ không đủ khả năng để làm điều đó: họ đã vay mượn những gì người ta nói quanh họ, điều mà tất cả chúng ta đều không biết – cho đến khi phát hiện ra những văn tự ở Qumran.”

Lần này, ông là người duy nhất quay mặt vào hàng đối diện, trong khi tất cả mọi người đều đã xoay người xếp thành một khối duy nhất quay mặt về phía điện thờ, để hát kinh *Lạy Cha*.

Cha tu viện trưởng cũng không nhìn lên điện thờ, ông quay đầu sang phải và nhìn cha Nil về nghĩ ngợi.

Hết lễ kinh mừng, ông bị một sinh viên tóm cổ, anh ta nhất thiết muốn ông cho lời khuyên về khoa luận đang làm. Cuối cùng, vừa được giải phóng khỏi kẻ quấy rầy, ông vội lao như một cơn gió về phòng mình, nhặt tập bản thảo M M M trên mặt bàn đầy ngọn giấy tờ, và không chần chừ luôn xuống dưới khăn choàng vai. Rồi với vẻ tự nhiên nhất, ông tiến về phía thư viện cánh giữa.

Hành lang vắng ngắt. Tim đập mạnh, ông di qua cánh cửa thư viện Khoa học Kinh Thánh, rồi cánh cửa văn phòng cha Andrei, và tiếp tục đi đến tận góc giữa hai cánh cửa tu viện: dọc hành lang cánh phía Bắc cũng không có một ai.

Cha Nil tiến lại gần cánh cửa mà ông không được phép bước qua – cánh cửa thư viện Khoa học lịch sử - rút từ túi ra chùm chìa khoá của cha Andrei, tra một trong hai chiếc chìa khoá nhỏ vào ổ. Liếc nhìn hành lang một lần cuối: vắng vắng ngắt.

Ông bước vào.

Không ai đến thư viện vào lúc sáng sớm như thế này. Tuy nhiên, ông không muốn mạo hiểm bật hệ thống chiếu sáng chung, làm thế có thể để lộ ông đang có mặt tại đây. Vài ngọn đèn nhỏ vẫn được thấp thường xuyên và toả ra một thứ ánh sáng yếu ớt vàng vọt. Ông tiến về phía cuối thư viện, rẽ phải đến kệ sách thế kỷ I, và nhanh chóng để lại tập tài liệu M M M vào đúng chỗ mà ông đã lấy tới qua. Sau đó biến đi, không để ai nhìn thấy.

Vừa đến vị trí dành cho các bản thảo ở thế kỷ III, tay phải quờ quạng để định hướng, ông nghe thấy tiếng mở cửa trầm đục ở đầu kia phòng. Gần như ngay lập tức, ánh sáng chói lọi tràn ngập toàn bộ thư viện.

Ông đang đứng ngay giữa lối đi trung tâm, tay phải đưa ra phía trước, một cuốn sách bị cầm dưới cánh tay trái, trong một nơi lẽ ra ông không bao giờ được vào, nơi mà ông không thể có chìa khoá. Dường như các kệ sách ở hai bên đang giãn ra, khiến ông càng trở nên cô độc và phơi mình ra trước những ánh nhìn. Những chiếc đèn chiếu như nhảy ra khỏi tường và trút lên ông những lời trách móc không thương xót: “Cha Nil, cha làm gì ở đây? Làm thế nào mà cha lại có được chiếc chìa khoá này? Cuốn sách này là cái gì? Và tại sao, đúng, tại sao cha lại mượn nó tới qua? Cha đang tìm kiếm gì thế, cha Nil? Đêm qua cha có ngủ không? Tại sao buổi lễ sáng nay cha lại vắng mặt như vậy?”

Ông sắp bị phát hiện, và đột nhiên ông nghĩ đến những lời căn dặn thường xuyên của cha Andrei.

Rồi đến thi thể đông cứng bởi cái chết của ông ấy, trên nền đường đá chạy dọc tuyến Roma Express, nắm tay tức giận chỉ lên trời.

Như thế để buộc tội kẻ đã sát hại ông.

22.

Kinh Phúc âm theo Jean.

Sáng sớm chủ nhật ấy, những người phụ nữ từ hầm mộ quay về, vẫn kinh hoàng vì thấy nó rỗng không. Họ kể với các tông đồ đang hoài nghi câu chuyện về những người đàn ông mặc đồ trắng, chỉ có thể là các thiên thần mới bí ẩn đến thế. Peter buộc họ im lặng: “Các thiên thần! Đúng là những chuyện lẩn thẩn của đàn bà.” Người đàn ông vùng Judee ra hiệu cho ông. Hai người kín đáo ra khỏi nhà.

Lúc đầu, họ lặng lẽ đi, rồi sau đó bắt đầu chạy. Nhanh chóng bị rớt lại sau, Peter mệt đứt hơi mới đến được khu vườn: hai người Esseni đã bỏ đi mà không đợi ông, nhưng người cùng đi với ông, người đến trước, nói với vị tông đồ rằng ông ta đã kịp nói chuyện với họ. Lại một lần nữa ông ta thắng thế, lại một lần nữa ông ta là nhân chứng may mắn.

Giận điên người, Peter một mình quay về căn phòng lớn: không một lời giải thích, người đàn ông vùng Judee rẽ sang đường khác, và đi về phía một ngôi nhà sang trọng trong khu phố Tây.

Giáo phái của người Esseni ra đời từ hai thế kỷ trước. Giáo phái này bao gồm những cộng đồng tu sĩ sống tách biệt khỏi thế giới như cộng đồng ở Qumran, và những cộng đồng vô thần sống lẫn trong xã hội của người Do Thái. Cộng đồng người Esseni ở Jerusalem là đông đảo nhất, thậm chí còn được lấy tên để đặt cho khu phố Tây của thành phố. Eliézer Ben –Akkai là người đứng đầu cộng đồng này.

Ông nồng nhiệt đón chào vị khách viếng thăm.

- Từ lâu ông đã là người của chúng tôi, nếu không trở thành học trò của Jesus, chắc ông sẽ kế vị tôi. Ông biết đấy, người Do Thái dòng Đền ghét chúng tôi và không chấp nhận để chúng tôi chôn người của mình trong các nghĩa trang tách biệt hẳn với nghĩa trang của họ. Một số nghĩa trang của chúng tôi phải giấu ở giữa sa mạc. Những bàn tay dơ bẩn sẽ không bao giờ làm uế tạp được các nấm mồ của chúng tôi.

- Tôi biết tất cả những điều đó, thưa thầy, và tôi chia sẻ nỗi lo lắng của thầy trong việc giữ gìn nơi an nghỉ cuối cùng cho những Người con chân chính của Israel.

- Jesus xứ Nazareth là một trong số những Người con chân chính đó. Vị trí cuối cùng đặt mộ phần của Người phải được giữ bí mật.

- Eliézer... giờ đây thầy đã già rồi. Thầy không thể là người duy nhất biết mộ phần của Jesus đặt ở đâu.

- Hai con trai tôi, Adôn và Oasis chính là người mang thi thể Người đến đó. Cũng như tôi, chúng biết vị trí nằm mộ và chúng sẽ truyền lại bí mật đó.

- Thế nếu có chuyện gì xảy ra với họ? Thầy phải tiết lộ bí mật đó cho cả tôi nữa.

Eliézer Ben –Akkai vuốt chum râu mảnh của mình một lúc lâu. Vị khách của ông nói đúng, nền hoà bình của Roma vô cùng mỏng manh , tất cả đều có thể nổ tung bất cứ lúc nào. Ông đặt hai bàn tay lên vai người khách.

- Người anh em, anh xứng đáng với lòng tin của chúng tôi. Nhưng nên biết rằng nếu ông giao di hài những người đã khuất của chúng tôi vào bàn tay căm hận của kẻ thù chúng tôi, thì chính thượng đế sẽ là người phán xử giữa chúng tôi và ông!

Ông đưa mắt nhìn quanh căn phòng, nơi những người Esseni đang đi lại .Đi tách về phía cửa sổ, ông ra hiệu cho người đối thoại theo mình.

Ghé miệng vào tay người đó, ông thì thầm vài câu.

Khi chia tay trong im lặng, hai người đàn ông nhìn nhau rất lâu. Gương mặt vô cùng nghiêm trang.

Trên đường trở về nhà mình, người đàn ông vùng Judee mỉm cười. Mộ phần của Jesus sẽ không trở thành khoản đặt cược cho quyền lực.

23.

Vẫn còn bị loá mắt vì ánh sáng chói loà vừa ngập tràn thư viện, cha Nil liếc nhìn vào dãy giá sách gần nhất: phần giữa của dãy này trống trơn, và trơn nhẵn như lòng bàn tay. Ông bước một bước, tận cuối dãy chứa sách của thế kỷ II, người ta đã đặt hai hộp các tông lớn, những cuốn sách đang chờ được sắp xếp. Ông nhanh nhẹn luồn ra phía sau hai chiếc hộp, trong lúc đó ông nghe thấy tiếng sột soạt đặc trưng của chiếc áo tu sĩ đang mỗi lúc một gần. Một chiếc áo thầy tu bằng vải len búa, hay áo dòng của một trong các sinh viên theo chủ nghĩa nguyên vẹn? Nếu người đó đến tìm một cuốn sách trên kệ thế kỷ II thì ông thua cuộc. Nhưng có thể người đang tiến đến gần ông lúc này không đến để tìm một cuốn sách? Có thể người đó đã nhìn thấy ông vào đây và đang nuôi dưỡng những ý định khác?

Cha Nil rụt cổ sâu vào giữa hai vai.

Người đó đi qua kệ sách thế kỷ II mà không dừng lại. Núp trong vùng bóng tối ở cuối thư viện, phía sau những chiếc hộp các tông, cha Nil nín thở. Ông nghe thấy người đó bước đến bên kệ sách thế kỷ I, nơi ông đánh cắp tập bản thảo M M M hôm qua, và chợt tiếc đã không nghĩ đến việc xê dịch những cuốn sách bên cạnh để lộ hồng đờ phô ra.

Một khoảng thời gian chết, rồi ông nhận ra bước chân người đó lướt qua phía trước kệ sách mà ông đang núp và xa dần về phía cửa thư viện. Ông không bị phát hiện. Vị khách không mời mà đến này là ai? Có thể nhận ra bước chân của một tu sĩ trong số hàng ngàn bước chân: họ không bao giờ tiếp đất bằng gót, mà lướt bàn chân về phía trước, và bước đi như đang đi trên một chiếc đệm không khí.

Không phải là một trong số các sinh viên.

Hệ thống chiếu sáng trung tâm đột ngột tắt, và cha Nil nghe thấy tiếng cánh cửa khép lại, ổ khoá cũng tự động khớp lại. Trán xấp xấp ướt, ông chờ một lát rồi đứng dậy. Mọi thứ đều tối và im ắng.

Lúc ông đi ra sau khi đã đặt tập bản thảo M M M vào vị trí của nó, hành lang phía Bắc vắng hoe, bây giờ phải để lại chùm chìa khoá vào nơi ông đã lấy chúng. Cánh cửa văn phòng thủ thư vẫn không

khoá. Cha Nil bước vào, bật đèn trần: quần áo cha Andrei vẫn vắt lên lưng ghế phoai. Tim đập mạnh, ông cầm chiếc quần lên và bỏ chùm chìa khoá vào trong túi. Ông biết mình sẽ không bao giờ quay lại văn phòng này nữa - không bao giờ như trước đây nữa. Lần cuối cùng, ông đưa mắt nhìn giá sách nơi cha Andrei xếp những cuốn sách ông đã nhận, trước khi đưa chúng vào thư viện.

Trên đỉnh một chồng sách, ông thấy một cuốn không dán nhãn ghi mã phân loại. Nhan đề của nó khiến ông chú ý:

NHỮNG NGUY TÁC CUỐI CÙNG BẰNG

TIẾNG AI CẬP CỔ TỪ NAG HAMADI

Bản in có kèm lời bình

Của R.P. Andrei Sokolowski, O.S.B.

Nhà xuất bản Gabalda, Paris.

“Bản in những nguy tác mà ông ấy đã làm từ mười năm nay, cuối cùng nó cũng được phát hành!”

Cha Nil mở cuốn sách: một công trình học thức uyên bác lỗi lạc, được xuất bản dưới sự hỗ trợ của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp CNRS. Các trang bên trái là bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ mà cha Andrei đã kiên nhẫn chép lại, và trên các trang bên phải là bản dịch của ông ấy. Công trình cuối cùng của bạn ông, một bản di chúc.

Ông đã nắn nà quá lâu trong căn phòng này, và bỗng có một quyết định đột ngột. *Người ta đã ăn cắp* trong phòng ông mảnh giấy cuối cùng của cha Andrei, mảnh giấy chỉ gửi cho mình ông như một lời trăng trối. Vậy thì, cuốn sách mà bạn ông đã nhận được ngay trước khi đi, trong đó ông ấy đã dồn tụ tất cả học thức và tình yêu của mình, phải thuộc về ông, cha Nil. Cuốn sách còn chưa dán nhãn, vậy là chưa được tiếp nhận trong danh mục sách của tu viện, không ai trên thế giới này có thể biết nếu ông chiếm lấy nó hôm nay. Ông muốn cuốn sách này cho riêng mình. Vượt trên cả cái chết, cuốn sách này dường như là bàn tay đưa về phía ông từ một người không bao giờ còn công bố điều gì – không bao giờ còn ngồi trong chiếc ghế phoai này để nghe ông nói, đầu nghiêng nghiêng, một tia ranh mãnh ánh lên trong khe mắt hẹp.

Ông cả quyết luôn bản in Các nguy tác từ Nag Hamadi xuống dưới khăn choàng vai và bước ra hành lang.

Trong khi bước vào cầu thang, đầu óc tràn ngập nỗi cô đơn từ nay sẽ là của riêng ông, ông không nhận thấy một cái bóng áp sát tường, lúi vào trong cánh cửa lớn của Khoa học Kinh thánh. Đó là bóng một chiếc áo len búa của tu sĩ.

Trên mặt vải trơn nhẵn nổi lên chiếc thánh giá dài ngang ngực, một bàn tay phải đang bòn chôn vụn vụn nó. Trên ngón đeo nhẫn của bàn tay là một chiếc nhẫn rất đơn giản bằng kim loại, không hề lấp lánh tia sáng nào.

Cha Nil vào phòng mình, khép cánh cửa sau lưng và dừng phắt lại. Lúc trước, khi xuống dự lễ kinh mừng, ông đã cẩn thận xếp những ghi chép trong đệm thành từng chồng nhỏ riêng biệt. Giờ đây, những tờ giấy đang nằm rải rác như sau một cơn gió.

Vào một ngày tháng Mười một này, cửa sổ phòng ông đóng kín. Đóng kín từ hôm qua.

Người ta lại đến thăm phòng ông một lần nữa. Thăm viếng và lục lọi. Lục lọi và có thể đã đánh cắp một số tờ ghi chép của ông.

24.

Thư của các Tông đồ.

- Peter, điều gì đã xảy ra với thi thể của Jesus?

Peter đưa mắt nhìn quanh. Đã ba tuần kể từ khi Jesus chết, trong suốt thời gian đó ông không rời khỏi căn phòng lớn. Sáng nay, khoảng gần một trăm người ủng hộ đang ở đây, và cùng một câu hỏi được đặt ra từ khắp các phía.

Ở đầu kia của căn phòng, người chủ nhà đang đứng một mình, dựa lưng vào tường. Khoảng hai chục người ngồi quanh ông, đưa mắt hết nhìn ông lại nhìn về phía cửa sổ, dưới đó Mười một người đang kết thành một khối. Có lẽ là những người ủng hộ ông ta chăng? “Bây giờ, Peter nghĩ, là hắn – hoặc ta.”

Vị tông đồ nhìn mười người đồng hành của mình, André em ông, người đang cắn môi dưới, Jean và Jacques de Zébédée, Matthieu từng là người thu thuế... Không ai trong số họ có dáng dấp của một vị thủ lĩnh.

Phải có ai đứng dậy giữa đám đông đang mất phương hướng này. Đứng dậy và lên tiếng, đúng vào lúc này, chính là nắm lấy quyền lực.

Peter hít một hơi thật sâu, và đứng dậy. Ánh sáng từ cửa sổ chiếu sáng lưng ông, và mặt ông vẫn ở trong vùng bóng tối.

- Các anh em...

Mặc dù đã cố gắng, ông vẫn không thể biết được những người Esseni đã chôn thi thể của Jesus ở đâu, sau khi đã mang Người ra khỏi hầm mộ. “Và hắn ta, nhân chứng duy nhất cùng với ta, hắn có biết không? Đánh lạc hướng chú ý của những người này, và dứt khoát khẳng định quyền lực của ta.” Ông quyết định không đếm xỉa đến câu hỏi của đám đông, và nhìn họ với vẻ khinh bỉ. Ngay bây giờ, họ sẽ biết rằng ông chính là người thực hiện lời phán quyết của Chúa. Chúa đã sử dụng ông, và Chúa sẽ còn sử dụng ông.

- Các anh em, số phận của Judas phải được định đoạt. Hắn từng nằm trong số Mười hai người, và hắn đã phản bội: hắn đã bị ngã về phía trước, bụng phanh ra, ruột gan xổ tung trên cát.

Một bầu không khí im lặng chết chóc bỗng bao trùm căn phòng. Những chi tiết này chỉ có kẻ giết Judas mới có thể biết được. Người đó vừa thú nhận, một cách công khai, rằng bàn tay cầm thanh kiếm

đó không phải của bất kỳ một người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt nào: chính là bàn tay của người đó.

Ông nhìn chăm chú vào mặt từng người đã to tiếng yêu cầu ông giải thích về số phận thi thể Jesus: dưới cái nhìn của ông, từng người một sụp mắt xuống.

Đang đứng ở đầu kia căn phòng, môn đồ cũng vẫn không nói gì. Peter giơ tay.

- Chúng ta phải thay thế Judas, phải có một người khác đảm nhận công việc của hắn. Người đó phải được lựa chọn trong số những người đã đi cùng Thầy, từ khi gặp Thầy bên bờ sông Jordan cho đến phút cuối cùng.

Một tiếng thì thầm ủng hộ lan trong đám đông, và tất cả các con mắt đều hướng về phía người môn đồ cũng. Vì chỉ có ông mới có thể bổ sung cho đội ngũ mười hai tông đồ: ông là người đầu tiên gặp Thầy bên bờ sông Jordan, và cũng là người thân cận nhất của Thầy cho đến phút cuối cùng. Chính ông là người thích hợp nhất để thế chỗ Judas.

Peter nhận thấy điều mà đám đông cảm thấy.

- Chúng ta không phải là người lựa chọn! Phải để Chúa chỉ định tông đồ thứ mười hai thông qua việc rút thăm. Matthieu, hãy cầm lấy bút sậy của anh, và viết hai cái tên lên mảnh vỏ cây này.

Trước khi Matthieu thực hiện công việc, Peter nghiêng người về phía anh và thì thầm gì đó vào tai. Cựu nhân viên thu thuế nhìn ông với vẻ ngạc nhiên. Rồi anh gập đầu, ngồi xuống và nhanh chóng viết. Hai mảnh vỏ cây được đặt vào một chiếc khăn rồi Peter túm bốn góc khăn lại.

- Cậu lại đây, và nhặt một trong hai cái tên này lên. Và hãy để Chúa trời lên tiếng với chúng ta!

Một chàng trai trẻ đứng dậy đưa tay ra thọc vào trong cái khăn rồi lấy ra một trong hai mảnh vỏ cây.

Peter cầm lấy đưa lại cho Matthieu.

- Ta không biết đọc, hãy nói với chúng ta điều được viết trên đó.

Matthieu hắng giọng, nhìn vào mảnh vỏ cây và tuyên bố

- Tên của Matthias được viết ra!

Từ trong đám đông những tiếng phản đối bật lên.

- Các anh em. Peter phải hét lên để mọi người nghe thấy – chính Chúa trời vừa chỉ định Matthias đảm nhận vị trí của Judas! Chúng ta lại có mười hai người giống như trong bữa ăn cuối cùng mà Jesus đã ăn trước khi chết, ngay tại đây!

Gần như khắp cả phòng mọi người đều đứng dậy, trong khi Peter kéo Matthias về phía mình, hôn và để anh ngồi xuống giữa Mười một người. Rồi ông chăm chăm nhìn người môn đồ cũng, đang đứng cách ông một đám người ngồi. Lúc đó, một nhóm đông đặc những người ủng hộ đang vây quanh người

đó còn người đó vẫn đứng, mặt tối sầm. Át cả tiếng ồn, Peter hét lên:

- Mười hai bộ lạc đã nói thay cho Chúa: mười hai tông đồ sẽ nói thay Jesus, ở vị trí của Người hoặc nhân danh Người. Mười hai, và không thêm một người nào, *sẽ không bao giờ có tông đồ thứ mười ba!*

Người môn đồ cung chịu đựng cái nhìn của ông một lúc lâu, rồi nghiêng đầu, thầm thì vài lời vào tai một cậu bé có mái tóc quăn. Đột nhiên cảm thấy lo lắng, Peter luồn tay vào trong đường xẻ áo trong và nắm lấy chuôi thanh *sica*. Nhưng đối thủ của ông đã ra hiệu cho những người vây quanh mình, rồi lặng lẽ tiến ra phía cửa. Khoảng ba chục người theo gót ông, khuôn mặt không để lộ cảm xúc.

Vừa ra đến phố, ông quay lại: cậu bé đã lách đến bên ông, đưa cho ông mảnh vỏ cây còn lại, bị rơi khỏi chiếc khăn mà Peter đã bỏ đi sau khi cuộc lựa chọn của Chúa được công bố. Ông hỏi cậu bé:

- Iokhanan, không ai có thể nhìn thấy mảnh vỏ cây này chứ?

- Không ai cả, *abbou* ^[12], không ai khác ngoài Matthieu, người viết tên, Peter người đã đọc cho anh ta viết, và bây giờ là cha.

- Vậy thì, con của ta, hãy đưa nó cho ta và vĩnh viễn quên nó đi.

Ông đưa mắt nhìn mảnh phiếu bầu thứ hai được dành để Chúa lựa chọn, rồi mỉm cười với Iokhanan: cái tên được viết trên đó không phải của ông.

“Như vậy, Peter, người đã quyết định vĩnh viễn tách ta ra khỏi Israel Mới! Từ nay trở đi, một cuộc chiến đã nổ ra giữa chúng ta: nó có thể không đè nát đứa trẻ này, cũng như những người đến sau nó”.

25.

Đột ngột bị dứt ra khỏi những nghiên cứu và việc nhằn nại tái lập quá khứ, thế giới ổn định và bình yên của cha Nil sụp đổ: người ta vừa lục lại phòng ông lần thứ hai. Và lại có một số giấy tờ biến mất khỏi bàn ông.

Những ghi chép bị lấy cắp sáng nay cho biết tình hình nghiên cứu của ông về thuở ban đầu của Giáo hội. Ông ý thức được rằng mình đang mạo hiểm trên một hướng đi luôn bị cấm đối với tất cả các tín đồ Công giáo. Và giờ đây có ai đó trong tu viện biết điều ông đang tìm kiếm, điều ông đã thấy. Ai đó rình rập ông, đột nhập vào phòng khi ông đi vắng, và không ngần ngại cả việc lấy cắp. Mối nguy hiểm mà ông cảm thấy toả lan từ khắp mọi phía quanh mình đang ngày càng trở nên hiện hữu – và ông không biết nó từ đâu đến, cũng chẳng biết tại sao.

Liệu công việc nghiên cứu có thể trở nên nguy hiểm không?

Tâm trí đề đầu đầu, ông máy móc lật các trang của tác phẩm cuối cùng mà bạn ông xuất bản. Càng lúc ông càng đo đếm được nỗi trống trải nảy sinh sau khi ông ấy biến mất: sẽ chẳng còn ai ở đây để nghe ông nói, để hướng dẫn ông... Bị bỏ mặc một mình trong cảnh hiu quạnh ở tu viện, một cảm giác chưa từng biết đến xâm chiếm ông: nỗi sợ.

Ý nghĩ cuối cùng của cha Andrei là hướng về ông, ông ấy đã để lại cho ông một thông điệp: phải vượt qua nỗi sợ này và tiếp tục điều tra bắt đầu chỉ từ một mảnh giấy. Dòng đầu tiên trên mảnh giấy đó nói về một bản thảo kinh Khải Huyền bằng tiếng Ai Cập cổ: hẳn nó phải nằm trong tất cả những thứ mà bạn ông cất giữ trong tủ tại phòng ông ấy. Nhưng người khách bí ẩn viếng thăm thư viện cánh Bắc, người suýt bắt gặp ông sáng nay, chắc chắn đã nhận ra lỗ hổng toang hoác trên giá sách vì tập bản thảo M M M bị mượn. Tập bản thảo này chỉ có thể bị một tu sĩ không được quyền vào thư viện này lấy đi: nếu không, ông ta đã để vào chỗ đó một bóng ma có chữ ký của mình theo quy định.

Hẳn là sau đó người ta đã phát hiện ra chùm chìa khoá bị bỏ quên trong túi quần cha Andrei, và sẽ thu hồi lại: văn phòng của ông ấy lập tức được trang bị một ổ khoá, và cha Nil hẳn là không còn hy vọng có thể vào đó để tìm lại bản thảo bí ẩn kia.

Chán nản, ông gấp cuốn sách lại, luồn ngón trỏ vào giữa bìa sách và trang gác theo thói quen. Và ông giật mình.

Ông vừa cảm thấy có một chỗ gờ lên trên mặt trong bìa sách.

Một lỗi của nhà sản xuất chăng?

Ông đưa cuốn sách lại gần đèn, và mở ra dưới luồng ánh sáng: không phải là một sự cố trong khâu đóng bìa. Mép bìa sách đã bị bóc ra rồi dán lại. Bên trong, có thể cảm thấy sự hiện diện của một vật mảnh hình chữ nhật.

Vô cùng thận trọng, ông cắt ngang trang gác bìa cho phần bìa, tách ra, và nghiêng cuốn sách để ánh sáng chói gắt có thể xuyên vào: bên trong, có một văn bản được gấp làm tư.

Ngay trước khi đi, cha Andrei đã luồn vào trong công trình cuối cùng của mình một tờ giấy mà ông đã cẩn thận cất giấu kỹ càng.

Lấy một cái nhíp nhỏ, cha Nil bắt đầu kéo mảnh giấy ra khỏi chỗ cất giấu một cách hết sức cẩn trọng.

26.

Tối đó, ngồi trong văn phòng mình, đức cha tu viện trưởng sắp bị cơn nóng giận cuốn đi.

Ông đã yêu cầu được nói chuyện với Hồng y giáo chủ Catzinger, ở Roma, nhưng đường dây số 390 dường như đã bị tắc nghẽn. Cuối cùng, giọng nói êm dịu của viên giáo sĩ cấp cao cũng vang đến tai ông.

- Tôi hy vọng không quấy rầy ngài, thưa Đức Hồng y... Tôi quyết định xin ngài cho tôi lời khuyên, và có thể là giúp đỡ tôi, về chuyện vị tu sĩ mà chúng ta đã từng nói đến... Cha Nil, giảng viên chú giải Kinh thánh ở học viện. Ngài hẳn còn nhớ tôi đã báo cho ngài... Vâng, đúng thế. Thời gian gần đây tôi nhận thấy có sự thay đổi đáng kể trong thái độ ông ấy. Trước đây ông ấy luôn là một thầy tu rất chuyên cần, vô cùng chú ý trong các giờ lễ. Từ sau cái chết của cha Andrei đáng thương, ông ấy không còn như thế nữa. Và một sự việc chưa từng có vừa xảy ra: trong khi chức vụ thủ thư còn bỏ ngõ, tôi tự mình giám sát các cuốn sách được mượn trong thư viện của chúng tôi. Thế là, sáng sớm nay, tôi đã quan sát được cha Nil *lấy cắp* một tác phẩm nhạy cảm trong thư viện cánh Bắc. Xin lỗi ngài? À vâng, đó là bản thảo M M M nổi tiếng của người Mỹ...

Ông phải đưa ông nghe ra xa tai. Đường dây riêng của Vatican, vốn quen với những lời êm dịu, truyền đi trung thực cơn tức giận của Hồng y:

- Tôi chia sẻ nỗi lo lắng của ngài, thưa Đức hồng y. Ngài sẽ nhận được ngay một ít các ghi chép mà chính cha Nil đã thảo ra coi như để làm mẫu... Vâng, tôi đã lấy được một số tờ. Như vậy ngài có thể xem xét có cần áp dụng một số biện pháp không, hay chúng ta có thể để cha Nil thân mến được yên tĩnh tiếp tục các công trình khoa học của mình. Ngài sẽ đích thân phụ trách công việc này? Cảm ơn Đức Hồng y... *Arrivederci*, thưa Đức Hồng y.

Với một tiếng thở dài nhẹ nhõm, đức Cha tu viện trưởng gác máy. Ông đã không hào hứng lắm khi chấp nhận mua một tác phẩm nguy hiểm như tập bản thảo M M M nhưng làm sao có thể chiến đấu chống lại những trận tấn công của đối thủ nếu không biết vũ khí của chúng?

Ông tự biết mình phải có trách nhiệm trước Chúa về các tu sĩ của mình, cả về cuộc sống tâm linh lẫn cuộc sống trí tuệ của họ và xâm phạm đến hai lần chốn riêng tư thiêng liêng trong phòng của một trong những con chiên của mình là điều ông không hề muốn.

Trong văn phòng của mình ở Vatican, Emil Catzinger đưa ngón tay giận dữ ấn lên một nút trên điện

thoại.

- Chuyển máy cho tôi nói chuyện với Đức ông Calfo. Đúng, ngay lập tức. Tôi quá biết chứ, giờ đang là tối thứ Bảy! Chắc chắn ông ấy đang ở căn hộ của mình trong khu lâu đài San Angelo. Tìm ông ấy đi.

27.

Bàn tay cha Nil run run. Ông vừa kéo ra khỏi bìa cuốn sách của cha Andrei một mảnh giấy phô tô. Ông đưa nó sát vào đèn, và ngay lập tức nhận ra lối viết thanh lịch của tiếng Ai Cập cổ.

Một bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ.

Hoàn toàn có thể đọc được, đó là bản sao chụp một mảnh giấy da trong tình trạng tốt. Cha Nil rất hay được xem xét những kho báu mà cha Andrei lấy ra từ tủ của mình để đưa cho ông chiêm ngưỡng. Ông đã quen với lối viết của những bản thảo quan trọng ở Nag Hamadi, do nhà Ai Cập học Jean Doresse đối chiếu lần đầu tiên sau khi được phát hiện vào năm 1945 trên bờ trái sông Nil đoạn trung lưu. Vốn đã quen với các bản thảo bằng tiếng Hebrew hoặc Hy Lạp, ông biết rằng thuật viết chữ vận động theo thời gian, và luôn có xu hướng đơn giản hoá.

Chữ viết trên mảnh giấy da này cùng kiểu với chữ viết của các ngụ tác nổi tiếng như kinh Phúc âm theo Thánh Thomas vào cuối thế kỷ II, tác phẩm đã thu hút sự quan tâm của toàn thế giới. Tuy nhiên, rõ ràng là kiểu chữ này xuất hiện muộn hơn.

Vì có kích thước rất nhỏ nên mảnh giấy da này hẳn đã bị Doresse đánh giá là không mấy hấp dẫn hoặc khó hiểu và đã từ bỏ nó. Và cuối cùng, giống như biết bao bản thảo khác, nó đã hạ cánh xuống Roma. Đề rồi một ngày được một nhân viên của Thư viện Vatican khai quật, và gửi đến tu viện. Là chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực này, cha Andrei thường nhận được những văn bản kiểu như vậy để phân tích.

Cha Nil biết rằng các ngụ tác ở Nag Hamadi xuất hiện vào các thế kỷ II và III, và từ thế kỷ IV, không có gì được viết ra từ ngôi làng Ai Cập cổ này nữa. Như vậy, mảnh giấy da muộn màng này có vào cuối thế kỷ III.

Một bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ vào thế kỷ III.

Đây có phải là *bản thảo* đã khiến cha Andrei bối rối đến mức không dám gửi báo cáo cuối cùng của mình về Roma? Nhưng tại sao ông ấy lại cẩn thận cất giấu bản phô tô này như vậy thay vì xếp vào tủ của mình

cùng những bản thảo khác?

Cha Andrei không còn ở đây để trả lời những câu hỏi của ông. Cha Nil gục đầu vào lòng bàn tay và nhắm mắt lại.

Ông như lại nhìn thấy dòng đầu tiên trên mảnh giấy mà ông phát hiện trong bàn tay của người bạn: *Bản thảo tiếng Ai Cập cổ (Apoc)*. Ngay lúc đó, ông đã dịch Apoc thành “apocalypse” – Khải Huyền: đó là cách viết tắt truyền thống trong các ấn bản Kinh Thánh. Cha Nil muốn xác minh lại, và mở bản dịch gần đây nhất của Kinh Thánh Công giáo mà cha Andrei sử dụng ra. Trong bản dịch mới và được dùng như tài liệu tham khảo này, tên viết tắt của Apocalypse không còn là *Apoc* nữa, mà là *Ap*.

Là người luôn tường tận mọi chuyện, lại tỉ mỉ, nếu có ý định ám chỉ đến cuốn sách về kinh Khải Huyền, có lẽ cha Andrei sẽ viết *Ap*, chứ không phải *Apoc*. Thế thì ông ấy đã nghĩ đến cái gì?

Đột nhiên, cha Nil hiểu ra: (*Apoc*) không phải để chỉ “apocalypse”, kinh Khải Huyền, mà là “apocryphe”: ngụ ý tác!

Điều cha Andrei muốn nói là: “Mình phải nói với cha Nil về một bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ mà mình đã cất giấu trong cuốn sách in các ngụ ý tác của mình ngay trước khi đi”. Đó chính là cuốn sách ông đã lấy trong văn phòng ông ấy sáng nay và bây giờ ông đang cầm trong tay. Một bản thảo có nội dung quan trọng đến mức ông ấy muốn nói với ông *ngay lập tức*, sau khi từ Vatican trở về.

“Đây là bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ từ Roma gửi đến!”

Giữa các ngón tay mình, cha Nil đang giữ văn bản đã dẫn đến việc triệu tập viên thủ thư của tu viện Saint-Martin.

Ông lại cầm mảnh giấy lên và quan sát nó thật gần. Mảnh giấy da rất nhỏ: cha Nil không phải là chuyên gia về tiếng Ai Cập cổ nhưng có thể đọc nó không chút khó khăn, và chữ viết rõ ràng đến nỗi ông không gặp vấn đề gì trong việc nhận mặt chữ.

Liệu ông có dịch được không? Một bản dịch thanh thoát thì chắc chắn là không thể. Nhưng một bản dịch chuyên chữ, theo kiểu mỗi chữ một cách phỏng chừng thì có thể. Tra từng từ trong từ điển, rồi ghép chúng với nhau: ý nghĩa của văn bản sẽ hiện ra.

Ông đứng dậy. Sau một lát ngập ngừng, ông đặt mảnh giấy quý giá lên phía trên tấm ván mà các tu sĩ dùng làm tủ quần áo rồi bước ra hành lang. Hẳn là người ta sẽ không viếng thăm phòng của ông trong vài phút vắng mặt mà ông đang cần.

Ông nhanh chóng đi về phía thư viện duy nhất ông có quyền vào: Khoa học Kinh Thánh.

Trên kệ sách đầu tiên, nơi xếp những tác phẩm thường được sử dụng nhất, ông tìm thấy cuốn từ điển từ nguyên Ai Cập cổ - tiếng Anh của Cerny. Ông lấy cuốn sách, đặt vào chỗ của nó một bóng ma có tên mình, rồi trở về phòng, tìm đập thành thịch. Mảnh giấy quý giá vẫn nằm ở nơi ông đã đặt nó.

Tiếng chuông đầu tiên của giờ kinh chiều tối vang lên: ông đặt cuốn từ điển lên bàn, nhét mảnh giấy vào túi áo trong và đi xuống nhà thờ.

Một đêm không ngủ nữa đang chờ đón ông.

28.

Thư của các Tông đồ, thư gửi tín hữu xứ Galatia, năm 48

- *Abbou*, cha không thể để mặc họ làm mà không nói gì!

Mười tám năm đã trôi qua kể từ khi Jesus chết. Đứng bên người môn đồ cung, Iokhanân sôi lên vì sốt ruột. Đại diện của những người “Cơ Đốc” – như người ta gọi họ từ một thời gian trở lại đây – vừa hội họp lần đầu tiên tại Jerusalem, nhằm khơi sạch ung nhọt: cuộc chiến giữa các tín đồ “Do Thái”, những người không chịu từ bỏ các quy định của Pháp luật – đặc biệt là phép cắt bì với người “Hy Lạp”, những người không muốn duy trì thủ thuật này mà mong muốn một vị chúa mới cho một tôn giáo mới. Một vị chúa có thể là Jesus, được đặt lại tên là “Chirst”: ý tưởng này bắt đầu được lan truyền rộng rãi, mọi người thì thảo với nhau về nó ngày càng nhiều.

Cuộc chiến tư tưởng này che giấu một cuộc chiến khốc liệt để giành vị trí cao nhất: cuộc chiến giữa những người Do Thái sùng đạo đi theo Jacques, em út của Jesus, cũng là một ngôi sao đang lên, với các học trò của Peter – phe chiếm đa số mà thủ lĩnh già này duy trì bằng bàn tay sắt. Và chống lại họ là tất cả những người Hy Lạp theo Paul, một nhân vật mới xuất hiện đang mơ ước biến ngôi nhà nhỏ do các tông đồ xây dựng thành một công trình mang tầm vóc thế giới. Họ lảng nhục nhau, văng vào mặt nhau những lời thoá mạ khủng khiếp – *em trai giả mạo, kẻ tiếm vị, gián điệp*, thậm chí suýt đến chỗ đánh nhau.

Giáo hội Cơ Đốc đang hình thành tổ chức hội nghị Giám mục đầu tiên ở Jerusalem, thành phố giết hại các nhà truyền giáo.

- Hãy nhìn họ xem, Iokhanân! Họ đánh nhau quanh một xác chết, và chỉ nghĩ đến việc chia cắt danh tiếng của Người!

Chàng trai trẻ có mái tóc quăn nắm lấy cánh tay ông.

- Chính cha là người đầu tiên gặp Jesus, trước tất cả bọn họ. Cha phải nói, *abbou!*

Ông thở dài, đứng lên. Mặc dù đã tách mình khỏi nhóm Mười hai, nhưng uy tín của người đàn ông này vẫn còn rất lớn. Tất cả mọi người im lặng và quay về phía ông.

- Từ hôm qua, tôi nghe các vị diễn thuyết đông dài, và tôi có cảm giác mọi người đang nói về một Jesus khác chứ không phải người tôi biết. Mỗi người tái tạo Người theo cách của mình: những người này thì muốn Người chỉ là một người Do Thái sùng đạo, những người khác muốn biến người thành một vị thánh. Tôi đã tiếp Người ở bàn ăn nhà tôi, và chúng tôi đã có mười ba người ngồi quanh Người tối đó, trong căn phòng lớn ở nhà tôi. Nhưng ngày hôm sau, tôi là người duy nhất nghe tiếng đóng đinh, nhìn thấy mũi giáo, chứng kiến cái chết của Người. Tất cả vị đều trốn hết. Tôi làm chứng người đàn ông này không phải là một vị chúa: Chúa không chết, Chúa không phải chịu đựng cảnh hấp hối mà Người đã phải trải qua trước mắt tôi. Tôi cũng là người đầu tiên đến mộ Người vào cái ngày người ta thấy nó trống rỗng. Và tôi biết điều gì đã xảy đến với thi thể bị hành hình của Người, nhưng tôi sẽ không nói gì nhiều hơn ngoài chuyện từ giờ trở đi, sa mạc là nơi che chở Người.

Một loạt những lời nguyên rửa ngăn cản ông nói tiếp. Một số người vẫn ngần ngại chấp nhận thiên chất của Jesus, nhưng tất cả đều thống nhất nói rằng Người đã phục sinh từ cõi chết. Ý tưởng về sự phục sinh thu hút đám đông, họ tìm thấy ở đó phương tiện giúp họ chịu đựng một cuộc sống vốn không chút hy vọng. Phải chăng ông ta, người chỉ có ít học trò, muốn xua đuổi hàng nghìn người cải đạo, buộc họ phải tay không trở về nhà mình?

Trước mặt ông, những nắm tay giương lên.

“Họ muốn sử dụng Jesus để phục vụ cho tham vọng của họ ư? Cứ để họ làm thế mà không có ta”. Ông tựa vào vai Iokhanan và đi ra.

Iokhanan mới chỉ là một cậu bé khi quân lính La Mã phá hủy Séphoris, thủ phủ của vùng Galilee. Cậu đã nhìn thấy hàng nghìn giá chữ thập được dựng lên trên đường phố, và những người bị đóng đinh câu rút dần hấp hối dưới ánh mặt trời. Một hôm, chúng đến tìm cha cậu: cậu kinh hoàng thấy cha bị quất roi vào người, rồi bị đặt nằm lên một cái xà gỗ. Những nhát búa nện lên đỉnh đội vào tận ngực cậu, cậu thấy máu bắn ra từ cổ tay, nghe tiếng thét đau đớn của cha. Khi chúng dựng giá chữ thập dưới bầu trời vùng Galilee, cậu bất tỉnh; mẹ cậu bọc cậu trong một chiếc khăn san, và trốn về nông thôn ẩn náu.

Từ đó trở đi, đứa trẻ không chịu nói. Nhưng đêm đến, trong giấc ngủ chập chờn, cậu liên tục

nhắc đi nhắc lại: “*Abba!* Cha!”

Khi cậu tỉnh lại, hai mẹ con đến sống ở Jerusalem. Theo lời nguyện của người Nazareth, mẹ cậu dâng cậu cho Chúa: cậu sẽ không cắt tóc nữa. Từ đó trở đi, cậu là một người Do Thái sùng đạo, nhưng cậu vẫn không nói.

Sau đó, giống như mọi người trong thành phố, cậu biết về chuyện Jesus bị đóng đinh câu rút. Nỗi kinh hoàng của cậu trước cảnh hành hình trên giá chữ thập lớn đến nỗi cậu xua đuổi Người ra khỏi trí nhớ của mình. Cậu mong chờ một Đấng Cứu thế, người sẽ sớm xuất hiện, và không thể là Jesus: Đấng Cứu thế không bao giờ để mình bị đóng câu rút. Đấng Cứu thế sẽ mạnh mẽ, để đánh đuổi người La Mã và khôi phục lại vương quốc của vua David.

Rồi sau đó, cậu đã gặp người đàn ông vùng Judee này, một người cũng dè dặt như cậu, người đã nhìn nhận sự cam lặng của cậu một cách thân thiện, không tỏ ra ngạc nhiên. Người nói về Jesus như đã từng sống rất gần Người, dường như ông biết rõ Người từ bên trong tâm hồn. Khi mẹ cậu chết, người đàn ông yêu mến Thầy nhường ấy, người tự nhận mình là môn đồ cung của Người, đã đón cậu về nhà. Ông đã trở thành *abbou*, người cha của tâm hồn cậu.

Một hôm, để ông biết rằng cậu đã hiểu về thế giới mới mà Jesus khám phá ra, Iokhanan lấy kéo cắt ngắn những bím tóc dài của mình. Vừa làm, cậu vừa nhìn chăm chăm vào *abbou*, vì cậu vẫn không nói mà chỉ thể hiện bằng hành động.

Thế là người môn đồ cung lấy ngón tay cái đánh dấu lên trán, lên môi và lên trái tim cậu một chữ thập vô hình. Iokhanan cũng hiểu điều này, lặng lẽ thè ra chiếc lưỡi nơi dấu vết kinh hoàng vẫn còn in rõ.

Đêm tiếp theo, lần đầu tiên cậu ngủ mà không hắt tấm chăn bằng len thô ra. Và ngày hôm sau, lưỡi cậu lại bắt đầu nói để diễn đạt sự dào dạt trong tâm hồn đã được Jesus chữa lành của cậu.

Đến gần nhà mình, người môn đồ cung đặt bàn tay lên vai cậu.

- Iokhanan, tối nay con đến gặp Jacques, em trai của Jesus. Nói với ông ấy là ta muốn gặp. Bảo ông ấy đến nhà ta.

Chàng trai trẻ gật đầu, và nắm lấy bàn tay của *abbou* trong tay mình.

29.

Khi cha Nil đặt cuốn từ điển xuống mặt bàn chất đầy sách vở, đêm đã về khuya. Ông cảm thấy giờ đây mình cách xa biết bao với hội nghị Giám mục bí thảm ở Jerusalem, mặc dù chỉ mấy ngày trước ông còn đang tìm hiểu các diễn biến của nó! Thế nhưng chính là ngày đó, mười tám năm sau khi Jesus chết, hẳn là người môn đồ cứng đã thực sự bị loại khỏi Giáo hội đang hình thành.

Ông đã có thể dịch được mảnh giấy da tìm thấy trong cuốn sách do bạn ông biên tập. Chỉ có hai câu ngắn, dường như không có mối liên hệ nào với nhau:

Nguyên tắc đức tin của mười hai tông đồ

chứa đựng mầm mống phá hủy nó

Bức thư phải bị huỷ bỏ khắp nơi

Để nơi ở còn ở lại.

Cha Nil đưa tay xoa trán: điều này có ý nghĩa gì?

“Nguyên tắc đức tin của mười hai tông đồ”: ở thời Cổ đại, đây là cách người ta gọi Tín điều Nicée, Tín điều của các Giáo hội Cơ Đốc. Điều mà họ đã thấy khắc ở Germigny, điều đã khiến cha Andrei phải suy nghĩ nhiều đến thế. Còn cụm từ “mầm mống phá hủy” mà Tín điều này chứa đựng là gì? Điều này chẳng có ý nghĩa gì cả.

“Bức thư phải bị huỷ bỏ ở khắp nơi”: từ Ai Cập cổ mà ông vừa dịch thành “bức thư” cũng là từ chỉ những bức thư của Thánh Paul trong kinh Tân ước. Liệu có phải là một trong những bức thư này không? Giáo hội chưa bao giờ cấm bất cứ bức thư nào của Thánh Paul. Phải chăng bản thảo này do một nhóm người Cơ Đốc ly khai soạn ra?

Dòng cuối cùng đặt ra cho cha Nil một vấn đề khác: “để nơi ở còn ở lại”. Từ điển đưa ra nhiều

nghĩa, “nơi ở” hoặc “nhà” thậm chí là “hội”. Điều chắc chắn ở đây là cùng một gốc ký tự Ai Cập cổ được dùng hai lần liên tiếp. Như vậy là có sự cố tình chơi chữ ở đây: nhưng đó là gì?

Ông vừa dịch nghĩa các từ, nhưng không phải ý nghĩa của cả thông điệp này. Cha Andrei có hiểu được ý nghĩa đó không? Và ông ấy đã tìm ra được mối liên hệ nào giữa thông điệp này với các chỉ dẫn khác trong mảnh giấy ông ấy để lại trước khi chết?

Viên thủ thư đã chết sau khi được triệu tập về Roma để báo cáo về bản dịch của mình. Bốn dòng chữ này có liên quan gì tới việc ông đột ngột mất hay không?

Cha Nil đang phải đối mặt với một ván cờ mà các quân cờ nằm rải rác không theo trật tự nào. Cha Andrei đã kiên nhẫn tập hợp những quân cờ này lại trước ông. Và khi từ Roma trở về, trên tàu, ông đã viết: *ngay lập tức*. Như vậy, khi ở bên ngôi mộ của tông đồ, ông ấy đã có một phát hiện mang tính quyết định – nhưng đó là gì?

Đối với ông, sẽ không còn gì giống như trước đây nữa. Ông phải xem xét lại cả cuộc đời mình chẳng? Có thể tự coi mình là người Cơ Đốc nữa không nếu nghi ngờ về thiên chất của Jesus?

Đêm còn lại vài giờ nữa. Cha Nil tắt đèn và đi nằm trong bóng tối.

“Chúa trời, chưa ai từng nhìn thấy Người. Còn Jesus, dù Người không phải là Chúa trời, vẫn là con người hấp dẫn nhất mình từng gặp. Không, mình đã không nhầm khi dâng hiến cả cuộc đời cho Người”.

Vài phút sau, cha Nil, tu sĩ dòng Benedict, người đang nắm giữ những bí mật quá nặng nề, chìm vào giấc ngủ đầy tin tưởng.

30.

- Mời Đức ông ngồi.

Khuôn mặt như búp bê của Hồng y Giáo chủ, được bao quanh bởi một mái tóc bạc trắng, đang có vẻ lo lắng. Ông đưa mắt nhìn Calfo, người vừa thở dài vừa ngồi xuống chiếc ghế rộng.

Emil Catzinger ra đời cùng thời điểm với chủ nghĩa phát xít. Giống như tất cả trẻ em cùng độ tuổi khác, dù không muốn, ông vẫn phải gia nhập Đội thiếu niên của Hitler. Sau đó, ông đã dũng cảm tách xa Quốc trưởng, thoát khỏi những vụ thanh trừng của Gestapo. Nhưng con người ông vẫn in đậm dấu ấn của những điều đã nhận được thời thơ ấu.

- Cảm ơn ông vì đã ngừng các hoạt động tối thứ Bảy của mình lại.

Hội trưởng, người vừa bỏ rơi cô gái Rumani ngay giữa một hành trình đặc biệt hứa hẹn, gật mạnh đầu.

- Phụng sự Giáo hội, thưa Đức Hồng y, là công việc không có thời hạn cũng không có giờ giấc!

- Đúng thế. Tốt, xem nào ... Chiều nay tôi vừa có một cuộc trao đổi qua điện thoại với Cha tu viện trưởng của tu viện Saint-Martin.

- Một giáo sĩ cấp cao tuyệt vời, xứng đáng về mọi mặt với niềm tin mà ngài trao cho ông ấy.

- Ông ấy cho tôi biết rằng cha Nil đó, người chúng ta từng nói đến, đã *lấy cắp* trong một thư viện mà ông ta không được phép tiếp cận, một tập tài liệu do bọn ly khai xuất bản.

Calfo chỉ nhướn một bên lông mày lên.

- Và ông ấy vừa fax cho tôi một mẫu trong số các ghi chép cá nhân của ông ta, chúng khiến tôi hết sức bận lòng. Rất có khả năng ông ta sẽ đến được gần bí mật mà Giáo hội rất thánh của chúng ta và Hội Thánh Pie V của các ông đang phải kiên cường gìn giữ.

- Ngài có nghĩ rằng ông ta đã tiến xa trên con đường nguy hiểm này không?

- Tôi còn chưa biết gì cả. Nhưng ông ta rất gần gũi với cha Andrei, ông này lại đã tiến rất xa trên con đường cấm kỵ này. Ông biết điều gì đang đe dọa ở đây: chính là sự tồn tại của Giáo hội Công giáo. Chúng ta phải biết điều mà cha Nil biết. Ông có đề xuất gì không?

Calfo nở một nụ cười thoải mái, hơi ngả người ra sau, rút từ trong áo dòng ra một chiếc phong bì

và đưa cho Hồng y Giáo chủ.

- Nếu Đức Hồng y muốn xem qua cái này... Ngay khi ngài nói với tôi về cha Nil này, tôi đã yêu cầu các anh em trong Hội tiến hành một cuộc điều tra kén. Đây là kết quả thu được, và có lẽ có thể trả lời cho câu hỏi của ngài.

Catzinger lấy từ phong bì ra hai tập hồ sơ có in chữ *confidenziale*.

[13]

- Hãy xem hồ sơ đầu tiên này... Ngài sẽ thấy rằng cha Nil đã có thời gian học tập rất xuất sắc tại trường đại học dòng Benedict ở Roma. Rằng đó là một... nói thế nào nhỉ, một người lý tưởng chủ nghĩa, hay nói cách khác ông ta không có chút tham vọng cá nhân nào. Một thầy tu luôn tuân thủ kỷ luật, chỉ tìm kiếm niềm vui trong việc nghiên cứu và cầu nguyện.

Catzinger chăm chú nhìn vào mặt ông ta qua phía trên cặp kính.

- Calfo thân mến của tôi, với ông, tôi không cần phải nói rằng những kẻ nguy hiểm nhất chính là những kẻ lý tưởng chủ nghĩa. Arius là một người lý tưởng chủ nghĩa, Savonarole và Luther cũng vậy... Một con chiên tốt của Giáo hội tin vào các giáo lý mà không đặt ra việc xem xét lại chúng. Bất kỳ lý tưởng nào khác đều có thể vô cùng gây hại.

- *Certo, Eminenza* [14]. Khi học ở Roma, ông ta có quan hệ bạn bè với một tu sĩ dòng Benedict người Mỹ: Rembert Leeland.

- Này, này! Anh chàng Leeland của chúng ta phải không? Chuyện này thú vị đấy!

- Đúng là Đức ông Leeland. Tôi đã lấy hồ sơ của ông ta – tập hồ sơ thứ hai. Trước hết và trên tất cả là nhạc sĩ, tu sĩ ở hạt Kentucky tại tu viện St.Mary, nơi có một học viện âm nhạc. Đã được bầu làm tu viện trưởng. Sau đó, vì thể hiện một số quan điểm gây nhiều tranh luận...

- Đúng, tôi biết đoạn sau, giai đoạn tôi đã là chủ tịch Cơ quan truyền bá đức tin rồi. Ông ta được bầu làm Giám mục *in partibus* [15] sau đó được phái đến Roma theo nguyên tắc tuyệt vời *promoveatur ut*

amoveatur [16].Ồ, ông ta không thực sự nguy hiểm đâu: chỉ là một nhạc sĩ thôi mà! Nhưng khi đó phải dậy vụ tai tiếng do những tuyên bố công khai của ông ta về chuyện linh mục kết hôn gây ra. Hiện ông ta đang là thư lại ở đâu đó, đúng không?

- Ở Văn phòng Quan hệ với người Do Thái, sau khi ở Roma, ông ta đã ở Israel hai năm, ở đó ông

ta nghiên cứu về âm nhạc nhiều hơn về tiếng Hê brơ. Hình như Leeland là một nhạc công piano tuyệt vời.

- Thế thì sao?

Calfo nhìn vào mặt người đối thoại với vẻ thương hại.

- Sao cơ ạ, *Eminenza*, ngài không thấy gì sao?

Ông cố kìm nén mong muốn điên rồ là được châm điều xì gà đang làm biến dạng chiếc túi trong của ông. Hồng y Giáo chủ không hút thuốc, cũng không uống rượu. Nhưng Hội Thánh Pie V sở hữu một hồ sơ đầy những chữ thập ngược về quá khứ của ông, là thứ bảo đảm cho sự an toàn của hội trưởng.

- Chừng nào cha Nil còn ở Saint-Martin, chúng ta sẽ không thể biết được những điều ông ta nghĩ trong đầu. Ông ta phải đến đây, đến Roma này. Nhưng ông ta sẽ không thổ lộ điều gì trong văn phòng của tôi lẫn văn phòng của Ngài, thưa Đức Hồng y. Ngược lại, dưới một cái cớ nào đó, hãy để ông ấy gặp gỡ ông bạn Leeland của mình, hãy để họ có thời gian nói chuyện cởi mở với nhau. Giữa nghệ sĩ và người sùng tín, họ sẽ tâm sự với nhau những điều bí mật.

- Cái cớ đó có thể là gì?

- Leeland quan tâm đến các loại âm nhạc cổ còn hơn là các vụ việc của người Do Thái. Chúng ta sẽ phát hiện ra rằng đột nhiên ông ta cần đến sự trợ giúp của một chuyên gia về các văn bản cổ.

- Và ông tin rằng ông ta sẽ... hợp tác?

- Đó là việc của tôi. Ngài biết rằng chúng ta đang nắm giữ ông ta: ông ta sẽ hợp tác.

Một lát im lặng. Catzinger cân nhắc cái được và cái mất. “Calfo là người Napoli. Quen với những thủ đoạn ngoắt ngoéo. Không ngốc”.

- Đức ông ạ, tôi giao toàn quyền cho ông. Hãy thu xếp để triệu tập anh chàng James Bond chuyên chú giải Kinh Thánh đến đây. Và hãy làm thế nào để ông ta trở nên ba hoa.

Khi ra khỏi Cơ quan truyền bá đức tin, Calfo thoáng thấy một tấm thảm dày những tờ tiền xanh sẽ đổ vào lâu đài San Angelo. Catzinger tưởng mình biết rõ tất cả mọi việc, nhưng ông ta lại không biết điều mấu chốt. Chỉ có ông, Alessandro Calfo, thằng bé khốn khổ trở thành hội trưởng của Hội Thánh Pie V, là có được cái nhìn toàn diện.

Chỉ có mình ông biết cách trở nên hiệu quả. Dù có phải sử dụng cùng những phương tiện đã khiến các Hiệp sĩ dòng Đền bị thiêu sống ở châu Âu vào thế kỷ XIV.

Có thể họ không biết điều này, nhưng Philippe le Bel và Nogaret đã cứu cả phương Tây. Ngày nay, đến lượt ông và Hội thánh Pie V đảm nhiệm sứ mệnh đáng sợ này.

31.

Jerusalem, năm 48

- Cảm ơn anh đã đến nhanh chóng như vậy, Iakôv.

Người môn đồ cũng gọi Jacques bằng họ của ông theo tiếng Hê bro. Mặt trời buổi hoàng hôn chiếu sáng mái che của ngôi nhà bằng thứ ánh sáng màu vàng hung, họ chỉ có hai người với nhau. Em trai của Jesus đã bỏ bùa chữ [17] ra, nhưng vẫn còn quấn khăn choàng dùng khi cầu nguyện. Ông có vẻ khiếp sợ.

- Hôm qua, Paul đã quay về Antioche, suýt nữa thì hội nghị Giám mục đầu tiên của Giáo hội kết thúc một cách tồi tệ. Tôi đã phải áp đặt một thỏa hiệp, Peter ra đi với tinh thần rất sa sút. Ông ta căm thù anh, cũng như căm thù tôi.

- Peter không phải là người độc ác. Cuộc gặp gỡ với Jesus đã khiến ông ta phải đột ngột đổi mặt với số phận nghèo khổ của mình. Ông ta từ chối quay lại phía sau, và ghét tất cả những ai có thể cướp đi vị trí cao nhất của ông ta.

- Tôi là em của Jesus. Nếu một trong hai chúng tôi phải biến mất, thì người đó sẽ là ông ta. Ông ta phải đi nơi khác để xác lập vị trí đứng đầu của ông ta!

- Ông ta sẽ đi, Jacques ạ, ông ta sẽ đi. Sau khi Paul xây dựng xong tôn giáo mới mà ông ta mơ ước, nguồn sáng sẽ chuyển từ Jerusalem đến Roma. Cuộc đua quyền lực mới chỉ bắt đầu.

Jacques cúi đầu.

- Từ khi công khai giết chết Ananie và Saphire, Peter không mang vũ khí nữa, nhưng một số người trung thành với ông ta vẫn mang. Hôm qua, tôi đã nghe họ nói chuyện, họ cho rằng anh là người của quá khứ, rằng anh chống đối những người mang lại tương lai. *Không thể có một tông đồ thứ mười ba*, anh biết điều đó mà. Cuộc sống của anh đang gặp nguy hiểm. Anh không thể ở lại Jerusalem.

- Vụ giết hại Ananie và vợ ông ấy đã xảy ra lâu rồi, và đó là vấn đề tiền bạc. Từ đó trở đi, từ tất cả các nhà thờ ở châu Á, tiền dồn hết về Jerusalem.

- Đó không phải là vấn đề tiền bạc. Anh đang đòi xem xét lại tất cả những điều mà họ tranh đấu. Cùng với Judas, anh là môn đồ mà anh Jesus của tôi yêu mến nhất. Chúng ta biết Peter đã loại bỏ Judas thế nào, cũng như ông ta đã loại trừ những chướng ngại vật trên con đường ông ta đi thế nào. Nếu anh cũng biến mất như Iscariote, thì cả một mảng ký ức sẽ biến mất cùng anh. Anh phải trốn đi, nhanh lên, và có thể đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau, vậy thì, tôi xin anh, hãy nói cho tôi biết mộ của anh ấy ở đâu! Hãy nói cho tôi biết mộ của anh ấy ở đâu!

Người đàn ông này không có tham vọng của Peter, cũng không có thiên tài của Paul: anh ta chỉ là một người Do Thái bình thường, đang hỏi thăm tin tức của anh trai mình. Ông nhiệt tình trả lời:

- Thời gian tôi sống với Jesus ít hơn rất nhiều so với anh, Iakôb ạ. Nhưng điều tôi hiểu về Người thì không ai trong số các anh có thể hiểu được. Về phần anh thì là vì anh gắn bó sâu sắc với đạo Do Thái. Còn Paul thì là vì lúc nào cũng gần gũi với các vị thần trong đạo đa thần của Đế chế La Mã, và luôn mơ ước thay thế họ bằng một tôn giáo mới, dựa trên một Christ được xây dựng lại theo cách của ông ta. Jesus không thuộc về bất cứ ai, anh bạn ạ, không thuộc về những người ủng hộ anh cũng chẳng thuộc về những người ủng hộ Paul. Giờ đây Người đang yên nghỉ trong sa mạc. Chỉ sa mạc mới có thể bảo vệ thi thể Người khỏi những người Do Thái hoặc Hy Lạp tham lam trong Giáo hội mới. Đó là con người tự do nhất tôi từng biết. Người muốn thay thế luật pháp của Moise bằng một luật pháp mới, không phải viết trên những tấm bảng mà viết trong trái tim con người. Một luật pháp không có giáo lý nào khác ngoài giáo lý của tình yêu.

Jacques sầm mặt lại. Không được đụng đến luật pháp của Moise, nó chính là bản chất của Israel. Ông muốn thay đổi chủ đề.

- Anh phải đi. Và hãy dẫn mẹ Marie của tôi đi xa khỏi đây, bà có vẻ rất hạnh phúc khi ở bên anh...

- Chúng tôi rất quý mến nhau, và tôi kính trọng mẹ của Jesus. Mỗi lúc bà ở bên đều là niềm vui của tôi. Anh nói đúng, tôi không còn chỗ cả ở Jerusalem lẫn ở Antioche. Tôi sẽ đi. Ngay sau khi biết có thể dựng chiếc lều du mục của mình ở đâu, tôi sẽ cho đưa bà Marie đến ở với tôi. Trong khi chờ đợi, Iokhanan sẽ làm người liên lạc giữa tôi và bà. Đối với cậu ấy, bà gần như là người mẹ thứ hai.

- Anh định đi đâu?

Người môn đồ cung nhìn quanh. Giờ đây bóng tối đã bao trùm trên mái che, nhưng cửa sổ căn phòng lớn vẫn còn được ánh hoàng hôn chiếu sáng. Căn phòng đó là nơi ông đã ăn bữa ăn cuối cùng với Jesus cách đây mười tám năm. Ông phải rời bỏ nơi này, nơi giờ đây chỉ còn là một ảo ảnh. Tìm kiếm sự thật ở nơi chính Jesus đã tìm thấy.

- Tôi sẽ đi về phía Đông, về phía sa mạc. Chính trong khi đang ở sa mạc, Jesus đã hoàn thiện phép biến đổi, chính ở đó Người đã hiểu ra sứ mệnh của mình. Tôi thường nghe Người vừa mỉm cười vừa nói rằng Người đã ở giữa những con vật hoang dã và chúng tôn trọng nỗi cô độc của Người.

Ông nhìn thẳng vào mặt em trai Jesus.

- Sa mạc, Jacques ạ... Có thể từ nay trở đi đó là tổ quốc duy nhất cho các môn đồ của Jesus xứ Nazareth. Nơi duy nhất họ được ở nhà mình.

32.

Trong lúc cởi bỏ trang phục sau lễ kinh mừng, Cha tu viện trưởng nhận thấy nét mặt căng thẳng và vẻ nhợt nhạt của cha Nil.

Khi ông quay lại văn phòng, chuông điện thoại reo vang.

Hai mươi phút sau, khi gác máy, ông cảm thấy vừa phân vân vừa nhẹ nhõm. Ông đã ngạc nhiên khi nghe đích thân Hồng y Giáo chủ thông báo một vinh dự lớn cho tu viện của ông: Vatican đang cần gấp đến năng lực của một trong số các tu sĩ của tu viện. Một chuyên gia về âm nhạc cổ đang làm việc tại Triều chính Tòa Thánh cần được hỗ trợ để tiến hành các công trình nghiên cứu về nguồn gốc của âm nhạc Grégorie. Những nghiên cứu quan trọng, được Đức Thánh Cha đặt rất nhiều hy vọng nhằm cải thiện mối quan hệ giữa Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo. Tóm lại, Roma đang chờ đợi cha Nil đến ngay, để mang khả năng của ông ra phục vụ Giáo hội toàn năng. Ông sẽ chỉ vắng mặt trong vài tuần, và ông sẽ đi chuyến tàu đầu tiên đến Roma, ông sẽ ở San Girolamo, tu viện dòng thánh Benedict tại Roma.

Giống hệt như cha Andrei đáng thương.

Không được tranh luận về những mệnh lệnh của Hồng y Catzinger, Cha tu viện trưởng nghĩ. Và cách hành xử gần đây của cha Nil khiến ông lo lắng. Đối với các vấn đề thì càng cách xa càng tốt.

Đức ông Calfo đã phải tạm ngưng một lát trong ngày Chủ nhật thú vị của mình để lướt qua văn phòng của ông ở ngay gần đó, nhưng vẫn không tiếp cận được người cộng tác của mình tại Cairo. Ông leo lên cầu thang trong căn hộ của mình bằng những bước chân hoạt bát. Điều đang chờ ông trên đó khiến ông quên đi những bất lợi của một người Napoli đầy đà, và chấp cánh cho ông.

Em dẫu yêu đang khỏa thân, và hiểu rõ trái tim tôi,

Nên chỉ giữ lại trên người những trang sức kêu vang.

Thực ra, trang sức duy nhất trên cơ thể Sonia đang thiếp ngủ chính là những ánh phản chiếu trên mái tóc cô. Calfo thích thú: “Thật là một nhà thơ đại tài, cái ông Baudelaire này! Nhưng ta sẽ không bao giờ cho họ đồ trang sức; duy chỉ có tiền mặt thôi.”

Moktar nói đúng: Sonia không chỉ tỏ ra hết sức có khiếu trong nghệ thuật tình ái, mà cô còn hoàn toàn kín đáo. Nhân lúc cô đang ngủ, ông nhắc điện thoại và gọi một lần nữa đến Cairo:

- Làm ơn cho gặp Moktar Al-Quraysh ... Tôi chờ máy, cảm ơn.

Lần này, người ta đã tìm được hấn: hấn vừa xong buổi cầu kinh ở đền Al-Azhar.

- Moktar? *Salam aleikoum* ^[18]. Hãy cho tôi biết các học trò của anh có cho anh một chút thời gian rảnh lúc này không? Tuyệt vời. Anh hãy bay đến Roma, và chúng ta sẽ gặp nhau. Tiếp tục nhiệm vụ nhỏ mà tôi đã giao phó cho anh vì chính nghĩa ... Vẫn hợp tác với kẻ thù yêu thích của anh à? Không, còn quá sớm, nếu cần anh sẽ liên hệ với anh ta ở Jerusalem.Ồ, cùng lắm là vài tuần thôi! Đúng thế, ở Teatro Marcellus như thường lệ: *discrezione, mi raccomando!* ^[19]

Ông vừa gác máy vừa mỉm cười. Người cộng tác của ông đang phụ trách việc giảng dạy giáo lý kinh Coran tại đại học Al-Azhar nổi tiếng: một kẻ cuồng tín, người bảo vệ dữ tợn của giáo lý Hồi giáo. Khiến một người Ả rập và một người Do Thái, hai điệp viên ngầm thuộc các cơ quan đặc biệt vào loại đáng gờm nhất ở Trung Đông làm việc cùng nhau, để bảo vệ bí mật quý giá nhất của Giáo hội Công giáo: phải nói rằng đó chính là chủ trương giáo hội thế giới.

Chính trong khi làm công sứ của Tòa Thánh ở Cairo, ông đã gặp Moktar Al-Quraysh. Cả nhà ngoại giao và giảng viên giáo lý đều phát hiện ra rằng người kia cũng bị thiêu đốt bởi cùng một ngọn lửa được che dấu bên trong, điều đó đã tạo ra giữa họ một mối liên kết không ngờ đến. Nhưng không giống ông, người đàn ông Palestine này không tìm cách đạt đến mức độ siêu nhiên thông qua các lễ nghi tình ái. Hấn chỉ là một kẻ bị ám ảnh tình dục.

Sonia rên rỉ và mở mắt.

Ông đặt điện thoại lên sàn và nghiêng về phía cô.

33.

- Quay lại Roma, Moktar. Hội đồng các Anh em Hồi giáo đã thuyết phục được Fatah về tầm quan trọng của nhiệm vụ này. Những vụ mưu sát của họ không đủ để bảo vệ đạo Hồi nếu bản chất thần thánh của kinh Coran bị đưa ra xem xét lại, hoặc nếu nhân thân thiêng liêng của Đấng Tiên tri – cầu cho tên Người được ban phúc – có nguy cơ bị vấy bẩn vì một sự nghi ngờ bóng gió nào, dù là nhỏ nhất. Nhưng có một điều ...

Moktar Al-Quraysh mỉm cười: hắn đang chờ đợi điều đó. Nước da nâu, cơ thể săn chắc và vóc người nhỏ bé của hắn lại càng làm nổi bật thêm dáng vóc cao lớn của Mustapha Machlour, thứ được tất cả các sinh viên của đại học Al-Azhar ở Cairo kính trọng.

- Đó là mối quan hệ của anh với người Do Thái kia. Việc anh làm bạn với hắn ...

- Anh ta đã cứu mạng tôi trong cuộc chiến Sáu Ngày, vào năm 67. Tôi chỉ có một mình và không hề có vũ khí trước xe tăng của anh ta trong sa mạc, quân đội của chúng ta đang thua chạy tán loạn: anh ta đã có thể chèn lên người tôi, đó là luật của chiến tranh. Nhưng anh ta đã dừng lại, cho tôi uống nước và để tôi được sống. Đó không phải là một người Do Thái như những người khác.

- Nhưng đó là một người Do Thái! Và không phải là bất cứ người nào, anh biết mà.

Họ dừng lại dưới bóng tháp của giáo đường Al-Ghari. Mặc dù đã là cuối tháng Mười một, nhưng làn da mỏng manh của ông già vẫn khó chịu dưới ánh mặt trời thiêu rọi.

- Đừng quên lời Đấng Tiên tri: “Hãy là kẻ thù của người Do Thái và người Cơ Đốc, chúng là bạn bè của nhau! Kẻ nào coi chúng là bạn là tự liệt mình vào với chúng, và Đấng Allah không dẫn dắt một dân tộc tự lừa dối mình [\[20\]](#).”

- Ông thuộc kinh Coran hơn bất kỳ ai, Mourchid ạ - hắn dùng danh hiệu “Người dẫn đường tối cao” của ông để thể hiện lòng kính trọng của mình. Chính Đấng Tiên tri cũng đã không ngần ngại liên minh với kẻ thù của mình vì một sự nghiệp chung, và thái độ của Người chính là tiền lệ, kể cả trong trường hợp của Djihad. Cả người Do Thái lẫn người Ả Rập đều không được lợi gì nếu nền tảng lâu

đời của Cơ Đốc giáo bị đảo lộn một cách sâu sắc.

Người dẫn đường tối cao mỉm cười nhìn hắn.

- Chúng ta đã đi đến kết luận này trước anh rất lâu, và chính vì thế chúng ta đã để mặc anh hành động. Nhưng đừng quên rằng anh xuất thân từ bộ lạc đã chứng kiến Đấng Tiên tri ra đời – cầu cho tên Người được ban phúc. Vì vậy, hãy cư xử như một người Quraysh, anh đang mang cái họ vinh quang đó. Hãy làm sao để tình bạn đối với người Do Thái này không bao giờ khiến anh quên đi hắn là ai, cùng như hắn làm việc cho ai. Dầu và dấm có thể tạm thời ở cạnh nhau, nhưng chúng không bao giờ trộn lẫn vào nhau.

- Ông hãy yên tâm, Mourchid ạ, dấm của một người Do Thái không bao giờ ngấm được vào một người Quraysh, tôi có làn da bền lắm. Tôi biết người này, nếu tất cả kẻ thù của chúng ta đều giống anh ta, có lẽ hòa bình đã ngự trị ở Trung Đông rồi.

- Hòa bình ... Sẽ không bao giờ có hòa bình cho một người Hồi giáo, chừng nào toàn thể trái đất này chưa cúi mình năm lần một ngày trước Qibla chỉ hướng đến Mecca.

Họ rời khỏi cái bóng che chở của tháp giáo đường và lặng lẽ tiến về phía cửa vào giảng đường, mái vòm của tòa nhà sáng rực rỡ dưới ánh mặt trời. Trước khi bước vào bên trong, ông già đặt bàn tay lên cánh tay Moktar.

- Còn cô gái, anh có tin tưởng cô ta không?

- Cô ta ở Roma tốt hơn nhiều so với cái nhà chứa ở Ả Rập Xê út nơi tôi đã lôi cô ta ra! Hiện tại, cô ta đang cư xử tốt. Nhất là cô ta không hề muốn bị gửi trả về gia đình mình ở Rumania. Nhiệm vụ này đơn giản, và chúng ta không sử dụng bất kỳ phương tiện tinh vi nào: chỉ là những phương pháp thủ công cũ kỹ và hiệu quả.

- *Bismillah Al-Rach'im*. Sắp đến giờ lễ rồi, hãy để ta làm sạch mình.

Bởi vì Người dẫn đường tối cao của Hội đồng các Anh em Hồi giáo, người kế vị của người sáng lập Hội đồng là Hassan Al-Banna, trước đáng Allah cũng chỉ là một *muslim* – một kẻ phục tùng – giống như mọi người.

Moktar tựa người vào một cây cột và nhắm mắt lại. Có phải là cái vuốt ve của mặt trời không? Hắn sống lại cảnh tượng đó: người đàn ông nhảy ra khỏi xe tăng và tiến về phía hắn, tay phải giơ lên để người phụ trách súng máy không bắn. Xung quanh họ, sa mạc Sinai đã im ắng trở lại, những người Ai Cập thua trận đang trốn chạy. Tại sao hắn vẫn còn sống? Và tại sao người Do Thái này không giết hắn ngay lập tức?

Viên sĩ quan người Israel có vẻ lưỡng lự, khuôn mặt hoàn toàn bất động. Đột nhiên, anh ta mỉm cười, và đưa cho hắn một túi đựng nước. Trong khi uống nước, Moktar nhận thấy một vết sẹo chạy dài bên dưới mái tóc vàng hoe cắt rất ngắn của anh ta.

Nhiều năm sau, phong trào Intifada nổ ra ở Palestine. Trong một con phố nhỏ ở Gaza, Moktar

đang vờ vết một khu nhà nát mà những người Israel đang rút chạy bỏ lại trong cơn khốn khó. Hắn bước vào một cái sân bị lựu đạn phá toang: Một người Do Thái ngồi bệt dưới chân một bức tường thấp đang vừa ôm chân vừa rên khe khẽ. Anh ta không mặc đồng phục của Tsahal – chắc đây là một điệp viên của Mossad. Moktar chìa khẩu Kalachnikov về phía anh ta và sắp sửa bóp cò. Khi nhìn thấy nòng súng chĩa vào ngực mình, gương mặt nhăn nhó vì đau đớn của người Do Thái đó động đậy, và phác ra một nụ cười. Từ tai anh ta, một vết sẹo chạy khuất vào dưới mũ.

Người đàn ông trong sa mạc! Người đàn ông Ả Rập chậm rãi nâng nòng súng lên. Khạc đờm và nhả xuống trước mặt. Thò tay trái vào trong áo sơ mi, và vớt cho người Do Thái một túi bông băng cứu thương.

Rồi quay lưng đi và ra lệnh ngắn gọn cho quân của mình: tiến lên, chẳng có gì cũng không có người nào trong căn nhà tồi tàn này.

Moktar mỉm cười: Roma là một thành phố đẹp, đầy gái. Chắc chắn là nhiều hơn ở sa mạc.

Hắn sẽ quay lại Roma. Rất sẵn lòng.

34.

Ba ngày sau, cha Nil cố lựa tư thế cho thích hợp với những chiếc ghế ngồi thiếu tiện nghi trên đoàn tàu Roma Express.

Ông đã sửng sốt khi biết mình bị triệu tập đến Roma mà không có lời giải thích nào. Những bản thảo âm nhạc cổ! Cha tu viện trưởng đã đưa cho ông tấm vé tàu chuyển ngày hôm sau, không thể quay lại Germigny để chụp ảnh phiến đá một lần nữa. Trong khi sắp xếp các tài liệu – vì không thể để lại bất cứ thứ gì có hại trong phòng mình – ông đã nhét xuống đáy va li cuộn phim lấy được trong văn phòng của cha Andrei. Liệu ông có thể rút ra được điều gì từ đó không?

Ông ngạc nhiên nhận thấy khoang tàu ông ngồi gần như trống không; tuy nhiên tất cả các chỗ ngồi còn trống đều đã được đặt trước. Chỉ có một hành khách duy nhất, một người đàn ông mảnh khảnh trung tuổi hình như đang ngủ, ngồi thụt vào trong góc sát hành lang. Khi khởi hành từ Paris, họ chỉ trao đổi với nhau một cái gật đầu. Mái đầu được bao bọc bởi một mái tóc vàng hoe như một vầng hào quang bị một vết sẹo dài cắt ngang.

Cha Nil cởi áo vest tu sĩ, gấp lại cho khỏi nhàu và đặt lên ghế bên phải.

Ông nhắm mắt lại.

Mục đích của cuộc sống tu sĩ là kìm nén mọi dục vọng, và loại bỏ chúng đến tận gốc rễ. Ngay từ khi tập tu, cha Nil đã ở trong một ngôi trường tốt: tu viện Saint-Martin tỏ ra là một nơi tuyệt vời cho việc từ bỏ cái tôi. Toàn tâm hướng đến việc tìm kiếm sự thật, ông không mấy đau khổ về điều này. Ngược lại, ông thích thú được giải thoát khỏi những dục vọng chế ngự loài người, khiến loài người phải chịu đau khổ nhiều nhất.

Từ lâu, ông không còn nhớ cảm giác giận dữ, đó là một dục vọng thấp hèn. Cho nên ông ngần ngại không muốn xác định điều mình cảm thấy từ vài ngày nay. Cha Andrei chết, việc điều tra được tiến hành qua quýt, rồi vụ việc bị xếp lại: kết luận là tự sát, một điều sỉ nhục đối với ông ấy. Ở tu viện, người ta rình rập, lục lọi, ăn cắp. Người ta gửi ông đến Roma như một gói hàng.

Giận dữ ư? Dù sao cũng có một cảm giác tức giận đang dâng lên, khiến ông lúng túng, giống như một trận dịch bùng xảy ra do một căn bệnh đã biến mất từ lâu nhờ tiêm vắc xin.

Ông quyết định tạm gác lại việc xem xét căn bệnh đột phát này: “Đợi đến Roma. Thành phố này đã sống sót sau mọi chuyện.”

Ông đã kiên nhẫn dựng lại các sự kiện xung quanh cái chết của Jesus, để từ đó có thể dựng lại cuộc sống của người môn đồ cứng. Sau hội nghị Giám mục ở Jerusalem, người này vẫn tiếp tục sống. Cha Nil thấy giả thiết cho rằng ông đã trốn vào sa mạc là có vẻ đúng hơn cả: đó chính là nơi bản thân Jesus cũng nhiều lần ẩn nấp. Cũng chính tại sa mạc, người Esseni, sau đó là những người Do Thái yêu nước cuồng nhiệt, đã trú ngụ cho đến cuộc nổi dậy của Bar Kochba.

Vết chân của người này đã tan lẫn trong cát sa mạc. Để tìm lại, cha Nil phải nghe được một giọng nói vang lên từ dưới mồ, giọng người bạn đã mất của ông.

Tiếp tục cuộc kiếm tìm này sẽ có tác dụng như một phương tiện chuyển giải cho nỗi tức giận mà ông cảm thấy đang dâng lên trong người.

Ông cố gắng lựa tư thế thoải mái để ngủ một chút.

Tiếng động của đoàn tàu khiến ông dần cảm thấy đỡ dần. Những ngọn đèn trên đoàn Lamotte-Beuvron vun vút chạy qua.

Khi ấy mọi việc diễn ra rất nhanh. Người hành khách trong góc hành lang rời chỗ ngồi và tiến lại gần, như để lấy thứ gì đó trong lưới trên đầu ông. Cha Nil đưa mắt nhìn lên theo phản xạ: lưới rỗng không.

Ông không có thời gian để suy nghĩ: mái tóc hoe vàng đã nghiêng xuống phía ông, và ông nhìn thấy bàn tay người đó đưa về phía chiếc áo vest tu sĩ.

Cha Nil đang định phản đối cử chỉ sỗ sàng đó của người đồng hành: “Cứ như một người máy vậy!”

Nhưng cánh cửa khoang tàu mở ra với một tiếng động âm ỉ.

Người đàn ông nhanh chóng đứng thẳng người lên: bàn tay anh ta buông thõng xuống dọc thân người, nét mặt linh hoạt hẳn lên, và anh ta mỉm cười với cha Nil.

- Xin lỗi vì quấy rầy, thưa các ông – hóa ra là người soát vé. Những hành khách đặt chỗ trong khoang của các ông không có mặt. Ở đây tôi có hai nữ tu không tìm được chỗ ngồi cạnh nhau trên tàu. Nào, các xơ của tôi, hãy ngồi chỗ nào các bà muốn, vẫn còn đủ chỗ trong khoang này đây. Chúc chuyến đi tốt đẹp.

Trong khi hai nữ tu bước vào và trịnh trọng chào cha Nil, người khách đi cùng lùi về chỗ của mình không nói một lời. Một lúc sau, anh ta nhắm mắt ngủ gà gật.

“Thật là một gã kỳ quặc! Anh ta làm sao thế nhỉ?”

Nhưng việc thu xếp chỗ ngồi của hai người mới đến đã thu hút toàn bộ sự chú ý của ông. Phải đưa một cái va li lên lưới, nhét hai cái hộp to tướng xuống dưới ghế ngồi, và sau đó là chịu đựng câu chuyện ba hoa không dứt của họ.

Đêm buông xuống, đang cố ru giấc ngủ, cha Nil nhận thấy người khách bí ẩn đối diện ông ngồi im, chìm sâu trong góc của anh ta.

Bị ánh bình minh đánh thức, khi ông mở mắt ra, chỗ ngồi trong góc hành lang trống không. Để ăn sáng, ông phải đi dọc toàn bộ đoàn tàu: không có dấu vết gì của người đàn ông cùng khoang.

Khi trở về khoang của mình, nơi một bà xơ tốt bụng bắt ông phải ném thứ cà phê kinh khủng mà bà rót từ phích ra, ông phải thừa nhận một sự thật rõ ràng: người hành khách khó hiểu đã biến mất.

PHẦN HAI

35.

Pella (Jorrdan), năm 58

- Chân cha thế nào rồi, thưa *abbou*?

Người môn đồ cung thờ dài. Mái tóc ông đã bạc trắng, các đường nét trên mặt hõm sâu. Ông nhìn người đàn ông đang ở tuổi sung sức đứng bên cạnh.

- Thế là đã hai mươi tám năm kể từ khi Jesus chết, mười năm từ khi ta rời Jerusalem. Đôi chân đã đưa ta đến tận đây, Iokhanan ạ, và có lẽ chúng sẽ còn đưa ta đi xa nữa, nếu điều con nói với ta là đúng ...

Họ ẩn dưới bóng của hàng cột, nền đất phủ một bức tranh ghép lộng lẫy thể hiện hình ảnh thần Dionysos. Từ đây, có thể thấy thấp thoáng những đụn cát trong sa mạc ngay bên cạnh.

Pella được những cựu binh của Alexandre Đại đế xây dựng trên bờ phía Đông sông Jordan, và đã bị phá hủy gần như hoàn toàn sau một trận động đất. Khi phải trốn khỏi Jerusalem trước sự đe dọa của những người ủng hộ Peter, ông thấy thành phố nằm ngoài Palestine này dường như có thể giúp ông được an toàn. Ông ở đây cùng mẹ của Jesus, sau đó không lâu những người chủ chốt trong số các môn đồ của ông cũng đến ở cùng. Iokhanan đảm nhận việc đi lại giữa Pella và nước Palestine láng giềng, thậm chí cả Syria nữa: Paul đã thiết lập tổng hành dinh của mình tại Antioche, một trong những thủ đô của vùng Tiểu Á.

- Thế còn Marie?

Tình cảm quyến luyến Iokhanan dành cho mẹ của Jesus làm cho người khác phải xúc động: “Đứa trẻ này đã nhận mẹ của một người bị hành hình làm mẹ nuôi, và đã nhận ta để thay thế cho người cha đã bị đóng đinh câu rút của mình.”

- Con sẽ gặp bà ấy sau. Cho ta biết thêm tin tức đi: ở đây, ta quá xa với mọi thứ ...

- Mọi chuyện xảy ra cách đây vài tuần: Jacques, em trai của Jesus, cuối cùng đã chiến thắng. Ông ấy trở thành người đứng đầu toàn bộ cộng đồng ở Jerusalem.

- Jacques! Thế thì ... còn Peter?

- Peter đã kháng cự hết khả năng của ông ta. Thậm chí ông ta còn định lật đổ Paul tại đất của ông ấy, ở Antioche nữa – nhưng đã bị đánh đuổi như một kẻ xấu xa! Cuối cùng, ông ta vừa xuống tàu đi Roma.

Hai người đàn ông cùng cười. Từ đây, nơi giáp ranh với sa mạc và sự trống trải mênh mông của

nó, cuộc chiến vì quyền lực dưới danh nghĩa Jesus có vẻ thật nực cười.

- Roma ... ta tin chắc như vậy. Nếu Peter không còn là người đứng đầu ở Jerusalem, Roma sẽ là nơi duy nhất để ông ta thực hiện tham vọng của mình. Chính ở Roma, Iokhanan ạ, ở trung tâm của Đế chế, Giáo hội mà ông ta mơ ước sẽ trở nên hùng mạnh.

- Còn một chuyện nữa: các môn đồ của cha ở Judee càng ngày càng bị gạt ra ngoài lề, thậm chí đôi khi còn bị quấy rối. Họ hỏi cha xem họ có phải trốn chạy như cha, và đến đây ở cùng cha không.

Ông già nhắm mắt lại. Ông cũng đã nghĩ đến cả điều này. Những người Nazareth không theo đạo Do Thái như Jacques, cũng không sẵn sàng thần thánh hóa Jesus như Paul: bị vây bọc giữa hai xu hướng đối nghịch nhau kịch liệt ngay trong lòng Giáo hội đang ra đời, lại không muốn bị đồng nhất vào bất kỳ xu hướng nào, họ có nguy cơ bị tiêu diệt.

- Hãy để những người không chịu đựng nổi các áp lực ấy đến sống cùng chúng ta ở Pella. Tại đây chúng ta được an toàn – trong lúc này.

Iokhanan thân mật ngồi xuống cạnh ông, và chỉ vào bó giấy da nằm rải rác trên bàn.

- Cha đã đọc chưa, thưa *abbou*?

- Cả đêm. Nhất là tập này, tập mà con nói là đã được truyền bá đến tận châu Á.

Ông chỉ khoảng ba chục tờ giấy được gắn với nhau bằng một sợi dây len ông đang cầm trong tay.

- Trong suốt những năm qua, Iokhanan nói, các tông đồ đã truyền miệng những lời nói của Jesus. Để chuyện cũ không mất đi sau khi họ chết, họ đã ghi lại vào đây nhưng không theo trật tự nào cả.

- Đó đúng là lời dạy của Người, đúng như những gì ta đã được nghe. Nhưng các tông đồ rất khéo léo. Họ không để Jesus nói điều ông chưa bao giờ nói: họ bằng lòng với việc thay đổi chỗ này một từ, thêm vào chỗ khác một sắc thái. Họ bịa ra những lời bình luận, hoặc tự gán cho mình những điều họ chưa từng nói. Chẳng hạn, ta đọc thấy rằng một hôm Peter đã quỳ xuống trước mặt Jesus và tuyên bố: “Người đích thực là Đấng Cứu thế, Con của Chúa trời!”

Ông vút tập giấy lên bàn.

- Peter mà lại nói một điều như thế! Không bao giờ Jesus chấp nhận chuyện đó, cả ở ông hay ở bất kỳ người nào khác. Hãy hiểu rõ, Iokhanan: bằng cách đày cha đi xa, các tông đồ đã tự gán cho mình quyền làm chứng tuyệt đối. Trong tay họ, kinh Phúc âm đã trở thành khoản đặt cược cho quyền lực. Việc biến đổi Jesus sẽ ngày càng trầm trọng hơn, đó là điều hiển nhiên. Nhưng rồi họ sẽ đi đến tận đâu?

Iokhanan quỳ xuống bên chân ông, thân mật đặt tay lên đầu gối ông.

- Cha không thể để họ làm điều đó. Họ viết ra những ký ức của mình, cha cũng viết ký ức của cha. Những điều cha giảng ở đây cho các môn đồ của mình, cha hãy viết ra, và để văn tự này được truyền bá, giống như họ truyền bá những điều họ viết. Hãy kể lại đi, thưa *abbou*. Cha kể lại lần đầu tiên cha gặp Jesus bên bờ sông Jordan, chuyện Người chữa khỏi cho kẻ bị bại liệt tại bể nước

Bethesda, những ngày cuối cùng của Jesus... Hãy kể về Jesus như cha đã kể cho con nghe, để Người không phải chết thêm một lần nữa!

Anh nhìn chăm chăm vào khuôn mặt người cha nuôi, người đang nhặt một tập giấy khác trên bàn.

- Còn Paul thì rất khôn khéo. Ông ta biết rằng mọi người chỉ có thể chịu đựng được cuộc sống khốn khổ của mình nhờ niềm tin vào việc phục sinh. Ông ta giải thích với họ: các người sẽ được phục sinh, *bởi vì* Jesus là người đầu tiên đã phục sinh. Và nếu Người đã phục sinh ... là vì người là Chúa, chỉ có Chúa mới có thể tự mình sống lại.

- Thế thì, thưa cha ... Paul đã viết thư cho các môn đồ của mình phải không? Cha cũng hãy làm như vậy. Ngoài việc kể lại mọi chuyện, cha hãy viết cho chúng con một bức thư. Một bức thư để khôi phục sự thật, để nói rằng Jesus không phải là Chúa trời. Và bằng chứng ... sẽ là việc nắm mồ của Người tồn tại.

Gương mặt ông chợt kín bưng, và Iokhanan nắm lấy hai bàn tay ông.

- Con đã không muốn nói với cha: Eliézer Ben-Akkai, thủ lĩnh cộng đồng người Esseni ở Jerusalem, đã chết. Liệu ông ấy có mang theo mình bí mật về nắm mồ của Jesus?

Đôi mắt ông già ngẩn lệ. Cái chết của người đàn ông Esseni cũng có nghĩa là toàn bộ thời trai trẻ của ông đã bị xóa sạch.

- Chính hai con trai của Eliézer, Adôn và Osias đã chuyển thi thể đi. Họ cũng biết, và như vậy chúng ta có ba người biết, thế là đủ. Con đã học được từ cha cách làm thế nào để gặp gỡ Jesus ngay cả khi Người đã chết. Thế thì con được gì nếu biết vị trí phần mộ của Người? Mộ người được sa mạc tôn trọng, nhưng nó sẽ không được như thế trước con người.

Iokhanan nhanh nhẹn đứng lên, rồi biến mất một lát. Khi quay trở lại, anh cầm trên tay một cuộn giấy da mới tinh, còn tay kia là một cái bút làm bằng sừng trâu và một lọ mực bằng đất. Anh đặt các thứ lên bàn.

- Thế thì cha viết đi, *abbou*. Cha hãy viết đề Jesus vẫn còn sống.

36.

- Tôi tuyên bố khai mạc buổi lễ trang trọng này.

Hội trưởng Hội Thánh Pie V hài lòng nhận thấy một số đạo hữu của mình không dựa vào lưng ghế phô toi: những người đó đúng là đã dùng bài Thánh vịnh dài *Miserere* để đo thời gian thực hiện hình phạt đánh roi kim loại.

Căn phòng cũng vẫn trống trải như vậy, trừ hai thứ gần như ngoại lệ: trước mặt ông, dưới chân thánh giá vậy máu, có đặt một chiếc ghế tựa đơn giản. Và trên mặt bàn trống trơn, chiếc ly đựng rượu mùi có chứa một thứ chất lỏng không màu, tỏa ra mùi đăng đẳng nhẹ nhàng của quả hạnh.

- Người anh em, xin mời đến vị trí làm thủ tục.

Một trong những người tham dự đứng dậy, đi vòng quanh bàn và đến ngồi vào chiếc ghế tựa. Tấm vải che mặt ông ta rung động, dường như ông ta đang thở khá khó nhọc.

- Trong nhiều năm dài, ông đã phục vụ trong Hội của chúng ta mà không thể chê trách điều gì. Nhưng mới đây, ông đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng: ông tiết lộ một số bí mật về công việc đang tiến hành, có tầm quan trọng cốt yếu đối với sứ mệnh của chúng ta.

Người đàn ông giơ đôi tay cầu xin về phía cử tọa.

- Da thịt yếu đuối, các anh em, tôi cầu xin các anh em hãy tha thứ cho tôi!

- Không phải chuyện đó – giọng Hội trưởng sắc lạnh. Tội lỗi về xác thịt đã được xóa sạch bằng lễ phạt roi, giống như Thiên Chúa của chúng ta đã xóa tội cho người đàn bà ngoại tình. Nhưng nhân nói đến cô gái gây ra những lo lắng gần đây cho chúng ta ...

- Cô ấy không còn khả năng gây hại được nữa!

- Quả vậy. Đã phải làm thế nào đó để cô ta *không thể* gây hại nữa, đây luôn là điều đáng tiếc và phải là ngoại lệ.

- Vậy thì ... bởi vì ông đã có lòng tốt giải quyết vấn đề này ...

- Ông không hiểu, người anh em ạ.

Ông nói với những người tham dự.

- Nhiệm vụ này có tầm vóc rất quan trọng. Cho đến giữa thế kỷ XX, Giáo hội đã giữ quyền kiểm tra việc diễn giải Kinh Thánh. Từ khi Giáo hoàng Paul VI bất hạnh xóa bỏ Cơ quan kiểm duyệt sách cấm vào năm 1967, chúng ta không còn kiểm soát bất cứ thứ gì nữa. Bất kỳ ai cũng có thể xuất bản bất cứ thứ gì, và Danh mục sách cấm, là thứ giam cầm những ý tưởng độc hại trong ngục tù của các thư viện, đã rơi rụng như một ngón tay mắc bệnh hủi của chủ nghĩa hiện đại. Ngày nay, một tu sĩ bình thường ở tận đáy tu viện của ông ta cũng có thể đe dọa nghiêm trọng Giáo hội bằng cách đưa ra bằng chứng chứng tỏ Christ chỉ là một người bình thường.

Một cơn run rẩy lan khắp cử tọa.

- Từ khi Giáo hoàng rất Thánh Pie V thành lập Hội chúng ta, chúng ta đã chiến đấu nhằm giữ gìn hình ảnh của Đấng Cứu thế và Chúa hiện thân trong hài hình con người trước công chúng. Và chúng ta đã luôn thành công.

Các đạo hữu gật đầu.

- Thời thế đã thay đổi và đòi hỏi những phương tiện hiệu quả. Phải có tiền, để cô lập cái xấu, lập những trường dòng *thánh thiện*, kiểm soát các phương tiện truyền thông trên khắp hành tinh, ngăn chặn một số xuất bản phẩm. Phải có nhiều tiền để tác động tới các chính phủ trong các vấn đề liên quan đến chính sách văn hóa, giáo dục, để ngăn chặn phương Tây Cơ Đốc bị đạo Hồi hoặc các giáo phái khác xâm chiếm. Đức tin có thể nhắc nhở cả núi, nhưng đòn bẫy của nó là tiền. Tiền có thể làm mọi việc, được những bàn tay trong sạch sử dụng, nó có thể cứu cả Giáo hội, hiện bị đe dọa đến thứ quý giá nhất – giáo lý Hiện thân của Chúa và giáo lý Chúa ba ngôi.

Một tiếng thì thầm hưởng ứng nổi lên trong phòng. Hội trưởng nhìn chăm chăm vào thánh giá, dưới đó người bị kết tội đang run rẩy.

- Vậy mà chúng ta đang phải tính toán chuyện tiền bạc một cách khôn khổ. Các anh em có nhớ khối tài sản đột ngột xuất hiện và vô cùng lớn của các Hiệp sĩ dòng Đền không? Chưa bao giờ có ai biết tài sản đó từ đâu ra. Thế mà hiện nay, cái nguồn vô tận của tài sản này có thể đang nằm trong tầm tay chúng ta. Nếu sở hữu được nó, chúng ta sẽ có được những phương tiện không hạn chế để hoàn thành sứ mệnh của mình. Với điều kiện là ...

Ông hạ mắt xuống người anh em khốn khổ dường như đang chảy ra thành nước trên chiếc ghế tựa, trong luồng ánh sáng dữ dội tỏa ra từ hai ngọn đèn chiếu nhỏ gắn phía trên thánh giá.

- Với điều kiện là không để bất cứ sự hờ hênh nào làm tổn hại đến công việc của chúng ta. Sự hờ hênh này, người anh em ạ, chính ông đã phạm phải: chúng tôi đã nhổ được cái gai mà ông cắm vào thịt da Thiên Chúa, nhưng chỉ nên có ít cái gai như vậy thôi. Chúng tôi không còn tin ông nữa, và hôm nay sứ mệnh của ông chấm dứt. Tôi yêu cầu mười tông đồ đang có mặt ở đây khẳng định lại quyết định tối cao của tôi thông qua biểu quyết.

Mười bàn tay cùng đồng loạt đưa về phía thánh giá.

- Người anh em, tình cảm triu mến của chúng tôi sẽ đi cùng ông: ông đã biết thủ tục rồi đấy.

Người bị kết tội mở móc cài che mặt. Hội trưởng đã thường xuyên gặp ông với khuôn mặt để lộ,

nhưng những người khác mới chỉ nhìn thấy hai bàn tay.

Tấm khăn rơi xuống, để lộ nét mặt của một người cao tuổi. Đôi mắt ông thâm quầng, nhưng cái nhìn không lộ vẻ cầu xin: hành động cuối cùng này là một phần trong sứ mệnh mà ông đã chấp nhận khi trở thành thành viên của Hội. Lòng sùng kính của ông với Chúa Christ là trọn vẹn, hôm nay hẳn nó cũng không giảm đi.

Hội trưởng đứng dậy, và mười tông đồ khác làm theo. Họ chậm rãi đưa tay ra, cho đến khi các ngón tay chạm vào nhau.

Đối diện với thánh giá rỉ máu, mười con người, cánh tay bắt chéo, nhìn chăm chú vào người anh em của họ đang đứng dậy. Ông ta không run nữa: khi nằm trên giá gỗ, Jesus đã không run.

Hội trưởng cất giọng lạnh lùng :

- Người anh em, Chúa Ba ngôi biết rõ ông đã phục vụ sự nghiệp của một trong ba ngôi tận tụy đến đâu. Chúa Ba ngôi sẽ đón ông về với Người, trong ánh sáng thần thánh mà ông đã không ngừng tìm kiếm suốt cuộc đời.

Ông chậm rãi nhắc chiếc ly đặt trên bàn, nâng lên cao một lát như một bình rượu lễ rồi đưa cho ông già.

Với một nụ cười, người này bước lên trước một bước, và đưa bàn tay gầy guộc về phía chiếc ly.

37.

Chào mừng cha đến San Girolamo! Tôi là cha Jean, tu sĩ tiếp khách.

Ra khỏi tàu Roma Express, cha Nil thấy lại dấu ấn của thời sinh viên và không chần chừ tiến về phía bến xe buýt đưa ông tới hầm mộ Priscilla. Rất vui sướng vì được trở lại thành phố, ông không nghĩ gì đến những biến cố trong chuyến đi nữa.

Ông xuống ở bến gần cuối, phía trên một con dốc ở đường Salaria. Nằm trong một khung cảnh vẫn còn xanh rờn, tu viện San Girolamo là một công trình nhân tạo của Giáo hoàng Pie XI, với mong muốn tập hợp các học giả uyên bác trên thế giới để biên tập lại Kinh Thánh – nhưng bằng tiếng Latin. Hội Thánh Pie V theo dõi sát sao từng người trong số các tu sĩ này, cho đến khi họ buộc phải thừa nhận rằng tiếng Latin chỉ còn được sử dụng tại Vatican: thế giới hiện đại chỉ trích công việc của họ. Từ đó, San Girolamo chỉ còn tồn tại bằng những kỷ niệm.

Cha Nil đặt va li ở lối vào hành lang màu vàng bản thiêu của tu viện, ở giữa có đặt một bồn phun nước, bên trên là một cụm tre rủ xuống buồn bã. Chỉ có mùi mì ống và hương hoa trúc đào thoang thoảng nhắc cho người ta nhớ mình đang ở Roma.

- Hôm qua, Cơ quan truyền bá đức tin đã báo cho tôi biết cha sẽ đến. Hồi đầu tháng, chúng tôi cũng đã nhận được yêu cầu như vậy đối với cha Andrei ở tu viện của cha, cha ấy đã sống ở đây nhiều ngày ...

Cha Jean cũng nói liên thoắng như bất cứ người dân Roma nào sống ở Trastevere. Ông dẫn khách đi về phía cầu thang dẫn lên các tầng.

- Đưa va li của cha cho tôi ... Ôi! Nó nặng thế! Tội nghiệp cha Andrei, chẳng biết chuyện gì đã xảy ra với ông ấy, sáng đó ông ấy ra đi mà không báo trước. Và chắc là ông ấy đã thu xếp hành lý vội vàng, vì đã để quên nhiều thứ trong phòng. Tôi vẫn để chúng đấy, trong phòng cha sẽ ở. Không ai đặt chân vào đó kể từ khi ông bạn bất hạnh của cha ra đi. Thế nào, cha đến để nghiên cứu về những bản thảo thời Grégoire à?

Cha Nil không nghe thấy làn sóng ngôn từ đó nữa. Ông sẽ ở trong phòng mà cha Andrei đã ở!

Cuối cùng cũng được giải thoát khỏi cha Jean, ông đưa mắt nhìn quanh phòng. Trái ngược với các phòng trong tu viện của ông, căn phòng này chất đầy đồ đạc nằm rải rác. Một cái tủ lớn, hai giá sách, một giường có trải đệm và giát lò xo, một cái bàn rộng với ghế tựa, một ghế phôi toi ... Phảng phất cái

mùi không thể xác định của các tu viện, mùi hôi của bụi khô và xi đánh gỗ.

Trên một trong hai giá sách, người ta để vài thứ đồ đạc cha Andrei bỏ quên. Một máy cạo râu, vài chiếc mùi soa, một bản đồ thành phố Roma, một sổ ghi chép ... Cha Nil mỉm cười: sổ ghi chép của một tu sĩ, chẳng có gì nhiều để ghi lại!

Ông gắng sức đặt vali lên bàn. Va li gần như đầy ắp những ghi chép quý giá của ông. Lúc đầu, ông định xếp chúng lên giá, nhưng lại thay đổi: cái tủ có khóa. Ông xếp giấy tờ vào đó, nhét cuộn phim chụp ở Germigny xuống dưới cùng. Quay chìa khóa một vòng rồi bỏ vào túi, không chút tin tưởng.

Rồi ông dừng lại: trên bàn có một chiếc phong bì. Gửi cho ông.

Nil thân mến,

Cậu đến giúp mình trong việc nghiên cứu. Welcome in Roma! [21]
Nói thật, mình không hiểu gì cả: mình chưa bao giờ yêu cầu họ triệu tập cậu đến đây! Nhưng dù sao mình cũng rất vui được gặp lại cậu. Qua văn phòng mình ngay khi có thể nhé: Văn phòng Quan hệ với người Do Thái, nằm trong tòa nhà của Cơ quan truyền bá đức tin. See you soon! [22]

Bạn cũ của cậu, Rembert Leeland.

Một nụ cười rạng rỡ sáng lên trên mặt ông: *Remby!* Hóa ra ông ấy chính là nhạc sĩ mà ông đến giúp việc! Lẽ ra ông đã có thể nghĩ đến điều đó, nhưng từ hơn mười năm nay, ông chưa gặp lại người bạn học cùng ở Roma, và ý nghĩ cho rằng ông được triệu tập đến Roma là vì ông ấy không hề thoáng qua đầu ông. *Remby, thật là vui!* Ít nhất chuyến đi cũng có điều này là tốt đẹp, vì đã cho phép họ gặp lại nhau.

Rồi ông đọc lại lá thư: Leeland cũng có vẻ ngạc nhiên như ông. *Mình chưa bao giờ yêu cầu...* Không phải ông ấy yêu cầu triệu tập ông đến đây.

Vậy thì, là ai?

38.

Ông già mặc áo lễ trắng cầm chiếc ly hội trưởng đưa cho, đưa lên môi rồi uống một hơi thứ chất lỏng không màu. Ông nhắm mắt, và lại ngồi xuống ghế.

Mọi chuyện diễn ra rất nhanh chóng. Trước mặt mười một tông đồ, những cách tay vẫn đưa ra thành hình chữ thập, ông già nấc lên, rồi gập người làm đôi cùng một tiếng rên rỉ. Mặt ông chuyển sang màu tím, co rút lại thành một cái cười nhăn nhung khiếp, và ông ngã sập xuống đất. Những cơn co giật kéo dài trong khoảng một phút, rồi người ông vĩnh viễn cứng đờ. Cái miệng há ra như để thở, một dòng nhớt dãi chảy xuống cằm. Đôi mắt ông mở to hết cỡ, nhìn trân trối lên cây thánh giá bên trên.

Các tông đồ chậm rãi hạ tay và ngồi xuống. Trước mặt họ, trên nền đất, hình thù màu trắng nằm bất động.

Người ngồi xa nhất bên tay phải hội trưởng đứng lên, tay cầm một mảnh vải.

Chưa đâu! Người anh em của chúng ta phải trao lại ngọn đuốc cho người kế vị mình. Làm ơn ra mở giúp tôi cánh cửa.

Tay vẫn cầm mảnh vải, đạo hữu đó đi ra mở cánh cửa bọc sắt ở cuối phòng.

Trong bóng tối lờ mờ, một dáng người màu trắng đang đứng, có vẻ chờ đợi.

- Bước lên trước đi, người anh em!

Người mới đến cũng mặc áo lễ trắng giống như những người tham dự, đầu đội mũ trùm, mảnh khăn màu trắng cài khuy hai bên mặt. Người đó bước lên trước ba bước rồi dừng lại, có vẻ khiếp sợ.

“Antonio, Hội trưởng nghĩ thầm, một chàng trai trẻ thật duyên dáng! Mình tiếc cho anh ta. Nhưng anh ta phải tiếp nhận ngọn đuốc, đó là luật lệ kế nhiệm của Tòa Thánh.”

Trước cảnh tượng ông già bị co giật vì cái chết đột ngột, đôi mắt của người hội viên mới vẫn mở to. Một đôi mắt rất kỳ lạ: mống mắt gần như đen tuyền, đôi đồng tử mở to vì ghê sợ mang lại cho anh một cái nhìn lạ lẫm, lại càng nổi bật dưới vầng trán phẳng phiu và xanh xao.

Hội trưởng đưa tay ra hiệu cho anh lại gần.

- Người anh em, anh có nhiệm vụ phải tự tay phủ mặt cho tông đồ

này, người mà hôm nay anh sẽ kế nhiệm. Hãy nhìn kỹ mặt ông ấy: đó là khuôn mặt của một người hoàn toàn tận tụy với sứ mệnh của mình. Khi không còn khả năng làm tròn sứ mệnh đó nữa, ông ấy đã tự nguyện chấm dứt chức vụ. Hãy nhận lại ngọn đuốc từ tay ông ấy, để phụng sự như ông ấy đã phụng sự, và chết như ông ấy đã chết, trong niềm vui của Chúa.

Người mới đến quay sang phía người đã mở cửa và giờ đang đưa cho anh mảnh vải. Anh cầm lấy, quỳ xuống bên người chết và ngắm nhìn rất lâu khuôn mặt tím tái. Rồi anh lau chỗ bọt bả trên miệng, trên cằm ông, và cuối xuống hôn rất lâu lên đôi môi đã ngả sang màu xanh của người chết.

Rồi thẳng người, phủ mảnh vải trên khuôn mặt đang trương dần lên, và cuối cùng quay về phía những người anh em đang bất động.

- Tốt, Hội trưởng nói với giọng nồng nhiệt. Anh vừa trải qua thử thách cuối cùng, thử thách này khiến anh trở thành tông đồ thứ mười hai ở bên Chúa của chúng ta trong căn phòng lớn tại Jerusalem.

Antonio đã phải trốn khỏi vùng Andalusia quê hương: Opus Dei không dễ dàng để cho thành viên của mình rời bỏ tổ chức, giữ một khoảng cách nhất định với tổ chức này có lẽ là sự cần trọng cần thiết. Tại Viên, các cộng tác viên của Hồng y Catzinger đã phát hiện ra chàng trai trẻ trầm mặc có đôi mắt đen láy này. Sau nhiều năm quan sát, hồ sơ của anh được chuyển đến những người đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin, ông này đã đặt nó lên bàn của Calfo mà không bình luận gì.

Phải thêm hai năm điều tra cẩn thận do Hội Thánh Pie V tiến hành. Hai năm theo dõi, nghe trộm điện thoại, giám sát gia đình và bạn bè của anh vẫn đang sống ở Andalusia... Khi Calfo hẹn gặp anh trong căn hộ của mình tại Lâu đài San Angelo để tiến hành một loạt phỏng vấn, có lẽ ông đã biết rõ về anh hơn anh tự hiểu mình. Tại Viên, thành phố ưa khoái lạc, người ta đã thử thách anh bằng mọi cách: anh đã cư xử tốt. Anh không màng đến lạc thú cũng như tiền bạc, mà chỉ quan tâm đến quyền lực và bảo vệ Giáo hội Công giáo.

Hội trưởng đưa tay ra hiệu cho anh. “Anh chàng người Andalusia, dòng máu Moritani. Chỉ trích các phương pháp của Opus Dei. Ưu tư kiểu Ả Rập, hư vô kiểu Viên, vỡ mộng kiểu phương Nam: Một tân binh tuyệt vời!”

- Hãy về vị trí của mình trong số Mười hai người, người anh em.

Đối diện với bức tường trông trơn chỉ có hình ảnh rướm máu của người bị đóng đinh câu rút,

Mười hai người lại một lần nữa tập hợp đầy đủ quanh Thầy.

- Anh đã biết sứ mệnh của chúng ta. Anh sẽ đóng góp vào sứ mệnh này ngay từ bây giờ, bằng việc giám sát chặt chẽ một tu sĩ người Pháp đến ở San Girolamo hôm nay. Tôi vừa được biết rằng một điệp viên nước ngoài suýt làm đứt đoạn một quá trình quan trọng liên quan đến tu sĩ này, trên tàu Roma Express. Một rắc rối đáng tiếc, anh ta đã không nhận được bất kỳ mệnh lệnh nào theo hướng này, tôi không trực tiếp kiểm soát anh ta.

Hội trưởng thở dài. Ông chưa bao giờ gặp người này nhưng có hồ sơ đầy đủ về anh ta: “Không thể lường trước. Bị ám ảnh về nhu cầu được nấu mình trong hành động. Nếu không phải là một thách thức âm nhạc thì phải là trạng thái kích động do nguy hiểm- Mossad [23] đã tước bỏ giấy phép giết người của anh ta.”

- Đây là những chỉ dẫn đầu tiên cho anh – ông đưa một phong bì cho người anh em mới. Những chỉ dẫn tiếp theo sẽ đưa cho anh vào thời điểm thích hợp. Và hãy nhớ anh đang phụng sự ai!

Bàn tay phải của ông chỉ lên cây thánh giá nổi bật trên tấm ván bằng gỗ gụ. Viên ngọc thạch anh màu xanh lục trên chiếc nhẫn của ông tỏa ra một tia sáng.

“Thưa Thầy! Có lẽ từ thời cái Hiệp sĩ dòng Đền, Người chưa bao giờ bị nguy hiểm như thế này. Nhưng Mười hai tông đồ của Thầy, khi có được vũ khí giống như của họ, sẽ dùng nó để bảo vệ Người!”

39.

Hồng y Emil Catzinger ra hiệu cho một người đàn ông cao lớn, dong dỏng, có vàng trán rộng bên trên cặp kính vuông ngồi xuống.

- Mời Đức ông ngồi...

Phía sau cặp kính, đôi mắt Rembert Leeland linh lợi. Khuôn mặt dài kiểu người Anglo-Saxon, nhưng lại có cặp môi dày của một nghệ sĩ. Ông đưa mắt nhìn Đức Hồng y với vẻ dò hỏi.

- Hẳn là ông đang tự hỏi tại sao tôi lại triệu tập ông... Trước tiên cho tôi biết: quan hệ với các anh em Do Thái của chúng ta có chiếm hết thời gian của ông không?

Leeland mỉm cười, khiến khuôn mặt của ông có vẻ của một sinh viên tinh nghịch.

- Không hẳn thế, thưa Đức Hồng y. Thật may mắn là tôi còn có việc nghiên cứu âm nhạc!

- *Precisamente*, [24], chúng tôi có biết điều đó. Đức Thánh Cha cũng rất quan tâm đến các nghiên cứu của ông. Nếu ông có thể chỉ ra rằng Thánh ca Grégoire có nguồn gốc từ nghệ thuật hát Thánh vịnh của đạo Do Thái vào thời Trung cổ, đó sẽ là một yếu tố quan trọng chứng tỏ quan hệ gần gũi giữa chúng ta và đạo Do Thái. Chúng tôi cũng đã tìm cho ông một phụ tá là chuyên gia để giải mã các văn bản cổ mà ông phải nghiên cứu... Một tu sĩ người Pháp, chuyên gia chú giải tuyệt vời. Cha Nil, đến từ tu viện Saint-Martin.

- Tôi đã được biết tới qua. Chúng tôi từng học đại học cùng nhau.

Hồng y mỉm cười.

Vậy là hai người đã quen biết nhau, đúng không? Thế nghĩa là vừa dễ chịu lại vừa hữu ích, tôi rất phấn khởi trước những cuộc hội ngộ bạn bè. Ông ấy vừa mới đến, hãy gặp gỡ ông ấy thường xuyên như ông muốn. Và hãy nghe ông ấy nói. Cha Nil là một cái giếng kiến thức, ông ấy có nhiều điều để nói, và ông sẽ học được rất nhiều khi ở bên ông ấy. Hãy để ông ấy nói về điều ông ấy quan tâm. Và

rồi... thỉnh thoảng, ông soạn cho tôi một báo cáo về nội dung những lần trò chuyện của các ông. Báo cáo viết nhé: tôi sẽ là người nhận duy nhất. Ông hiểu chứ?

Leeland mở to mắt kinh ngạc. “Điều này có nghĩa là gì? Ông ta yêu cầu mình gọi cho Nil nói chuyện, rồi sau đó viết báo cáo? Ông ta coi mình là ai chứ?”

Hồng y quan sát khuôn mặt sinh động của tu sĩ người Mỹ. Ông đọc được ngay những điều đang diễn ra trong ông này, liền nở một nụ cười hiền từ:

- Đừng sợ, Đức ông ạ, tôi không yêu cầu ông phải tố giác ai cả. Chỉ là thông báo cho tôi về những nghiên cứu và công việc của bạn ông. Tôi rất bận, và có lẽ không có thời gian tiếp ông ấy. Mà tôi lại cũng rất tò mò muốn biết những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực chú giải Kinh Thánh... Ông sẽ giúp tôi qua việc góp phần thông tin cho tôi.

Khi thấy rằng mình chưa thuyết phục được Leeland, giọng ông trở nên khô khan hơn:

- Tôi cũng nhắc thêm về tình trạng hiện nay của ông. Chúng tôi đã phải lôi ông ra khỏi nước Mỹ bằng cách bổ nhiệm ông về đây, ở hàng Giám mục, để chấm dứt ngay vụ bút chiến bê bối ông đã gây ra ở đó. Đức Thánh Cha không dung thứ cho người nào đó đòi xem xét lại việc Người từ chối – một cách tuyệt đối và có cơ sở - phong chức linh mục cho những người đàn ông đã kết hôn. Vì sau đó hẳn sẽ đến lượt phụ nữ, sao lại không chứ? Người lại càng không dung thứ cho việc một tu viện trưởng dòng Benedict, người đứng đầu tu viện danh giá St.Mary, dám công khai khuyên ngài về vấn đề này. Đức ông ạ, ông đang có một cơ hội chuộc lại lỗi lầm trong mắt Giáo hoàng. Vậy nên tôi tin tưởng vào sự hợp tác kín đáo, hiệu quả và không sai sót của ông. Ông đã hiểu tôi chưa?

Đầu cúi xuống, Leeland không trả lời. Lúc đó, Hồng y lại lấy lại giọng điệu của cha mình, khi ông ta từ mặt trận phía Đông trở về:

- Thật khó cho tôi khi phải nhắc ông, Đức ông ạ, rằng còn vì một *lý do khác* mà chúng tôi phải khẩn cấp đưa ông rời bỏ đất nước mình, và khoác lên người ông phẩm tước Giám mục là thứ vừa bảo vệ lại vừa mang lại vinh dự cho ông. Bây giờ ông đã hiểu chưa?

Lần này, Leeland ngược lên nhìn Hồng y bằng đôi mắt của một đứa trẻ buồn rầu, và ra hiệu ông đã hiểu. Chúa tha thứ mọi tội lỗi, nhưng Giáo hội bắt các thành viên của mình phải gánh hậu quả của những tội lỗi này.

Lâu dài.

40.

Pella, cuối năm 66

- Cha ạ, con đã nghĩ sẽ không bao giờ có thể đến được đây!

Hai người đàn ông ôm hôn nhau tràn đầy âu yếm. Những nét mệt mỏi của Iokhanan cho thấy anh đã kiệt sức.

- Quân đoàn số XII của La Mã đã chìm vùng bờ biển trong lửa và máu. Chúng vừa rút lui trước Jerusalem, với những thiệt hại đáng kể. Người ta nói rằng hoàng đế Néron sẽ đưa tướng Vespasien từ Syria về để củng cố lực lượng cùng với quân đoàn V và X – quân đoàn Fretensis đáng gờm. Hàng nghìn binh lính tinh nhuệ đang đổ về phía Palestine: đó là màn bắt đầu của hồi kết!

- Thế còn Jerusalem?

- Tạm thời được cứu thoát. Ở đó, Jacques đã chiến đấu hết sức mình chống lại việc thần thánh hóa anh trai mình, nhưng rồi cuối cùng đã công khai thừa nhận chuyện đó. Đối với chính quyền Do Thái, đó là một sự báng bổ. Shanhédrin ^[25] đã xử ông ấy bị ném đá đến chết. Những người Cơ Đốc đang lo lắng.

“Jacques! Cùng với ông ta, phanh hãm cuối cùng đối với tham vọng của các Giáo hội cũng đã mất.”

- Có tin tức về Peter không?

- Ông ta vẫn ở Roma, từ đó lan ra tin đồn về những vụ thanh trừng. Néron căm thù cả người Do Thái lẫn người Cơ Đốc. Cả Giáo hội của Peter cũng bị đe dọa. Có thể ở đó mọi chuyện cũng đang đi đến hồi kết.

Anh chỉ vào chiếc túi đeo có đựng vài mảnh giấy da

- Jacques, Peter ... Họ thuộc về quá khứ rồi, *abbou*. Từ nay trở đi sẽ có nhiều kinh Phúc âm được truyền bá, cùng với những bức thư khác của Paul...

- Cha đã nhận được tất cả những thứ đó, nhờ những người lánh nạn – ông đưa tay chỉ về phía chiếc bàn trong hàng cột, nơi ngón ngang tài liệu. Matthieu đã viết lại văn bản của ông ta. Cha thấy ông ta phỏng theo Marc, người đầu tiên sáng tác theo một kiểu chuyện kể về Jesus, từ khi gặp Người ở bờ sông Jordan cho đến năm mộ rỗng. Thật ra, không phải Matthieu viết ra, bởi vì – con thấy đây – đây là tiếng Hy Lạp. Hẳn là ông ta đã soạn thảo bằng tiếng Aramaic ^[26] rồi cho dịch lại.

- Chính xác. Một bản kinh Phúc âm thứ ba đang được lưu hành, cũng bằng tiếng Hy Lạp. Các bản sao đến từ Antioche, nơi con đã gặp tác giả của nó. Đó là Luc, một người họ hàng của Paul.

- Cha đã đọc ba bản kinh Phúc âm này. Càng ngày họ càng cho Jesus nói những điều Người chưa bao giờ nói: rằng Người tự coi mình là Đấng Cứu thế, thậm chí là Chúa trời. Đó là điều không thể tránh khỏi, Iokhanan ạ. Thế... thế còn câu chuyện của cha?

Cuối cùng ông đã đồng ý viết ra không phải bản kinh Phúc âm vẽ ra như Marc và những người khác, mà là một câu chuyện kể - Iokhanan đã cho chép lại rồi truyền bá. Trong câu chuyện trước tiên ông kể lại những kỷ niệm của chính mình: lần gặp gỡ bên bờ sông Jodan, lòng thán phục của ông trong những ngày đầu. Nhưng ông đã không rời khỏi vùng Judee, trong khi đó Jesus trở về sống và giảng đạo ở phía Bắc, vùng Galilee. Những chuyện xảy ra ở đó, ông hầu như không nói gì đến. Câu chuyện của ông tiếp tục từ khi Mười hai tông đồ và Thầy của họ quay trở lại Jerusalem, vài tuần trước khi Jesus bị đóng đinh câu rút. Cho đến tận năm mộ rỗng.

Đương nhiên, không có chi tiết nào về chuyện xảy ra sau đó, tức là chuyện thi thể Người được Adôn và Osias, hai con trai của Eliezer Ben-Akkai mang đi. Vai trò của những người Esseni trong việc thi thể của người bị hành hình biến mất phải là một bí mật tuyệt đối.

Cũng như vị trí ngôi mộ của Jesus.

Giữa hai giai đoạn đầu và cuối, ông đã thêm vào những kỷ niệm của bạn bè mình ở Jerusalem: Nicodème, Lazare, Simon người bị hủi. Một câu chuyện được viết trực tiếp bằng tiếng Hy Lạp, mô tả Jesus mà ông đã biết: trước tiên là một người Do Thái, nhưng sáng lòa khi được là hóa thân của Cha Người, vị Chúa mà Người gọi là *abba*. Chưa bao giờ có một người Do Thái dám dùng ngôn từ thân mật này để chỉ Thần Moïse. Ông nhắc lại:

- Thế còn câu chuyện của cha, Iokhanan?

Gương mặt người đàn ông trẻ tuổi tối sầm lại.

- Nó được lưu truyền. Giữa các môn đồ của cha, họ thuộc lòng câu chuyện này, nhưng cả trong các Giáo hội của Paul nữa, hình như đến tận

- Và ở đó, nó không được tiếp nhận theo cùng một cách đúng không?

- Vâng, ở Judee, người Do Thái chỉ trích cha mô tả Jesus như một nhà tiên tri cao hơn cả Moïse. Còn người Hy Lạp thì thấy Jesus của cha quá con người. Không ai dám hủy bỏ lời chứng của *môn đồ cung*, nhưng trước khi đọc nó cho công chúng, họ sửa lại câu chuyện, họ “bổ sung”, theo như cách nói của họ, và ngày càng nhiều.

- Họ không thể mổ bụng ta như mổ bụng Judas, thế nên họ loại bỏ ta bằng ngòi bút. Câu chuyện của ta sẽ trở thành một bản kinh Phúc âm thứ tư, theo đúng tham vọng của họ.

Giống như trước đây, Iokhanan quỳ xuống trước mặt *abbou* của mình, và nắm lấy tay ông.

- Vậy thì, thưa cha, cha hãy viết một bức thư cho chúng con, các môn đồ của cha. Con sẽ mang nó để ở một nơi an toàn, chừng nào việc đó còn có thể: những người Do Thái cuồng tín ở Jerusalem sẽ không chống cự được lâu nữa. Cha hãy viết sự thật về Jesus, và để không ai có thể xuyên tạc được, cha hãy nói điều cha biết về năm mộ của Người. Không phải năm mộ ở Jerusalem, nó trống không; năm mộ thật sự, năm mộ trong sa mạc, nơi di hài của Người đang yên nghỉ.

Giờ đây, những người lánh nạn từ khắp nơi đổ về Pella. Ngồi trên mép bờ tường thành, ông già lặng ngắm thung lũng. Từ bờ bên kia sông Jordan, đã thấy mọc lên những cuộn khói bốc ra từ những trang trại bị cháy.

Bọn kẻ cướp, những kẻ luôn đồng hành với tất cả các đội quân xâm lược. Đã đến hồi kết rồi. Ông cần phải truyền lại cho các thế hệ tương lai.

Ông cả quyết ngồi vào bàn, lấy một mảnh giấy da và bắt đầu viết: “*Ta, môn đồ cung của Jesus, tông đồ thứ mười ba, gửi đến tất cả các Giáo hội...*”

Ngày hôm sau, ông đến bên Iokhanan lúc đó đang thắp yên cho con la:

- Nếu con qua được, hãy cố gắng trao bức thư này cho những người Nazareth ở Jerusalem và Syria.

- Thế còn cha?

- Cha sẽ ở lại Pella cho đến giờ phút cuối cùng. Khi nào quân La Mã đến gần, cha sẽ dẫn những người Nazareth của chúng ta đi về phía Nam. Ngay khi trở về, con hãy đi thẳng đến Qumran, họ sẽ nói cho con biết phải tìm cha ở đâu. Con trai, con hãy cẩn thận nhé.

Cổ họng nghẹn lại, ông lặng lẽ đưa cho Iokhanan một ống sậy rỗng, chàng trai nhét nó vào thắt lưng. Bên trong là một mảnh giấy da đơn giản, cuộn tròn, được buộc lại bằng một sợi dây lanh.

Bức thư của tông đồ thứ mười ba gửi cho hậu thế.

41.

Men theo trang viên Doria Pamphili, cha Nil đi dọc theo đường Salaria Antica nằm lọt giữa những bức tường. Ông thích dẫm chân lên bề mặt gồ ghề của những con đường cũ kỹ trong hoàng cung, nơi cách lát đá của đế chế La Mã vẫn còn hiện hữu. Trong những năm là sinh viên, ông đã say mê thám hiểm thành phố này, *Mater Praecipue* – mẹ của tất cả các dân tộc. Ông quay lại con đường Aurelia, con đường dẫn ra phía sau Thành Vatican, và không ngần ngại tiến về phía tòa nhà của Cơ quan truyền bá đức tin.

Văn phòng Quan hệ với người Do Thái nằm trong khu phụ của tòa nhà, về phía nhà thờ Thánh Peter. Ông phải trèo lên tầng ba, để đến được một hành lang có những căn phòng như những cái hốc nằm ngay dưới mái nhà: văn phòng của các thư lại.

Đ.ông Rembert Leeland, O.S.B. Ông khẽ gõ cửa.

- Nil! *God bless, so good to see you!* ^[28]

Văn phòng của bạn ông nhỏ xíu, ngăn cách với các phòng khác bằng một vách ngăn đơn giản. Ông chỉ có đủ một chỗ để lách vào ngồi trên chiếc ghế tựa duy nhất đặt trước một chiếc bàn trống trơn đến lạ lùng. Thấy vẻ ngạc nhiên của ông, Leeland ngượng ngịu mỉm cười.

- Tớ chỉ là một thư lại nhỏ bé trong một văn phòng không có gì là quan trọng... Thật ra, tớ chủ yếu làm việc ở nhà, ở đây tớ không có đủ không khí để thở.

- Điều này hẳn khiến cậu phải đánh đổi những bình nguyên ở Kentucky!

Mặt người đàn ông Mỹ sa sầm.

- Tớ bị đày đi, Nil ạ, vì đã nói to lên điều mà nhiều người nghĩ...

Cha Nil nhìn ông trùu mến.

- Cậu chẳng thay đổi gì, Remby ạ.

Là sinh viên ở Roma trong những năm ngay sau hội nghị Giám mục, họ đã chia sẻ với nhau những hy vọng của cả một thời tuổi trẻ tin tưởng vào sự đổi mới của Giáo hội và xã hội: những ảo tưởng đã bị gió cuốn đi, nhưng vẫn để lại dấu ấn trong họ.

- Tỉnh ngộ đi, Nil, tớ đã thay đổi nhiều, nhiều hơn tớ có thể nói: tớ không còn như trước nữa. Nhưng còn cậu? Tháng trước, chúng tớ được biết về cái chết đột ngột của một trong các tu sĩ ở tu viện của cậu, trên chuyến tàu Roma Express. Tớ nghe nói đó là một vụ tự sát, thế rồi tớ lại thấy cậu đến đây mặc dù tớ không hề yêu cầu. Có chuyện gì xảy ra thế, *friend* [29]?

- Tớ biết rõ cha Andrei. Ông ấy không phải tí người có thể tự sát, ngược lại ông ấy đang say sưa với việc nghiên cứu chúng tớ tiến hành từ nhiều năm nay, không phải cùng nhau mà là song song. Ông ấy đã phát hiện ra những điều mà ông ấy không muốn- hoặc không thể- nói rõ ràng với tớ, nhưng tớ có cảm giác ông ấy thúc đẩy để tớ tự mình tìm ra. Tớ là người chính thức nhận diện xác chết, tớ đã phát hiện trong bàn tay ông ấy một mảnh giấy nhỏ ông ấy viết ngay trước khi chết. Cha Andrei đã ghi lại bốn điều ông ấy muốn nói với tớ ngay khi về đến tu viện. Đó không phải là bức thư của một người sẽ tự sát, mà là bằng chứng cho thấy ông ấy có những dự định cho tương lai, và muốn tớ tham gia. Mảnh giấy ấy tớ không hề cho ai biết, nhưng nó đã bị lấy cắp trong phòng riêng của tớ, và tớ cũng không biết ai lấy.

- *Lấy cắp?*

- Đúng, mà còn chưa hết đâu, họ còn lấy cắp một sổ từ ghi chép của tớ.

- Thế còn vụ điều tra về cái chết của cha Andrei?

- Trên báo địa phương, có một mục nhỏ đăng tin về cái chết đột ngột của ông ấy, còn trên báo *La Croix* chỉ có một mẩu tin báo tử đơn giản. Chúng tớ không nhận được bất kỳ một loại báo nào khác, không nghe đài mà cũng không xem ti vi; các tu sĩ chỉ biết điều mà Cha tu viện trưởng muốn nói với họ trong cuộc họp. Viên cảnh sát phát hiện thi thể của ông ấy nói rằng đó là một vụ giết người, nhưng anh ta đã bị loại khỏi vụ điều tra.

- Một vụ giết người!

- Đúng, Remby ạ. Cả tớ cũng không thể nào tin nổi. Tớ muốn biết chuyện gì đã xảy ra, tại sao ông bạn của tớ lại chết. Ý nghĩ cuối cùng của ông ấy là dành cho tớ, tớ có cảm giác ông ấy gửi gắm lại cho tớ. Những ước nguyện cuối cùng của một người đã chết là thiêng liêng, nhất là khi đó lại là một người ở tâm như cha Andrei.

Với một chút ngập ngừng ban đầu, cha Nil kể cho bạn mình nghe những nghiên cứu của ông về kinh Phúc âm theo Thánh Jean, việc ông phát hiện ra môn đồ cung. Rồi ông kể về những cuộc trò

chuyện thường xuyên giữa ông và cha Andrei, nỗi lo lắng của ông ấy ở Germigny, mảnh bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ giấy trong bìa tác phẩm cuối cùng của ông ấy.

Leeland nghe ông nói, không hề cắt ngang.

- Nil, tớ lúc nào cũng chỉ biết đến có một thứ, đó là âm nhạc. Và tin học, để xử lý những bản thảo mà tớ nghiên cứu. Nhưng tớ không hiểu tại sao một nghiên cứu mang tính học thuật lại có thể gây ra những sự kiện bi thảm đến thế, và còn khiến cậu lo sợ như vậy.

Vì cẩn trọng, ông không nói gì với bạn mình về yêu cầu của Hồng y đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin.

- Cha Andrei đã không ngừng nói với tớ bằng những câu đầy ẩn ý rằng những nghiên cứu của chúng tớ đụng chạm đến điều gì đó quan trọng hơn nhiều, tớ không hiểu được điều đó. Cứ như là tớ đang phải đối mặt với một bó sợ của một tấm thảm, mà không biết mẫu phác thảo ban đầu. Nhưng bây giờ, Rembert a, tớ đã quyết định đi đến cùng; tớ muốn biết tại sao cha Andrei lại chết, tớ muốn biết điều gì ẩn sau bí mật mà tớ tìm kiếm từ bao năm nay.

Leeland nhìn ông, ngạc nhiên trước quyết tâm hoang dại ông đọc được trên một khuôn mặt mà ông vốn thấy điềm tĩnh và bình thản. Ông thức dậy, đi vòng qua chiếc ghế tựa và mở cửa.

- Tớ sẽ dành cho cậu toàn bộ thời gian ở đây để tiếp tục việc nghiên cứu. Nhưng trước mắt, chúng ta phải đến kho sách của Vatican đã. Tớ phải cho cậu thấy công trường nơi tớ đang làm việc, cũng là để mọi người nhìn thấy cậu ở đó; đừng quên lý do cậu có mặt ở Roma là những bản thảo Thánh ca Grégoire của tớ.

Leeland nhớ đến việc ông bị gọi đến văn phòng của Catzinger. Phải chăng cũng còn có một lý do *khác* nữa? Hai người im lặng đi trên những hành lang và cầu thang quanh co dẫn đến lối ra quảng trường Saint Peter.

Trong văn phòng bên cạnh văn phòng của Leeland, một người đàn ông nhắc ra khỏi đầu đôi tai nghe nối với một chiếc hộp gắn trên vách phòng bằng một giác mút. Anh ta có dáng dấp thanh lịch trong chiếc áo tu sĩ hoàn hảo, và vẫn để tai nghe treo quanh cổ trong khi nhanh nhẹn sắp xếp những tờ giấy ghi đầy những chữ tốc ký nhỏ. Đôi mắt đen đến lạ lùng của anh ta ánh lên vì thỏa mãn. Chất lượng cuộc nghe vô cùng tốt vì vách ngăn không dày lắm. Không mất một từ nào trong cuộc đối thoại giữa Đức ông người Mỹ và vị tu sĩ người Pháp. Hẳn là chỉ cần để hai người với nhau, họ sẽ thao thao bất tuyệt.

Hội trưởng Hội Thánh Pie V hẳn sẽ hài lòng: nhiệm vụ đã bắt đầu một cách tốt đẹp.

42.

- Kho sách nằm dưới tầng hầm của Vatican, tớ đã phải đề nghị cấp giấy phép cho cậu, vì việc tiếp cận phần này của tòa nhà được kiểm soát chặt chẽ- khi vào đến nơi cậu sẽ hiểu tại sao.

Họ đi dọc theo bức tường cao của Thành Vatican và vào bên trong qua cửa trên đường Porta Angelica nơi đặt trạm gác chính. Hai người Thụy Sĩ mặc đồng phục xanh để họ đi qua mà không ngăn lại, và họ bước qua một loạt sân trong, cho đến tận sân Belvedere. Được những bức tường thành bao quanh, sân này bao bọc Phòng trưng bày đá của các bảo tàng và Thư viện Vatican. Mặc dù mới sáng sớm nhưng đã thấp thoáng những bóng người di chuyển phía sau cửa kính.

Leeland ra hiệu cho cha Nil đi theo mình và tiến về góc đối diện. Dưới chân bức tường đồ sộ của Vatican, một cánh cửa nhỏ bằng kim loại có gắn một chiếc hộp. Tu sĩ người Mỹ bấm mật mã và chờ đợi.

- Một số người được chọn kỹ càng có giấy phép thường xuyên, giống như tớ. Nhưng cậu thì sẽ phải nói đúng mật khẩu để vào.

Một viên cảnh sát thuộc Tòa Thánh mặc thường phục mở cửa, và nhìn chăm chăm vào mặt hai vị khách với vẻ nghi ngờ. Khi nhận ra Leeland, anh ta nở nụ cười.

- *Buongiorno, monsignore* ^[30]. Tu sĩ này đi cùng ông à? Tôi có thể xem giấy tờ và giấy phép của ông ấy không?

Cha Nil đã mặc lại trang phục tu sĩ của mình; ở đây điều này sẽ làm cho mọi sự dễ dàng hơn, Leeland đã giải thích với ông như vậy. Họ bước vào một phòng kiểu như phòng thông áp, và cha Nil chìa ra một mảnh giấy cho người bảo vệ của Vatican. Viên cảnh sát cầm mảnh giấy, không nói một lời, rồi biến mất.

- Việc kiểm tra rất chặt chẽ, người bạn Mỹ của ông thì thăm. Thư viện Vatican mở cửa cho công chúng, nhưng kho sách ở tầng hầm lưu giữ những bản thảo cổ mà chỉ một vài nhà nghiên cứu hiếm hoi mới được quyền tiếp cận. Cậu sẽ gặp cha Breczinsky, người trông coi chỗ này. Do giá trị không thể ước lượng được của kho báu ở đây, Giáo hoàng đã chỉ định một người Ba Lan đảm nhận chức vụ này, một người nhút nhát và mờ nhạt, nhưng toàn tâm toàn ý tận tụy với Đức Thánh Cha.

Viên cảnh sát quay lại, trả giấy phép cho cha Nil kèm theo một cái gậy đầu.

- Cần trình giấy này mỗi lần ông đến đây. Ông không được phép vào một mình, mà chỉ khi đi cùng Đức ông Leeland, người có giấy phép thường xuyên. Hãy theo tôi.

Một hành lang dài, dốc thoải thoải chạy xiên xuống phía dưới tòa nhà và dẫn đến một cánh cửa bọc sắt. Cha Nil có cảm giác bước vào một thành trì sẵn sàng cho một cuộc vây hãm. “Nơi này ẩn kín dưới trọng lượng hàng nghìn tấn của nhà thờ Saint Peter. Lăng mộ của Thánh tông đồ cách đây không xa.” Viên cảnh sát đưa vào một tấm thẻ từ và gõ mã số: cánh cửa mở ra với một tiếng rít.

- Đức ông, ông đã biết chỗ rồi. Cha Brezczinsky đang đợi các ông.

Người đàn ông đứng sau cánh cửa bọc sắt thứ hai có gương mặt xanh xao, càng nhợt nhạt hơn bên trên chiếc áo dòng màu đen vừa khít. Một cặp kính tròn trên đôi mắt cận.

- Xin chào Đức ông, và đây là ông người Pháp mà tôi đã nhận được một giấy ủy nhiệm của Cơ quan truyền bá đức tin?

- Chính là ông ấy, cha thân mến. Ông ấy đến giúp tôi; cha Nil là tu sĩ ở tu viện Saint-Martin.

Brezczinsky giật mình.

- Cha có tình cờ là đạo hữu của cha Andrei không ?

- Chúng tôi đã là đạo hữu trong vòng ba mươi năm.

Brezczinsky mở miệng như để hỏi cha Nil một câu, nhưng lại thôi và giấu vẻ bối rối của mình bằng một cái gậy đầu nhẹ. Ông quay sang Leeland.

- Đức ông, phòng làm việc đã sẵn sàng. Mời các ông theo tôi...

Họ im lặng đi theo ông qua một dãy những căn phòng có mái vòm, thông với nhau bằng một cửa vào rất rộng cũng hình vòm. Các bức tường phủ đầy những kệ sách có lắp kính, ánh sáng tỏa ra đều khắp, và âm thanh vo vo báo hiệu sự có mặt của thiết bị đo độ ẩm là thứ cần thiết cho việc bảo quản những bản thảo cổ. Cha Nil lướt ánh mắt nhìn những giá sách mà họ đi qua: Cổ đại, Trung cổ, Phục hưng, *Risorgimento*... Những cái nhãn cho phép đoán ra đây là những bằng chứng quý giá nhất của Lịch sử phương Tây, mà ông có cảm giác vừa trải qua toàn bộ chỉ trong vài chục mét.

Vui thích trước vẻ ngạc nhiên của ông, Leeland thì thầm:

- Trong khu âm nhạc, nơi duy nhất tớ có quyền sử dụng, tớ sẽ chỉ cho cậu những bản thảo dàn bè tự viết của Vivaldi, những trang Messie của Haendel, và tám khuôn nhịp đầu tiên trong bản *Lacrymosa* của Mozart: những nốt nhạc cuối cùng do chính tay ông viết khi đang hấp hối. Chúng ở đây....

Khu âm nhạc nằm ở phòng cuối cùng. Ở giữa, dưới hệ thống chiếu sáng có thể điều chỉnh được,

là một chiếc bàn trống trơn mặt kính, trên đó kiếm không ra một hạt bụi.

- Ông đã biết chỗ rồi, Đức ông. Tôi sẽ để các ông ở đây. Ồ...- dường như ông đang phải gắng sức – cha Nil, ông có thể qua văn phòng tôi không? Tôi phải tìm cho ông một đôi găng đúng cỡ tay ông, ông cần đến nó để lật giở bản thảo.

Leeland có vẻ ngạc nhiên, nhưng vẫn để cha Nil đi theo viên thủ thư vào một văn phòng trông thẳng ra phòng họ. Brezinsky cẩn thận đóng cửa sau lưng họ, lấy một cái hộp trên giá rồi quay sang cha Nil, về bối rối.

- Cha ạ... tôi có thể hỏi ông thực chất mối quan hệ giữa ông và cha Andrei là thế nào không?

- Chúng tôi rất thân thiết, nhưng tại sao ?

- Thì là tôi... tôi có trao đổi thư từ với ông ấy, thỉnh thoảng ông ấy hỏi ý kiến tôi về những bản khắc thời Trung cổ mà ông ấy đang nghiên cứu.

- Vậy là... Là ông à ?

Cha Nil nhớ lại: “Tôi đã gửi ảnh chụp phiên đá Germigny cho một người làm việc ở Vatican. Ông ấy trả lời là đã nhận được, không bình luận gì thêm.”

- Cha Andrei đã nói với tôi về người trao đổi thư từ với ông ấy ở Thư viện Vatican, tôi không biết đó là ông và không nghĩ là có dịp được gặp ông!

Brezinsky cúi đầu mân mê những chiếc găng tay đựng trong hộp theo phản xạ.

- Ông ấy thường nhờ tôi giải thích kỹ hơn về chuyên môn, giống như những nhà nghiên cứu khác, dù cách xa nhau nhưng chúng tôi đã thiết lập được một mối quan hệ tin cậy. Rồi một hôm, khi đang sắp xếp kho bản thảo tiếng Ai Cập cổ, tôi thấy một mảnh bản thảo rất nhỏ, nhìn như đến từ Nag Hamadi, chưa được dịch. Tôi đã gửi cho ông ấy, hình như ông ấy rất bối rối vì mảnh bản thảo này, và gửi trả lại tôi mà không dịch. Tôi đã viết thư cho ông ấy về vấn đề này, thế là ông ấy fax cho tôi bức ảnh chụp một bản khắc từ thời Carolingien, được tìm thấy ở Germigny và hỏi tôi nghĩ gì về nó.

- Tôi biết, chúng tôi đã cùng chụp bức ảnh đó. Cha Andrei có cho tôi biết về công việc của ông ấy. Hầu như toàn bộ.

- Hầu như ?

- Vâng, ông ấy không nói hết với tôi, và không che giấu điều đó, điều này luôn khiến tôi ngạc nhiên.

- Sau đó, ông ấy đã đến đây. Đó là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, một cuộc gặp... rất ấn tượng. Rồi ông ấy biến mất, tôi không bao giờ gặp lại ông ấy nữa. Tiếp đó tôi được biết về cái chết của ông ấy đăng trên tờ *La Croix*, một vụ tai nạn, hay là một vụ tự sát...

Brezinsky có vẻ rất lúng túng, mắt ông lẩn trốn ánh mắt cha Nil. Cuối cùng ông cũng đưa cho cha Nil một đôi găng tay.

- Ông không thể ở cùng tôi quá lâu, ông phải quay về phòng. Tôi... chúng ta sẽ nói chuyện với nhau sau, cha Nil ạ. Sau này, tôi sẽ tìm ra cách. Ông hãy đề phòng mọi thứ ở đây, kể cả Đức ông Leeland.

Cha Nil mở to mắt kinh ngạc.

- Ông muốn nói gì? Chắc là ở Roma, tôi sẽ không gặp gỡ ai khác ngoài ông ấy, và tôi hoàn toàn tin tưởng. Chúng tôi đã cùng học đại học với nhau, tôi biết ông ấy từ lâu rồi.

- Nhưng ông ấy đã sống ở Vatican một thời gian. Nơi này biến đổi tất cả những người đến gần nó, họ không bao giờ còn là mình nữa... Thôi nào, quên điều tôi vừa nói với ông đi, nhưng ông hãy cẩn thận nhé!

Trên bàn, Leeland đã trải một bản thảo ra.

- Ông ta tìm cho cậu một đôi găng tay mới lâu làm sao! Trong khi có một ngăn tủ đầy ở phòng bên cạnh, tất cả các cỡ...

Cha Nil không đáp lại ánh mắt lo lắng của bạn mình, và lại gần chiếc kính lúp to tương hình chữ nhật nhô ra bên trên bản thảo. Ông liếc mắt nhìn vào.

- Không có phần chữ trang trí, chắc là trước thế kỷ X rồi. Làm việc thôi, Remby!

Buổi trưa, họ ăn một chiếc sandwich Breczinsky mang cho. Bỗng nhiên, với vẻ rất niềm nở, người Ba Lan này đề nghị cha Nil giải thích công việc của ông.

- Trước hết là đọc hiểu văn bản bằng tiếng Latin của các bản thảo chép Thánh ca Grégoire. Sau đó dịch văn bản bằng tiếng Hê brơ của các bài hát Do Thái cổ có giai điệu gần giống, rồi so sánh... Tất nhiên, tôi chỉ phụ trách phần văn bản, Đức ông Leeland chịu trách nhiệm phần còn lại.

- Đối với tôi, tiếng Hê brơ cổ thật khó hiểu, cũng như những chữ viết thời Trung cổ, người bạn Mỹ của ông vừa cười vừa giải thích.

Khi họ ra đến bên ngoài, mặt trời đã ở thấp dưới chân trời.

- Tớ quay về San Girolamo luôn đây, cha Nil cáo lỗi, không khí điều hòa khiến tớ đau đầu.

Leeland chặn ông lại: họ đang ở giữa quảng trường Saint Peter.

- Tớ có cảm giác cậu đã gây ấn tượng mạnh cho Breczinsky. Bình thường, ông ta không nói quá ba câu liên tục. Thế nên, ông bạn ạ, tớ phải nhắc cậu: hãy đề phòng ông ta.

“Lại đề phòng! Chúa ơi, con rơi vào nơi nào thế này?”

Vẻ mặt nghiêm trọng, Leeland nhấn mạnh:

- Cậu hãy cẩn thận để không sơ suất gì. Nếu ông ta nói chuyện với

cậu, thì là để thăm dò cậu thôi. Ở đây, không có gì, không có ai là vô hại cả. Cậu không biết Vatican nguy hiểm đến mức nào đâu, phải đề phòng tất cả mọi người và đề phòng bất cứ ai.

43.

Biết bao suy nghĩ vẫn quay cuồng trong đầu cha Nil khi ông bước vào phòng mình ở San Girolamo. Đầu tiên, ông kiểm tra để chắc chắn rằng không có gì biến mất khỏi chiếc tủ mà ông thấy vẫn khóa, rồi đến bên cửa sổ: gió sirocco, thứ gió Nam khủng khiếp phủ lên thành phố một lớp cát mỏng từ sa mạc Sahara, vừa nổi lên. Thành phố Roma bình thường rực rỡ là thế đang tắm mình trong thứ ánh sáng xanh lục và vàng nhạt.

Ông đóng cửa sổ để tránh bụi. Nhưng việc này không giúp ông tránh khỏi tình trạng giảm áp suất khí quyển đột ngột luôn kèm với gió sirocco, và gây cho người dân những cơn đau đầu mà tòa án Roma coi như một tình tiết giảm nhẹ, trong trường hợp phạm tội dưới ảnh hưởng của thứ gió xấu này.

Ông bước về phía giá sách để lấy một viên aspirin dự phòng, và dừng lại trước những đồ vật cha Andrei bỏ quên. Bị gia đình từ bỏ khi vào tu viện, bị tổn thương do cái chết của bạn mình, cha Nil rất dễ xúc động: mắt ông nhòa nước. Ông thu nhặt những thứ giờ đây là đồ kỷ niệm quý giá đối với ông, và vùi xuống đáy va li: chúng sẽ có chỗ trong phòng ông ở tu viện Saint-Martin.

Ông lơ đãng mở cuốn sổ ghi chép và lật vài trang. Lịch làm việc của một tu sĩ cũng trơn nhẵn như cuộc sống của ông ta: những trang giấy còn trắng tinh cho đến đầu tháng Mười một. Ở đó, cha Andrei đã ghi ngày và giờ khởi hành đến Roma, rồi các cuộc gặp tại Cơ quan truyền bá đức tin. Cha Nil lật trang giấy: có vài dòng chữ được ghi vội trên đó.

Tim đập thình thịch, ông ghé người ngồi xuống bên bàn và bật đèn.

Trên đầu trang bên trái, cha Andrei viết bằng chữ hoa: BỨC THƯ CỦA TÔNG ĐỒ. Tiếp theo, thấp hơn một chút là hai cái tên: “Origène, Eusèbe de Caesarea”, rồi đến ba chữ cái và sáu chữ số.

Hai Giáo phụ thuộc Giáo hội Hy Lạp.

Ở trang bên cạnh, ông viết nguệch ngoạc: “S.C.V.Hiệp sĩ dòng Đền”. Và bên cạnh dòng chữ đó lại là ba chữ cái, nhưng tiếp theo chỉ có bốn chữ số.

Các hiệp sĩ dòng Đền làm gì giữa các Giáo phụ?

Liệu có phải là do tác động của gió sirocco không? Đầu ông hơi quay cuồng.

Bức thư của tông đồ: trong những cuộc chuyện trò của họ, cha Andrei đã nói với ông một cách rất mơ hồ về một thứ gì đó thuộc loại này. Và đó là một trong bốn hướng tìm kiếm được đưa ra trong mảnh giấy ông ấy viết trên chuyến tàu Roma Express.

Cha Nil thường tự hỏi làm thế nào để khai thác ghi chú bí ẩn này. Và thế là bạn ông, hẳn ông ấy sẽ làm vậy nếu vẫn đang ở cạnh ông, đã nhắc lại với ông về bức thư này. Dường như cha Andrei nói với ông rằng ông sẽ biết được điều gì đó về chủ đề này trong các tác phẩm của hai Giáo phụ, và những gì ông ấy ghi lại đây giống như tài liệu tham khảo.

Ông cần phải tìm lại những văn bản này. Nhưng ở đâu?

Cha Nil đi đến vòi nước lấy một cốc nước rồi bỏ viên aspirin vào đó. Vừa nhìn cột bọt khí sủi lên, ông vừa suy nghĩ rất lung. Ba chữ cái và sau đó là những con số: đó là mã số trong Hệ thống phân loại Dewey, để chỉ vị trí của những cuốn sách xếp trong một thư viện. Nhưng thư viện nào? Ưu điểm của hệ thống Dewey là có thể mở rộng đến vô cùng: mỗi thủ thư có thể ứng dụng nó theo nhu cầu của mình mà không sợ bị cạn kiệt. Nếu may mắn, hai con số cuối cùng có thể cho phép xác định một thư viện trong số hàng trăm thư viện khác.

Bằng cách hỏi từng thủ thư một. Trên toàn thế giới.

Cha Nil uống cốc thuốc.

Tìm một cuốn sách chỉ từ mã số Dewey cũng giống như tìm một chiếc xe trong một bãi đậu xe bốn nghìn chỗ, mà không biết vị trí cũng như nhãn hiệu xe. Không cả tên nhân viên phụ trách cửa vào. Thậm chí không biết đó là bãi đỗ xe nào nữa...

Ông đưa tay xoa thái dương: cơn đau đi nhanh hơn là thuốc aspirin.

Tiếp theo ba chữ cái đứng sau Origène và Eusèbe là sáu chữ số: như vậy, đó là một mã số đầy đủ, là vị trí chính xác của một tác phẩm trên một giá sách. Nhưng đằng sau ba chữ cái đi kèm “S.C.V.Hiệp sĩ dòng Đền” lại chỉ có bốn chữ số: thể hiện một kệ sách, hoặc có thể là một khu vực trong một thư viện nào đó, không nêu chính xác vị trí cuốn sách.

S.C.V. có phải là tên viết tắt của một thư viện? Ở nơi nào trên thế giới?

Giờ đây, đầu cha Nil đang bị một chiếc mỏ cặp siết lại đau đớn, ngăn không cho ông suy nghĩ. Trong nhiều năm, cha Andrei đã có liên hệ với các thủ thư ở khắp châu Âu, thường qua Internet. Nếu một trong các mã số này là một thư viện tại Viên, ông thấy khó có thể đề nghị Cha tu viện trưởng thuận chi cho mình một vé máy bay khứ hồi đến Áo.

Ông uống viên aspirin thứ hai, rồi leo lên sân thượng trông ra toàn bộ khu vực. Phía xa, tháp thoáng đỉnh vòm của đại giáo đường Saint Peter. Ngôi mộ của Thánh tông đồ được đào sâu vào bên trong đồi Vatican, nghĩa là ở bên ngoài Roma, trên đó Néron đã cho xây một cung điện hoàng gia và một đấu trường. Chính ở đây, hàng nghìn người Cơ Đốc và người Do Thái, phải gánh chịu chung một

lòng căm thù, đã bị đóng đinh câu rút vào năm 67.

Các nhà nghiên cứu đã cho ông thấy một bộ mặt không ngờ tới của Peter, là nơi trú ngụ của những dục vọng giết người. Các Bức thư của Tông đồ khẳng định rằng hai giáo dân Cơ Đốc ở Jerusalem, Ananie và Saphire, đã chết do tay ông ta. Việc ám sát Judas chỉ là một giả thiết, nhưng dựa trên nhiều dấu hiệu rất rõ ràng. Tuy nhiên, ở Roma, cái chết của ông ta là một hành động tuần đạo: “Tôi tin vào những người chết do đức tin của mình”, Pascal từng nói vậy. Peter bẩm sinh đã rất tham vọng, bạo lực, tính toán. Có lẽ, trong những thời khắc cuối cùng của cuộc đời mình, ông ta rốt cục đã trở thành một môn đồ thực thụ của Jesus? Lịch sử không thể định đoạt được điều đó nữa, nhưng vẫn phải để ông ta được hưởng mỗi ngò vực này.

“Peter hẳn cũng giống như bất kỳ ai trong chúng ta: một con người hai mặt, có thể làm điều tốt đẹp nhất sau điều tồi tệ nhất...”

Người ta vừa nói với cha Nil rằng phải đề phòng mọi thứ, và đề phòng mọi người. Ý nghĩ này khiến ông không thể chịu đựng nổi: nếu nghĩ đến nó nhiều quá, có lẽ ông sẽ nhảy lên chuyến tàu đầu tiên, giống như cha Andrei đã làm. Để không bị lạc lối, ông phải tập trung vào việc nghiên cứu của mình. Sống ở Roma cũng như sống ở tu viện, trong cùng cảnh cô độc ấy.

“Mình sẽ tìm kiếm. Và mình sẽ thấy.”

Đôi Vatican, năm 67

- Peter... Nếu Người không ăn gì, thì ít nhất cũng uống một chút đi!

Ông già gạt hũ nước mà người đồng hành của ông, người đang mặc một chiếc áo cánh ngắn của nô lệ, đưa cho. Ông nghiêng người, vơ một ít rom, nhét vào khoảng giữa lưng và bức tường xây theo kiểu *opus reticulatum* ^[31]. Ông rùng mình: vài giờ nữa, có thể ông sẽ bị đóng đinh câu rút, sau đó thân thể ông sẽ bị phủ nhựa. Đêm xuống, đao phủ sẽ châm lửa vào những ngọn đuốc sống là người bị đóng đinh câu rút, để chiếu sáng cảnh tượng mà hoàng đế muốn tặng cho nhân dân thành Roma.

Từ nhiều ngày nay, người bị kết án tử hình đã bị nhốt vào những đường hầm dài hình vòm dẫn trực tiếp ra đường đua trong đấu trường. Qua tấm lưới ngăn lối vào, người ta thấy thấp thoáng hai cột mốc— *các meta*— đánh dấu hai đầu mút của đường đua. Chính tại đó, xung quanh đài tháp lớn ở trung tâm trường đua, là nơi mỗi tối người ta đóng đinh câu rút những “người Do Thái” được cho là phải chịu trách nhiệm về vụ hỏa hoạn lớn đã phá hủy thành phố vài năm trước, không phân biệt đàn ông, đàn bà hay trẻ em.

- Ăn hay uống thì cũng để làm gì, hả Lin? Con biết là tối nay mà: chúng luôn bắt đầu từ những người già nhất. Con sẽ còn sống thêm vài ngày nữa, rồi Anaclet sẽ chứng kiến con ra đi, trước khi đến lượt nó đến gặp chúng ta cùng với những người cuối cùng.

Ông xoa đầu một đứa trẻ ngồi cạnh ông trên đồng rom. Nó nhìn ông với vẻ sùng kính, đôi mắt to lại càng to hơn bởi những quầng thâm.

Ngay từ khi đến Roma, Peter đã thâm tóm cộng đồng người Cơ Đốc. Đa số những người cải đạo là nô lệ, giống như Lin và cậu bé Anaclet. Tất cả họ đều đã từng theo các tôn giáo bí ẩn đến từ phương Đông, vốn có sức hấp dẫn không thể cưỡng lại đối với người dân. Những tôn giáo này mang lại cho họ viễn cảnh về một cuộc sống tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, và những nghi lễ cúng bái ly kỳ vậy máu.

Tôn giáo khắc khổ và đúng đắn của những người Do Thái cải đạo theo Đấng Christ, vừa là Chúa trời lại vừa là con người, đã đạt được thành công vang dội.

Peter cuối cùng đã chấp nhận rằng việc thánh hóa hoàn toàn Jesus là một điều kiện không thể thiếu cho công việc truyền bá tôn giáo mới. Ông quên đi những ngại ngùng ràng buộc ông vào thời gian đầu khi còn đang ở giữa những người cải đạo tại Jerusalem: “Jesus đã chết. Christ – Chúa trời vẫn sống. Chỉ một người còn sống mới có thể giúp những cộng đồng này đến được với một cuộc sống mới.”

Người ngư phủ thành Galilee đã trở thành người đứng đầu không thể tranh cãi của cộng đồng ở Roma: không ai còn nghe nói đến tông đồ thứ mười ba nữa.

Ông nhắm mắt lại. Khi đến đây, ông đã kể cho những người bị giam giữ nghe việc bọn lính đã bắt ông trên đường Appia, trong lúc ông đang trốn chạy cùng làn sóng người muốn thoát khỏi sự truy bắt của Néron. Đây hận thù đối với điều mà họ coi là hèn nhát, nhiều người Cơ Đốc bị bắt vì lòng dũng cảm trong nhà tù này đã lánh xa ông.

Sự sống đang rời bỏ ông: liệu ông có trụ được đến tối không? Ông phải trụ được. Ông muốn được chịu đựng cái chết gớm ghiếc này, sau khi bị chính những người của ông xa lánh, để chuộc tội và xứng đáng với sự tha thứ của Chúa.

Ông ra hiệu cho Lin, anh ta đang ngồi cạnh Anaclet, trên nền đá lát mốc meo. Từ trưa đến giờ, người ta không còn nghe thấy tiếng gầm của những con mãnh thú nữa: sáng nay, tất cả bọn chúng đã bị các đấu sĩ tàn sát trong một trận đánh lớn. Mùi của bầy thú trộn lẫn với thứ mùi phát lộn mửa của máu và phân. Ông phải cố gắng mới nói được.

- Có thể các con sẽ sống, con và đứa trẻ này. Cách đây ba năm, sau vụ cháy, những người trẻ nhất bị kết án đã được thả, khi dân chúng đã mệt mỏi vì chừng ấy kinh hoàng gieo rắc trên nền cát của đấu trường. Con sẽ sống, Lin ạ, phải như thế.

Người nô lệ dăm dăm nhìn ông, mắt nhòa lệ.

- Nhưng nếu cha không còn, Peter, ai sẽ dẫn dắt cộng đồng chúng con? Ai sẽ dạy dỗ chúng con?

- Con. Cha biết con từ khi con bị bán ở chợ gần Quảng trường, cũng như cha đã nhìn đứa trẻ này lớn lên. Con và nó, hai con sẽ sống. Các con là tương lai của Giáo hội. Cha chỉ còn là một cái cây già, đã mục rỗng tàn lụi ở bên trong...

- Sao cha lại có thể nói thế được? Cha là người đã biết Chúa Cứu thế của chúng ta, cha là người đã đi theo Người và phục vụ Người không chút lầm lỗi!

Peter cúi đầu. Việc phản bội Jesus, những vụ ám sát liên miên, cuộc chiến khốc liệt chống lại các đối thủ của ông ở Jerusalem, biết bao đau khổ do ông gây ra...

- Hãy nghe cha nói đây, Lin: mặt trời đã xuống thấp rồi, chỉ còn ít thời gian nữa thôi. Con phải biết điều này, cha đã lầm lỗi. Không chỉ do ngẫu nhiên, như vẫn thường xảy đến với mỗi người chúng ta, mà trong thời gian dài, và lặp đi lặp lại. Hãy nói điều đó với Giáo hội, khi tất cả những chuyện này

kết thúc. Nhưng con cũng hãy nói với Giáo hội rằng cha chết trong yên bình vì cha đã nhận ra những lỗi lầm của mình, vô số lỗi lầm. Vì cha đã xin chính Jesus, và chúa của Người, tha thứ cho ta. Và vì không bao giờ - *không bao giờ* - một người Cơ Đốc lại được nghi ngờ lòng khoan dung của Chúa. Đó chính là phần cốt yếu trong lời dạy của Jesus.

Lin đặt tay mình lên tay Peter: chúng lạnh băng. Phải chăng sự sống đang rời khỏi ông? Nhiều người đã chết trong đường hầm này, thậm chí trước khi đến nơi chịu nhục hình.

Ông già ngẩng đầu lên.

- Lin, hãy nhớ- và con, chú bé, hãy nghe: vào buổi tối diễn ra bữa ăn cuối cùng mà chúng ta ăn cùng với Thầy, ngay trước khi Người bị bắt, chúng ta có mười hai người ngồi xung quanh Người. *Chỉ có mười hai tông đồ ngồi xung quanh Jesus*. Cha đã ở đó, cha làm chứng cho điều này trước Chúa trước khi chết. Có thể một ngày nào đó các con sẽ nghe nói về một tông đồ thứ mười ba: cả con, cả Anaclet, cả những người sẽ tiếp nối các con, đều không được dung thứ dù chỉ là một lời chú đơn giản, một lời nhắc đến một tông đồ khác ngoài Mười hai người. Điều đó liên quan đến sự tồn tại của chính Giáo hội. Các con có thể trang trọng thề trước cha và Chúa không?

Chàng trai trẻ và chú bé gật mạnh đầu.

- Nếu thoát được ra khỏi vùng bóng tối, tông đồ thứ mười ba này có thể sẽ phá hủy hết tất cả những gì chúng ta tin tưởng. Tất cả những gì sẽ cho phép – ông chỉ vào những cái bóng mờ nhạt đang lả đi trên nền đất – những người đàn ông, đàn bà này đều chết trong yên bình tối nay, thậm chí có thể họ còn mỉm cười. Bây giờ, hãy để mặc cha. Cha có nhiều điều cần nói với Chúa Cứu thế của cha.

Peter bị đóng đinh câu rút vào lúc hoàng hôn, giữa hai *meta* của đấu trường Vatican. Khi chúng châm lửa vào xác ông, ngọn lửa chiếu sáng một lát cho đài tháp cách giá chữ thập của ông vài mét.

Hai ngày sau, Néron tuyên bố trò chơi kết thúc: tất cả những người bị kết án tử hình đều được thả tự do, sau khi phải chịu phạt ba mươi chín roi.

Lin kể tục sự nghiệp của Tông đồ, anh chôn xác ông trên đỉnh đồi Vatican, cách lối vào đấu trường một quãng.

Anaclet kể tục Lin, trở thành người thứ ba trong danh sách các Giáo hoàng được tôn xưng vào mỗi lễ mixa ở các nhà thờ Công giáo trên toàn thế giới. Chính ông là người đã cho xây nhà thờ đầu tiên trên mộ Peter. Nhà thờ này sau đó đã được thay bằng nhà thờ lớn mà hoàng đế Constantin muốn phải thật uy nghiêm.

Lời thề trang trọng của hai Giáo hoàng kế vị Peter được truyền lại từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Và đài tháp nơi sáng đó cha Nil dừng bước một lát- khi gió sirocco đã ngừng thổi, Roma lại rực rỡ trong ánh hào quang- chính là đài tháp nơi mà dưới chân nó mười chín thế kỷ trước, một môn đồ của Jesus, được giải hòa với Chúa của mình nhờ ăn năn và tha thứ, đã tự nguyện đối mặt với một nhục hình khủng khiếp.

Vì Peter đã che giấu sự thật trước các tín đồ Cơ Đốc: chỉ mình ông biết rằng ông không xứng đáng với lòng sùng kính của họ, ông muốn được chết trong sỉ nhục và khinh bỉ. Nhưng ông đã không trốn chạy khi bị truy bắt.

Ngược lại, ông đã tự đến nộp mình cho quân của Néron, để chuộc lại tội lỗi của mình. Và để có thể khiến Lin phải thề rằng sẽ truyền lại điều bí mật.

Từ đó, điều bí mật chưa bao giờ rời khỏi đền Vatican.

Tôn đồ thứ mười ba đã không nói.

45.

Cha Nil thích đi lang thang và mơ mộng trên quảng trường Saint Peter vào sáng sớm, khi khách du lịch còn chưa có mặt. Ông ra khỏi bóng của đài tháp để tận hưởng ánh mặt trời đã trở nên ấm áp. “Người ta nói chính đài tháp này tô điểm cho trung tâm đầu trường của Néron. Ở Roma, thời gian không tồn tại.”

Bàn tay trái của ông không rời khỏi chiếc túi đeo, khi rời khỏi San Girolamo, trong đó ông bỏ vào những ghi chép quý giá nhất tách từ những giấy tờ đã xếp trên giá. Ở đây người ta có thể lục lọi phòng ông cũng dễ dàng như ở tu viện, hơn nữa giờ đây ông biết rằng phải đề phòng tất cả mọi người. “Nhưng không phải là Remby, không bao giờ!” Khi đi, ông đã nhét xuống tận đáy túi cuộn phim âm bản chụp ở Germigny. Một trong bốn hướng nghiên cứu cha Andrei để lại mà ông vẫn chưa biết phải khai thác thế nào.

Trong khi cha Nil vẫn đang mơ màng dưới chân đài tháp dựng trên những đế chế ngày càng được củng cố thêm bởi thời gian, thì vừa đến văn phòng, Leeland đã thấy có lời nhắn ông ngay lập tức đến gặp một thư lại của Cơ quan truyền bá đức tin. Một Đức ông Calfo nào đó mà đôi lúc ông có giáp mặt trong một lối đi dù không biết rõ vị trí của ông ta trong cơ cấu tổ chức của Vatican.

Đi xuống hai tầng nhà và vô số những hành lang quanh co, ông ngạc nhiên thấy vị giáo sĩ cấp cao an tọa trong một văn phòng gần như xa hoa, chỉ có một cửa sổ duy nhất nhìn thẳng ra quảng trường Saint Peter. Một người đàn ông nhỏ bé, đầy đà, có dáng vẻ vừa tự tin vừa giả dối. “Một cư dân trong thiên hà Vatican,” tu sĩ người Mỹ nghĩ.

Calfo không mời ông ngồi.

- Đức ông, Hồng y đã yêu cầu tôi báo cáo với ngài các cuộc chuyện trò giữa ông và cha Nil, người vừa đến để giúp việc cho ông. Đức Hồng y quan tâm sát sao- mà nếu không thế mới đáng ngạc nhiên- đến công việc nghiên cứu của các chuyên gia.

Trên bàn của ông ta, đập ngay vào mắt là tờ ghi chép mà hôm qua Leeland đã gửi cho Catzinger, trong đó có tóm tắt cuộc nói chuyện đầu tiên của ông với cha Nil, nhưng hoàn toàn không đề cập gì đến tâm sự thầm kín của bạn ông liên quan đến những nghiên cứu về kinh Phúc âm theo Thánh Jean.

- Đức Hồng y đã gửi cho tôi báo cáo đầu tiên của ông, nó chứng tỏ rằng giữa ông và người Pháp này có một mối quan hệ bạn bè tâm giao. Nhưng thế là không đầy đủ, Đức ông ạ, hoàn toàn không đầy

đủ! Tôi không thể tin được rằng ông ấy không nói gì thêm với ông về bản chất công việc mà ông ấy tiến hành một cách tài năng, và từ lâu rồi!

- Tôi không nghĩ những chi tiết của một cuộc nói chuyện không ra đầu ra đũa lại có thể khiến Hồng y quan tâm đến thế.

- Tất cả các chi tiết, thưa Đức ông. Ông phải cụ thể hơn, và bớt e dè hơn trong các báo cáo của mình. Điều này sẽ đỡ cho Hồng y một khoảng thời gian quý báu, vì ngài muốn theo sát từng bước tiến khoa học- đó chính là nghĩa vụ của ông ấy với tư cách là người đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin. Chúng tôi chờ đợi sự hợp tác của ông, Đức ông ạ, và ông biết tại sao... đúng không?

Một cảm giác mà Leeland không thể chế ngự, một cơn căm thù ngấm ngấm xâm chiếm ông. Ông mím môi, không trả lời.

- Ông có thấy chiếc nhẫn Giám mục này không? - Calfo chìa tay ra. - Một tuyệt tác, được chế tác vào thời kỳ người ta còn hiểu được ngôn ngữ của đá. Thạch anh tím, thứ đá được đa số các giáo sĩ Công giáo cao cấp lựa chọn, là tấm gương cho sự nhún mình và nhắc nhở chúng ta về sự chất phác của Thánh Matthieu. Nhưng đây là một viên ngọc thạch anh, là sự phản chiếu của đức tin, được gắn với Thánh Peter. Nó luôn đặt tôi đối diện với cuộc chiến của đời mình: đức tin Công giáo. Chính đức tin này, Đức ông ạ, đang bị liên lụy bởi các nghiên cứu của cha Nil. Ông không nên che giấu bất kỳ điều gì trong những điều ông ấy nói với ông, như ông đã làm.

Calfo im lặng đuổi ông ra, rồi ngồi lại vào bàn. Mở ngăn kéo, lấy ra một xấp giấy xé ra từ một cuốn sổ: bản tốc ký ghi lại cuộc nói chuyện hôm trước. “Ta vẫn là người duy nhất biết rằng Leeland không tham gia cuộc chơi. Antonio đã làm tốt công việc.”

Về đến văn phòng của mình sau khi đi qua các hành lang, Leeland cố nén cơn giận dữ. Viên thư lại này biết ông đã giấu cả một phần cuộc nói chuyện giữa ông và cha Nil. Làm sao ông lại biết?

“Chúng ta đã bị nghe trộm! Minh bị đặt máy nghe trộm, ở đây, ở Vatican này.”

Một lần nữa, lòng căm thù lại trỗi dậy trong ông. Họ đã khiến ông phải chịu đựng quá nhiều, họ đã phá hủy cuộc đời ông.

Vừa bước vào căn phòng bé xiu của Leeland, cha Nil vừa xin lỗi vì đến muộn:

- Xin lỗi cậu, tớ vừa lang thang trên quảng trường...

Ông ngồi xuống, đặt chiếc túi cạnh chân ghế và mỉm cười.

- Tớ đã tập hợp trong này tất cả những ghi chép quý giá nhất. Tớ phải nói cho cậu nghe những kết luận của tớ - mới là tạm thời thôi, nhưng cậu sẽ bắt đầu hiểu...

Phác một cử chỉ cắt lời ông, Leeland viết nguệch ngoạc mấy chữ lên một mẩu giấy, rồi đưa cho cha Nil, đồng thời đặt ngón trỏ lên môi. Ngạc nhiên, tu sĩ người Pháp đón lấy mẩu giấy và đưa mắt đọc: “Chúng ta bị nghe trộm. Đừng nói gì cả, tớ sẽ giải thích sau. Không phải ở đây.”

Ông ngược đôi mắt ngạc nhiên nhìn Leeland. Bằng giọng liên thảng, ông này tiếp luôn:

- Thế nào, cậu ở San Girolamo tốt chứ? Hôm qua đã có một trận gió sirocco, cậu không bị ảnh hưởng nhiều chứ?

- Ồ... có, tớ đau đầu suốt cả tối. Có chuyện gì...

- Hôm nay chúng ta có quay lại kho sách của Vatican cũng vô ích thôi, tớ muốn cho cậu xem tớ có gì trong máy tính, cậu sẽ thấy phần việc đã hoàn thành. Mọi thứ đó đều ở nhà tớ. Cậu có muốn đi cùng tớ bây giờ không? Cách đây khoảng mười phút, đường Aurelia.

Ông gật đầu khẩn thiết ra hiệu với cha Nil đang sừng sốt, và đứng dậy không chờ ông này trả lời.

Khi họ rời khỏi hành lang để đến cầu thang, Leeland để cha Nil đi trước và quay lại. Ông nhìn thấy một thư lại mà ông không quen đi ra từ văn phòng bên cạnh phòng ông, đang bình thản khóa cửa và tiến về phía họ. Anh ta mặc một chiếc áo tu sĩ thanh lịch, và trong bóng tối của hành lang, Leeland chỉ thoáng thấy ánh mắt đen của anh ta, vừa buồn rầu vừa lo lắng.

Ông nhanh nhẹn đến bên cha Nil đang đợi mình trên những bậc thang đầu tiên, vẫn với vẻ ngạc nhiên lúc trước.

- Xuống thôi. Nhanh lên.

46.

Họ đi qua hàng cột Bernin. Leeland đưa mắt nhìn quanh, rồi thân mật nắm lấy cánh tay cha Nil.

- Ông bạn ơi, sáng nay tớ đã có bằng chứng rằng cuộc trò chuyện của chúng ta hôm qua bị nghe trộm.

- Giống như trong một đại sứ quán, ở thời kỳ Liên bang Xô Viết à!

- Đế chế Xô Viết không còn tồn tại, nhưng tại đây, cậu đang ở trung tâm thần kinh của một đế chế khác. Tớ chắc chắn về điều tớ đã nói ra, đừng hỏi thêm nữa. *My poor friend* ^[32], cậu đã bị tổng vào tổ ong vò vẽ nào thế?

Họ im lặng bước đi. Đường Aurelia vô cùng đông đúc, nên không thể nói chuyện được. Leeland dừng lại trước một tòa nhà hiện đại nằm ở góc giao với con phố bên cạnh.

- Đây, đến nơi rồi, tớ có một phòng ở tầng bốn. Vatican trả tiền thuê nhà, lương thư lại của tớ chắc là không đủ.

Vừa bước qua cửa phòng Leeland, cha Nil khẽ huýt sáo:

- *Monsignore*, thật là tuyệt!

Một phòng khách rộng được ngăn làm hai. Ở nửa thứ nhất có kê một cây đàn piano cánh, xung quanh rải rác các thiết bị điện thanh. Một giá sách có chân song thưa chất đầy sách phân định ranh giới cho nửa thứ hai của căn phòng: hai máy tính nối với các thiết bị phụ trợ hiện đại nhất- máy in, máy scan và những chiếc hộp mà cha Nil không thể xác định nổi là gì. Leeland mời cha Nil tự nhiên và khẽ cười ngượng ngùng.

- Tu viện của tớ ở Mỹ đã tặng tớ tất cả những thứ này, cả một gia tài! Họ phát điên lên vì cách người ta hạ bệ tớ khỏi chức vụ tu viện trưởng mà tớ chính thức được bầu lên, vì những lý do chính trị của giáo hội. Vatican yêu cầu tớ phải đến cho có mặt ở văn phòng thư lại của tớ buổi sáng và buổi tối. Sau đó tớ đến kho sách làm việc hoặc quay trở lại đây. Breczinsky cho phép tớ chụp một số bản thảo,

tớ đã scan lại trong máy tính.

- Tại sao cậu lại bảo tớ là phải đề phòng ông ấy?

Leeland có vẻ ngần ngại khi trả lời:

- Trong những năm chúng ta học cùng nhau, cậu nhìn Vatican từ đồi Aventin, cách đây một kilomet: như thế là xa, Nil ạ, rất xa. Cậu bị vớ ba lê của các giáo sĩ cấp cao xung quanh Giáo hoàng quyền rũ, cậu đánh giá với tư cách là một khán giả, và tự hào mình thuộc vào bộ máy sở hữu một bề ngoài tuyệt vời đến thế. Giờ đây cậu không còn là khán giả nữa; cậu là một con côn trùng bị mắc vào lưới nhện, bị phết nhựa lên người như một con ruồi không thể tự vệ.

Cha Nil im lặng nghe ông nói. Từ khi cha Andrei chết, ông cảm thấy cuộc sống của mình bị đảo lộn, ông đã bước vào một thế giới mà ông không biết gì về nó. Leeland tiếp tục:

- Josef Brezinsky là người Ba Lan, một trong những người được gọi là “người của Giáo hoàng”. Toàn tâm tận tụy với Đức Thánh Cha, và do đó, bị giăng co giữa các trào lưu hiện tại ở Vatican, và chính vì chúng là những trào lưu ngầm lên lại càng mạnh mẽ. Từ bốn năm nay tớ làm việc chỉ cách văn phòng ông ta mười mét, nhưng vẫn không biết gì về ông ta: trừ việc ông ta đang phải chịu gánh nặng của một nỗi đau khổ vô bờ bến, nó lộ ra trên mặt ông ta. Ông ta có vẻ thích cậu đấy: phải rất chú ý đến những gì cậu nói với ông ta.

Cha Nil kìm lại mong muốn được nắm cánh tay Leeland.

- Thế còn cậu, Remby? Có phải cậu cũng là một... con côn trùng bị dính trên mạng nhện không?

Đôi mắt tu sĩ người Mỹ nhòa lệ.

- Tớ... cuộc đời tớ đã chấm hết rồi, Nil ạ. Họ đã phá hủy tớ, vì tớ tin vào tình yêu. Cũng giống như họ có thể phá hủy cậu, vì cậu tin vào sự thật.

Cha Nil hiểu rằng ông không nên nài thêm. “Không phải hôm nay. Ánh mắt cậu ấy trông tuyệt vọng quá!”

Tu sĩ người Mỹ tiếp tục.

- Tớ không đủ khả năng hợp tác với cậu trong việc nghiên cứu học thuật này, nhưng tớ sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp cậu; người Công giáo luôn muốn lờ đi việc Jesus là một người Do Thái! Hãy tận dụng khoảng thời gian cậu bắt ngờ được ở Roma này, các bản thảo Grégoire sẽ để lại sau nếu cần.

- Hàng ngày chúng ta vẫn đến làm việc ở kho sách, để không bị nghi ngờ. Nhưng tớ đã quyết định sẽ tiếp tục công việc nghiên cứu của cha Andrei. Mảnh giấy của ông ấy nói đến bốn hướng nghiên cứu cần khám phá. Một trong các hướng đó liên quan đến một phiến đá mới được phát hiện ở nhà thờ Germigny, trên đó là một bản khắc có niên đại từ thời vua Charlemagne. Chúng tớ đã nhanh chóng chụp được một bức ảnh bề mặt, bản khắc đã khiến cha Andrei rất ngạc nhiên. Tớ có phim ở đây: với thiết bị tin học của cậu, cậu có nghĩ rằng sẽ tìm ra điều gì không?

Leeland có vẻ được an ủi, nói về kỹ thuật cho phép ông thoát khỏi những bóng ma mà ông vừa gọi lên.

- Cậu không tưởng tượng được một chiếc máy tính có thể làm những gì đâu! Nếu đó là những ký tự của một ngôn ngữ mà nó có trong bộ nhớ, nó sẽ biết tái tạo lại những từ hoặc những chữ trong một văn bản đã bị thời gian hủy hoại. Đưa phim của cậu cho tớ.

Cha Nil lấy chiếc túi đeo và đưa cuộn phim cho bạn. Họ cùng đi sang phía bên kia căn phòng, Leeland bật những chiếc hộp và chúng bắt đầu nhấp nháy. Ông mở một trong số các hộp ra.

- Máy scan laze, thế hệ mới nhất.

Mười lăm giây sau, phiên đá hiện ra trên màn hình. Leeland điều khiển chuột, gõ lên bàn phím, và bề mặt của hình ảnh bắt đầu được quét rất đều đặn bằng một chiếc cọ ánh sáng.

- Phải mất hai mươi phút. Trong khi nó làm việc, sang bên có đàn piano đi, tớ sẽ chơi cho cậu nghe bản *Children's Corner*.

Trong khi Leeland, hai mắt nhắm lại, tái hiện dưới ngón tay mình giai điệu du dương của Debussy, chiếc cọ của máy tính vẫn quét không ngừng nghỉ trên ảnh chụp một bản khắc bí ẩn dưới triều đại Carolingien.

Và được một tu sĩ chụp lại vào cuối thế kỷ XX, người ấy đã phải chết cũng chính vì bức ảnh này.

Cùng lúc đó, Đức ông Calfo cầm lấy điện thoại di động:

- Họ đã rời văn phòng ở Cơ quan và đi ngay đến căn hộ của tay người Mỹ à? Được, hãy ở gần họ và kín đáo giám sát các động tĩnh của họ, rồi tối nay gửi báo cáo của anh cho tôi.

Theo thói quen ông ta đưa tay sờ nắn hình thoi thuôn dài của viên ngọc màu xanh.

47.

Giờ đây, trên màn hình máy tính, bản khắc trên phiến đá Germigny hiện ra với độ nét cao.

- Nhìn này, Nil: hoàn toàn có thể đọc được. Đây là những ký tự Latin, máy tính đã khôi phục lại chúng. Mà này, ở đầu và cuối văn bản, lại có hai ký tự hy Lạp- alpha và omega- máy tính đã xác định thì không thể làm được.

- Cậu có thể in cho tớ một bản được không?

Cha Nil ngắm nghía bản khắc in ra trên giấy. Leeland chờ ông cất lời.

- Đây đúng là văn bản của Tín điều Nicée, Tín điều Credo. Nhưng nó được bố trí theo cách hoàn toàn không thể hiểu được...

Họ kéo ghế lại gần nhau. “Như ngày xưa, khi mình đến phòng cậu ấy để học chung, hai người ngồi bên nhau dưới cùng một ngọn đèn.”

- Tại sao người ta lại thêm ký tự alpha vào trước từ đầu tiên của văn bản, và ký tự omega vào sau từ cuối cùng? Tại sao hai ký tự này, ký tự đầu tiên và ký tự cuối cùng trong bản chữ cái Hy Lạp được cố tình ghép vào một văn bản viết bằng tiếng Latin và vốn được coi là không thể xâm phạm đến? Tại sao người ta lại cắt nhỏ các từ mà không quan tâm đến ý nghĩa của chúng? Tớ thấy chỉ có thể giải thích bằng một cách: không cần phải quan tâm đến ý nghĩa, vì ở đây không có ý nghĩa, mà phải quan tâm đến cách thức văn bản này được trình bày. Cha Andrei đã nói với tớ rằng ông ấy chưa bao giờ thấy điều này: hẳn là ông ấy đã ngờ việc chia cắt này có một ý nghĩa đặc biệt, và phải tới khi ông ấy đến Roma thì mới nhận thấy rằng Tín điều Credo bị sửa đổi như vậy có điều gì đó liên quan tới ba chỉ dẫn khác ghi trên mảnh giấy. Lúc này, tớ chỉ đọc được một thứ, đó là bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ.

- Cậu còn chưa nói với tớ...

- Vì tớ chỉ phát hiện ra điều các từ ngữ muốn nói, chứ không phải ý nghĩa của cả thông điệp. Và có lẽ ý nghĩa này nằm trong cách thức không thể hiểu nổi mà theo đó văn bản này được khắc lên đá vào thế kỷ VIII.

Cha Nil ngắm nghĩ, rồi nói tiếp:

- Cậu biết rằng đối với người Hy Lạp, alpha và omega chỉ sự bắt đầu và kết thúc của thời gian...

- Giống như trong kinh Khải Huyền của Thánh Jean à?

- Chính xác. Khi tác giả kinh Khải Huyền viết “Ta nhìn thấy một bầu trời mới và một mặt đất mới”, ông đã đề Christ, người hiện ra trong hào quang, nói:

Ta là alpha và omega

là Đầu tiên và Cuối cùng

sự bắt đầu và sự kết thúc.

Ký tự alpha có nghĩa là một thế giới bắt đầu, còn ký tự omega có nghĩa là thế giới đó tồn tại vĩnh viễn. Như vậy, đóng khung trong hai ký tự này, việc chia cắt văn bản một cách kỳ lạ khiến người ta hình dung đến một trật tự thế giới mới, trật tự này không thể bị thay đổi trong bất kỳ hoàn cảnh nào: “một bầu trời mới và một mặt đất mới”, thứ gì đó phải tồn tại đến tận cùng của thời gian.

- Alpha và omega có phải là những biểu tượng hay gặp trong Kinh Thánh không?

- Hoàn toàn không. Chỉ bắt gặp chúng duy nhất trong kinh Khải Huyền, mà truyền thuyết vẫn khẳng định tác giả là Jean. Như vậy, có thể cho rằng nếu văn bản này được đóng khung giữa alpha và omega, thì việc xếp đặt nó có điều gì đó liên quan đến kinh Phúc âm theo Thánh Jean.

Cha Nil đứng dậy và đến đứng trước cửa sổ đóng kín.

- Một cách sắp xếp văn bản độc lập với ý nghĩa của các từ, có quan hệ với kinh Phúc âm được cho là của Thánh Jean. Tớ chẳng thể nói gì thêm, chừng nào tớ chưa ngồi vào bàn để xoay bản khắc này theo đủ các hướng, giống như cha Andrei hẳn đã làm. Dù sao, mọi chuyện đều xoay quanh kinh Phúc âm thứ tư, và chính vì vậy, các nghiên cứu của tớ mới khiến ông bạn tớ quan tâm đến thế.

Cha Nil ra hiệu cho Leeland đến gần ông bên cửa sổ.

- Ngày mai cậu sẽ không gặp tớ. Tớ sẽ giam mình trong phòng ở San Girolamo, và chỉ ra khỏi phòng khi nào tìm ra ý nghĩa của bản khắc này. Ngày kia chúng ta gặp nhau, tớ hy vọng sẽ nhìn mọi việc được rõ ràng hơn. Sau đó cậu phải để tớ dùng Internet, tớ cần tiến hành một tìm kiếm trong các thư viện lớn trên toàn thế giới.

Ông hát thầm về phía đỉnh mái vòm nhà thờ Saint Peter nhô lên bên trên các mái nhà.

- Có lẽ cha Andrei mất mạng vì đã liên quan đến một thứ gì đấy đe dọa *cái đó* ...

Nếu thay vì nhìn mái vòm của Vatican, họ liếc mắt xuống đường phố thì hẳn đã có thể thấy một thanh niên đang lơ đãng hút thuốc, đứng lúi vào trong một cỗ xe để tránh cái lạnh tháng Mười hai. Giống như bất cứ kẻ thích lang thang nào, anh ta mặc một cái quần sáng màu cùng một áo vest dày.

Đôi mắt đen của anh ta không hề rời khỏi tầng bốn tòa nhà nằm trên đường Aurelia.

48.

Tối muộn hôm đó, văn phòng Catzinger là nơi duy nhất còn sáng đèn trong tòa nhà của Cơ quan truyền bá đức tin. Ông gọi Calfo vào và nói với ông ta bằng giọng chỉ huy.

- Đức ông – Hồng y cầm trong tay một tờ giấy đơn – cuối chiều nay tôi đã nhận được báo cáo thứ hai của Leeland. Ông ta đang chế giễu chúng ta. Theo ông ta, ngày hôm nay họ chỉ nói về Thánh ca Grégoire. Thế mà ông nói rằng họ đã giam mình trong căn hộ ở đường Aurelia suốt cả buổi sáng phải không?

- Đến tận hai giờ chiều, thưa Đức Hồng y, khi đó tu sĩ người Pháp mới rời khỏi tòa nhà để quay về San Girolamo và giam mình trong phòng. Thông tin của tôi tuyệt đối chắc chắn.

- Tôi không muốn biết nguồn gốc thông tin. Ông hãy xoay sở để biết họ nói gì với nhau trong căn hộ của Leeland, chúng ta *phải* được thông tin về điều đang ở trong đầu người Pháp đó. Tôi nói đã rõ ràng chưa?

Đầu giờ sáng hôm sau, một khách du lịch có vẻ rất quan tâm đến những chóp cột của nhà hát Marcello, là công trình ấn định ranh giới nơi đặt chợ bò của thành phố Roma cổ, chợ Fobo Boario. Cách đó không xa, đền thờ Sức mạnh đàn ông với những cây cột cứng cáp, trên đầu có quả tua kiểu Corinthe, nhắc người khách sành sỏi nhớ đến lễ cung hiến của mình. Ngay bên cạnh, một ngôi đền nhỏ hình tròn dành cho phụ nữ trinh tiết, những người dâng hiến đức hạnh trọn đời của mình cho các vị thần trong thành phố và giữ gìn ngọn lửa thiêng cho đền thờ. Khi đi qua hai công trình nằm cạnh nhau này, du khách mỉm cười hài lòng: “Sức mạnh đàn ông và đức hạnh trọn đời. Thần Eros thánh hóa bên cạnh sự thuần khiết thánh thần; từ thời La Mã, người ta đã hiểu điều đó. Thuật thần bí của chúng ta chỉ phát triển thêm lên thôi.”

Chiếc quần đạo phố không che dấu được phần mông đồ sộ của ông ta, và nếu ông ta luôn thọc sâu bàn tay phải vào túi áo vest bằng da đánh thì chính là để che đi viên ngọc thạch anh rất đẹp đính trên chiếc nhẫn – không bao giờ, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, ông ta lại rời xa viên ngọc giá trị này.

Một người đàn ông lăm lăm trên tay quyển hướng dẫn du lịch Roma to tướng đến bên ông ta.

- *Salam aleikoum*, thưa Đức ông!

- *We aleikoun salam*, Moktar. Anh đã thực hiện đúng thỏa thuận trong việc vận chuyển phiến đá Germigny. Làm tốt lắm.

Một chiếc phong bì thò ra ngoài túi áo ông ta và được trao tay. Moktar Al-Quraysh nhanh chóng

sờ nắn phong bì mà không mở ra, rồi đổi lại một nụ cười cho người đối thoại với mình.

- Tôi đã đến xem xét tòa nhà trên đường Aurelia: không còn căn hộ cho thuê nào. Tuy nhiên, họ bán một phòng ở tầng ba, ngay dưới phòng của *tên người Mỹ*.

- Bao nhiêu?

Khi con số được xướng lên, Calfo nhăn mặt: có lẽ sắp đến lúc Hội Thánh Pie V không còn phải tính toán nữa. Ông mở áo vest rồi lấy từ túi trong ra một phong bì khác, to và dày hơn.

- Anh đến xem phòng đó ngay, lập tức ký hợp đồng và lấy chìa khóa. Leeland sẽ bị giữ lại ở Cơ quan chiều nay, anh có ba giờ đồng hồ để làm mọi việc cần thiết.

- Đức ông! Trong vòng một giờ, các micro sẽ được gắn xong.

- Kẻ thù ưa thích của anh đã trở về Israel chưa?

- Ngay sau chuyến đi ngắn của chúng tôi. Anh ta đang chuẩn bị một chuyến lưu diễn quốc tế và sẽ bắt đầu bằng một loạt buổi hòa nhạc ở Roma này vào dịp Noel.

- Hoàn hảo, thật là một vỏ bọc tuyệt vời, có thể anh sẽ có việc phải gọi đến anh ta.

Moktar ném sang ông một cái nhìn chột nhả.

- Còn Sonia, ông có hài lòng về cô ta không?

Calfo kìm chế cơn giận. Ông trả lời khô khan :

- Tôi rất hài lòng, cảm ơn. Đừng mất thời gian nữa, *mah salam*.

Hai người chia tay bằng một cái gật đầu. Moktar qua cầu Isola bắc ngang sông Tiber, còn Calfo đi cắt ngang quảng trường Navona.

“Đạo Cơ Đốc chỉ có thể ra đời ở Roma, ông nghĩ khi vừa đi vừa chiêm ngưỡng những công trình điêu khắc của Bernin và Brunelleschi, đối lập nhau trong thế đối mặt đầy kịch tính. Sa mạc dẫn đến điều không thể biểu đạt được nhưng để hóa thân trong hình người, Chúa cần đến những run rẩy của xác thịt.”

49.

Qumran, năm 68

Những đám mây lớn đen sẫm dồn tụ phía trên biển Chết. Trong vùng đất trũng này, mây không bao giờ mang mưa đến, mà chỉ báo trước một thảm họa.

Iokhanan ra hiệu cho người đồng hành tiếp tục tiến lên. Họ lặng lẽ áp sát bức tường bao. Một giọng gầm gừ khiến họ chôn chân tại chỗ

- Ai đi đó?

- *Béné Israel!* Người Do Thái.

Người vừa quát dừng lại nhìn họ với vẻ nghi ngờ.

- Các anh làm thế nào mà đến được tận đây?

- Chúng tôi vượt qua núi, rồi luồn lách qua các đồn điền ở Ein Feshka. Đó là con đường duy nhất có thể đi được, lính La Mã đang bao vây Qumran.

Người đàn ông nhỏ xuống đất.

- Những đứa con của bóng tối! Các anh đến đây làm gì, tìm cái chết à?

- Tôi từ Jerusalem đến, chúng tôi phải gặp Shimon Ben-Yair. Ông ấy biết tôi, hãy dẫn đường cho chúng tôi.

Họ trèo lên một bức tường bao rồi dừng lại, sững sờ. Nơi trước đây là một địa điểm cầu nguyện và nghiên cứu yên bình bây giờ chỉ còn là một vùng tứ chiếng rộng lớn. Những người đàn ông đang đánh bóng mấy thứ vũ khí vớ vẩn, đám trẻ con vừa chạy vừa la hét, những người bị thương nằm rên rỉ ngay trên mặt đất. Ngày xưa Iokhanan đã từng đến đây, đi cùng với cha nuôi của anh, ông thích gặp lại bạn bè người Esseni của mình. Trong cảnh tranh tối tranh sáng đang dần bao trùm mọi thứ, anh dừng lại, do dự trước một nhóm người già đang ngồi tựa vào bức tường phòng viết trong thư viện, nơi xưa kia anh thường ở hàng giờ để nhìn lại các thư viết những ký tự Hê bơ lên giấy da.

Người lính gác lại gần và rỉ thào vào tai một trong những ông già. Ông này nhanh nhẹn đứng dậy dang rộng cánh tay.

- Iokhanan! Cháu không nhận ra ta sao? Đúng rồi, ta đã già đi cả thế kỉ chỉ trong vòng một tháng. Ai đi cùng cháu thế? Mắt ta đã bị nhiễm trùng, ta đã mù dờ rồi.

- Có chứ, cháu có nhận ra ông, ông Shimon! Đây là Adôn, con trai Eliézer Ben-Akkai.

- Adôn! Lại đây, để ta hôn cháu nào ... Thế Osias đâu?

Người đồng hành của Iokhanân cúi đầu.

- Anh cháu chết ở bình nguyên Ashkelon vì bị trúng tên của người La Mã. Chính cháu cũng thoát khỏi tay quân đoàn số V của La Mã một cách kỳ lạ: quân lính của họ là vô địch.

- Chúng sẽ bị đánh bại, Adôn ạ, đó là những đứa con của bóng tối. Nhưng chúng ta sẽ chết trước chúng, Qumran đã chín, đến lúc hái rồi. Vespasien đã nắm lại quyền chỉ huy quân đoàn số X Fretensis đang bao vây chúng ta, hẳn muốn tấn công Jerusalem từ phía Nam. Cả ngày nay, chúng ta đã theo dõi công việc chuẩn bị của chúng. Chúng ta không có cung thủ, nên chúng cứ tiến lên trước mắt chúng ta. Chỉ đêm nay thôi.

Iokhanân lặng lẽ ngắm nhìn cảnh tượng đau lòng, những người này đang bị Lịch sử tóm bắt mà không thể thoát được. Anh nói:

- Ông Shimon, ông có gặp *abbou* của cháu không? Cháu đã mất hơn ba tháng để đi khắp đất nước. Không có tin tức gì về ông ấy, cũng chẳng có tin gì về các môn đồ của ông, cháu thấy Pella hoàn toàn bị bỏ trống.

Shimon quan sát bầu trời bằng đôi mắt mừng mủ: mặt trời hoàng hôn đang chiếu sáng mặt dưới những đám mây: “Cảnh tượng đẹp nhất trên thế giới, giống như buổi sáng khai sinh! Nhưng tối nay là kết thúc thế giới của chúng ta.”

- Trên đường chạy trốn, ông ấy có qua đây. Đi cùng ông ấy có khoảng năm trăm người Nazareth, cả đàn ông, đàn bà và trẻ em. Ông ấy muốn bảo họ đến Ả Rập, tới tận bờ biển Nội địa. Ông ấy đã đúng: nếu có thoát khỏi tay người La Mã, họ cũng sẽ bị người Cơ Đốc vốn sẵn căm thù họ truy hại. Người của chúng ta đã đi cùng họ đến tận giáp sa mạc Édom.

- Cha cháu có đi theo họ không?

- Không, ông ấy chia tay họ ở Beersheba và để họ tiếp tục đi về phía Nam. Chúng ta có một cộng đồng nhỏ người Esseni trong sa mạc Idumea: ông ấy chờ cháu ở đó. Nhưng liệu cháu có đến được đó không? Cháu vừa sa vào một tấm lưới, các mắt lưới đang thít chặt những đứa con của ánh sáng. Cháu có muốn trải qua Ngày cuối cùng đó với chúng ta, và bước vào vầng sáng ngay đêm nay không?

Iokhanân tách ra và trao đổi vài câu với Adôn.

- Ông Shimon, cháu phải đến gặp cha cháu, chúng cháu sẽ cố gắng để thoát thân. Trước tiên, cháu có một thứ thiêng liêng cần cất vào nơi an toàn. Xin ông hãy giúp cháu.

Anh đến gần ông già và nói vào tai ông. Shimon chăm chú lắng nghe, rồi gật đầu.

- Tất cả những cuộn giấy thiêng liêng của chúng ta đều được đặt trong những hang đá mà người nào không biết rõ ngọn núi không thể vào được. Một trong những người của ta sẽ dẫn cháu đến đó, nhưng anh ta sẽ không thể trèo lên cùng cháu: nghe này ...

Từ phía doanh trại quân La Mã vang lên những hồi kèn xung trận. “Chúng đang phát hiệu lệnh tấn công!”

Shimon ra lệnh ngăn gọn cho lính gác. Không nói một lời, anh ta ra hiệu cho Iokhanan và Adôn đi theo mình, trong khi làn mưa tên đầu tiên bay về phía những người Esseni, trong tiếng kêu kinh hoàng của trẻ con và phụ nữ. Họ chạy ngược dòng người xanh xao hốc hác đang lao về phía bức tường phía Đông và vượt qua cánh cửa quay về phía núi.

Thời điểm kết thúc của Qumran vừa bắt đầu.

Theo phản xạ, Iokhanan thọc tay vào thắt lưng: ông sậy mà cha anh đưa cho tại Pella vẫn còn ở đó.

Khirbet Qumran dựa lưng vào một vách đá cao, những công trình ở đây được xây dựng trên một mỏm núi nhô ra bên trên biển Chết. Một hệ thống ống dẫn lộ thiên phức tạp dẫn nước đến tận bề trung tâm, nơi người Esseni thực thi các nghi lễ đặt tên của họ.

Theo sát người dẫn đường, lúc đầu Iokhanan và Adôn men theo các đường ống dẫn. Người gặp làm đôi, họ chạy luồn từ cây này sang cây khác. Âm thanh náo động từ trận chiến dữ dội vang đến tai họ ngay từ phía sau.

Mệt đứt hơi, Iokhanan ra hiệu dừng lại nghỉ. Anh không còn trẻ nữa ... Anh ngược mắt lên. Phía trước họ, vách đá dựng lên có vẻ trần trụi, dốc thẳng xuống đầy ấn tượng. Nhưng khi nhìn kỹ, anh thấy nó được tạo nên từ những mảng đá lớn, vẽ thành một mạng lưới phức tạp những lối mòn và khe nước treo phía trên khoảng không.

Đây đó thấp thoáng những đốm đen: các hang đá. Đó chính là nơi người Esseni cất trữ toàn bộ thư viện của họ. Họ làm thế nào nhỉ? Có vẻ như không thể đến được đó.

Trên đỉnh vách núi, họ nhận ra những cánh tay cử động của máy bắn đá của người La Mã. Chúng đang bắt đầu cử động chết chóc của chúng hướng về phía chiến trường. Một hàng cung thủ kéo dài khoảng một trăm mét, phóng ra những mũi tên với một nhịp điệu kinh hoàng. Tim thắt lại, anh không quay đầu nhìn ra phía sau.

Người dẫn đường chỉ cho họ con đường dẫn đến một trong các hang.

- Những cuộn giấy da quan trọng của chúng tôi để ở đó. Chính tôi đã để *Sách của Tông đồ* của cộng đồng chúng tôi vào đó. Dọc theo tường bên trái, cái vò thứ ba kể từ cửa vào. Nó rất to: anh có thể bỏ cuộn giấy da của anh vào đấy. Cầu Chúa phù hộ cho các anh! Chỗ của tôi là ở bên dưới. Shalom!

Người vẫn gặp làm đôi, anh ta chạy ngược về phía sau. Anh ta muốn sống Ngày cuối cùng bên anh em mình.

Họ tiếp tục đi. Hết khoảng tám trăm mét nữa, họ ở trước một khoảng trống: vẫn bám theo hàng cây chạy dọc các đường ống dẫn, họ nhảy từ gốc cây này sang gốc cây khác. Túi đeo đi đường đập vào hông khiến họ vương vীu khi chuyển động.

Đột nhiên, một loạt mũi tên bay đến cắm quanh họ.

- Adôn, ở trên đó chúng đã nhìn thấy chúng ta. Chạy đến chân vách đá đi!

Nhưng hai bóng người không vũ khí và chạy theo hướng ngược lại hướng chiến trường nhanh chóng khiến các cung thủ La Mã hết hứng thú. Cuối cùng, hết hơi, họ cũng đến được nơi tương đối an

toàn dưới chân vách đá. Giờ thì phải trèo lên.

Giữa các đồng đá, họ phát hiện ra những lối mòn in đầy dấu chân dê. Khi họ đến được hang thì bóng tối đã buông xuống.

- Nhanh lên, Adôn: trời chỉ còn sáng vài phút nữa thôi.

Lối vào hang hẹp đến nỗi họ buộc phải luồn chân vào trước. Kỳ lạ là bên trong có vẻ sáng hơn bên ngoài. Không nói một lời, hai người sờ soạng vách hang phía bên trái: có nhiều khối hình nón nhô lên trên mặt cát. Những cái vại bằng đất nung, một nửa chôn ngập dưới đất, được đặt bằng một kiểu nắp như hình cái bát.

Được Adôn giúp đỡ, Iokhanan cẩn thận mở nắp chiếc vại thứ ba từ cửa vào. Bên trong, một cuộn giấy da bọc giẻ phủ hắc ín chiếm một nửa khoảng trống. Anh kính cẩn mở ống sậy vừa rút từ thắt lưng ra và lấy một tờ giấy da giản dị được buộc bằng một sợi dây lanh. Anh bỏ tờ giấy vào vại, cẩn thận để nó không dính vào lớp hắc ín trên cuộn giấy. Rồi anh đặt nắp lại và phủ cát lên đến tận cổ vại.

“Xong rồi, *Abbou* ơi, chúng con có thể chết, nhưng ở đây, bức thư của cha sẽ an toàn hơn ở bất cứ nơi nào khác. Nếu người Cơ Đốc có thể làm biến mất tất cả những bản sao con đã gửi thì bản gốc vẫn còn ở đây.”

Từ cửa hang, họ thấp thoáng nhìn thấy Qumran, nơi lửa từ những tòa nhà bị cháy khiến họ có thể đoán được cảnh tượng kinh hoàng đang diễn ra. Các trận thế hình vuông của quân La Mã tiến một cách có phương pháp về phía bức tường bao, vượt qua nó và càn quét bên trong. Chỉ để lại phía sau chúng xác đàn ông, đàn bà và trẻ em bị cắt cổ. Người Esseni không tự vệ nữa. Quanh bề nước trung tâm, hai người nhìn thấy một đám người hỗn độn đang quỳ. Ở giữa, một người mặc đồ trắng đang giơ tay lên trời. “Shimon! Ông ấy đang xin Thượng đế đón nhận những đứa con của ánh sáng đúng vào lúc này!”

Anh quay sang Adôn.

- Anh trai cậu và cậu đã chuyển thi thể Jesus đến tận nơi yên nghỉ của Người. Osias đã chết: từ nay trở đi, cùng với *abbou* của tôi, cậu là người duy nhất biết nắm mộ nằm ở đâu. Bức thư của ông đang được an toàn ở đây: nếu Chúa yêu cầu mạng sống của chúng ta, thì chúng ta cũng đã làm xong điều phải làm.

Bóng tối bao trùm thung lũng biển Chết. Cả vùng quanh Qumran đều bị canh gác. Chỉ còn một lối thoát duy nhất: ốc đảo gần Ein Feshka, nơi họ đã đi qua để đến đây. Khi đến nơi, họ nhận thấy một nhóm người cầm đuốc đang tiến về phía mình. Những người này hét lên với họ bằng một thứ tiếng Hê bro tôi :

- Dừng lại! Các ngươi là ai?

Họ bắt đầu chạy và một loạt tên đuổi theo. Đang gắng hết sức chạy để núp mình sau những cây ô liu đầu tiên, chiếc túi đeo đập vào bên sườn, Iokhanan nghe thấy một tiếng kêu trầm đục ngay phía sau.

- Adôn! Cậu bị thương à?

Anh quay lại, cúi xuống người đồng hành: một mũi tên của quân La Mã cắm giữa hai xương bả vai bạn anh. Adôn chỉ còn đủ sức thều thào:

- Đi đi, người anh em! Đi đi, và cầu cho Jesus ở cùng anh!

Núp trong một lùm cây ô liu, từ xa, Iokhanan nhìn thấy bọn lính La Mã kết liễu người con trai thứ

hai của Eliézer Ben-Akkai bằng những nhát kiếm.

Từ nay trở đi, chỉ còn duy nhất một người biết nắm mộ của Jesus nằm ở đâu.

50.

Cha Nil bước đi nhẹ nhàng: mặt trời rục rỡ luôn vào giữa những bức tường cao chạy dọc hai bên đường Salaria. Cả ngày hôm qua ông giam mình trong phòng và ăn cơm cùng các tu sĩ khác nhưng không tham dự những giờ lễ nhật tụng hiếm hoi mà họ tiến hành một cách chóng vánh. Ông chỉ phải chịu đựng những câu chuyện tào lao không ngừng nghỉ của cha Jean trong lúc uống cà phê ở hành lang.

- Tất cả chúng tôi ở đây đều đã chứng kiến những giờ phút huy hoàng của San Girolamo, khi chúng tôi hy vọng mang đến cho thế giới một phiên bản Kinh Thánh mới bằng tiếng Latin. Từ khi bị thế giới hiện đại phê phán, chúng tôi làm việc một cách vô ích, và thư viện thì bị bỏ rơi.

“Không chỉ sự hiện đại, mà có lẽ cả sự thật cũng phê phán các vị”, cha Nil vừa nghĩ vừa uống thứ chất lỏng phải được coi là nổi si nhục đối với Roma, thành phố nơi người ta thường thức thứ cà phê ngon nhất thế giới.

Nhưng sáng nay ông cảm thấy nhẹ nhõm và hầu như quên mất bầu không khí ngột ngạt bao quanh mình từ khi đến đây, mỗi nghi ngờ của mọi người đối với tất cả mọi người, và tâm sự của Leeland: “Cuộc đời tớ đã chấm hết rồi, họ đã phá hủy cuộc đời tớ.” Anh chàng sinh viên cao lớn vừa nghiêm nghị vừa trẻ con, người luôn nhìn mỗi sự vật, mỗi sinh vật bằng cái nhìn lạc quan bất di bất dịch và bền vững như đức tin của mình vào châu Mỹ, giờ đây đã trở thành người thế nào?

Ông đã đánh vật với bản khắc trên phiến đá, đã xoay nó theo đủ mọi hướng. Đúng lúc sắp từ bỏ, ông bỗng nảy ra ý nghĩ so sánh văn bản bí ẩn đó với bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ: ý tưởng đó lóe lên như một tia sáng. Một trong hai câu đã cho phép ông đi đến thành công vào lúc đầu đêm.

Cha Andrei đã nhận định đúng: phải *liên hệ mọi thứ với nhau*. Tập hợp lại các yếu tố tản mát, được viết ở các giai đoạn khác nhau – kinh Phúc âm ở thế kỷ I, bản thảo tiếng Ai Cập cổ ở thế kỷ III, bản khắc Germigny ở thế kỷ VIII. Ông bắt đầu thấy thấp thoáng sợi dây dẫn đường.

Không được để tuột mất sợi dây này. “Sự thật, cha Nil ạ: chính vì sự thật mà cha vào tu viện này.” Sự thật sẽ báo thù cho cha Andrei.

Khi ông bước vào căn phòng trên đường Aurelia, tất cả các ngọn đèn đều bật sáng, Leeland đang chơi bài *Étude* của Chopin và đón ông với một nụ cười. Cha Nil bỗng thấy nghi ngờ rằng cũng chính người đàn ông này, hai ngày trước, đã khiến ông thoáng thấy một vực thẳm tuyệt vọng.

- Trong những năm ở Jerusalem, tớ đã có rất nhiều thời gian ở cùng với Arthur Rubinstein, ông

ấy trải qua những ngày cuối cùng ở đó. Chúng tớ có khoảng một chục sinh viên, cả người Israel lẫn người nước ngoài, thường tụ tập ở nhà ông ấy. Tớ đã có cái đặc ân được thấy ông ấy hướng dẫn chơi bài Étude này. Thế nào, cậu có giải được câu đố ấy không?

Cha Nil ra hiệu cho Leeland đến ngồi bên ông.

- Tất cả đã sáng tỏ khi tớ nảy ra ý tưởng đánh số thứ tự từng dòng trên bản khắc. Kết quả là thế này:

1 αcredo in deum patrem om
2 nipotentem creatorem cel
3 i et terrae et in iesum c
4 ristum filium ejus unicu
5 m dominum nostrum qui co
6 nceptus est de spiritu s
7 ancto natus ex maria vir
8 gine passus sub pontio p
9 ilato crucifixus mortuus
10 et sepultus descendit a
11 d inferos tertia die res
12 urrexit a mortuis ascend
13 it in coelos sedet ad dex
14 teram dei patris omnipot
15 entis inde venturus est
16 iudicare vivos et mortuo
17 s credo in spiritum sanc
18 tum sanctam ecclesiam ca
19 tholicam sanctorum commu
20 nionem remissionem pecca
21 torum carnis resurrectio
22 nem vitam eternam amen.w

- Hai mươi hai dòng ... Leeland trầm thì.

- Chính xác là hai mươi hai dòng. Thế là tớ đặt lại câu hỏi đầu tiên: tại sao người ta lại thêm một

ký tự alpha và một lý tự omega vào đầu và cuối văn bản?

- Cậu đã nói điều đó với tớ rồi: khắc lên đá một trật tự thể giới mới, bất biến, vĩnh viễn.

- Đúng, nhưng tớ đã đi được xa hơn. Mỗi dòng đều không có nghĩa gì, nhưng khi đếm số ký tự - nghĩa là các chữ cái và các khoảng trống - tớ nhận thấy rằng các dòng đều có độ dài bằng nhau, chính xác là hai mươi bốn ký tự. Kết luận đầu tiên: đây là một *mật mã số hóa*, nghĩa là được dựa trên hệ thống biểu tượng của các con số - một phương pháp rất phổ biến ở thời Cổ đại và đầu thời Trung cổ.

- Mật mã số hóa? Đó là cái gì?

- Cậu có biết là 12 cộng 12 bằng 24 không?

Leeland huýt sáo:

- Tớ xin nghiêng mình trước tài năng của cậu: cả một ngày để đi đến kết quả này!

- Đừng có chế giễu tớ, chú ý đi. Cơ sở số hóa của mật mã này là con số 12, trong Kinh Thánh con số này tượng trưng cho sự hoàn hảo của dân tộc được lựa chọn: mười hai con trai của Abraham, mười hai bộ lạc của Israel, mười hai tông đồ. Nếu con số mười hai thể hiện sự hoàn hảo, thì hai lần mười hai chỉ mức độ tuyệt đối của sự hoàn hảo. Ví dụ, trong kinh Khải Huyền, Chúa trời hiện ra được hai mươi bốn ông già vây quanh, nghĩa là hai lần mười hai. Mỗi dòng chữ trong bản khắc có hai lần mười hai ký tự: như vậy mỗi dòng là một sự hoàn hảo tuyệt đối. Nhưng còn thiếu hai chữ cái nữa để đạt được các dòng có đều đặn hai mươi bốn ký tự: để đạt được kết quả này, người ta đã thêm vào đầu văn bản ký tự alpha và cuối văn bản ký tự omega. Như vậy là một mũi tên trúng hai đích, vì qua đó, cũng có sự ám chỉ rõ ràng đến kinh Khải Huyền của Thánh Jean: “Ta là alpha và omega, là sự bắt đầu và sự kết thúc.” Bằng mật mã này, văn bản tạo nên một thể giới mới không thể thay đổi. Cậu có theo kịp không?

- Cho đến giờ thì có.

- Nếu hai lần mười hai thể hiện sự hoàn hảo tuyệt đối, thì bình phương của sự hoàn hảo này, nghĩa là 24 lần 24 là sự hoàn hảo vĩnh cửu: trong kinh Khải Huyền, tường thành của Jerusalem thần thánh – thành phố vĩnh cửu – dài một trăm bốn mươi tư khuỷu tay, nghĩa là bình phương của mười hai. Để thể hiện được sự hoàn hảo vĩnh cửu theo mật mã đặc biệt này, lẽ ra tín điều Credo phải bao gồm hai mươi bốn dòng, mỗi dòng có hai mươi bốn ký tự: một hình vuông hoàn hảo. Đồng ý không?

- Nhưng chỉ có hai mươi hai dòng!

- Đúng thế, còn thiếu hai dòng nữa mới tạo thành hình vuông hoàn hảo. Vậy mà văn bản được thông qua tại hội nghị Giám mục ở Nicée lại bao gồm mười hai tín điều. Một truyền thuyết rất cổ xưa kể lại rằng vào buổi tối diễn ra bữa ăn cuối cùng trong căn phòng lớn, hình như mỗi người trong số mười hai tông đồ đã tự tay ghi ra một tín điều. Điều này là để đảm bảo nguồn gốc tông truyền của Tín điều Credo theo cách ngây thơ. Mười hai tông đồ, mười hai tín điều, mười hai câu, mỗi câu được chia thành hai dòng hai mươi bốn ký tự: trong ngôn ngữ chặt chẽ của một mật mã số hóa, lẽ ra phải đạt được một hình vuông hoàn hảo, hai mươi bốn dòng mỗi dòng hai mươi bốn ký tự. Và như cậu thấy đây, chỉ có hai mươi hai dòng: hình vuông không hoàn hảo, còn thiếu một tông đồ.

- Cậu muốn suy ra điều gì?

- Khi đến căn phòng lớn vào buổi tối diễn ra bữa ăn cuối cùng, họ có mười hai người cộng thêm Jesus – *cộng thêm* người chủ nhà bí ẩn, môn đồ cung của Jesus: có mười ba người có thể làm chứng.

Giữa bữa ăn, Judas rời bàn đi chuẩn bị việc bắt giữ Thầy: còn mười hai người ngồi lại. Nhưng một trong số mười hai người này sau đó đã bị loại bỏ một cách kịch liệt ra khỏi tất cả các văn tự cũng như ký ức. Người này không thể được tính đến trong số các tông đồ, những người sau này đặt nền móng cho Giáo hội từ những gì họ đã chứng kiến. Cần gạt bỏ người đó bằng mọi giá, sao cho ông ta không bao giờ được coi là một trong số Mười hai tông đồ. Phân bổ văn bản này trên hai mươi bốn dòng là chấp nhận rằng tối đó nhân vật này cũng đã viết ra một trong mười hai câu trong Tín điều Credo. Như thế có nghĩa là chính thức hóa lời chứng của ông ta, coi nó ngang bằng với lời chứng của các tông đồ khác. Hai dòng còn thiếu, Rembert ạ, chính là chỗ *khuyết thiếu* của người đã nằm bên Thầy vào tối thứ Năm ngày mùng 6 tháng Tư năm 30, nhưng đã bị loại bỏ khỏi nhóm Mười hai tông đồ khi họ đặt nền móng cho Giáo hội. Đó là lời thú nhận ngầm rằng đúng là bên cạnh Jesus đã có một tông đồ thứ mười ba!

Cha Nil mở tài liệu, lấy ra bản sao của bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ và đưa cho Leeland.

- Đây là câu đầu tiên tớ đã dịch ra, *Nguyên tắc đức tin của mười hai tông đồ chứa đựng mầm mống phá hủy nó*. Nghĩa là nếu người môn đồ cung góp thêm lời chứng của mình vào lời chứng của mười một tông đồ - nếu có hai mươi bốn dòng thay vì hai mươi hai – Tín điều Credo có lẽ đã bị phá hủy, và Giáo hội được dựng lên trên nó cũng sẽ bị tiêu diệt. Vào thế kỷ VIII, văn bản này được khắc lên đá để nói về việc loại bỏ một người: tông đồ thứ mười ba. Trong nhiều thế kỷ, rất nhiều người khác đã chống lại việc thánh hóa Jesus, nhưng không ai bị căm thù lâu như vậy. Nghĩa là ở ông ta có điều gì đó đặc biệt nguy hiểm, và tớ tự hỏi phải chăng cha Andrei chết vì ông ấy đã phát hiện ra điều này.

Leeland đứng dậy và nhấn vài hợp âm trên đàn piano.

- Cậu có nghĩ văn bản Tín điều Credo đã bị mã hóa ngay từ đầu không?

- Đương nhiên là không. Hội nghị Giám mục ở Nicée diễn ra năm 325, dưới sự giám sát của hoàng đế Constantin, người đã đòi hỏi rằng thiên chất của Jesus phải được thực sự áp đặt cho toàn bộ Giáo hội. Phải chiến thắng thuyết chống tam vị nhất thể, thuyết không thừa nhận việc thánh hóa này và đặt sự thống nhất của Đế chế vào vòng nguy hiểm. Chúng ta có nhiều báo cáo về các tranh luận này: không có điều gì chỉ ra rằng việc soạn thảo Tín điều Nicée, vốn là lặp lại một văn tự cổ hơn, đã phải cân nhắc đến nhiều khía cạnh khác ngoài chính trị đơn thuần. Không, muộn hơn rất nhiều, vào đầu thời Trung cổ khi say đắm với chủ nghĩa bí truyền, người ta mới có nhu cầu mã hóa văn tự này, rồi khắc nó lên một phiến đá đặt công khai trong một nhà thờ hoàng gia. Vì dù đã rất lâu nhưng người ta muốn khẳng định lại một lần nữa việc loại bỏ một lời chứng được cho là vô cùng nguy hiểm.

- Và cậu thực sự tin rằng những nông dân vô học ở vùng Val-de-Loire, khi bước vào nhà thờ Germigny, có thể hiểu được ý nghĩa của bản khắc mà họ nhìn thấy?

- Chắc chắn là không, mật mã số hóa luôn rất phức tạp và chỉ một số rất hiếm hoi những người am tường nó – cũng phải là những người đã nắm được nội dung của mật mã – mới có thể hiểu được. Cũng giống như chóp cột trong các nhà thờ ở Roma, chúng được làm ra không phải để giảng dạy dân chúng, mà dành cho một số ít người yêu thích tìm hiểu. Không, phiến đá này được triều đình cho khắc để nhắc nhở một bộ phận ưu tú có tham gia phần nào vào việc nắm quyền lực – đặc biệt là các Giám mục – nhớ đến sứ mệnh của họ: duy trì mãi mãi, *alpha và omega*, niềm tin vào thiên chất của Jesus đã được khẳng định trong Tín điều Credo, tín điều ấy là nền móng của Giáo hội, là bức tường thành chính của quyền lực hoàng gia.

- Thật kinh ngạc!

- Điều kinh ngạc là bắt đầu từ cuối thế kỷ I, dường như đã có một âm mưu lớn được hình thành nhằm che giấu một bí mật gắn với tông đồ thứ mười ba. Âm mưu này xuất hiện lại một cách định kỳ. Chúng ta có một bằng chứng về điều đó vào thế kỷ III trong bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ, bằng chứng thứ hai vào thế kỷ VIII trong bản khắc ở Germigny và còn có thể có các bằng chứng khác nữa: tớ vẫn chưa kết thúc công việc. Một bí mật được các tầng lớp tôn giáo cầm quyền che giấu, suốt chiều dài lịch sử phương Tây, và tiếp theo cha Andrei tớ đang đặt tay lên nó. Tớ chỉ biết một điều, đó là bí mật này có thể gây nguy hiểm cho nền tảng của đức tin mà toàn bộ cơ cấu của Giáo hội đang bảo vệ.

Leeland đột nhiên im bật, như một con vật vừa chui vào hang. Cuộc sống của chính ông đã bị cơ cấu này phá hủy. Ông đứng dậy và xỏ tay vào áo măng tô.

- Đến Vatican nào, chúng ta muộn rồi ... Cậu định làm gì?

- Ngay từ ngày mai, tớ sẽ ngồi trước máy tính của cậu và lang thang trên mạng Internet. Tớ đang tìm hai tác phẩm liên quan đến các Giáo phụ, chỉ được xác định bằng mã số Dewey và đang nằm tận đáy một thư viện ở đâu đó trên thế giới.

Ở tầng ba, Moktar đã nghe được toàn bộ cuộc trò chuyện. Tấm biển “Cần bán” đã được dỡ bỏ khỏi cánh cửa phòng, và hôm qua, hắn đã có thời gian để dọn đến. Trên một chiếc bàn gỗ màu trắng, thiết bị điện tử đã được lắp đặt, dây nhợ giăng mắc hầu như khắp nơi. Một trong số những sợi dây này xuyên qua trần phòng và gắn đúng vào bên dưới một chân của cây đàn piano. Một chiếc micro to bằng hạt đậu giấu trong bản lề. Để nhìn thấy nó thì chắc phải tháo tung đàn ra.

Những chiếc máy ghi âm nối với sợi dây này đã quay từ khi cha Nil đến căn phòng ở tầng trên.

Đeo tai nghe, hắn không bỏ sót từ nào trong câu chuyện, nhưng không hiểu nhiều lắm. Dù sao cũng chẳng có gì liên quan đến nhiệm vụ thực sự của hắn. Hắn lấy cuốn băng ra khỏi chiếc máy ghi âm thứ hai: cuốn này sẽ đến Vatican và hắn sẽ bắt Calfo trả tiền. Còn cuốn đầu tiên là dành cho trường đại học Al-Azhar ở Cairo.

51.

- Các anh em ...

Đây là cuộc họp đầu tiên của Hội Thánh Pie V kể từ khi kết nạp đạo hữu mới. Antonio khiêm tốn ngồi vào vị trí của tông đồ thứ mười hai ở đầu bàn.

- Các anh em, tôi có thể tiết lộ với các vị một trong các bằng chứng về bí mật mà chúng ta có sự mệnh bảo vệ: bằng chứng này mới được phát hiện và gần đây đã thuộc sở hữu của chúng ta. Tôi muốn nói đến bản khắc do hoàng đế Charlemagne đặt ở nhà thờ Germigny, và chỉ vài học giả hiếm hoi mới có thể hiểu ý nghĩa được che giấu của nó. Hôm nay, tôi vui mừng được giới thiệu nó với các vị. Tôi xin mời tông đồ thứ hai và tông đồ thứ ba ...

Hai đạo hữu đứng dậy đi đến trước thánh giá, ở bên phải và bên trái hội trường. Người này nắm tay vào chiếc đinh đóng xuyên qua chân Thầy. Hai người hầu lễ cũng làm vậy đối với chiếc đinh đóng trên bàn tay phải và trái của Người. Sau một cái gật đầu, mỗi người xoay chiếc đinh của mình theo một con số.

Một tiếng cạch vang lên: tấm bảng bằng gỗ gụ trượt sang một bên.

Để lộ ra một khoảng lõm, trong đó có đặt ba tầng giá. Trên tầng giá dưới cùng nằm sát đất có một phiến đá dựng nghiêng.

- Các anh em, các vị có thể lại gần đây để tỏ lòng sùng kính.

Các tông đồ đứng dậy, rồi từng người lần lượt đến quỳ trước phiến đá. Lốp vừa đã được lau sạch: văn bản bằng tiếng Latin của Tín điều Nicée hiện ra vô cùng rõ ràng, được chia làm hai mươi hai dòng có chiều dài bằng nhau và được đóng khung trong hai ký tự Hy Lạp. Từng đạo hữu cúi gập người, nhắc khăn che mặt và áp môi lên ký tự alpha và omega. Rồi đứng dậy và hôn chiếc nhẫn Giám mục mà hội trưởng, người vẫn đứng dưới chân thánh giá, chìa ra trước họ.

Antonio rất xúc động khi đến lượt mình. Đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy chiếc tủ đó mở ra: ở bên trong còn có hai bằng chứng hữu hình của điều bí mật, việc bảo vệ chúng là lý do duy nhất cho sự tồn tại của Hội Mười hai. Bên trên phiến đá, ở giá giữa, một chiếc hộp bằng gỗ quý ánh phớt lên. *Kho báu của các Hiệp sĩ dòng Đền!* Nó sẽ được mở ra để các đạo hữu tỏ lòng sùng kính vào thứ Sáu ngày 13 sắp tới.

Giá trên cùng vẫn còn trống.

Khi đứng dậy, anh cũng áp môi lên chiếc nhẫn của hội trưởng. Điềm xuyết những vết màu đỏ sậm, viên ngọc thạch anh màu xanh đậm được chuốt thành hình thoi thuôn dài và lồng trong một khung bằng bạc chạm khắc khiến nó có hình dạng của một chiếc quan tài nhỏ xíu. *Nhẫn của Giáo hoàng*

Ghislieri! Tim đập thình thịch anh về lại chỗ của mình ở chiếc ghế thứ mười hai trong khi hội trưởng đẩy tấm bảng bằng gỗ gụ, nó tự động đóng lại với một tiếng cạch.

- Các anh em, một ngày nào đó, giá trên cùng của chiếc tủ này phải che chở kho báu quý giá nhất trong tất cả các kho báu, so với nó những thứ chúng ta có ở đây chỉ là cái bóng hoặc hình phản chiếu. Kho báu này chúng ta đã nghi ngờ sự tồn tại của nó nhưng chưa biết nó đang ở đâu: sứ mệnh hiện nay có thể sẽ cho phép chúng ta lấy lại nó, để rồi đặt nó an toàn dưới sự canh gác của chúng ta. Khi đó, chúng ta sẽ thực sự có được những phương tiện để hoàn thành điều mà vì nó chúng ta dâng hiến cuộc đời mình cho Chúa: bảo vệ nhân thân của Chúa phục sinh.

- Amen!

Niềm vui ánh lên trong mắt Mười một tông đồ, trong khi hội trưởng của họ ngồi vào chỗ của mình ở bên phải chiếc ngai trung tâm có phủ nhung đỏ.

- Tôi đã giảm bớt cho tông đồ thứ mười hai nghĩa vụ nghe những cuộc nói chuyện của hai tu sĩ: việc giám sát ấy đòi hỏi ở đạo hữu này những khoảng thời gian bất động vô ích. Điệp viên người Palestine của tôi phụ trách việc đó và tôi sắp có thể thông báo cho các vị nội dung của những cuốn băng đầu tiên, tôi đang phân tích chúng. Tông đồ thứ mười hai sẽ kín đáo giám sát kho sách Vatican. Cha Brezinsky còn chưa biết anh, điều này sẽ thuận lợi cho công việc. Lúc này, tôi toàn quyền kiểm soát các thông tin chuyển đến cho Hồng y. Còn về Đức Thánh Cha, chúng ta tiếp tục tránh cho ngài khỏi toàn bộ mối lo lắng đối với ngài là quá nặng nề này.

Mười một đạo hữu gật đầu đồng thuận. Nhiệm vụ này phải được tiến hành hết sức chuẩn xác: hội trưởng biết thể hiện sự hiệu quả của mình.

52.

Sa mạc Idumea, năm 70

- Cha đã ngủ chưa, *abbou*?

- Từ khi đến sa mạc này, ta vừa chờ con quay lại vừa canh chừng sự sống đang run rẩy trong ta. Giờ đây đã gặp lại con rồi, ta có thể đi đến một giấc ngủ khác... Còn con?

Cánh tay trái của Iokhanan thõng xuống bất động và những vết sẹo sâu rạch khắp phần thân trên để trần của anh. Anh lo lắng nhìn ông già, gương mặt ông hõm sâu vì bệnh tật. Anh không trả lời mà ngồi xuống bên cạnh ông một cách khó khăn.

- Sau khi kết liễu Adôn, bọn lính bắt được con ở ốc đảo Ein Feshka và bỏ mặc con ở đó cho chết. Những người Esseni chạy thoát được vụ tàn sát và vòng vây ở Qumran sau đó đã vác con lên vai: con bị bất tỉnh nhưng vẫn còn sống. Suốt nhiều tháng trời, họ chăm sóc con trong cộng đồng của họ ở sa mạc Judee nơi họ ẩn nấp. Ngay khi có thể đi lại được, con đã xin họ đi cùng con đến đây để tìm cha: cha không thể tưởng tượng được quãng đường mà con đã trải qua trên sa mạc này đâu.

Tông đồ thứ mười ba nằm dài trên một manh chiếu đơn sơ, trước cửa một cái hang. Ông đưa mắt nhìn hẻm vực sâu mở ra phía trước họ, do nước xói vào vách đá màu đỏ và đất son tạo thành. Rất xa, thấp thoáng dãy núi chạy dài đến tận Hobreb, nơi trước đây Chúa trao Luật của mình cho Moise.

Những người Esseni...Không có họ, hẳn là Jesus đã không sống được bốn mươi ngày cô độc trong sa mạc, những ngày đã biến đổi Người. Không có họ, hẳn là cha đã không gặp Người cùng Jean – Baptiste, và Người hẳn đã không quen biết Nicodème, Lazare, các bạn bè của ta ở Jerusalem. Con đã để lá thư của chúng ta ở ngay trong một cái vại ở hang của họ, tại Qumran...chúng ta chịu ơn họ nhiều biết bao!

Còn hơn là cha nghĩ. Trong sa mạc Judee, họ tiếp tục chép lại các bản thảo khác nhau. Trước khi chia tay, họ đã trao lại cho con cái này – anh đặt xuống mép chiếu một xấp giấy da. Đây là kinh Phúc âm của cha, cha ạ, theo đúng bản hiện lưu truyền khắp Đế chế La Mã. Và con mang về để cha đọc.

Ông già đưa một bàn tay lên: dường như ông đang kiểm đến từng động tác.

- Bây giờ đọc cũng khiến ta mệt. Con hãy đọc cho ta nghe!

- Văn tự của họ dài hơn nhiều so với bản viết của cha. Họ không chỉnh sửa nữa mà sáng tác thêm.

Theo như cha đã kể với con, Jesus nói bằng tiếng Do Thái, cho người Do Thái nghe...

Má tông đồ thứ mười ba ửng lên chút sắc màu. Ông nhắm mắt như đang sống lại những cảnh tượng đã khắc sâu trong tâm trí.

- Nghe Jesus nói, chính là nghe tiếng gió thổi trên các ngọn đồi ở Galilee, là nhìn thấy những bông lúa trĩu hạt trước mùa gặt, những đám mây bay qua bầu trời phía trên Israel của chúng ta... Khi Jesus nói, Iokhanan ạ, đó chính là người thổi sáo trong phiên chợ, người tá điền thuê mướn nhân công, những khách mời bước vào tiệc cưới, cô dâu trang điểm để đón chú rể... Cả đất nước Israel ở trong da thịt Người, là niềm vui và nỗi đau của Người, màu vàng êm dịu của các buổi chiều tối bên bờ hồ. Đó là bản nhạc cất lên từ đất đai quê hương chúng ta, nâng chúng ta lên với Chúa của Người và Chúa của chúng ta. Nghe Jesus nói là tiếp nhận tình cảm triu mến của các nhà tiên tri được bao bọc trong giai điệu thần kỳ của những bài Thánh vịnh, giống như một làn nước tinh khiết. Ô đúng! Đúng là một người Do Thái nói với những người Do Thái!

- Jesus mà cha đã biết giờ đây đang bị họ gán cho những bài diễn văn dài dòng theo kiểu của các nhà triết học theo thuyết ngộ đạo. Và họ biến Người thành Đạo, thành Đức chúa con vĩnh hằng. Họ nói rằng “tất cả mọi thứ là do Người, và không có Người là không có gì.”

- Đừng nói nữa!

Từ đôi mắt nhắm nghiền của ông lăn ra hai giọt nước mắt, chậm chậm bò dọc đôi má hõm sâu lõm chòm râu.

- Đạo! Vị thánh vô danh của các nhà triết học chợ búa, những kẻ khoe khoang là đã đọc Platon và diễn thuyết hô hào trước đám đông nhàn rỗi để khiến họ rơi vào túi mình cùng với vài đồng bạc! Người Hy Lạp đã từng biến người thợ rèn Vulcain thành thần, biến kỹ nữ Venus thành nữ thần, cũng biến cả một người chồng ghen tuông và một người lái thuyền thành thần. Ô, điều đó mới dễ dàng làm sao, một vị thần có khuôn mặt của một con người, và điều đó mới khiến dân chúng vui thích làm sao! Khi thánh hóa Jesus, chúng vớt chúng ta vào trong bóng tối của tà giáo, nơi Moïse đã từng đưa chúng ta thoát ra.

Bây giờ thì ông khóc, rất lặng lẽ. Sau một lát im lặng, Iokhanan nói:

- Một vài môn đồ của cha đã tham gia Giáo hội mới, nhưng những người khác vẫn trung thành với Jesus xứ Nazareth. Người ta xua đuổi họ ra khỏi các cộng đồng người Cơ Đốc, hành hạ họ, thậm chí một số người còn bị giết.

- Jesus đã báo trước cho chúng ta: *Người ta sẽ xua đuổi các người ra khỏi cộng đồng, người ta sẽ tra tấn các người và người ta sẽ giết các người...* Con có tin tức gì về những người Nazareth mà ta đã phải bỏ lại để ẩn náu ở đây không?

- Con có thông tin do những người đi theo đoàn ngựa thồ cung cấp. Sau khi rời Pella cùng cha, họ tiếp tục di cư đến tận một ốc đảo thuộc bán đảo Ả Rập, có tên là Bakka, hình như thế, đó là một chặng trên tuyến đường thông thương của Yémen. Những người Ả Rập du cư sống ở đó rất tôn thờ những viên đá thiêng, nhưng họ cũng tự coi mình là con trai của Abraham như chúng ta. Vậy là bây giờ

một hạt mầm của người Nazareth đã được gieo trên đất Ả Rập!

- Tốt rồi, họ sẽ được an toàn ở đó. Thế còn Jerusalem?

- Đang bị Titus, con trai của hoàng đế Vespasien bao vây. Thành phố vẫn chống cự, nhưng trong thời gian bao lâu thì...

- Chỗ của con là ở đó, con trai ạ: con đường của ta chấm dứt ở đây. Hãy quay về Jerusalem, bảo vệ căn nhà của chúng ta trong khu phía Tây. Con có một bản sao lá thư của ta, hãy truyền bá nó. Biết đâu họ lại nghe con? Dù thế nào, họ cũng không thể biến đổi nó như đã từng làm với kinh Phúc âm của ta được.

Hai ngày sau ông già chết. Lần cuối cùng, ông chờ đợi bình minh. Khi được những ánh mặt trời bao bọc, ông gọi tên Jesus rồi ngừng thở.

Tận sâu trong một thung lũng ở sa mạc Idumea, một cái quách xếp bằng đá đặt sơ sài trên cát từ nay trở đi là nấm mồ của người từng tự xưng là môn đồ cứng của Jesus xứ Nazareth, tông đồ thứ mười ba thân thiết và cũng là nhân chứng tốt nhất của Người. Cùng với ông, vĩnh viễn biến mất ký ức về một nấm mộ tương tự, đặt đâu đó trong sa mạc này. Nấm mộ cho đến ngày nay vẫn còn chứa đựng di hài của một Người chân chính nhưng đã bị đóng đinh câu rút một cách vô căn cứ bởi bởi tham vọng của con người.

Iokhanan ngồi cả đêm ở lối vào thung lũng. Khi trên nền trời trong mờ chỉ còn ngôi sao góc đêm tỏa sáng, anh đứng dậy và đi về phía bắc cùng với hai người Esseni.

53.

- Đây là lần đầu tiên tớ xác định được rõ đến thế ảnh hưởng trực tiếp của một giai điệu Do Thái đến một bài hát thời Trung cổ!

Cúi mình đã từ nhiều giờ trên chiếc bàn kính trong kho sách, họ vừa so sánh từng từ trong một bản thảo thánh ca Gréroige với một bản thảo âm nhạc Do Thái, cả hai bản thảo đều có trước thế kỷ XI và được soạn ra từ cùng một văn tự Thánh kinh. Leeland quay sang cha Nil.

- Liệu có phải giai điệu của đạo Do Thái thực sự là nguồn gốc của âm nhạc Giáo hội hay không? Tớ sẽ đi tìm văn tự tiếp theo trong phòng bản thảo Do Thái. Trong khi chờ đợi, cậu nghỉ ngơi đi.

Sáng nay Brezinsky đón họ với vẻ kín đáo quen thuộc. Nhưng viên thủ thư tận dụng một lúc vắng mặt của Leeland đã rỉ tai cha Nil :

- Nếu có thể... tôi muốn nói chuyện với cha một lát hôm nay.

Cánh cửa phòng ông ấy cách có vài mét. Còn lại một mình trước bàn, cha Nil ngần ngừ một lát. Rồi tháo găng tay rồi bước về phía văn phòng của người Ba Lan.

- Mời cha ngồi.

Căn phòng mang hình ảnh người chủ của nó, khắc khổ và buồn rầu. Những cái giá chất đầy sách xếp thẳng hàng, và trên bàn làm việc là một màn hình máy tính.

- Tất cả các bản thảo quý giá của chúng tôi đều được xếp vào một danh mục được các nhà bác học trên toàn thế giới tra cứu. Tôi đang xây dựng một thư viện truyền hình cho phép tra cứu sách qua Internet: cha có thể thấy là giờ đây cũng đã có rất ít người đến đây. Di chuyển để nghiên cứu một văn bản càng ngày càng trở nên vô ích.

“Và ông sẽ ngày càng cô đơn,” cha Nil nghĩ. Một khoảng lặng bao trùm lên họ và dường như Brezinsky không thể phá tan. Cuối cùng, ông cũng nói bằng một giọng ngập ngừng:

- Liệu tôi có thể hỏi mối quan hệ giữa cha và cha Andrei là như thế nào không?

- Tôi đã nói với cha rồi, chúng tôi là những đạo hữu trong một thời gian rất dài.

- Vâng, nhưng... cha có biết về công việc của cha ấy không?

- Chỉ một phần thôi. Tuy nhiên chúng tôi rất thân thiết, hơn nhiều so với mức độ thông thường giữa các thành viên trong một cộng đồng tôn giáo.

- À, cha đã...thân thiết với cha ấy?

Cha Nil không hiểu ông muốn đi đến đâu.

- Đối với tôi, cha Andrei là một người bạn rất thân thiết, chúng tôi không chỉ là đạo hữu trong tôn giáo mà còn là đôi bạn thân. Trong đời, tôi chưa từng chia sẻ nhiều như thế với bất kỳ ai.

- Vâng, Brezinsky thăm thì, dường như với tôi cũng vậy. Ấy thế mà khi cha đến đây, tôi đã nghĩ rằng...rằng cha là một trong những người cộng tác với Hồng y Catzinger! Điều đó làm thay đổi tất cả.

- *Điều đó làm thay đổi cái gì, thưa cha?*

Người Ba Lan nhắm mắt như đang tìm kiếm tận đáy sâu của con người mình một nguồn sức mạnh bên trong.

- Khi cha Andrei đến Roma, ông ấy đã muốn gặp tôi: chúng tôi trao đổi thư từ với nhau đã lâu mà chưa bao giờ gặp mặt. Khi nghe giọng tôi, ông ấy liền chuyển sang nói tiếng Ba Lan, thứ tiếng ông ấy rất thạo.

- Cha Andrei là người Xlavor và nói được mười thứ tiếng.

- Tôi đã ngạc nhiên khi biết rằng gia đình Nga của ông ấy quê gốc ở Brest – Litovsk, trong tỉnh thuộc Ba Lan bị sáp nhập vào Liên bang Xô Viết năm 1920 và nằm giáp ranh với các vùng lãnh thổ thuộc quyền quản lý của Đức vào năm 1939. Vẫn luôn thuộc Ba Lan, mảnh đất tội nghiệp này không ngừng gọi lên lòng thèm muốn của người Nga và người Đức. Khi cha mẹ tôi cưới nhau, nó vẫn còn nằm dưới gót giày của người Xô Viết, họ bắt các kiều dân Nga đến sống ở đó.

- Cha sinh ra ở đâu?

- Trong một làng nhỏ gần Brest – Litovsk. Dân Ba Lan bản địa bị chính quyền Xô Viết đối xử rất hà khắc, họ khinh bỉ chúng tôi, một dân tộc bị chinh phục, hơn nữa lại còn theo Công giáo. Rồi bọn phát xít kéo đến, sau khi Hitler xâm chiếm Liên bang Xô Viết. Gia đình cha Andrei sống cạnh gia đình tôi, hai nhà chỉ cách nhau một hàng rào sơ sài. Họ đã bảo vệ cha mẹ tội nghiệp của tôi khỏi nỗi kinh hoàng hoành hành trong vùng biên giới này thời kỳ trước chiến tranh. Tóm lại, dưới chế độ phát xít, lúc đầu họ nuôi chúng tôi, sau đó che giấu chúng tôi. Không có họ, không có lòng hào hiệp được thể hiện hàng ngày và sự giúp đỡ quả cảm của họ, cha mẹ tôi hẳn đã không sống sót được và tôi có lẽ đã không ra

đời. Trước khi mất, mẹ tôi đã bắt tôi thề không bao giờ được quên họ, con cháu họ và người thân của họ. Cha là bạn thân, là anh em của cha Andrei à? Những người anh em của cha ấy cũng là anh em của tôi, máu của tôi thuộc về họ. Tôi có thể giúp gì cho cha không ?

Cha Nil sững sờ và nhận ra rằng người Ba Lan đã dốc hết những tâm sự ông ấy có thể nói hôm nay. Trong hầm ngầm này ở thành phố Roma, những trận gió lớn của Lịch sử và của chiến tranh đã ngẫu nhiên đưa họ lại với nhau.

- Trước khi chết, cha Andrei đã viết lại trên một mảnh giấy nhỏ những điều ông ấy muốn nói với tôi khi trở về. Tôi đã cố hiểu thông điệp của ông ấy và đang tiếp tục đi trên con đường của ông ấy đã mở ra trước tôi. Tôi khó có thể tự thuyết phục mình rằng cái chết của ông ấy không phải là ngẫu nhiên. Tôi chưa thể biết có phải người ta đã giết ông ấy thật không, nhưng tôi có cảm giác sau khi chết, ông ấy đã ủy nhiệm lại cho tôi cuộc tìm kiếm của mình, giống như mệnh lệnh về một nhiệm vụ mà người đã khuất để lại. Cha có hiểu điều đó không ?

- Tôi càng hiểu hơn vì ông ấy đã từng tâm sự với tôi những điều mà ông ấy có lẽ đã không nói với ai khác, kể cả cha. Chúng tôi đã phát hiện ra có chung một quá khứ, một tình cảm gần gũi phát sinh trong những hoàn cảnh đặc biệt đau buồn. Trong văn phòng này, bóng ma những con người vô cùng thân thiết của chúng tôi đã thức dậy, khắp người đầy máu và bùn. Một cú sốc đối với ông ấy cũng như với tôi. Chính điều này đã thúc đẩy tôi, hai ngày sau đó, làm giúp cha Andrei điều mà... mà lẽ ra tôi không bao giờ nên làm. Không bao giờ.

“Nil, cậu bé của tôi, nhẹ nhàng thôi, thật nhẹ nhàng với ông ấy. Hãy xua đuổi những bóng ma”.

- Ngay lúc này, tôi có một vấn đề cần giải quyết: tìm lại hai tài liệu tham khảo mà cha Andrei đã để lại, hai mã số Dewey ít nhiều đầy đủ về Giáo phụ. Nếu không tìm được trên Internet, tôi sẽ nhờ cha giúp đỡ. Cho đến giờ, tôi chưa dám nhờ đến ai: càng tiến xa thêm thì điều tôi phát hiện ra càng có vẻ nguy hiểm.

- Còn hơn là cha nghĩ nữa kia – Breczinsky đứng dậy, có ý kết thúc cuộc nói chuyện. Tôi nhắc lại với cha: bạn thân, anh em của cha Andrei là anh em của tôi. Nhưng cha phải hết sức cẩn thận: những điều đã nói ra giữa những bức tường này phải tuyệt đối chỉ riêng chúng ta biết với nhau thôi.

Cha Nil gật đầu và quay lại phòng làm việc. Leeland đã trở lại bàn, và bắt đầu trải một bản thảo dưới ngọn đèn. Ông liếc mắt nhìn bạn mình rồi cúi xuống, không nói một lời, tiếp tục chỉnh bản thảo, mặt tối sầm.

54.

Jerusalem, ngày 10 tháng Chín năm 70

Iokhanan bước qua cánh cửa phía Nam vẫn còn nguyên vẹn, rồi dừng lại, ghen thờ: Jerusalem chỉ còn là một vùng đổ nát

Quân của Titus đã đổ bộ vào thành phố từ đầu tháng Tám, và trong một tháng, ở đây đã diễn ra một cuộc chiến tàn khốc, giành giật nhau từng đường phố, từng ngôi nhà. Trở nên điên khùng, quân lính thuộc quân đoàn X Fretensis phá hủy triệt để từng mảng tường còn sót lại. Thành phố phải bị san bằng, Titus ra lệnh, nhưng Đền thờ thì được chừa ra. Hắn muốn biết hình ảnh của một đức Chúa có thể gây ra chừng ấy sự cuồng tín, và có thể dẫn cả một dân tộc đến bước hy sinh, giống với cái gì.

Cuối cùng, ngày 28 tháng Tám hắn cũng vào được sân trước nhà thờ dẫn đến nơi thờ đức Thánh của các vị Thánh. Người ta nói rằng ở đó có sự hiện thân của Yahweh, Chúa của người Do Thái. Sự hiện diện của ngài, tức là tượng của ngài, hay một thứ gì đó tương đương.

Bằng một nhát kiếm, hắn chém rách bức màn che treo ở chính điện. Bước lên trước vài bước và dừng lại, sững sờ.

Không có gì hết.

Hay đúng hơn là trên một chiếc bàn bằng vàng nguyên chất, hai con vật có cánh, các *kéroubim* giống như hắn đã từng nhìn thấy ở rất nhiều ở miền Lưỡng Hà. Nhưng giữa những đôi cánh rộng mở của chúng, không có gì. Trống không.

Vậy là Chúa của Moïse, Chúa của tất cả những kẻ cuồng nhiệt kia, không tồn tại. Bởi vì trong Đền không có dấu ấn nào thể hiện sự hiện diện của Người. Titus cất lên một tràng cười, rồi vẩy vẩy về hờn hờ ra khỏi Đền. “Trò lừa đảo lớn nhất thế giới! Làm gì có thánh thần ở Israel! Tất cả máu đã đổ đều vô ích.” Nhìn thấy tượng của mình cười cợt, một tên lính vứt luôn bó đuốc đang cháy vào bên trong đền Thánh của các vị Thánh.

Hai ngày sau, đền Jerusalem dần cháy hết. Trên công trình huy hoàng mà Hérode sắp hoàn thành gần như không còn sót lại gì.

Ngày 8 tháng Chín năm 70, Titus rời khỏi Jerusalem hoang tàn để quay về Caesarea.

Iokhanan chờ tên lính cuối cùng rời khỏi thành phố mới mạo hiểm quay về: khu phía Tây không

còn nữa. Khó nhọc bước giữa những đám đồ nát, anh nhận ra cung điện nguy nga của Caiphe nhờ bức tường bao quanh. Căn nhà của môn đồ cung, nơi anh đã có một tuổi thơ hạnh phúc, cách đó hai trăm mét. Anh định hướng và đi tiếp.

Thậm chí còn không nhìn thấy bồn phun nước bên dưới mái che. Tất cả đã bị đốt cháy, và mái nhà bị đổ sập. Chính ở đó, dưới đồng ngói cháy đen, còn sót lại những tàn tích của căn phòng lớn. Căn phòng nơi Jesus đã ăn bữa cuối cùng cách đây bốn mươi năm, xung quanh Người lúc đầu có mười ba người, sau đó là mười hai.

Anh đứng rất lâu trước đồng đồ nát. Cuối cùng, một trong hai người Esseni đi cùng chạm vào tay anh.

- Đi khỏi chỗ này thôi, Iokhanan. Ký ức không nằm trong đồng đá này. Ký ức ở trong anh. Chúng ta đi đâu bây giờ ?

“Ký ức về Jesus xứ Nazareth. Kho báu mong manh mà tất cả mọi người đều thèm muốn.”

- Anh nói đúng. Chúng ta đi về phía Bắc, về Galilee: tiếng vọng những lời nói của Jesus vẫn còn âm vang giữa những ngọn đồi ở đó. Tôi đang mang một kho báu cần phải truyền lại.

Anh rút từ túi đeo ra một mảnh giấy da, và đưa lên môi. “Bản sao bức thư của *abbou* tôi, tông đồ thứ mười ba.”

Ba thế kỷ sau, một phụ nữ Tây Ban Nha giàu có tên là Éthérie, người trả tiền tham gia chuyến hành hương đầu tiên được tổ chức để đến dự Tuần lễ Thánh ở Jerusalem, khi đi dọc bờ sông Jordan đã nhìn thấy một tấm bia khắc bị đổ nghiêng một cách thảm hại. Tò mò, bà liền dừng kiệu: phải chăng lại là một ký ức về thời kỳ của Christ ?

Bản khắc dễ đọc. Nó kể rằng vào thời Đền thờ bị phá, một người Nazareth có tên là Iokhanan đã bị giết chết ngay tại đây khi ông muốn trốn khỏi Jerusalem đồ nát. Hẳn là lính của Titus đã đuổi kịp ông, Éthérie nghĩ, cắt cổ rồi vứt ông xuống dòng sông ngay gần đó. Bà thốt lên:

- Một người Nazareth! Đã lâu lắm rồi không còn người nào trong số họ. Con người tội nghiệp này hẳn là người cuối cùng, và chắc là chính vì thế mà người ta đã dựng tấm bia này ở chỗ ông ta bị giết chết.

Điều mà người phụ nữ Cơ Đốc sùng đạo này không biết, là Iokhanan không phải là người Nazareth cuối cùng.

Từ ngày đó, chỉ còn lại hai bản bức thư của tông đồ thứ mười ba của Jesus. Một bản được giấu tận đáy một chiếc vại nằm cách biệt trong một cái hang cheo leo giữa một vách đá dựng đứng trên đồng đồ nát của Qumran về hướng biển Chết.

Và bản còn lại nằm trong tay những người Nazareth chạy thoát khỏi Pella. Những người đã tìm được chỗ trú thân trong một ốc đảo thuộc sa mạc Ả Rập, có tên là Bakka.

55.

Đức ông Calfo khoác lên người chiếc áo dài có viền tím. Để tiếp Antonio, ông cần mang đủ những thứ thể hiện phẩm tước giáo sĩ cấp cao của mình. Những thành viên mới gia nhập không bao giờ được quên mình đang làm việc với ai.

Một khi những cuộc trò chuyện ban đầu đã kết thúc, ông hiếm khi tiếp đón các thành viên của Hội ở nhà mình. Tất cả họ đều biết địa chỉ nhà ông, nhưng các đòi hỏi về bảo mật được tuân thủ tuyệt đối tại một trong những hội kín ở Roma. Và đôi khi mùi nước hoa của Sonia vẫn còn phảng phất trong phòng rất lâu sau khi cô đã đi.

Ông hài lòng mở cửa phòng cho tông đồ thứ mười hai.

- Bây giờ, sứ mệnh của anh là theo dõi chặt chẽ cha Breczinsky. Đó là một *looser*, một kẻ thua cuộc. Nhưng loại người này luôn không thể dự báo được, ông ta có thể có những hành động bột phát.

- Tôi phải đạt được điều gì từ ông ta ?

- Trước hết, ông ta phải cho ông biết những điều mà hai tu sĩ kia có thể nói với nhau những khi họ làm việc trong kho sách của Vatican. Sau đó nhắc nhở ông ta nhớ mình từ đâu đến, mình là ai và ai là Hồng y. Chỉ cần nhắc như vậy là có thể giữ ông ta trung thành với nhiệm vụ của mình. Bây giờ, anh là một trong số ít những người biết ông ta đang giữ gìn những tài liệu tuyệt mật nào. Đừng quên rằng trong ký ức của ông ta có một vết thương khủng khiếp: chỉ cần ấn lên đó để đạt được từ ông ta điều chúng ta muốn. Đừng ngại ngần gì hết: chỉ có kết quả của sứ mệnh đang được tiến hành là quan trọng.

Sau khi tiếp thu các chỉ dẫn, Antonio rời tòa nhà và công khai rẽ sang bên phải, hướng sông Tiber, ra về như anh sắp quay về thành phố. Không ngẩng đầu lên, anh có thể cảm thấy cái nhìn của hội trưởng từ cửa sổ căn hộ của ông ta chiếu vào gáy mình. Nhưng khi đến góc Lâu đài San Angelo, anh lại rẽ phải lần nữa, và sau một chỗ ngoặt, đi về hướng ngược với thành phố, hướng quảng trường Saint Peter.

Roma giữ lại tia sáng ánh lên từ những bức tường đỏ son dưới ánh mặt trời nhợt nhạt tháng Mười hai. Từ nhiều thế kỷ nay, thành phố đã chứng kiến vũ điệu không ngừng của những mảnh khoe và âm mưu của các giáo sĩ Công giáo cao cấp. Lim dim, hiền từ và lẳng điệu với vẻ huy hoàng của mình trong suốt mùa đông dài. Nó không còn quan tâm đến các trò chơi quyền lực và danh vọng diễn ra quanh năm mờ

của Tông đồ.

- Vào đi, bạn thân mến, Catzinger thốt lên và mỉm cười, ta đang đợi con.

Chàng trai trẻ cúi mình để hôn chiếc nhẫn của Hồng y. “Một kẻ trốn thoát sau hai cuộc thanh trừng liên tục, đầu tiên là của Gestapo, rồi đến quân Giải phóng. Vinh dự và tôn trọng dành cho những người đấu tranh vì phương Tây.”

Anh ngồi vào trước bàn và chăm chú nhìn vào Đức Hồng y bằng ánh mắt đen kỳ lạ của mình.

56.

Cha Nil đã yêu cầu Leeland đến kho sách Vatican một mình.

- Tớ muốn tìm hiểu một câu đã phát hiện ra trong cuốn sổ ghi chép mà cha Andrei để lại ở San Girolamo. Tớ phải dùng Internet, có thể là trong nhiều giờ. Nếu cha Brezinsky hỏi thì cậu tìm có gì đó cho việc tớ vắng mặt nhé.

Ngồi lại một mình trước máy vi tính, ông cảm thấy nản lòng, mất phương hướng giữa một mạng lưới lồi đi tỏa ra các ngả. Những văn bản do Thư viện Huntington sao chụp lại chỉ khẳng định thêm điều ông đã cảm thấy từ khi nghiên cứu các bản thảo vùng biển Chết. Còn bản thảo tiếng Ai Cập cổ? Câu đầu tiên trong bản thảo đã cho phép ông hiểu được mật mã dùng trong Tín điều Nicée. Vẫn còn câu thứ hai và bức thư bí ẩn của tông đồ. Ông đã quyết định tiếp tục tấn công vào chỉ dẫn cuối cùng này, chỉ dẫn mà ông vừa tìm lại được dấu vết trong cuốn sổ ghi chép của cha Andrei. Tất cả hướng đi này phải giao nhau tại đâu đó. Đó là thông điệp cuối cùng của bạn ông: liên hệ chúng lại với nhau.

Rembert Leeland...chàng sinh viên thân thiện và cả tin, chàng thanh niên tươi cười sung sướng coi cuộc sống như âm nhạc giờ đây đã trở thành người như thế nào rồi? Tại sao lại có thời khắc tuyệt vọng đó? Cha Nil đã nhận thấy trong ông ấy một vết rạn rất sâu, mà ông ấy không thể tâm sự với một người bạn cũ.

Còn về Brezinsky, ông ấy có vẻ hoàn toàn cô độc trong hầm ngầm lạnh giá và hoang vắng của Thư viện Vatican. Tại sao ông ấy lại tâm sự với ông những điều đó, có chuyện gì đã xảy ra giữa ông ấy và cha Andrei ?

Ông quyết định tập trung vào bức thư của tông đồ. Ông phải tìm lại cuốn sách đang ở đâu đó trên thế giới, bắt đầu từ mã số Dewey của nó.

Ông kết nối Internet, mở giao diện Google và đánh cụm từ *các thư viện trên thế giới/ thuộc giáo hội*.

Một trang có mười một địa chỉ Web hiện ra. Phía dưới màn hình, Google cho ông biết còn mười hai trang tương tự đã được lựa chọn. Khoảng một trăm ba mươi trang Web để tra cứu.

Ông thờ dài và nhấp chuột vào địa chỉ web đầu tiên.

Trở về sau mười hai giờ trưa một chút, Leeland phật ý khi chỉ thấy một mảnh giấy ngăn ngủi đặt trước màn hình: cha Nil phải quay về San Girolamo gấp. Ông ấy sẽ quay lại đường Aurelia vào buổi tối.

Ông ấy đã tìm được gì chẳng? Tu sĩ người Mỹ chưa bao giờ là một học giả nghiên cứu Kinh Thánh. Nhưng công việc của cha Nil bắt đầu khiến ông hết sức quan tâm. Bằng cách tìm tòi để phát hiện điều đã gây nên cái chết của cha Andrei, bạn ông muốn trả thù cho ký ức về ông ấy; còn ông, giờ đây ông mong ước trả thù cho chính cuộc đời đã bị phá hủy của mình.

Vì ông cảm thấy những người đã phá hủy cuộc sống của ông cũng chính là những người đã gây ra tai nạn giết chết thủ thư của tu viện Saint – Martin.

Mặt trời buổi hoàng hôn nhuộm màu đỏ đậm lên những đám mây ô nhiễm phủ trên thành Roma. Leeland đã quay lại Vatican . Trong căn phòng bên dưới, người Palestine đột nhiên nghe thấy có ai đó trong phòng, rồi ngồi xuống trước máy vi tính: chắc là cha Nil. Các cuộn băng từ chỉ ghi lại được âm thanh của bàn phím.

Đột nhiên, âm thanh sôi nổi hẳn lên: đến lượt Leeland quay về.

Họ sắp nói chuyện với nhau.

Ai Cập, từ thế kỷ II đến thế kỷ VII

Bị chiến tranh bức bách phải rời bỏ Pella, những người Nazareth được người Ả Rập trong ốc đảo Bakka, nơi họ gây dựng lại cuộc sống, tiếp đón nhiệt tình. Nhưng thế hệ thứ hai không chịu đựng được sự khắc nghiệt trong sa mạc Ả Rập: một số người tiếp tục đi đến Ai Cập. Họ định cư ở phía Bắc Louxor, trong một làng thuộc vùng núi El-Tarif có tên gọi là Nag Hamadi. Ở đó, họ tạo thành một cộng đồng gắn kết với nhau bằng kỷ niệm về tông đồ thứ mười ba và những lời giảng dạy của ông. Và bằng bức thư của ông, mà mỗi gia đình sở hữu một bản sao.

Họ nhanh chóng va chạm với các giáo sĩ Cơ Đốc đến từ Alexandria, nơi Giáo hội đang bành trướng mạnh mẽ. Đạo Cơ Đốc lan truyền trong Đế chế dữ dội như lửa lan trong rừng: người Nazareth, những người không thừa nhận thiên chất của chúa Jesus, phải phục tùng – hoặc biến mất.

Biến Jesus thành Chúa Christ ? Phản bội lại bức thư? Không bao giờ. Họ bị người Cơ Đốc truy hại. Từ Alexandria, những mệnh lệnh viết bằng tiếng Ai Cập cổ được ban ra: phải hủy bức thư này, tại Ai Cập cũng như ở khắp nơi trong Đế chế. Mỗi khi có một gia đình người Nazareth bị xua đuổi vào sa mạc, nơi cái chết chờ đợi họ, nhà của họ liền bị lục soát, và bức thư của tông đồ thứ mười ba bị đốt. Bức thư nói về một nấm mộ có chứa hài cốt của Jesus, ở đâu đó trong sa mạc Idumea: nấm mộ của Jesus phải trống rỗng, để Christ sống mãi.

Tuy nhiên có một bản sao bức thư thoát khỏi tay những kẻ săn đuổi và đến tận thư viện ở Alexandria, nơi nó bị lẫn vào năm trăm nghìn tác phẩm có trong kỳ quan thứ tám này của thế giới.

Một thời gian sau năm 200, một thanh niên vùng Alexandria có tên là Origène bắt đầu thường xuyên lui tới thư viện. Là người nghiên cứu không mệt mỏi, anh đam mê với con người Jesus. Ký ức về Người thật kỳ diệu.

Trở thành nhà giáo, Origène bị Gám mục của mình tên là Demetrius lên án. Đó là kết quả của lòng ghen ghét, vì sức hấp dẫn của anh thu hút toàn bộ giới ưu tú ở Alexandria. Nhưng cũng là do đề phòng, vì Origène không ngần ngại sử dụng những văn tự bị Giáo hội cấm trong bài giảng của mình.

Cuối cùng, Demetrius đuổi anh khỏi Ai Cập và Origène trốn sang Caesarea thuộc Palestine, nhưng mang theo kí ức của mình. Còn về bức thư của tông đồ thứ mười ba, nó vẫn nằm lẫn trong thư viện rộng lớn, không được ai biết đến: hiếm nhà nghiên cứu nào có được tài năng của Origène.

Vào năm 691, khi Alexandria rơi vào tay người Hồi giáo, tướng Al-As Amrou ra lệnh đốt tất cả các cuốn sách: “Nếu chúng giống với kinh Koran, ông ta tuyên bố, thì chúng vô ích. Còn nếu chúng không giống thì chúng nguy hiểm.” Trong vòng sáu tháng, toàn bộ ký ức về thời kỳ Cổ đại đã làm mờ cho các nhà tắm nóng công cộng.

Khi đốt thư viện Alexandria, người Hồi giáo đã hoàn thành công việc mà người Cơ Đốc không thể làm được: từ đó trở đi, không còn bản sao nào của bức thư ở bất kỳ đâu.

Trừ bản gốc, vẫn giấu trong một chiếc vại được cát che phủ, ở bên trái lối vào một trong những hang đá phía trên đồng đồ nát của Qumran.

58.

- Thế nào, cậu có tìm thấy gì không?

Nét mặt căng thẳng, Leeland vừa về đến phòng. Bên cạnh máy vi tính, giấy tờ vương vãi. Cha Nil có vẻ mệt mỏi: ông không trả lời mà đi đến cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Rồi trở lại chỗ ngồi, ông quyết định không quan tâm đến lời nhắc nhở của Breczinsky và nói hết với bạn mình.

- Sau khi cậu đi, tớ đã bắt đầu tra cứu các thư viện lớn nhất trên thế giới. Khoảng cuối buổi sáng, tớ gặp một thủ thư ở Heidelberg, người đã từng sống ở Roma. Chúng tớ đã trao đổi với nhau, và ông ấy nói với tớ rằng mã số Dewey hẳn là đến từ... đoán xem?

- Thư viện San Girolamo, và chính vì thế mà cậu đã gấp gáp quay lại đó!

- Lẽ ra tớ phải nghĩ đến điều đó, vì đó là thư viện cuối cùng cha Andrei lui tới trước khi chết: ông ấy đã bắt gặp một cuốn sách và nhanh chóng ghi lại chỉ dẫn về nó vào cái mà ông đang có trong tay là một cuốn sổ ghi chép của mình – chắc là với ý định sẽ tra cứu cuốn sách này một lần nữa. Và rồi ông ấy đã vội vã rời khỏi Roma, bỏ lại cuốn sách khi đó đã trở lên vô ích.

Leeland ngồi xuống bên cạnh cha Nil, mắt sáng lên.

- Và cậu tìm lại được cuốn sách chứ ?

- Thư viện San Girolamo được tạo lập một cách chắp vá, các đời thủ thư kế tiếp nhau nhanh chóng, và ở đó có thể tìm thấy mọi thứ. Nhưng hầu hết sách ở đó đều được sắp xếp, và thực tế là tớ đã tìm ra cuốn sách khiến cha Andrei chú ý, một *cantena* của Eusèbe de Caesarea: một bản in hiếm có vào thế kỷ XVII, tớ chưa từng nghe nói đến.

Leeland hỏi với vẻ ngượng ngịu:

- Xin lỗi cậu, Nil ạ, nhưng tớ quên hết những thứ không phải là âm nhạc rồi. *Catena* là gì?

- Vào thế kỷ III đã xảy ra một cuộc chiến khốc liệt xung quanh thiên chất của Jesus, điều mà Giáo hội tìm cách áp đặt: khắp nơi người ta hủy các văn tự không phù hợp với giáo lý đang khai sinh. Sau khi kết tội Origène, Giáo hội đã cho đốt tất cả các bản viết của ông. Eusèbe de Caesarea rất ngưỡng mộ người dân thành Alexandria này, người đã chết trong thành phố của mình. Ông đã muốn cứu vớt những tác phẩm có thể cứu được của Origène, nhưng để bản thân không bị kết tội, ông đã truyền bá

những đoạn trích được lựa chọn, đoạn nọ gắn với đoạn kia như những mắt xích trong một xâu chuỗi: một *catena*. Sau đó, người ta đã lặp lại ý tưởng của ông ấy, và ngày nay chúng ta chỉ có thể tiếp cận được nhiều tác phẩm cổ đã biến mất qua các trích đoạn này. Cha Andrei đoán rằng trong *catena* mà ông ấy chưa bao giờ nhìn thấy có thể chứa đựng những đoạn văn của Origène rất ít được biết đến. Ông ấy lục tìm và đã thấy.

- Thấy cái gì?

- Một câu của Eusèbe, cho đến nay vẫn không ai chú ý đến. Ở một trong số các tác phẩm của mình ngày nay đã bị mất, Origène có nói rằng đã từng thấy trong Thư viện Alexandria một *epistola abscondita apostoli tredicesimi* bí ẩn: bức thư bí mật – hoặc được che giấu – của một tông đồ thứ mười ba, trong đó có thể *có bằng chứng* rằng Jesus không có bản chất thánh thần. Hẳn là cha Andrei đã nghi ngờ sự tồn tại của bức thư này, ông ấy đã từng bóng gió nói với tớ về nó: tớ thấy ông ấy đang trong quá trình tìm kiếm, vì đã cẩn thận ghi lại tài liệu tham khảo bất ngờ này.

- Liệu có thể tin được vào một câu văn lẻ loi trong một văn tự nhỏ bé đã bị rơi vào quên lãng không ?

Cha Nil xoa cằm.

- Cậu nói đúng, chỉ mình nó thì một mắt xích đơn giản này trong một *catena* là không đủ. Nhưng nhớ lại đi: trong mảnh giấy để lại trước khi chết, cha Andrei đã gợi ý là phải liên hệ bốn hướng nghiên cứu mà ông ấy đã ghi lại với nhau. Đã nhiều tuần nay tớ lật đi lật lại trong đầu câu thứ hai trong bản thảo tiếng Ai Cập cổ mà tớ tìm thấy ở thư viện: “*Bức thư phải bị hủy bỏ ở khắp nơi, để nơi ở còn ở lại.*” Nhờ vào Origène, tớ tin rằng cuối cùng tớ cũng đã hiểu ra.

- Một mật mã mới à ?

- Hoàn toàn không. Vào đầu thế kỷ III, Giáo hội đang xây dựng giáo lý Chúa hiện sinh sẽ được tuyên bố trong hội nghị Giám mục Nicée, đồng thời tìm cách loại bỏ tất cả những gì chống lại giáo lý đó. Mảnh bản thảo tiếng Ai Cập cổ này - chính là thứ đã khiến cha Andrei chú ý - hẳn là phần còn sót lại trong một chỉ thị của Alexandria, ra lệnh hủy bỏ bức thư này ở khắp nơi. Tiếp theo, người ta đã chơi chữ khi dùng một từ Ai Cập cổ mà tớ đã dịch sai thành “nơi ở”, nhưng thực ra còn có nghĩa là “hội”. Trong tiếng Hy Lạp, là ngôn ngữ chính thức của Alexandria, “hội” được gọi là *ekklesia* - Giáo hội. Vậy là ý nghĩa của câu này trở nên rõ ràng: phải hủy bỏ bức thư này ở khắp nơi, để Giáo hội còn mãi - để nó không bị biến mất vào hư vô! Chỉ được lựa chọn một trong hai thứ: bức thư của tông đồ thứ mười ba hay sự sống còn của Giáo hội.

Leeland khẽ huýt sáo :

- I see [33]....

- Cuối cùng, các hướng nghiên cứu cũng bắt đầu gặp nhau: bản khắc ở Germigny khẳng định rằng vào thế kỷ VIII, một tông đồ thứ mười ba bị coi là rất nguy hiểm, đến nỗi người ta phải gạt bỏ ông ta vĩnh viễn, *alpha và omega* – và chúng ta biết rằng ông ta không phải là ai khác mà chính là môn đồ

cung trong kinh Phúc âm thứ tư. Origène cho chúng ta biết rằng ông ấy đã nhìn thấy ở Alexandria một bức thư do người này viết, và bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ khẳng định rằng có một hoặc nhiều bản sao của bức thư này ở Nag Hamadi, bởi vì nó ra lệnh hủy bỏ các bản sao đó.

- Nhưng làm sao mà bức thư này lại có thể đến tận Nag Hamadi được?

- Chúng ta biết rằng người Nazareth đã trốn chạy đến Pella, vùng hiện nay thuộc Jordan, có thể họ cùng đi với tông đồ thứ mười ba. Sau đó, người ta mất dấu họ. Nhưng cha Andrei đã yêu cầu tớ đọc kỹ kinh Coran, bộ kinh mà ông ấy hiểu rõ. Và tớ đã làm thế, bằng cách so sánh nhiều bản dịch khoa học có được ở tu viện. Tớ ngạc nhiên khi thấy tác giả rất hay nhắc đến những *naçâra* – từ Ả Rập để chỉ “người Nazareth” – họ chính là nguồn thông tin chủ yếu về Jesus. Sau Pella, các học trò của tông đồ thứ mười ba đã phải trốn chạy đến Ả Rập, nơi có lẽ Muhammad quen biết họ. Thế thì có lý gì mà họ không tiếp tục đến tận Hy Lạp? Đến tận Nag Hamadi, và mang theo các bản sao của bức thư nổi tiếng này?

- Kinh Coran... Cậu thực sự tin rằng những người Nazareth chạy trốn có ảnh hưởng đến tác giả của kinh này à?

- Đương nhiên, có rất nhiều điều trong văn tự này thể hiện điều đó. Tớ không muốn nói thêm về chuyện này với cậu bây giờ: tớ còn phải khám phá thêm hướng đi cuối cùng, một hoặc một loạt tác phẩm liên quan đến các Hiệp sĩ dòng Đền, với một mã số không đầy đủ. Lần khác chúng ta sẽ nói về kinh Coran, đã muộn rồi, tớ phải về San Girolamo.

Cha Nil đứng dậy, và lại nhìn ra thành phố chìm trong bóng tối. Ông nói thêm như tự nhủ:

- Vậy là tông đồ thứ mười ba đã viết một bức thư, *nó bị hủy bỏ ở khắp nơi*, và bị lòng căm thù của Giáo hội truy đuổi. Liệu có thể có điều gì nguy hiểm đến thế trong bức thư này nhỉ?

Ở tầng dưới, Moktar nghe rất chăm chú. Khi cha Nil nhắc đến kinh Coran, Muhammad và những người Nazareth, hấn buộc miệng chữ rửa:

- Đồ con chó!

Sa mạc Ả Rập, tháng Chín năm 622

Người đàn ông cho lạc đà phi nước đại trong đêm đen. Anh đang chạy trốn về phía Medina, lạc đà chạy hết sức đến sùi bọt mép, và đêm nay sẽ được gọi là Hégire ^[34], đánh dấu thời điểm bắt đầu lịch của người Hồi giáo.

Anh trốn khỏi ốc đảo Bakka, nơi anh sinh ra trong bộ tộc danh giá của người Quraysh. Anh trốn chạy vì người Quraysh tự xưng là con của Abraham, nhưng lại tôn thờ những viên đá thiêng.

Tại nơi dừng chân ở giữa sa mạc này, từ thời xa xưa đã có một cộng đồng người Do Thái sinh sống. Đứng đầu cộng đồng đó là một giáo trưởng uyên bác, nhiệt thành, mơ ước dẫn dắt toàn bộ Ả Rập đến với đạo Do Thái thông qua truyền thống giáo trưởng của mình. Chàng thanh niên Ả Rập đã bị con người cuồng nhiệt này quyến rũ: anh trở thành học trò của ông và lắng lẽ cải đạo.

Nhưng giáo trưởng của anh đòi hỏi nhiều hơn thế. Những người Quraysh kiêu ngạo bác bỏ lời thuyết giáo của một người Do Thái: biết đâu họ sẽ nghe theo anh, một người Ả Rập cùng bộ tộc với họ? Chẳng phải là anh vẫn không mang dòng máu Do Thái đó sao? Điều ông dạy anh mỗi ngày, ông muốn anh nhắc lại ở các nơi trong ốc đảo. “Hãy nói với họ,” ông không ngừng nhắc lại với anh... Để không bỏ sót bất kì điều gì đã nghe được, Muhammad ghi chép lại, và các ghi chép ngày càng nhiều lên. Bằng tiếng Ả Rập, vì giáo trưởng hiểu rằng phải nói chuyện với những người này bằng ngôn ngữ của họ, chứ không phải bằng tiếng Hê bơ.

Đối với những người Quraysh, thế là quá lắm: một người của họ, Muhammad, lại đang tìm cách phá bỏ nghi lễ thờ đá thiêng, nguồn gốc sự giàu có của họ! Cùng lắm thì họ chỉ có thể dung thứ nếu anh trở thành người Nazareth: những người ly khai khỏi đạo Cơ Đốc này đã đến đây từ nhiều thế kỷ nay, và nhà truyền giáo Jesus của họ không nguy hiểm. Cùng với những lời giảng dạy của giáo trưởng, chàng trai Ả Rập sẵn lòng nghe lời giảng dạy của họ: bị Jesus lôi cuốn, có lẽ Muhammad sẽ muốn sáp lại gần họ. Nhưng những người Quraysh không để anh có thời gian, và họ xua đuổi anh.

Giờ đây, anh trốn chạy về phía Medina: toàn bộ hành lý của anh chỉ bao gồm những ghi chép quý báu. Những điều mà anh ghi lại ngày này qua ngày khác, theo lời giáo trưởng của anh: *hãy nói với*

họ...

Ở Medina, anh trở thành một dũng tướng. Thành công tích tụ, anh mở rộng quyền lực của mình ra cả một vùng và trở thành thủ lĩnh chính trị được tôn trọng. Phải có những điều luật để tổ chức những người đi theo anh: anh ban bố luật, sau đó viết chúng ra, và những văn tự này dần cộng thêm vào các ghi chép trước kia của anh. Đôi khi anh cũng ghi lại những việc linh tinh, một vài câu chuyện kể về các trận đánh của mình. Những ghi chép của anh tạo thành một cuốn sổ đi đường lớn.

Khi anh muốn tập hợp những người Do Thái dưới trướng của mình, họ từ chối thẳng thừng: anh tức giận xua đuổi họ ra khỏi thành phố và quay về với những người Cơ Đốc ở phương Bắc. Được, những người này sẽ sẵn sàng giúp anh trong các cuộc chinh phục, tuy nhiên với một điều kiện: anh phải trở thành người Cơ Đốc, và thừa nhận thiên chất của Jesus. Muhammad nguyên rửa họ, và căm thù họ khôn nguôi như đối với những người Do Thái.

Chỉ có những người Nazareth là được ưu ái trong mắt anh. Và trong sổ của mình, anh viết những lời ca ngợi họ và nhà truyền giáo Jesus của họ.

Khi trở về Bakka với tư cách người chiến thắng, Muhammad dùng kiếm quét sạch những viên đá thiêng của những người tôn sùng chúng. Nhưng ông dừng lại trước hình Jesus và mẹ Người, vốn được người Nazareth sùng kính từ lâu. Ông tra kiếm vào vỏ và cúi người thật thấp.

Sau đó, cái tên Bakka có thay đổi chút ít, như đã diễn ra, và ốc đảo này được biết đến ở mọi nơi dưới tên gọi Mekka.

Mecca.

Hai thế hệ sau, vua Thổ Nhĩ Kỳ là Othman sưu tập lại cuốn sổ đi đường của Muhammad, và gọi nó là Coran, tuyên bố rằng nó được Muhammad viết ra theo lời đọc trực tiếp của Chúa. Từ đó trở đi, không ai được nghi ngờ về bản chất thần thánh của kinh Coran, nếu còn muốn sống.

Đạo Hồi chưa bao giờ có tông đồ thứ mười ba.

Quảng trường Saint Peter huyền náo đông chật người đổ về chờ đón những ngày quan trọng. Một tấm chân dung to tướng của vị tuyên thánh mới đã được treo ở mặt tiền giáo đường. Trời bớt lạnh và có nắng nên có thể tổ chức lễ tuyên phúc trọng thể ở ngoài trời, hai cánh cửa hàng cột Bernin ôm trọn đám đông ô hợp vui sướng được nhìn thấy Đức Thánh Cha và tham gia vào một lễ hội của đạo Cơ Đốc.

Với tư cách người đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin, Hồng y Catzinger đứng chủ lễ ở bên phải Giáo hoàng. Ông là người chủ trì lễ tuyên phúc này: lễ tuyên phúc sắp tới có thể sẽ dành cho người sáng lập ra hội Opus Dei. Danh sách liệt kê các phẩm chất siêu nhiên của ông ta đã được lập ra không khó khăn gì, nhưng người ta rất vất vả để tìm được ba phép màu cần thiết cho việc phong thánh theo đúng quy định. Catzinger máy móc nhắc lên một vạt áo choàng của Giáo hoàng bị tuột bởi ông già đang run rẩy. Trong khi Giáo hoàng tuyên bố những lời thiêng liêng, Hồng y mỉm cười. “Phép màu ư, rồi sẽ thấy. Phép màu đầu tiên là sự tồn tại liên tục trong suốt nhiều thế kỷ của Giáo hội Công giáo tông truyền La Mã.”

Catzinger có cái đặc huệ là quen biết riêng người chuẩn bị được phong thánh. Trước khi thành lập Opus Dei, Escriva de Balaguer đã từng là một chiến sĩ tích cực trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, bên cạnh Franco, sau đó có mối liên hệ bạn bè với một sĩ quan trẻ trong quân đội Chi Lê, một anh chàng Augusto Pinochet nào đó. Cha ông ta có lẽ sẽ tán thành việc phong thánh này; ông này cũng đã chọn hướng đi đúng khi đi chiến đấu trên mặt trận phía Đông chống Cộng Sản. Sớm đưa Escriva de Balaguer lên bàn thờ chính là trả lại công bằng cho người cha đã chết vì phương Tây.

Lần trong đám đông các giáo sĩ cấp cao ngồi thành hàng trên những chiếc ghế dài đặt trước bục của Giáo hoàng, ở vị trí khiêm tốn dành cho thư lại, Đức ông Calfo hưởng thụ sự ve vuốt của ánh mặt trời và quang cảnh đẹp đẽ. “Chỉ có Giáo hội Công giáo mới có khả năng tổ chức một cuộc hội ngộ giữa thần thánh và con người ở giữa một quang cảnh đẹp đến thế, cho đông đảo người đến thế.” Cuối buổi lễ, trong khi các giáo sĩ xếp thành đoàn rước phía sau Giáo hoàng, ông bắt gặp ánh mắt của Hồng y, ông này gật đầu ra dấu khẩn cấp.

Một giờ sau, hai người ngồi đối diện nhau trong văn phòng của Catzinger, ông này đang phô ra vẻ mặt của những ngày tồi tệ.

- Thế nào, Đức ông, mọi việc thế nào rồi?

Ngược lại với người đứng đầu Cơ quan, Calfo có vẻ rất thư thái. Sonia không phải là không được việc gì: ông tìm thấy ở cô một nữ tu sĩ thành thạo trong nghi lễ thờ thần Eros, đồng thời cũng là một thánh giả tốt.

- Thừa Đức Hồng y, chúng ta đang tiến triển nhanh chóng, Cha Nil tỏ ra có năng lực, rất có năng lực trong việc nghiên cứu.

Gương mặt Hồng y nhăn lại. Những báo cáo của Leeland chẳng có gì thú vị, cách quăng, và vẫn còn quá sớm để gây áp lực đối với cha Breczinsky: ảnh hưởng của ông đối với người Ba Lan này dựa trên những khúc quanh tối tăm trong tâm hồn con người, ông chỉ có thể sử dụng đòn bẩy này một lần, và phải chắc chắn. Lúc này, Đức ông Calfo là người duy nhất điều khiển trò chơi.

- Ông muốn nói gì?

- À thì... - Calfo uốn đôi môi dày – ông ta tìm thấy dấu vết của một văn bản tông đồ đã bị mất, có thể khẳng định những phân tích của ông ta về kinh Phúc âm theo thánh Jean.

Hồng y đứng dậy, ra hiệu cho Calfo đi theo mình đến gần cửa sổ và chỉ cho ông này thấy quảng trường Saint Peter. Bục của Giáo hoàng vẫn còn ở đó, hàng nghìn người hành hương đang vây quanh trung tâm nhảy cảm này giống như nước trong một xoáy nước xoay quanh xoáy hút. Đám đông có vẻ hạnh phúc, một gia đình lớn phát hiện ra những mối dây liên kết các thành viên lại với nhau ngay khi đang hình thành.

- Hãy nhìn họ đi, Đức ông. Ông và tôi phải chịu trách nhiệm về hàng triệu tín đồ giống như những người này, những người sống bằng niềm hy vọng về sự phục sinh mà hóa thân của Chúa đã hy sinh bản thân để mang đến cho họ. Chỉ một người sẽ đe dọa tất cả những thứ này ư? Chúng ta chưa bao giờ dung thứ cho điều đó. Hãy nhớ đến Giordano Bruno, một tu sĩ cũng rất có năng lực trong việc nghiên cứu: ông ta bị thiêu cách đây một kilomet, tại khu Campo de Fiori, mặc dù ông ta nổi tiếng khắp châu Âu. Thứ đang nói đến ở đây là trật tự của thế giới: lại một lần nữa, dường như một tu sĩ có khả năng làm đảo lộn nó. Giờ đây chúng ta không thể chữa lành thân thể của Giáo hội bằng lửa giống như trong quá khứ. Mà chúng ta phải nhanh chóng chấm dứt các nghiên cứu của cha Nil.

Calfo không trả lời ngay. Mười một thành viên của Hội đã ủng hộ đường lối hành động của ông: chỉ đưa thông tin đủ để làm cho Hồng y sợ, nhưng không để lộ mục đích cuối cùng của Hội.

- Tôi không nghĩ vậy, thưa Đức Hồng y, đó chỉ là một nhân vật trí thức không biết rõ việc mình đang làm thôi. Ý kiến của tôi là cứ để ông ta tiếp tục, chúng ta vẫn kiểm soát được tình hình.

- Nhưng nếu ông ta quay về tu viện, làm sao tránh được việc ông ta công bố các kết luận của mình?

- *Pazienza* ^[35], thưa Đức Hồng y. Có những cách thức khác, ít gây

ấn tượng hơn một tai nạn tàu hỏa, để khiến những người đi lạc khỏi giáo lý của Giáo hội phải câm miệng.

Ngày hôm trước, ông đã phải xoa dịu một Moktar đang nổi điên lên khi nghe cha Nil bác bỏ bản chất thiêng liêng của kinh Coran và thân nhân của người sáng lập ra đạo Hồi: người Palestine này muốn hành động ngay lập tức.

Chỉ trong vài ngày, cha Nil đã tự khoác vào người một chiếc thắt lưng bằng chất nỏ. Calfo không muốn cha Nil làm mình nổ tung trước khi tỏ ra *thực sự* có ích cho Giáo hội Công giáo. Bằng một cử chỉ máy móc, ông xoay chiếc nhẫn Giám mục quanh ngón áp út và kết luận với một nụ cười bảo đảm:

- Ở Roma, cha Nil hành xử giống như chưa từng rời khỏi tu viện: chỉ ra khỏi San Girolamo để đến kho sách của Vatican, không giao tiếp với bất kỳ ai ngoài bạn ông ta là Leeland, không tiếp xúc với báo chí hay các lực lượng chống Giáo hội, dường như ông ta không biết gì về họ.

Calfo hát cầm về phía quảng trường Saint Peter.

- Ông ta không phải là mối nguy đối với những đám người này, họ sẽ không bao giờ nghe nói đến ông ta và ông ta cũng đã tự nguyện lựa chọn không biết đến họ bằng cách giam mình trong một tu viện. Hãy để ông ta được tiếp tục công việc nghiên cứu một cách yên ả: tôi có niềm tin vào quá trình đào tạo mà ông ta đã nhận được ngay từ khi còn tập sự ở tu viện Saint-Martin, đó là một cái khuôn đúc để lại dấu ấn suốt đời trên một con người. Ông ta sẽ trở lại hàng ngũ của mình: còn nếu ông ta muốn tìm lại tự do bên trong của mình, khi đó chúng ta sẽ can thiệp. Nhưng chắc là việc đó sẽ không cần thiết.

Khi chia tay nhau, hai giáo sĩ cấp cao cùng thỏa mãn: người thứ nhất nghĩ rằng đã khiến Đức Hồng y phải lo lắng đủ độ mà vẫn giữ được quyền tự do hành động. Người thứ hai nghĩ rằng tối nay sẽ được gặp Antonio và sẽ được cung cấp thông tin gần như bằng với hội trưởng của Hội Thánh Pie V.

61.

- Sáng nay có lễ tuyên phúc: chúng ta sẽ không thể đi qua quảng trường Saint Peter được, phải đi vòng vậy.

Chìm trong suy nghĩ của chính mình, hai người đi vòng qua khu Santo Spirito rồi quay lại thành Vatican qua Lâu đài San Angelo, trước đây đã từng là lăng của hoàng đế Hadrien trước khi trở thành pháo đài và nhà ngục của Giáo hoàng. Cha Nil cảm thấy khó chấp nhận những khoảng im lặng nặng nề chen giữa họ từ khi ông đến Roma.

Cuối cùng Leeland cũng cất tiếng:

- Tớ không hiểu nổi cậu: cậu không ra khỏi tu viện từ nhiều năm nay, và ở đây cậu cũng sống như một người tu kín. Cậu đã yêu mến Roma biết bao khi chúng ta còn là sinh viên, hãy tận dụng một chút, đi thăm vài viện bảo tàng, gặp lại những người mà cậu quen biết trước đây... Cậu cư xử như cậu đã chuyển tu viện của cậu đặt giữa thành phố này vậy!

Cha Nil ngẩng đầu về phía bạn ông.

- Khi vào tu viện, tớ đã chọn nổi cô đơn ở giữa một cộng đồng toàn cầu là Giáo hội Công giáo. Hãy nhìn đám đông kia, họ có vẻ rất sung sướng trước một lễ phong thánh mới! Trong một thời gian dài, tớ tin rằng họ là gia đình của tớ, thay thế cho gia đình đã từ bỏ tớ. Giờ đây, tớ biết rằng công việc nghiên cứu về nhân thân của Jesus đã loại tớ ra khỏi gia đình thứ hai này. Không ai xem xét lại những cơ sở của một tôn giáo là nền tảng của cả một nền văn minh mà lại không hề hấn gì! Tớ mừng tượng rằng tông đồ thứ mười ba kia, khi chống đối lại Mười hai tông đồ, đã phải chịu đựng nổi cô đơn tương tự. Tớ chỉ còn một người bạn, là Đấng Jesus mà tớ đang cố gắng vén màn bí ẩn về Người.

Ông nói thêm trong một tiếng thở dài:

- Và cả cậu nữa, tất nhiên.

Lúc này họ đang đi dọc những bức tường cao của Thành Vatican. Tu sĩ người Mỹ thọc tay vào túi rồi lấy ra hai tấm bìa nhỏ màu hồng.

- Tớ có một bất ngờ cho cậu. Tớ nhận được hai giấy mời xem buổi hòa nhạc của Lev Barjona tại nhạc viện Saint Cecillia ở Roma, đúng vào trước Noel. Tớ không cho phép cậu lựa chọn đâu, cậu sẽ đi với tớ.

- Anh chàng Lev Barjona này là ai?

- Một nhạc công dương cầm nổi tiếng người Israel, tớ đã quen ở đó khi anh ta còn là học sinh của Arthur Rubinstein: chúng tớ trở thành bạn của nhau dưới chân người thầy này. Một con người đáng ngạc nhiên, có một cuộc sống không giống ai. Anh ta đã ưu ái viết thêm một dòng riêng tư vào giấy mời, nói rằng tấm giấy mời thứ hai là để dành cho cậu. Anh ta sẽ biểu diễn bản *Concerto thứ ba* của Rachmaninov, hiện anh ta là người chơi bản này hay nhất.

Họ đi vào trong Thành Vatican.

- Tớ rất vui, cha Nil nói, tớ yêu thích Rachmaninov và đã rất lâu không xem buổi hòa nhạc nào, có thể điều đó sẽ khiến tớ thay đổi suy nghĩ.

Đột nhiên, ông dừng phắt lại và nhú mày.

- Nhưng... làm thế nào mà bạn cậu lại gửi cho cậu tấm vé thứ hai để dành cho tớ?

Leeland có vẻ ngạc nhiên vì nhận xét này, và đang chuẩn bị trả lời thì họ bị tách nhau ra: một chiếc limousine công vụ sang trọng lướt qua ngay trước mặt họ. Bên trong, họ thoáng nhìn thấy bộ áo chùng tím của một Hồng y. Chiếc xe đi chậm lại để qua cổng Belvedere, và cha Nil đột nhiên nắm lấy cánh tay của tu sĩ người Mỹ.

- Rembert, hãy nhìn biển số chiếc xe này xem!

- Thì sao? S.C.V., *Sacra Civitas Vaticani*, đó là biển số của Vatican. Cậu biết rồi đấy, ở đây ngày nào mà chẳng thấy những chiếc xe như thế.

Cha Nil vẫn đứng như trời trồng giữa sân Belvedere.

- S.C.V.! Nhưng đó chính là ba chữ cái mà cha Andrei đã viết trong sổ của ông ấy, ngay trước chữ “Hiệp sĩ dòng Đền”! Từ nhiều ngày nay, tớ cố vắt óc xem nó có nghĩa là gì: vì tiếp sau nó là một mã số Dewey không đầy đủ, tớ đã tin chắc rằng nó chỉ một thư viện ở đâu đó trên thế giới. Rembert, tớ nghĩ mình vừa hiểu ra rồi! S.C.V. và đằng sau là bốn chữ số chính là vị trí của một loạt tác phẩm tại một trong các thư viện thuộc *Sacra Civitas Vaticani*, Vatican. Lẽ ra tớ phải nghĩ đến điều này: cha Andrei là người mắc bệnh lục lọi mẫn tính. Ở thư viện San Girolamo, ông ấy đã tìm thấy một văn bản hiếm của Origène, nhưng chính ở đây ta phải tìm tác phẩm thứ hai mà ông ấy đã viết trên sổ tay.

Cha Nil ngẩng đầu nhìn về phía tòa nhà sừng sững.

- Trong đó, ẩn giấu ở một nơi nào đó, có một cuốn sách có thể sẽ cho phép tớ biết được nhiều hơn về bức thư của tông đồ thứ mười ba. Nhưng còn có điều gì đó mà tớ chưa hiểu, Rembert ạ: các hiệp sĩ dòng Đền có liên quan gì đến chuyện này nhỉ?

Leeland không nghe ông nói. Tại sao Lev Barjona lại gửi cho ông *hai tấm* giấy mời nhỉ?

Ông máy móc bấm mã số cửa vào kho sách Vatican.

Khi tiếng chuông vang lên, Breczinsky căng thẳng nắm lấy khuỷu tay người đang nói chuyện với mình.

- Chắc là họ đây, sang nay tôi không chờ tiếp ai khác. Nếu ra bằng cửa trước chắc là anh sẽ gặp họ. Kho sách này có một cầu thang dẫn thẳng ra Thư viện Vatican: tôi sẽ dẫn anh đi lối đó, nhanh lên, họ sắp đến rồi.

Mặc một chiếc áo dòng bó sát, Antonio ném một cái nhìn sang tu sĩ người Ba Lan, trên gương mặt nhợt nhạt của ông hiện rõ vẻ hốt hoảng. Mọi việc thật dễ dàng: chỉ sau một lát trao đổi trong văn phòng mình, Brezinsky đã như bị tan chảy ra trước mặt anh. Hồng y hiểu rõ tâm hồn con người: chỉ cần biết cách tìm được vết thương bí mật, và ấn lên đó.

62.

Sonia vuốt tóc ra trước ngực, và ngắm nhìn người đàn ông nhỏ bé đang mặc lại quần áo. Xét cho cùng, ông ta cũng không dữ tợn. Chỉ có điều kỳ quặc là cái cách nói chuyện không ngừng trong khi cô làm điều mà ông ta chờ đợi ở cô. Khi đến Ả Rập Xê út do bị hấp dẫn bởi viễn cảnh có được một việc làm, cô chấp nhận bị giam trong một căn phòng dành cho phụ nữ của một quan chức cao cấp. Khi làm tình, quan chức người Ả Rập này không nói lời nào, và kết thúc rất nhanh. Trong khi đó, Calfo không ngừng lăm bằm những điều không thể hiểu nổi, và bao giờ cũng về vấn đề tôn giáo.

Vốn là người theo Chính giáo, Sonia tôn trọng các vị chức sắc tôn giáo giống như tất cả những người Rumani khác. Nhưng người này hẳn là hơi bị rối loạn: ông ta yêu cầu cô tiến hành chậm chạp, đôi khi khiến cô sợ bằng việc nhìn chăm chăm vào cô. Chất giọng du dương của ông, giọng của một Giám mục, nói những điều gợi lên trong cô nỗi chán ngán dửng dưng.

Cô không thể nói chuyện này với Moktar, người đã đưa cô đến Roma. “Em sẽ gặp, anh ta nói với cô, một khách hàng trả công rất hậu.” Đúng vậy, vị Giám mục này rất hào phóng. Nhưng giờ đây Sonia cảm thấy thật quá chật vật mới kiếm được khoản tiền này.

Vừa cài cúc cổ chiếc áo dòng, Calfo vừa quay sang cô.

- Em phải đi thôi, tối mai ta có cuộc họp. Một cuộc họp quan trọng. Em có hiểu không?

Cô gật đầu. Vị Giám mục giải thích cho cô rằng để có thể lên đến cấp độ của *Tầng trời* ^[36], phải duy trì mối liên kết biện chứng giữa hai khối, xác thịt và tinh thần. Cô chẳng hiểu gì về bài thuyết giảng không đầu không cuối này, nhưng biết rằng mình sẽ chỉ phải quay lại sau hai ngày nữa.

Ông ta luôn như vậy mỗi khi có “cuộc họp quan trọng”. Và ngày mai là thứ Sáu ngày 13.

Mười hai tông đồ tỏ vẻ đặc biệt trang trọng. Mặc áo lễ màu trắng, Antonio lặng lẽ lách vào sau chiếc bàn dài để ngồi vào chỗ của mình. Ánh mắt đen kỳ lạ của anh, thứ duy nhất lộ ra sau tấm vải che mắt, rất trong sáng và an bình.

- Như tất cả các thứ Sáu ngày 13 khác, thưa các anh em, Hội chúng ta lại có cuộc họp thể thức. Nhưng trước khi thể hiện lòng tôn kính đối với vật quý mà chúng ta đang sở hữu, tôi phải thông báo cho các vị biết những tiến triển mới nhất của nhiệm vụ đang được tiến hành.

Hội trưởng ngẩng nhìn cây thánh giá trước mặt mình một lát rồi tiếp tục nói trong bầu không khí im lặng hoàn toàn :

- Nhờ vào điệp viên người Palestine của tôi, chúng ta đã có được băng ghi âm tất cả những điều được nói ra trong căn phòng trên đường Aurelia. Tu sĩ người Pháp tỏ ra là người kẻ tục xứng đáng của cha Andrei. Ông ta đã phá được mật mã của bản khắc Germigny, và hiểu được ý nghĩa của bản khắc này dựa vào câu đầu tiên trong bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ. Ông ta đã tìm lại được lời kể của Origène, và dựa vào câu thứ hai trong bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ, ông ta đang trên con đường dẫn đến bức thư của tông đồ thứ mười ba – bức thư mà cha Andrei chỉ nghi ngờ là có tồn tại trước khi đến Roma.

Một cơn rùng mình lan khắp Hội, và một trong số các tông đồ đưa cẳng tay ra:

- Người anh em Hội trưởng, liệu chúng ta có đang đùa với lửa không? Từ thời các Hiệp sĩ dòng Đền, không ai tiếp cận gần đến thế bí mật mà chúng ta có sứ mệnh bảo vệ.

- Hội chúng ta đã cân nhắc và đi đến quyết định. Để cha Nil tiếp tục việc nghiên cứu là mạo hiểm, nhưng là mạo hiểm có tính toán. Mặc dù các vị tiền bối của chúng ta đã rất cố gắng, nhưng dấu vết của bức thư đó không hoàn toàn biến mất. Chúng ta biết rằng nội dung của nó có thể hủy hoại Giáo hội Công Giáo, và cùng với đó là nền văn minh mà Giáo hội là linh hồn đồng thời cũng là nguồn cảm hứng. Có thể vẫn còn lại một bản sao đã thoát khỏi sự kiểm soát chặt chẽ của chúng ta. Đừng lặp lại sai lầm đã phạm với cha Andrei: chúng ta đã thả con chồn ra, vậy thì lần này đừng ngăn cản nó đuổi theo con mồi. Nếu ông ta xác định được vị trí của bức thư, chúng ta sẽ hành động, rất nhanh chóng. Cha Nil đang làm việc cho chúng ta...

Ông bị một tông đồ ngắt lời, chiếc áo lễ trắng không giấu nổi được căn bệnh béo phì ở người này.

- Phần lớn thời gian họ ở kho sách Vatican: chúng ta có phương tiện nào để kiểm soát được những điều họ nói trong khu vực chiến lược này?

Hội trưởng là người duy nhất biết rằng tông đồ này là một thành viên cao cấp trong Cơ quan truyền bá đức tin, một trong những cơ quan tình báo hiệu quả nhất thế giới. Ông trả lời với vẻ tôn trọng: người này nắm được tất cả các thông tin thu thập được trên năm châu lục, cho đến từng xứ đạo

nhỏ nhất ở nông thôn.

- Hôm qua, một người trong số chúng ta đã đến thăm cha Brezinsky, để nhắc nhở ông ta một số điều. Có vẻ ông ta đã hiểu. Tôi nghĩ chúng ta sẽ nhanh chóng xác định được khả năng của cha Nil trong việc tìm thấy bức thư. Bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang phần thể thức của cuộc họp.

Với sự trợ giúp của hai tông đồ, ông cho trượt tấm bảng gỗ sang bên, và trân trọng nhắc chiếc hộp đặt trên giá giữa lên. Trước mặt Mười một tông đồ bất động, ông đặt nó lên bàn rồi nghiêng mình thật thấp.

- Thứ sáu ngày 13 tháng Mười năm 1307, quan chưởng ấn Guillaume de Nogaret đã bắt thượng tế của dòng Đền là Jacques de Molay và một trăm ba mươi tám đạo hữu của ông ta tại đền ở Paris. Họ bị giam trong những hầm ngầm và bị hỏi cung, tra tấn liên tục. Cùng ngày hôm đó, trên toàn nước Pháp, hầu hết các thành viên của dòng Đền đã bị bắt và vô hiệu hóa: cộng đồng theo đạo Cơ Đốc được cứu vớt. Hôm nay, theo quy định, chúng ta kỷ niệm ngày thứ Sáu ngày 13 này, ngày đã trở thành ngày tiền định trên toàn thế giới.

Rồi ông cúi xuống, mở chiếc hộp ra. Cha Nil đã tìm được hầu hết các dấu vết mà bức thư của tông đồ thứ mười ba để lại trong Lịch sử, nhưng dấu vết này thì hẳn ông ta đã để tuột mất. Ông lùi lại một bước.

- Các anh em, xin mời thực hiện nghi lễ.

Các tông đồ đứng dậy, rồi từng người một tiến đến gần để hôn lên chiếc nhẫn của hội trưởng, sau đó là vật đựng trong hộp.

Khi đến lượt mình, Antonio đứng bất động một lát trên bàn: được đặt sơ sài trên chiếc gối con bằng nhung đỏ, một khối vàng tự nhiên ánh lên nhẹ nhàng. Nó rất nhẵn và mang hình một giọt nước mắt.

“Thứ còn lại từ kho báu của các Hiệp sĩ dòng Đền!”

Anh nghiêng mình, lồng mặt mình vào trong hộp và đặt môi lên giọt lệ vàng. Anh cảm giác nó vẫn còn cháy bỏng, và một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra sau đôi mắt đang nhắm lại của anh.

63.

Cha Brezinsky đón họ với một nụ cười nhợt nhạt, rồi dẫn họ đến bàn làm việc mà không nói lời nào. Sau khi gạt đầu ra hiệu, ông vào văn phòng mình và để cửa mở hé.

Chìm đắm trong phát hiện mới của mình, cha Nil không để ý đến thái độ dè dặt của ông. “S.C.V., một mã số của Vatican. Đây là một trong những thư viện lớn nhất thế giới! Tìm một cuốn sách trong đó: quả nhiệm vụ bất khả thi.”

Ông làm việc như một cái máy trong vài phút, rồi bỗng thở mạnh và quay sang Leeland.

- Rembert, cậu có thể làm việc một mình một lát được không ? Brezinsky là người duy nhất có thể giúp tớ tìm xem mã số S.C.V. mà cha Andrei để lại trong sổ tay của ông ấy ứng với cái gì. Tớ sẽ đi hỏi ông ấy.

Một bóng đen lướt qua khuôn mặt tu sĩ người Mỹ, ông trầm thì :

- Tớ xin cậu, hãy nhớ lại điều tớ đã nói với cậu: ở đây, cậu đừng tin tưởng bất cứ ai.

Cha Nil không nói gì: “Tớ biết những điều mà cậu không biết.” Ông tháo găng và gõ vào cánh cửa văn phòng của viên thủ thư.

Brezinsky ngồi bất động trước màn hình vi tính đã tắt, hai tay đặt nằm trên bàn.

- Cha ạ, hôm trước cha đã nói là cha sẵn sàng giúp tôi. Tôi có thể nhờ cha một việc không ?

Tu sĩ người Ba Lan nhìn ông không nói gì, nét mặt hoảng hốt. Rồi ông cúi xuống nhìn vào đôi bàn tay, và nói bằng giọng trầm đục, như nói với chính mình, như thể cha Nil không có ở đó :

- Cha tôi bị giết chết vào cuối năm 1940, tôi không biết mặt ông. Mẹ tôi kể lại: một buổi sáng, một sĩ quan cao cấp thuộc quân đội Wehrmacht đã đến tìm tất cả đàn ông trong làng, nói là để làm một công việc trong rừng. Cha tôi không bao giờ quay trở lại, còn mẹ tôi chết khi tôi sáu tuổi. Một người anh họ ở Cracovie đã đón tôi về nhà, tôi là một đứa trẻ bơ vơ sau chiến tranh và tôi không thể nói được nữa. Cha xứ trẻ của xứ đạo bên cạnh đã thương xót đứa trẻ câm: ông đón tôi về ở cùng ông, giúp tôi lấy lại niềm vui sống. Rồi một ngày, ông ấy làm dấu thánh lên trán, lên môi và lên tim tôi. Ngày hôm sau, lần đầu tiên trong nhiều năm, tôi đã nói. Sau đó ông ấy cho tôi vào trường dòng trong địa phận Cracovie nơi ông làm Giám mục. Tôi nợ ông mọi thứ, ông là cha của tâm hồn tôi.

- Thế ông ấy tên là gì ?

- Karol Wojtyla. Ông là Giáo hoàng hiện nay. Vì Giáo hoàng mà tôi phụng sự với tất cả sức lực của mình.

Cuối cùng ông ngược mắt lên và nhìn chăm chăm vào mắt cha Nil.

- Cha là một tu sĩ chân chính, cha Nil ạ, giống như cha Andrei: các cha sống trong một thế giới khác. Tại Vatican, có một mạng lưới được dệt nên xung quanh Giáo hoàng, bởi những kẻ trục lợi từ việc ngài không biết được tất cả những điều chúng làm nhân danh ngài. Tại Ba Lan, Karol Wojtyla *chưa bao giờ* biết đến chuyện gì tương tự thế: ở đó, giới tăng lữ hoàn toàn đoàn kết, chống lại kẻ thù Xô Viết chung. Mỗi người đều đặt vào người khác một niềm tin mù quáng, Giáo hội Ba Lan có lẽ sẽ không tồn tại được nếu có những thủ đoạn trong nội bộ. Chính với tinh thần này mà Giáo hoàng đã giao phó các trách nhiệm của ngài cho những người như Hồng y Catzinger. Và tôi, tôi là nhân chứng thầm lặng của rất nhiều điều.

Ông cố gắng đứng lên.

- Tôi sẽ giúp cha, giống như tôi đã giúp cha Andrei. Nhưng tôi đang làm một việc rất mạo hiểm: hãy thề với tôi là cha sẽ không tìm cách hại Giáo hoàng.

Cha Nil trả lời nhẹ nhàng :

- Tôi chỉ là một tu sĩ, cha ạ, không gì khiến tôi quan tâm ngoài khuôn mặt và nhân thân của Jesus. Chính trị và các phong tục của Vatican hoàn toàn xa lạ đối với tôi, tôi không liên quan gì đến Hồng y Catzinger, ông ta không biết gì về công việc của tôi. Cũng như cha Andrei, tôi là con người của sự thật.

- Tôi tin cha: Giáo hoàng cũng vậy, ngài là con người của sự thật. Tôi có thể làm gì cho cha ?

Cha Nil đưa ra cuốn sổ tay của cha Andrei.

- Trong thời gian ở Roma, cha Andrei đã tra cứu một cuốn sách mà ông ấy ghi lại mã số ở đây: nó có nói lên điều gì với cha không ?

Breczinsky chăm chú xem xét trang giấy trong cuốn sổ, rồi ngẩng đầu lên.

- Tất nhiên, đây là mã số thuộc kho sách này. Nó chỉ toàn bộ kệ sách nơi cất giữ biên bản thẩm tra các Hiệp sĩ dòng Đền. Khi đến đây, cha Andrei đã hỏi tôi xem có thể xem được không, mặc dù ông ấy không có giấy phép. Cha đi theo tôi.

Họ im lặng đi qua phía trước chiếc bàn nơi Leeland đang cúi người trên một bản thảo và không thèm ngẩng lên. Đến căn phòng thứ ba, Breczinsky ngoặt sang trái và dẫn cha Nil đến trước một kệ sách đặt trong khu đã được gia cố.

- Ở đây – Ông chỉ vào những giá sách đặt dọc theo tường – cha sẽ thấy các văn bản của Tòa án dị giáo liên quan đến vụ các Hiệp sĩ dòng Đền, các văn bản gốc. Tôi có thể nói với cha rằng cha Andrei đã dừng rất lâu trên các biên bản thẩm tra Hiệp sĩ Esquieu de Floyran do Guillaume de Nogaret thực hiện, và thư từ trao đổi của Philippe le Bel, chính tôi đã xếp lại chúng vào đúng chỗ sau khi ông ấy đi. Tôi hy vọng cha sẽ làm việc nhanh như ông ấy: tôi để cha ở đây trong vòng hai giờ. Và cha nhớ cho: cha chưa bao giờ đến khu vực này của kho sách.

Ông tránh đi như một cái bóng. Trong cái xó vắng vẻ này, chỉ còn nghe thấy tiếng máy điều hòa nhiệt độ kêu ro ro. Khoảng mười chiếc hộp giấy xếp thành hàng, được đánh số thứ tự. Trong một hộp, trên một trang giấy mà cha Andrei tìm thấy do chứng thực viên của Tòa án dị giáo ghi lại trước mặt tù nhân bị tra tấn đến kiệt sức, có lẽ có dấu vết của tông đồ thứ mười ba.

Ông cả quyết kéo chiếc hộp đầu tiên: *Lời thú nhận của đạo hữu Esquieu de Floyran, Hiệp sĩ vùng Béziers, do tôi, Guillaume de Paris, đại diện cho vua Phillippe le Bel và Quan tòa Tòa án dị giáo Pháp, ghi lại với sự hiện diện của Đức ông Guillaume de Nogaret*

Bờ biển Chết, tháng Ba năm 1149

- Cố gắng thêm chút nữa, Peter, chúng đang bám gót chúng ta.

Esquieu de Floyran ôm ngang lưng người đồng hành của mình. Họ đang ở dưới chân một vách núi dốc đứng do những đám đá kết thành, trên đó có những đường mòn quanh co do bầy dê đi lại tạo nên. Thấp thoáng có những cái lỗ màu đen: lối vào các hang động tự nhiên nhô ra phía trên khoảng không.

Từ khi gặp nhau ở Vézelay ba năm trước đây, hai người không rời nhau ra nữa. Hùng hực nhiệt huyết sau khi nghe bài thuyết giáo của Thánh Bernard, họ đã khoác lên người chiếc áo lễ màu trắng có chữ thập đỏ và gia nhập cuộc Thập Tự Chinh lần thứ hai đến Palestine. Ở đó, trong dải Gaza, các Hiệp sĩ rơi vào bẫy của những người Thổ Nhĩ Kỳ thuộc đế chế Seldjoukide. Esquieu muốn thoát khỏi chiến lũy: dẫn đầu một đoàn khoảng mười lăm kỵ sĩ, giữa ban ngày anh vượt ra ngoài hòng đánh lạc hướng, và đương nhiên bị một số quân địch đang vây hãm đuổi theo. Trên đường chạy về phía Đông, những người đồng hành của anh lần lượt gục ngã. Bên cạnh anh chỉ còn lại Peter de Montbrison, người bạn trung thành

Đến bên bờ biển Chết, ngựa của họ quỵ ngã. Hai Hiệp sĩ nhảy qua một bức tường gỗ, và đi vào một vùng đồ nát vẫn còn mang dấu vết của một trận cháy khủng khiếp. Họ chạy qua một hồ chứa nước lớn đào trong đá, rồi đi dọc theo những con kênh dẫn nước tưới đồ về phía vách đá. Đó là lối thoát của họ

Đúng lúc họ ra khỏi vùng được cây che phủ, Peter thét lên một tiếng rồi ngã xuống. Khi người đồng hành của anh cúi xuống, một mũi tên xuyên qua bụng anh, ở chỗ thắt lưng.

- Để mặc tôi, Esquieu, tôi bị thương rồi!

Để mặc anh rơi vào tay chúng ư? Không bao giờ! Chúng ta sẽ trốn trong vách đá này, và sẽ thoát được nhờ bóng đêm. Có một ốc đảo ngay gần đây, ốc đảo Ein Feshka: đó là con đường về phía Tây, con đường thoát. Anh hãy dựa vào tôi, đây không phải là mũi tên đầu tiên anh bị trúng: lên trên kia chúng ta sẽ rút nó ra, và anh sẽ gặp lại nước Pháp cũng như đội quân của anh

Những lời lẽ sục sôi của Thánh Bernard vẫn văng vẳng bên tai anh: “Các kỵ sĩ của Christ dâng hiến cái chết một cách bình yên. Nếu anh ta

chết, là tốt cho anh ta, nếu anh ta giết người, đó là vì Christ.”^[37]. Nhưng lúc này, điều cần nhất là phải thoát khỏi nhóm người Thổ Nhĩ Kỳ điên cuồng

Allahou Akbar! Tiếng hét của chúng ở rất gần rồi. “Peter không thể trụ được nữa. Chúa ơi, hãy cứu chúng con!”

Người nọ diu người kia, họ lách vào trong vách đá.

Họ dừng lại bên lối vào một hang đá, và Esquieu đưa mắt liếc nhìn xuống phía dưới: những kẻ đuổi theo hình như đã để mất dấu họ, và đang bàn bạc với nhau. Từ nơi họ đứng, anh có thể nhìn thấy không chỉ những đồng đồ nát cháy đen họ vừa đi qua, mà cả vịnh nhỏ thuộc biển Chết đang ánh lên dưới mặt trời buổi sáng

Bên phải anh, Peter đang tựa mình vào vách đá, tái mét

- Anh phải nằm xuống, và tôi sẽ rút mũi tên ra. Lại đây, chúng ta phải lách vào lỗ hổng này, rồi chờ đến đêm

Lối vào hẹp đến nỗi họ phải đưa chân vào trước. Esquieu đỡ người đồng hành đang rên rỉ, người đầy máu. Kỳ lạ là bên trong hang khá sáng. Anh đặt người bị thương nằm xuống bên trái lối vào, đầu gối lên một thứ giống như là cái bát bằng đất nung nhô lên trên cát. Rồi bằng một động tác dứt khoát, anh rút mũi tên ra: Peter thét lên một tiếng và bất tỉnh

“Mũi tên đã xuyên từ bên này sang bên kia bụng, máu chảy nhiều quá: anh ấy hỏng rồi”

Anh nhỏ nốt những giọt nước cuối cùng trong mình vào môi người hấp hối. Rồi xem xét thung lũng phía dưới: bọn người Thổ vẫn ở đó, phải chờ đến lúc chúng đi khỏi. Nhưng có lẽ Peter sẽ chết trước lúc đó

Là người có học thức uyên bác, Esquieu đã tiếp nhận trên đất của mình một tu viện của các tu sĩ da trắng thuộc dòng tu mới do Thánh Bernard khởi lập. Anh dành thời gian rỗi để đọc các bản thảo tập hợp trong phòng viết của họ, và đã nghiên cứu y thuật của Gallien trong văn bản tiếng Hy Lạp: Peter vẫn đang chảy máu, máu tụ lại dưới thân thể anh thành một vũng sẫm màu. Có lẽ anh chỉ còn sống được khoảng một giờ nữa, hoặc ít hơn thế

Anh bới rồi đưa mắt nhìn xuống nền đất trong hang. Dọc theo vách bên trái, những chiếc bát bằng đất nung nhô lên khỏi cát. Anh ngẫu nhiên nhắc chiếc thứ ba từ cửa vào lên: đó là một chiếc vại bằng đất, vẫn còn nguyên vẹn. Bên trong, anh nhìn thấy có cuộn vải dày được phủ dầu. Sát thành vại có một cuộn nhỏ hơn được xếp riêng ra. Anh nhắc nó ra không chút khó khăn. Đó là một mảnh giấy da còn tốt, được buộc lại chỉ bằng một sợi dây lanh mà anh dễ dàng tháo ra

Anh liếc nhìn Peter: anh này đang nằm bất động và thở một cách khó nhọc, gương mặt đã mang màu xám của những xác chết. “Bạn tội nghiệp của tôi... chết trên một vùng đất xa lạ thế này!”

Anh giở mảnh giấy da ra. Chữ viết trên đó là tiếng Hy Lạp, vẫn còn rất rõ ràng. Một lối viết thanh lịch, và anh dễ dàng nhận ra các từ ngữ: ngôn ngữ của các tông đồ

Anh lại gần lối ra, rồi bắt đầu đọc. Mắt anh mở to, và tay anh bắt đầu run nhè nhẹ

“Ta, môn đồ cung của Jesus, tông đồ thứ mười ba, gửi đến tất cả các Giáo hội...” Tác giả nói rằng vào buổi tối diễn ra bữa ăn cuối cùng trong căn phòng lớn, họ không phải có mười hai, mà là mười ba tông đồ, và rằng tông đồ thứ mười ba chính là ông ta. Bằng những từ ngữ trang trọng, ông ta phản đối việc thần thánh hóa Jesus xứ Nazareth. Và khẳng định rằng Jesus không sống lại, mà sau khi chết đã được chuyển đến một nấm mồ, nấm mồ đó nằm ở...

- Peter, nhìn này! Một bức thư của tông đồ ở thời Jesus, bức thư của một trong số các tông đồ của Người.... *Peter!*

Đầu của anh bạn đã khê lệch ra khỏi chiếc bắt bằng đất úp trên chiếc vại đầu tiên trong hang. Bạn anh đã chết

Một giờ sau, Esquieu đưa ra quyết định: thân thể Peter sẽ ở lại đây để chờ đến thời điểm phục sinh cuối cùng. Nhưng bức thư này của một tông đồ của Jesus, bức thư mà anh chưa từng được nghe nói đến, anh *phải* tiết lộ nó với thế giới Cơ Đốc. Mang mảnh giấy da này theo là quá mạo hiểm: bị thời gian làm cho chai cứng, có thể nó sẽ nhanh chóng bị vỡ vụn ra. Và liệu tối nay anh có thoát khỏi tay đám người Hồi Giáo không? Anh có sống sót để đến được Gaza an toàn không? Bản gốc của bức thư sẽ ở lại hang đá này, nhưng anh sẽ chép ra một bản. Ngay lập tức

Anh kính cẩn lật xác bạn, cởi áo choàng và xé một mảnh lớn từ áo sơ mi của bạn. Rồi anh cẩn thận gọt một mẩu gỗ, đặt mảnh vải lên một phiến đá phẳng. Nhúng ngòi bút tự tạo vào vũng máu đang thấm đỏ nền đất. Và bắt đầu chép lại bức thư của tông đồ, như anh vẫn thường nhìn thấy mọi người làm trong phòng viết của tu viện

Mặt trời lặn sau vách đá Qumran. Esquieu đứng dậy: bức thư của tông đồ thứ mười ba giờ đã được chép lại bằng máu trên áo sơ mi của Peter. Anh cuộn mảnh giấy da, buộc lại bằng sợi dây lanh và cẩn thận đặt lại vào chiếc vại thứ ba – cố gắng để nó không chạm vào cuộn vải phủ dầu. Đặt lại nắp vại, cẩn thận gấp bản sao vừa hoàn thành rồi luồn vào thắt lưng

Từ cửa hang, anh đưa mắt nhìn xuống dưới: bọn người Thổ đã giảm xuống chỉ còn một nửa. chỉ có một mình, có lẽ anh sẽ thoát được chúng. Anh phải chờ đến đêm, và chạy qua khu đồn điền của Ein Fesskha. Có lẽ anh sẽ thành công.

Hai tháng sau, một chiếc thuyền buồm có đóng dấu chữ thập đỏ vượt qua lạch cảng Saint-Jean-d’Acre, và hướng mũi về phía Tây. Đứng trên mũi thuyền, một kỵ sĩ dòng Đền mặc áo choàng trắng đưa mắt nhìn lần cuối về phía đất nước của Christ

Anh bỏ lại phía sau thi thể người bạn tốt nhất. Trong một cái hang nhô ra phía trên Qumran có chứa hàng chục chiếc vại đựng đầy những cuộn vải lạ lùng. Ngay khi có thể, anh phải quay lại đó. Để

lấy lại mảnh giấy da trong chiếc vại thứ ba, ở bên trái lối vào, và mang nó về Pháp, với tất cả sự cẩn trọng xứng đáng với một tài liệu thiêng liêng như vậy

Cái chết của Peter hẳn sẽ không vô ích: bản sao một bức thư của tông đồ mà chưa bao giờ có ai nghe nói đến, anh sẽ trao lại cho Giáo chủ của dòng Đền, Robert de Craon. Nội dung của nó có thể sẽ làm thay đổi bộ mặt thế giới. Và sẽ chứng tỏ với mọi người rằng các Hiệp sĩ dòng Đền đã đúng khi bác bỏ Christ, nhưng lại say mê Jesus

Khi đến Paris, Esquieu de Flyran yêu cầu được gặp riêng Robert de Craon. Trước mặt ông, anh rút từ thắt lưng ra một cuộn vải phủ đầy chữ màu hạt dẻ sẫm, và đưa nó cho Giáo chủ dòng Đền. người thứ hai giữ chức vị này

Không nói một lời, Giáo chủ trải tấm vải ra. Vẫn im lặng, ông đọc văn bản được viết lại rất rõ ràng. Ông nghiêm khắc bắt Esquieu phải thề giữ bí mật, trên máu của người anh em và cũng là bạn của anh, và để anh ra về chỉ với một cái gật đầu

Robert de Craon ở một mình cả tối và đêm trước mặt bàn trên đó có mảnh vải phủ đầy máu một người anh em của ông. Vết máu tạo nên những dòng chữ không thể tin nổi, những dòng chữ có khả năng gây đảo lộn nhất mà ông từng đọc

Ngày hôm sau, vẻ mặt nghiêm trang, ông cho gửi đến các Hiệp sĩ dòng Đền trên khắp châu Âu một lệnh triệu tập bất thường. Không ai trong số các anh em thuộc hội đồng thầy tu, quan án hoặc trưởng tu viện, từ những người được lấy tên đặt cho các pháo đài nổi tiếng cho đến những quân lộc nhỏ nhất, được vắng mặt trong cuộc họp toàn thể này

Không một ai.

65.

Khi quay lại gặp người bạn vẫn đang cúi người bên bàn trong phòng làm việc ở kho sách, mặt cha Nil kín bưng. Leeland ngẩng đầu khỏi bàn thảo.

- Thế nào?

- Không phải ở đây. Về đường Aurelia đi

Roma đang chuẩn bị mừng đón Noel. Theo truyền thống riêng của Thành phố vĩnh hằng, trong thời gian này, mỗi nhà thờ đều vun đắp thể diện cho mình bằng cách trưng bày một *presepio*, nghĩa là một máng cỏ được trang trí bằng tất cả những gì mà trí tưởng tượng kỳ cục có thể sáng tạo ra. Người dân Roma dành những buổi chiều tháng Mười hai của mình để lang thang từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, so sánh tác phẩm trưng bày của từng nhà thờ rồi vung mạnh tay bình luận.

“Không thể, cha Nil nghĩ khi nhìn các gia đình với đầy đủ thành viên đang đi khuất vào trong những cổng nhà thờ, những đôi mắt mở to vì hạnh phúc của trẻ em, không thể nói với họ rằng tất cả những điều này đều dựa trên một lời nói dối có từ lâu đời. Họ cần có một vị Chúa theo tưởng tượng của họ, một vị Chúa trẻ con. Giáo hội chỉ có thể bảo vệ bí mật của mình: Nogaret đã đúng”

Hai người lặng lẽ bước đi. Về đến phòng, họ tới ngồi bên đàn piano, và Leeland mang ra một chai bourbon. Ông rót cho cha Nil một cốc đầy, ông này làm một cử chỉ ngăn lại.

- Nào, Nil, đồ uống của đất nước chúng tớ mang tên các vị vua Pháp. Uống vài ngụm sẽ giúp cậu kể cho tớ nghe cậu đã làm gì một mình cả sáng nay, trong một khu vực thuộc kho sách Vatican mà về nguyên tắc cậu không có quyền tiếp cận...

Cha Nil không đáp lại lời nói bóng gió đó: lần đầu tiên, có thể ông sẽ giấu bạn mình điều gì đó. Những tâm sự thầm kín của Brezinsky, gương mặt hoảng sợ của ông ấy không có liên quan gì đến việc tìm kiếm của ông: ông cảm thấy mình đang là người nắm giữ một bí mật mà có lẽ ông sẽ không chia sẻ với bất cứ ai. Ông uống một ngụm rượu, nhắm mắt và bật ho

Tớ không biết bắt đầu từ đâu: cậu không phải là một sử gia, cậu không nghiên cứu các biên bản hỏi cung của Tòa án dị giáo mà tớ vừa đọc. Tớ đã tìm thấy những văn bản cha Andrei tham khảo khi đến kho sách, và ngay lập tức chúng nói với tớ: chuyện này vừa rõ ràng, lại vừa mù mờ

- Cậu có tìm thấy thứ gì liên quan đến tông đồ thứ mười ba không?

- Những từ “tông đồ thứ mười ba” hoặc “bức thư của tông đồ” không xuất hiện trong bất kỳ biên bản hỏi cung nào. Nhưng giờ đây khi tớ đã biết thứ mà chúng ta đang tìm, có hai chi tiết khiến tớ chú ý, và tớ không hiểu. Philippe le Bel đã đích thân soạn thảo bản luận tội các Hiệp sĩ, trong một bức thư gửi đến các cảnh sát trưởng trong vương quốc vào ngày 14 tháng Chín năm 1307, một tháng trước cuộc tổng vây ráp tất cả các thành viên dòng Đền. Bức thư này được lưu trữ trong kho sách. Sáng nay tớ đã chép lại nó

Ông cúi xuống và lấy từ trong túi đeo ra một tờ giấy

- Tớ đọc cho cậu nghe lời luận tội đầu tiên: “Đây là một điều cay đắng, một điều tệ hại, rất kinh khủng, một tội ác đáng khinh...” Và đó là điều gì? “Rằng các Hiệp sĩ, khi gia nhập dòng tu của họ, phủ nhận ba lần Đấng Christ và nhổ nguyền ấy lần vào mặt Người [\[38\]](#),”

-Ồ ồ!

- Sau đó, kể từ cuộc hỏi cung Esquieu de Floyran lần đầu tiên vào hôm sau ngày thứ Sáu ngày 13 tháng Mười năm 1307, cho đến cuộc hỏi cung Jacques de Molay lần cuối cùng trên giàn thiêu vào ngày 19 tháng Ba năm 1314, một câu hỏi không ngừng được đặt ra: “Có đúng là các người phủ nhận Christ không?” Tất cả các Hiệp sĩ, dù bị tra tấn dã man đến thế nào, đều thừa nhận là đúng, họ bác bỏ Christ. Nhưng họ không bác bỏ Jesus, và rằng họ đã được gia nhập quân đội nhân danh chính Jesus

- Thế thì sao?

- Thì đó chính xác là điều mà những người Nazareth đã từng khẳng định theo như Origène tra cứu được trong các văn tự ở Alexandria. Chúng ta biết rằng đó là lời dạy của thầy họ, tông đồ thứ mười ba: nếu chỉ mình bức thư của ông ấy có đủ khả năng phá hủy Giáo hội, nếu nó phải bị *hủy bỏ ở khắp nơi* theo như yêu cầu trong bản thảo bằng tiếng Ai Cập cổ, thì không chỉ bởi nó phủ nhận việc thánh hóa Jesus - rất nhiều người khác sau ông ấy đã làm điều này – mà còn vì, theo Origène, nó chứa đựng *bằng chứng* rằng Người không phải là Chúa

- Liệu các Hiệp sĩ có biết về bức thư bị mất của tông đồ thứ mười ba không?

- Tớ không biết, nhưng tớ nhận thấy rằng vào thế kỷ XIV, nhiều Hiệp sĩ đã bị tra tấn và giết chết vì dám tuyên bố một giáo lý giống như người Nazareth, và họ nhấn mạnh lựa chọn của mình bằng một hành động có tính nghi lễ: nhổ vào Christ. Có thể có giả thiết thứ hai - cha Nil đưa tay xoa trán - những người này đã có quan hệ chặt chẽ với người Hồi giáo trong một thời gian dài. Việc từ chối một vị thánh khác Allah không ngừng được nhắc lại trong kinh Coran, và cậu đừng quên rằng chính Muhammad cũng thuộc và nhiều lần trích dẫn lời của những người Nazareth...

- Điều đó có nghĩa là gì? Cậu xáo trộn hết mọi thứ!

- Không, tớ đang liên hệ những yếu tố tản mát lại với nhau. Người ta thường nói rằng các Hiệp sĩ

dòng Đền bị ảnh hưởng của đạo Hồi: có thể thế, nhưng việc họ bác bỏ thiên chất của Jesus không bắt nguồn từ kinh Coran. Còn nghiêm trọng hơn thế: thông qua các biên bản hỏi cung, một số người đã thú nhận rằng theo họ, quyền lực của Peter và Mười hai tông đồ đã được chuyển sang con người của Giáo chủ dòng Đền.

- Giáo chủ, kiểu như một người kế vị tông đồ thứ mười ba?

- Họ không thể hiện điều đó qua những lời này, nhưng khẳng định rằng việc họ bác bỏ Christ dựa trên con người Giáo chủ của họ, người mà họ coi là có quyền lực cao hơn cả quyền lực của Mười hai tông đồ và Giáo hội. Mọi chuyện xảy ra cứ như là có một sự kế tục của một giáo lý tông đồ bí mật được truyền lại qua nhiều thế kỷ, song song với giáo lý của Peter. Bắt nguồn từ tông đồ thứ mười ba, sau đó dựa trên những người Nazareth, rồi khi họ bị tiêu diệt thì dựa trên bức thư bí ẩn này.

Cha Nil uống thêm một ngụm

- Philippe le Bel đưa ra lời kết tội nghiêm trọng thứ hai chống lại các Hiệp sĩ: “Khi gia nhập dòng tu, họ hôn người đón nhận họ - Giáo chủ - đầu tiên là vào phần cuối lưng, sau đó vào bụng. [\[39\]](#)

Leeland phá lên cười:

- Gosh! Templar queers! [\[40\]](#)

- Không, các Hiệp sĩ không phải là người đồng tính, họ thề giữ đức hạnh và mọi thứ đều cho thấy rằng họ tôn trọng lời thề đó. Đó là một cử chỉ mang tính nghi lễ trong một buổi lễ tôn giáo trang trọng và công khai. Cử chỉ này đã cho phép Philippe le Bel kết tội họ là nhiễm thói đồng tính, vì ông ta không hiểu ý nghĩa của nó – trong khi trên thực tế chắc chắn nó mang ý nghĩa biểu tượng rất cao.

- Hôn miệng của Giáo chủ, sau đó vòng lại và hôn bụng ông ta: đó mà là một nghi lễ mang tính biểu tượng trong một nhà thờ à?

- Một nghi lễ trang trọng mà họ coi là có tầm quan trọng lớn. Vậy thì cử chỉ này có ý nghĩa gì đối với họ? Lúc đầu tớ nghĩ rằng họ thể hiện lòng tôn kính đối với các *chakra* của Giáo chủ, những nơi giao nhau của năng lực tinh thần mà ngày nay người Hindu cho là nằm đúng ở bụng và... miệng, theo như cậu nói. Nhưng các Hiệp sĩ không biết triết lý Hindu. Vậy nên tớ không có cách giải thích nào ngoại trừ cách này: đây là một cử chỉ tỏ lòng tôn kính đối với con người Giáo chủ, vị tông đồ mà đối với họ quyền lực còn vượt cao hơn quyền lực của Peter và những người kế cận ông. Qua đó, họ thể hiện lòng gắn bó với một sự kế tục khác, sự kế tục tông đồ thứ mười ba. Nhưng tại sao lại hôn vào

đúng vị trí này, ở phía dưới lưng? Tớ không biết

Đêm đó, cha Nil không tài nào ngủ được. Những câu hỏi cứ quay cuồng trong đầu ông. Cử chỉ báng bổ đó, cử chỉ khiến ký ức về các Hiệp sĩ dòng Đền mãi mãi bị vấy bẩn, có ý nghĩa gì? Và nhất là mối quan hệ giữa cử chỉ này với bức thư của tông đồ thứ mười ba là gì?

Một lần nữa, ông trở mình trên giường, làm tấm đệm lò xo kêu lên kèn kẹt. Ngày mai, ông sẽ đi nghe một buổi hòa nhạc. Một sự giải khuây đúng lúc.

Paris, ngày 18 tháng Ba năm 1314

- Lần cuối cùng, chúng ta yêu cầu người hãy thú nhận: có phải người đã bác bỏ thiên chất của Christ? Người có chịu nói cho chúng ta biết nghi lễ báng bổ mà các người thực hiện khi gia nhập Dòng tu có ý nghĩa gì không?

Ở mũi đảo của Thành phố, Giáo chủ của dòng Đền Jacques de Molay đã bị kéo lên trên một đồng củi. Hai tay bị trói bên dưới chiếc áo choàng trắng có in hình chữ thập màu đỏ, ông đối diện với Guillaume de Nogaret, quan chưởng ấn và cũng là người hầu cận trung thành của vua Philippe IV le Bel. Dân chúng Paris xúm đông trên hai bờ sông Seine: liệu vào phút cuối cùng, Giáo chủ dòng Đền có rút lại những lời đã nói, khiến những kẻ hiếu kỳ bị hụt mất một cảnh tượng tuyệt hảo không? Viên đao phủ, hai chân giạng ra, tay phải đang cầm một bó đuốc cháy rực, chỉ còn phải làm một cử chỉ nữa thôi

Jacques de Molay nhắm mắt lại một lát, và nhớ lại toàn bộ ký ức về Dòng tu của ông. Chuyện xảy ra trước đó gần hai thế kỷ, vào năm 1149. Không xa giàn thiêu nơi ông sắp chết

Hôm sau ngày kỵ sĩ Esquieu de Floyran đến Paris, Giáo chủ Robert de Craon đã triệu tập gấp một cuộc họp bất thường của dòng Đền.

Trước đông đủ các anh em, ông đã đọc to bức thư của tông đồ thứ mười ba, mà bản sao vừa đến được tay ông một cách thần kỳ. Nó đưa ra bằng chứng không thể chối cãi rằng Jesus không phải là Chúa. Thân thể của Người chưa bao giờ sống lại, mà đã được những người Esseni chôn cất ở đâu đó trong tận cùng sa mạc Idumea. Tác giả bức thư này nói rằng ông bác bỏ lời chứng của Mười hai tông đồ và quyền lực của Peter, người bị kết tội là đã chấp nhận việc thần thánh hóa Jesus để chinh phục quyền lực.

Sững sờ, các Hiệp sĩ nghe ông đọc trong bầu không khí im lặng chết chóc. Một người trong số họ đứng dậy và nói bằng giọng trầm đục:

- Các anh em, tất cả chúng ta ở đây đã sống nhiều năm gần các kẻ thù Hồi giáo. Ai cũng biết rằng kinh Coran của họ bác bỏ thiên chất của Jesus, với những lời lẽ hoàn toàn giống với bức thư của tông đồ này, và rằng đó là nguyên nhân chính khiến họ chống đối người theo đạo Cơ Đốc kịch liệt đến thế. Phải cho cộng đồng Cơ Đốc giáo biết về bức thư này, để cuối cùng nhân thân thực sự của Jesus được thừa nhận: điều đó sẽ chấm dứt vĩnh viễn cuộc chiến thảm khốc giữa những người kẻ thù Muhammad

và những người kế tục Peter. Chỉ có như vậy thì những người thống nhất tuyên bố rằng Jesus, con trai của Joseph, không phải là một vị thần mà là một con người đặc biệt, một người dẫn đường có thần cảm, mới có thể cùng nhau sống hòa bình!

Robert de Craon cẩn thận cân nhắc từng từ để trả lời: không bao giờ, ông nói với các anh em đang tụ họp, không bao giờ Giáo hội có thể từ bỏ giáo lý căn bản của họ, nguồn gốc của một quyền lực toàn cầu. Ông có một dự định khác, dự định này được chấp thuận sau một cuộc thảo luận dài.

Trong các thập kỷ tiếp theo, của cải của các Hiệp sĩ tăng lên một cách kỳ lạ. Chỉ cần Giáo chủ đến gặp một vị vua hoặc một Giám mục, là lập tức những khoản hiến tặng bằng đất đai hoặc kim loại quý đồ đôn về. Đó là vì những người kế tục Robert de Craon đã biết mang lại giá trị cho một lập luận không thể chối cãi.

- Hãy cho chúng tôi phương tiện để hoàn thành sứ mệnh của mình, họ nói, hoặc chúng tôi sẽ công bố một văn bản của tông đồ mà chúng tôi đang sở hữu, nó sẽ tiêu diệt các ngài thông qua việc phá hủy nền Cơ Đốc giáo, thứ mang lại cho các ngài quyền lực cũng như tất cả của cải

Các vị vua, thậm chí cả các Giáo hoàng, đều chi trả, và các đoàn Hiệp sĩ hùng mạnh mọc lên ở khắp nơi. Một thế kỷ sau, các Hiệp sĩ đảm nhận vai trò ngân hàng cho toàn Châu Âu: bức thư của tông đồ thứ mười ba đã trở thành cửa van của một dòng sông vàng chảy vào két của các Hiệp sĩ.

Nhưng nguồn gốc của một sự giàu có đến thế, vật khiến tất cả mọi người mơ ước, có nguy cơ bị đánh cắp: cần cất giữ mảnh vải mỏng manh này ở một nơi chắc chắn. Con người của Giáo chủ, người kế tục của tông đồ thứ mười ba và cũng như ông, là người chống đối lại nền Cơ Đốc giáo do Peter xây dựng nên, con người thể xác của ông đã trở thành thứ không thể chạm tới. Một trong số họ nhớ đến cách các tù nhân phương Đông giấu tiền: để tiền trong một ống kim loại rồi nhét ống kim loại đó vào bụng, nhờ đó tiền của họ không bị đánh cắp. Ông liền cho làm một cái ống bằng vàng, đặt bản sao bức thư đã được cuộn cẩn thận vào đó, rồi cho vào trong người, từ đó bức thư nằm sâu trong chính con người ông, giờ đây đã trở nên cao quý gấp đôi.

Để không ai nghi ngờ về bí mật liên quan đến bức thư, phải làm sao để bất cứ dấu vết nào, dù là nhỏ nhất, đều được xóa sạch. Quan án của quân lộc Patay nghe nói đến một bản khắc đặt tại nhà thờ Germigny, nghĩa là nằm trên địa phận của ông. Một tu sĩ uyên bác nói rằng bản khắc này mang một ý nghĩa kín đáo, ẩn trong cách thức đặc biệt mà văn bản của Tín điều Nicée được chép lại. Ông ta nói có thể giải được mật mã này.

Quan án cho gọi tu sĩ này đến, và giam mình cùng với ông ta trong nhà thờ Germigny. Khi ra ngoài, ông có vẻ nghiêm trọng, và cho áp giải ngay tu sĩ đó đến quân lộc của mình ở Patay

Vị tu sĩ uyên bác đó chết vào ngày hôm sau. Phiến đá ngay lập tức bị phủ một lớp vữa, và bản khắc kỳ lạ trên đó biến mất khỏi ánh mắt cũng như trí nhớ của người dân

Từ đó trở đi, nghi lễ gia nhập dòng tu của các Hiệp sĩ dòng đền có thêm một cử chỉ kỳ quặc mà những người tập tu phải kính cẩn thực hiện: trong lễ mixa và trước khi được tiếp nhận chiếc áo choàng trắng,

mỗi người phải quỳ xuống trước Giáo chủ và hôn lên đầu tiên là phần dưới lưng, sau đó là bụng ông.

Người anh em mới đó không hề biết rằng mình đang tỏ lòng sùng kính đối với bức thư của tông đồ thứ mười ba, bức thư mà Giáo hội bị nó đe dọa cầm thù tằm nã khắp nơi. Và hiện đang nằm trong lòng của Giáo chủ, người chỉ lấy nó ra khỏi chiếc ống quý giá để đe dọa nhằm đạt được thêm nhiều đất, nhiều vàng hơn nữa.

Kho báu của các Hiệp sĩ được cất giữ trong hầm của rất nhiều quân lộc. Nhưng nguồn gốc của kho báu này, nguồn gốc không thể cạn kiệt, được các Giáo chủ truyền lại cho người kế nhiệm, đến lượt người này lại bảo vệ nó bằng chính thân thể mình.

Trên giàn thiêu, Jacques de Molay ngẩng đầu lên. Chúng đã tra tấn ông bằng nước, bằng lửa và những lần kéo giãn thân người, nhưng chúng không lục soát bụng ông. Chỉ cần co người lại, ông có thể cảm nhận được từ sâu kín con người mình sự hiện diện của chiếc ống bằng vàng: bức thư sẽ biến mất cùng ông, vũ khí duy nhất của các Hiệp sĩ chống lại các vị vua và giáo sĩ cấp cao của một Giáo hội, Giáo hội ấy đã không còn xứng đáng với Jesus. Bằng giọng nói mạnh mẽ đến bất ngờ, ông trả lời Guillaume de Nogaret:

- Chính vì bị tra tấn, một số anh em của ta đã thừa nhận những điều kinh tởm mà người kết tội ta. Trước trời đất, giờ đây ta thề rằng tất cả những điều người vừa nói về những tội lỗi và hành động báng bổ của các Hiệp sĩ chỉ là vu khống. Và chúng ta đáng phải chết vì đã không biết cách chống cự lại nỗi đau mà các quan tòa dị giáo gây ra

Với một nụ cười chiến thắng, Nogaret quay về phía nhà vua. Đứng ở một ban công có mái che nhô ra bên trên sông Seine, Philippe giơ tay lên: ngay lúc đó viên đao phủ hạ tay xuống, châm bó đuốc đang cháy rừng rực vào đóng củi trên giàn thiêu

Tàn lửa bốc lên đến tận tháp nhà thờ Đức Bà. Jacques de Molay vẫn còn sức để hét lên:

- Giáo hoàng Clément, vua Philippe! Trong vòng một năm nữa, ta sẽ gọi các người ra trước tòa án của Chúa để nhận hình phạt dành cho chính các người! Người và những kẻ đến sau người, các người sẽ bị nguyên rủa!

Giàn thiêu đổ sập xuống, làm những tia lửa bắn tung tóe. Sức nóng lan đến tận bờ sông Seine.

Cuối ngày, cha xứ của nhà thờ Đức Bà đến cầu nguyện trên đồng tro còn bốc khói của giàn thiêu. Quân cảnh đã rút đi hết, chỉ có một mình, ông quỳ xuống. Rồi giật mình: trước mặt ông, giữa đồng tro than vẫn còn nóng, một vật đang sáng lên trong ánh hoàng hôn. Dùng một cành cây, ông cời nó lại gần: đó là một khối vàng, vàng đã bị chảy ra do sức nóng của giàn thiêu, rồi đông lại thành hình một giọt nước mắt

Tất cả những gì còn lại của chiếc ống có chứa bức thư của tông đồ thứ mười ba, tất cả những gì còn lại từ Giáo chủ cuối cùng của dòng Đền: tất cả những gì còn lại từ kho báu thực sự của các Hiệp sĩ.

Cũng giống như nhiều người khác, cha xứ biết rằng các Hiệp sĩ vô tội, và cái chết thảm khốc của

họ thực ra chính là tử vì đạo: ông kính cẩn đặt môi lên giọt lệ vàng, cảm thấy nó không phải chỉ ấm mà nóng bỏng. Đó là di vật của một vị thánh, ngang hàng với tất cả những vị thánh đã hi sinh cuộc đời mình để gìn giữ ký ức về Jesus. Ông giao nó cho phái viên của Giáo hoàng Clément, người chết sau đó một năm.

Sau một cuộc phiêu lưu vòng vèo, giọt lệ vàng rơi vào tay một hội trưởng của Hội Thánh Pie V. Người này đã hiểu được ý nghĩa của nó, không phải tất cả các Hiệp sĩ dòng Đền đều chết vào đầu thế kỷ XIV: không gì khó xóa bỏ hơn là ký ức.

Vật chứng gián tiếp về cuộc nổi dậy của tông đồ thứ mười ba chống lại Giáo hội cai trị này đã được vị hội trưởng gìn giữ cẩn thận trong số các kho báu của Hội.

67.

Đại sảnh thực ra là phòng khách của một dinh thự rộng lớn theo phong cách quý tộc. Cách trung tâm thành phố sôi động chỉ hai bước chân, đường Giulia mang lại cho Roma vẻ quyến rũ với những vòm cuốn phủ cây đậu tía, và vài lâu đài cổ được chuyển đổi thành khách sạn, vừa âm cúng, sang trọng lại vừa thích hợp cho các buổi tiệc tùng

- Anh có thể báo cho ông Barjona rằng tôi muốn gặp ông ấy không?

Nhân viên tiếp tân, mặc một bộ đồ đen tào nhả, chăm chú nhìn mặt người khách đến vào sáng sớm. Một người đàn ông có tuổi, tóc muối tiêu, ăn mặc xoàng xĩnh: một người hăm mộ, một phóng viên nước ngoài chăng? Anh ta cần môi

- Đêm qua maestro ^[41] trở về rất muộn, chúng tôi không bao giờ làm phiền ông ấy trước

Vội vẻ tự nhiên, người khách rút từ trong túi ra một tờ bạc hai mươi đô la và đưa cho nhân viên lễ tân.

- Ông ấy sẽ vui khi gặp tôi, và nếu không phải vậy tôi sẽ bồi thường cho anh bằng này nữa. Hãy nói với ông ấy rằng bạn cũ trong câu lạc bộ đang chờ: ông ấy sẽ hiểu

- Ari, điều gì khiến anh lôi tôi ra khỏi giường vào giờ này, ngay trước buổi biểu diễn? Mà trước hết, anh làm gì ở Roma thế? Lẽ ra anh phải yên bình sống cảnh hưu trí của mình ở Jaffa, và để tôi yên. Tôi không còn dưới quyền anh nữa!

- Chắc chắn rồi, nhưng chúng ta không bao giờ rời bỏ Mossad, Lev ạ, và cậu luôn ở dưới quyền của tổ chức. Thôi nào, thư giãn đi! Tôi đi ngang qua châu Âu, và nhân dịp này đến thăm cậu, vậy thôi. Đợt biểu diễn của cậu ở Roma thế nào?

- Tốt, nhưng tối nay tôi bắt đầu với bản thứ ba của Rachmaninov, đây là một tác phẩm kinh khủng và tôi cần phải tập trung. Như vậy là anh vẫn còn có người nhà ở châu Âu à?

- Một người Do Thái luôn có người nhà ở đâu đó. Gia đình của cậu cũng có thể là tổ chức nơi tôi đã huấn luyện cậu khi cậu vẫn còn là một đứa trẻ. Và ở Jerusalem, mọi người lo lắng cho cậu. Điều gì khiến cậu đi theo tu sĩ người Pháp đó lên chuyến tàu Roma Express, sau khi đã đặt chỗ hết cả khoang ông ta ngồi? Ai đã ra lệnh cho cậu? Cậu muốn lặp lại chuyện trước đó, và lần này là một mình hành động à? Có phải tôi đã dạy cậu hành động đơn thương độc mã thế không?

Lev bĩu môi và cúi đầu.

- Tôi không có thời gian để báo trước cho Jerusalem, mọi chuyện xảy ra quá nhanh...

Ari nắm tay lại và cắt lời:

- Đừng nói dối, nhất là với tôi. Cậu biết rõ rằng, từ sau tai nạn của cậu, cậu không còn là mình nữa, và rằng trong nhiều năm cậu đã quá gần gũi với cái chết. Có những lúc cậu để mình chìm đắm trong nhu cầu về sự nguy hiểm, mùi vị của nó khiến cậu phấn khích giống như một thứ ma túy. Thế là cậu không suy nghĩ gì nữa: cậu có tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra, nếu đến lượt cha Nil lại cũng bị tai nạn không?

- Chuyện đó có thể sẽ đặt ra một vấn đề lớn cho người của Vatican. Tôi căm thù họ bằng cả tâm hồn, Ari ạ: chính họ đã cho phép bọn phát xít buộc gia đình tôi trốn sang Argentina

Ari dịu dàng nhìn anh.

- Bây giờ không phải là lúc để căm thù, mà để thực hiện lẽ công bằng. Và việc cậu tự mình đưa ra các quyết định chính trị ở một cấp độ như vậy mà không đệ trình lên để cấp trên xem xét là không tưởng tượng được, không chấp nhận được. Cậu đã cho thấy là cậu không còn đủ khả năng tự kiểm soát: chúng tôi phải bảo vệ cậu trước chính cậu. Từ nay trở đi, tuyệt đối cấm cậu thực hiện bất kỳ công việc nào trên thực địa. Chú bé Lev, người đùa giỡn với cuộc sống của mình giống như đó là một bản nhạc, đã lớn rồi. Giờ đây cậu đã nổi tiếng: hãy tiếp tục nhiệm vụ mà chúng tôi đã giao phó cho cậu, theo dõi Moktar AlQuarayh, và tập trung vào tu sĩ người Pháp. Hành động trực tiếp không còn là việc của cậu nữa.

Cha Nil vô cùng phấn khởi khi bước vào Nhạc viện Saint Cecilia. Lần cuối cùng ông đi nghe một buổi hòa nhạc là ở Paris, hôm trước ngày ông vào tu viện. Cách đây đã lâu lắm rồi

Khán phòng có kích thước nhỏ, gần như gia đình. Tiếng trò chuyện rì rào, và lẫn trong các trang phục dạ hội thấp thoáng những chiếc áo choàng tím của vài Hồng y. Leeland chìa hai tấm giấy mời cho người mở cửa, anh ta dẫn họ đến hàng ghế thứ hai mươi, hơi chệch về bên trái

- Ở đây các ông sẽ không bị vương nắp đàn piano, thưa Đức ông, ông có thể theo dõi lối diễn xuất của nghệ sĩ độc tấu.

Họ ngồi xuống và im lặng. Từ khi đến Roma, cha Nil cảm thấy có cái gì đó bị đứt gãy giữa ông và Leeland: niềm tin tưởng hoàn toàn tuyệt đối, điều đã cho phép họ gần gũi nhau đến thế mặc dù xa cách về địa lý, sau ngàn ấy năm trời. Dường như ông đã mất người bạn cuối cùng và cũng là duy nhất.

Dàn nhạc đã ổn định chỗ ngồi. Đột nhiên ánh đèn trong phòng tối lại, và nhạc trưởng bước vào, đi sau ông là nghệ sĩ dương cầm. Tiếng vỗ tay vang lên như sấm, và tu sĩ người Mỹ ghé sang cha Nil.

- Lev Barjona đã nhiều lần độc tấu ở đây, khán giả biết và yêu mến anh ta

Nhạc trưởng cúi chào, còn Lev Barjone ngồi ngay vào trước đàn piano, không quay đầu về phía khán phòng. Từ chỗ mình, cha Nil chỉ nhìn thấy phía bên phải gương mặt anh, được một mớ tóc dày màu vàng hoe bao phủ. Khi nhạc trưởng trèo lên bục, nghệ sĩ dương cầm ngước mắt lên mỉm cười với ông. Rồi anh cúi đầu, và mọi người nghe thấy âm thanh run rẩy của đàn violon, khúc dạo đầu sâu lắng báo hiệu sự nhập cuộc của đàn piano. Vừa nghe thấy nhịp điệu lặp đi lặp lại như một nỗi ám ảnh đó, gương mặt của nghệ sĩ dương cầm đánh lại như mặt một người máy.

Đột nhiên một ý nghĩa lóe lên trong đầu cha Nil: ông đã nhìn thấy vẻ mặt này ở đâu rồi. Nhưng đôi tay Lev đã đặt lên đàn piano và chủ điểm của chương đầu tiên vang lên, lan tỏa như nỗi nhớ nhung về một thế giới bị lãng quên, thế giới của niềm hạnh phúc đã mất kể từ sau Cách mạng tháng Mười Nga. Cha Nil nhắm mắt lại. Âm nhạc của Rachmaninov như một chiếc xe trượt đưa ông lướt trên mặt tuyết đóng băng, rồi trên những nẻo đường lưu vong, đến bên cánh cửa của cái chết và sự bỏ rơi.

Cuối chương thứ hai, khán phòng đã bị chinh phục. Leeland lại nghiêng sang phía của Nil.

- Chương thứ ba là một trong những phần khó nhất trong toàn bộ danh mục tác phẩm biểu diễn.

Lev Barjona nét mặt rạng rỡ, nhưng chỉ chào chiếu lệ trước khán phòng đang đứng cả dậy, rồi biến mất vào hậu trường. Mặt hồng lên vì sung sướng, Leeland vỗ tay nhiệt liệt. Đột nhiên ông ngừng lại.

- Tôi biết Lev, anh ta sẽ không quay lại sân khấu, anh ta không bao giờ chơi *bis*. Nào, chúng ta sẽ cố gặp anh ta.

Họ luôn lách giữa những khán giả đang sốt ruột hò hét: “Hoan hô! Hoan hô! Bis!”

Trong lô phía trước sân khấu dành cho Vatican, Hồng y Catzinger đứng đung vĩ tay. Ông vừa nhận được một chỉ thị *molto confidenziale* [42] của Bộ Ngoại giao Vatican, cảnh báo ông về nghệ sĩ dương cầm người Isarel. “Một nhân vật mờ ám, có thể thế, nhưng cũng là một nhạc công điêu luyện biết bao!”

Đột nhiên, ông sững lại: ông vừa thoáng thấy ở bên dưới dáng dấp thanh lịch của Leeland, đi sau là mái đầu muối tiêu của cha Nil. Họ đang tiến về phía bên trái sân khấu, về phía hậu trường – nơi dành cho các nghệ sĩ.

- Rembert! *Shalom*, thật vui vì được gặp lại ông!

Đang bị những phụ nữ xinh đẹp vây kín, Lev Barjona ôm hôn Leeland, rồi quay sang cha Nil.

- Và hẳn đây là bạn ông... Rất vui được làm quen với ông, ông cũng thích Rachmaninov?

Sững sờ, cha Nil không đáp lại lời chào của anh. Lúc này, nhạc công người Isarel đang ở nơi tràn ngập ánh sáng, và lần đầu tiên ông nhìn trực diện anh ta: một vết sẹo xuất phát từ tai trái và chạy vào bên trong tóc.

Người đàn ông trên tàu!

Rất thoải mái, Lev vờ như không nhận thấy vẻ sững sờ của ông. Anh nghiêng người sang Leeland và mỉm cười thì thầm:

- Các ông đến thật đúng lúc, tôi đang cố thoát khỏi các quý cô hâm mộ này. Sau mỗi buổi diễn, tôi phải mất vài giờ để trở lại mặt đất, tôi cần một căn phòng thanh bình và yên tĩnh.

Anh quay sang cha Nil.

- Tôi có vinh dự được mời ông cùng ăn tối không? Chúng ta có thể đến một quán kín đáo, và bên cạnh hai tu sĩ, hẳn là sự yên tĩnh sẽ được đảm bảo: các ông sẽ là những khách mời lý tưởng để giúp tôi rời khỏi thế giới của Rachmaninov. Hãy chờ tôi trước lối ra dành cho nghệ sĩ, tôi sẽ thoát khỏi các quý cô quấy rầy này, thay quần áo rồi đến đó.

Nụ cười và vẻ duyên dáng của Lev Barjona có hiệu quả không thể cưỡng nổi, và rõ ràng là anh biết điều đó: không chờ được trả lời, anh tiến về phía cuối hậu trường, để mặc cha Nil như bị đóng đinh tại chỗ vì sững sờ.

Người đàn ông trên tàu! Anh ta làm gì một mình với ông trên chuyến tàu Roma Express đầy khách, và anh ta đang chuẩn bị làm gì khi người soát vé đột nhiên xuất hiện trong khoang của họ?

Ông sẽ ăn tối với anh ta, mặt đối mặt...

PHẦN BA

69.

Tối muộn hôm đó, chuông điện thoại reo trong căn hộ thuộc Lâu đài San Angelo: Alessandro Calfo giật mình. Ông vừa thuyết phục được Sonia – càng ngày cô càng khó khăn hơn trong việc tiếp nhận các đòi hỏi của ông - và đang thực hiện nốt một dàn cảnh phức tạp, nó phải tuyệt đối hoàn hảo.

Vào giờ này, chỉ có thể là Hồng y Giáo chủ.

Đúng là ông ấy, vừa từ Nhạc viện Saint Cecilia ngay gần đó quay về Vatican. Nghe giọng nói, Calfo lập tức hiểu ngay là có chuyện gì đó không ổn.

- Đức ông, ông có biết chuyện này không?

- Nhưng chuyện gì kia, thưa Đức Hồng y?

- Tôi vừa trở về từ buổi hòa nhạc của một người Isarel tên là Lev Barjona. Cách đây vài hôm, Cơ quan đã cảnh báo tôi về người này, và tôi ngạc nhiên khi biết rằng có thể Hội Thánh Pie V đã ... nói thế nào nhỉ, sử dụng những tài năng ẩn giấu của anh ta. Ai cho phép ông ra lệnh cho điệp viên nước ngoài hành động nhân danh Vatican?

- Thưa Đức Hồng y, Lev Barjona chưa bao giờ là một điệp viên của Vatican! Anh ta trước hết là một nhạc công piano lỗi lạc, và tôi đã chấp nhận sự hợp tác của anh ta do anh ta là con trai của Abraham giống như chúng ta, và anh ta hiểu rõ mọi việc. Nhưng tôi chưa bao giờ gặp anh ta.

- Thế à, còn tôi, tôi vừa nhìn thấy anh ta xong, ở Saint Cecilia. Và hãy đoán xem trong khán phòng còn có ai nữa?

Calfo thở dài.

- Hai tu sĩ của ông, Catzinger tiếp tục, người Mỹ và người Pháp.

- Đức Hồng y ... có gì là xấu nếu đi nghe một buổi nhạc hay?

- Trước hết, chỗ của một tu sĩ không phải là ở nơi biểu diễn. Nhất là vào cuối buổi diễn tôi lại thấy họ đi về phía hậu trường. Hẳn là họ sẽ gặp Lev Barjona.

“Còn tôi, Calfo nghĩ, tôi lại rất hy vọng họ sẽ gặp anh ta”

- Thừa Đức Hồng y, trước đây, ở Jerusalem, Leeland đã làm quen với Barjona, khi anh ta là học trò của Arthur Rubinstein. Ông ta cũng có cùng niềm đam mê âm nhạc với anh ta. Tôi thấy có vẻ bình thường...

Catzinger cắt lời ông:

- Tôi có thể nhắc ông rằng Leeland làm việc tại Vatican, và chính tôi đã cho phép ông sử dụng ông ta làm môi nhử cha Nil không? Rất nguy hiểm nếu để họ gặp một nhân vật bức đồng như Lev Barjona, hẳn ông cũng biết như tôi rằng anh ta không chỉ là một nhạc công tài năng. Lòng kiên nhẫn của tôi đã đến mức giới hạn: trong tuần lễ trước Noel, sáng nào tôi cũng làm lễ mixa tại titulum ^[43] của tôi ở Saint Mary in Cosmedin, mai là ngày đầu tiên. Hãy làm thế nào để tôi có thể gặp Leeland vào đầu giờ chiều mai. Tôi sẽ cho gọi ông ta đến văn phòng tôi, và khiến ông ta phải đối diện với trách nhiệm của mình. Về phần ông, đừng quên ông đang phục vụ Giáo hội, chức trách đó cấm ông đưa ra một số... sáng kiến.

Vừa gác máy, Calfo vừa mỉm cười. Ông không muốn mình ở địa vị của tu sĩ người Mỹ: con môi này sắp bị Đức Hồng y nuốt chửng. Chẳng có gì quan trọng: ông đã đảm nhận vai trò của mình một cách hoàn hảo, đầu tiên là khiến cha Nil phải nói chuyện và bây giờ là khiến ông gặp gỡ người Isarel. Con môi là để dành cho Hồng y. Còn ông thì chỉ tìm cách điều khiển con cá.

Ông quay về phòng, và kiểm chế một cử chỉ bức tức: Sonia đã cởi bộ quần áo vui mắt của cô và đang trần truồng ngồi trên mép giường. Gương mặt cô lộ vẻ buồn bã, và những giọt nước mắt lăn dài trên má.

- Thôi nào, người đẹp của ta, không đến nỗi kinh thế đâu!

Ông đỡ cô đứng dậy và buộc cô phải khoác lên người một chiếc khăn trùm, che đi mái tóc rục rũ, rồi đội lên trên một chiếc mũ bà xơ hồ bột có chòm buông xuống đôi vai tròn của cô. Sau khi đã phục sức theo kiểu một nữ tu thời cổ đại như vậy – “chỉ bên trên thôi, phần còn lại là dành cho ta” – ông để cô quỳ gối trên một ghế cầu kinh bằng nhung đỏ đặt trước một hình thánh theo phong cách Byzance. Vốn là người ân cần, ông đã nghĩ rằng một hình thánh có thể sẽ giúp cô gái người Rumani này đảm nhận tốt hơn vai trò mà ông đang mong đợi.

Ông lùi lại: bức tranh hoàn hảo. Trần tròng nhưng khuôn mặt trái xoan được tôn lên dưới chiếc mũ bà xơ, mắt ngược nhìn lên hình thánh, Sonia chấp đôi tay mảnh dẻ và có vẻ như đang cầu nguyện. “Một tư thế trinh trắng, trước hình Đức mẹ Đồng Trinh. Rất gợi cảm.”

Roma chìm trong bầu không khí tĩnh mịch ban đêm. Đức ông Calfo quỳ phía sau Sonia và áp sát mình vào đường cong nơi thắt lưng cô, bắt đầu nghi lễ tôn thờ thần thánh. Cẳng chân ông tì lên chiếc ghế cầu kinh êm ái ông ưa thích. Đôi tay bám chặt vào ngực cô gái, có một lát ông cảm thấy ngượng ngịu trước ánh mắt của Đức Mẹ Đồng Trinh trên hình thánh ông đang nhìn thẳng vào như một lời trách móc câm lặng. Ông nhắm mắt lại: trong công cuộc kiếm tìm sự hợp nhất bí ẩn, không có gì trong ông xen vào giữa con người và thần thánh, xác thịt và tâm linh.

Trong khi ông bắt đầu thì thào những lời rời rạc đối với cô, Sonia gắn mắt vào hình thánh, buông hai bàn tay đang chấp ra để lau những giọt lệ đang làm mắt cô nhòe đi.

PHẦN BA

70.

Cùng lúc đó, Lev nâng cốc lên trước mặt những người cùng đi.

- Vì cuộc gặp gỡ của chúng ta!

Anh đã dẫn hai tu sĩ vào một nhà hàng nhỏ ở Trastevere, khu phố đông dân của Roma. Khách hàng chỉ toàn là người Ý, đang ngấu nghiến những suất *pasta* khổng lồ.

- Tôi khuyên các ông dùng món *penne arrabiate* của họ. Món ăn được nấu theo kiểu gia đình, tôi thường đến đây sau mỗi buổi hòa nhạc: họ đóng cửa rất muộn, chúng ta sẽ có thời gian để làm quen với nhau.

Từ khi họ đến nhà hàng, cha Nil vẫn im lặng: người Isarel này không thể không nhận ra ông. Nhưng Lev, vui vẻ hồn nhiên và rất thoải mái, có vẻ như không nhận thấy sự im lặng của người đối diện. Anh trao đổi với Leeland về những kỉ niệm thời xa xưa, cuộc gặp gỡ của họ ở Isarel, những phát hiện của họ trong âm nhạc.

- Thời kì đó, ở Jerusalem, cuối cùng chúng tôi cũng có thể sống lại sau cuộc chiến Sáu Ngày. Tư lệnh Ygaël Yadin hẳn đã rất muốn tôi ở lại Tsahal cùng ông ấy...

Lần đầu tiên, cha Nil tham gia vào câu chuyện:

- Nhà khảo cổ học nổi tiếng đó, anh biết ông ấy à?

Lev chờ cho đến khi ba đĩa *pasta* bốc khói được đặt trước mặt họ rồi mới quay sang cha Nil. Anh bĩu môi rồi mỉm cười.

- Tôi không chỉ biết ông ấy, mà nhờ có ông ấy tôi đã trải qua một cuộc phiêu lưu không hề ngắn. Ông là một chuyên gia về các văn tự cổ, một người nghiên cứu, hẳn điều này sẽ khiến ông quan tâm...

Cha Nil có cảm giác khó chịu vì bị rơi vào một cái bẫy. “Làm sao anh ta lại biết mình là một chuyên gia và một nhà nghiên cứu nhỉ? Tại sao anh ta lại dẫn bọn mình đến đây?” Không thể trả lời, ông quyết định cứ để Lev tự bộc lộ, và im lặng đồng ý.

- Năm 1947 tôi lên tám, chúng tôi sống ở Jerusalem. Cha tôi là bạn của một nhà khảo cổ trẻ thuộc trường Đại học Do thái, Ygaël Yadin: tôi lớn lên bên ông ấy. Khi đó ông ấy hai mươi tuổi, và cũng giống như tất cả những người Do Thái khác sống ở Palestin, ông ấy có một cuộc sống

kép: là sinh viên, nhưng chủ yếu là chiến sĩ thuộc Hagana ^[44] và nhanh chóng trở thành tư lệnh. Tôi biết điều đó, tôi vô cùng ngưỡng mộ ông ấy và chỉ mơ ước có một điều: cũng được chiến đấu cho đất nước tôi.

- Ở tuổi lên tám?

- Rembert, những chiến sĩ đáng gờm của Palmakh ^[45] và Hagana đều là thiếu niên, ngây ngất phấn khích trước sự hiểm nguy! Họ không ngần ngại kêu gọi trẻ em chuyển tải các thông điệp của họ, chúng tôi không có bất kỳ phương tiện thông tin nào. Sáng ngày 30 tháng Mười một, Liên hợp quốc chấp thuận việc thành lập một Nhà nước Do Thái. Chúng tôi biết rằng chiến tranh sẽ nổ ra: Jerusalem bị bao phủ bởi dây thép gai, từ đó trở đi, chỉ một đứa trẻ mới có thể đi lại trong thành phố mà không cần có giấy thông hành.

- Đó là điều anh đã làm?

- Tất nhiên: Yadin bắt đầu dùng đến tôi hàng ngày, tôi được nghe mọi chuyện xoay quanh ông. Một buổi tối, ông ấy đã nói về một phát hiện kỳ lạ: khi đuổi theo một con dê trong vùng vách đá nhô ra ở biển Chết, một người Ả Rập di cư đã bắt gặp một cái hang. Bên trong, anh ta thấy có những cái vại chứa những cái gói phủ dầu mà anh ta bán với giá năm *pound* cho một người thợ giày theo đạo Cơ đốc ở Bethlehem. Người này giao lại cho Giáo chủ Samuel, cấp trên của tu viện Saint-Marc, nằm trong phần đất của Jerusalem vừa mới thuộc về người Ả Rập.

Cha Nil đồng tai lên: ông đã từng nghe nói đến câu chuyện phiêu lưu huyền hoặc của các bản thảo vùng biển Chết. Sự nghi ngại trong ông biến mất tức thì: ông đang đối diện với một nhân chứng trực tiếp, một cơ hội hoàn toàn bất ngờ đối với ông.

Vừa thưởng thức món *penne*, Lev vừa liếc mắt nhìn cha Nil, vẻ quan tâm đột nhiên của ông có vẻ khiến anh vui thích. Anh tiếp tục:

- Giáo chủ Samuel yêu cầu Yadin nhận dạng các bản thảo này. Phải đi qua thành phố, đến Saint-Marc, mỗi con phố là một điểm phục kích. Yadin đeo vào cổ tôi một chiếc tạp dề và một chiếc cặp học sinh, và chỉ cho tôi hướng đi đến tu viện. Tôi đã luôn lách giữa những chướng ngại vật của người Anh, những xe tăng của người Ả rập, những trung đội thuộc Hagana: tất cả đều ngừng bắn một lát để cho đứa trẻ là tôi đi đến trường! Trong cặp, tôi mang từ tu viện về hai cuộn giấy, và Yadin ngay lập tức hiểu ra đó là cái gì: những bản thảo cổ nhất chưa từng được phát hiện trên đất Isarel, một kho báu theo luật phải thuộc về Nhà nước Do Thái mới.

- Ông ấy đã làm gì với chúng?

- Ông ấy không thể giữ chúng, vì như thế là ăn cắp. Ông đã trả chúng lại cho Giáo chủ, và cho họ biết ông sẵn sàng mua lại tất cả các bản thảo mà những người Ả Rập di cư phát hiện được trong các hang đá ở Qumran. Mặc dù đang có chiến tranh, nhưng tin tức đã lan đi: người Mỹ ở Trường học Mỹ phương Đông và các thầy tu Pháp dòng Dominique thuộc Trường thánh ở Jerusalem đã tổ chức bán đấu giá. Không cần bước quá độ, Yadin chuyển ngay từ việc chỉ huy các chiến dịch quân sự sang những vụ mặc cả bí mật với các thương gia đồ cổ ở Bethlehem và Jerusalem. Người Mỹ đã vơ hết...

- Tôi biết, cha Nil cắt ngang, ở tu viện tôi đã xem được các bản sao của Thư viện Huntington.

- A, các ông đã nhận được một bản à? Rất ít người có may mắn đó, tôi hy vọng rằng một ngày nào đó chúng sẽ được xuất bản. Và thế là tôi đã vô tình trở thành người gây ra một vụ rắc rối, hẳn ông sẽ quan tâm...

Anh đẩy chiếc đĩa của mình ra, tự rót cho mình một cốc vang. Cha Nil nhận thấy gương mặt anh đột nhiên đánh lại – giống như trên tàu, giống như khi anh chơi nhạc của Rachmaninov!

Sau một lát im lặng, Lev cố gắng tiếp tục:

- Một hôm, Giáo chủ Samuel cho Yadin biết ông ta sở hữu hai tài liệu được bảo quản đặc biệt tốt. Người Ả Rập di cư kia đã tìm thấy chúng khi đến hang lần thứ hai, trong chiếc vại thứ ba ở bên trái từ cửa vào, bên cạnh bộ xương của một người hẳn đã từng là Hiệp sĩ vì vẫn còn được bọc trong một chiếc áo choàng trắng có dấu thập đỏ. Tôi lại một lần nữa đi qua thành phố và mang về cho Yadin thứ được tìm thấy trong chiếc vại: một cuộn to bọc ngoài bằng vải dầu, và một tấm giấy da nhỏ – chỉ có duy nhất một mảnh, buộc sơ sài bằng một sợi lanh. Trong căn phòng mà ông ấy dùng làm đại bản doanh, dưới làn bom, Yadin đã mở cuộn giấy có bề mặt phủ đầy những kí tự Do thái: đó là *Sổ tay môn đồ* của người Esseni. Rồi ông mở tấm giấy da, nó được viết bằng tiếng Hy Lạp, và dịch to dòng đầu tiên trước mặt tôi. Khi đó tôi là một đứa trẻ, nhưng tôi vẫn nhớ: “Ta, môn đồ cung, tông đồ thứ mười ba, gửi đến tất cả các Giáo hội...”

Cha Nil tái mặt, và nắm chặt bộ đồ ăn để kiềm chế:

- Anh chắc chứ? Có đúng là anh đã nghe thấy “môn đồ cung, tông đồ thứ mười ba” không?

- Tuyệt đối đúng. Yadin có vẻ bị đảo lộn. Ông ấy đã nói với tôi rằng ông ấy chỉ quan tâm đến các bản thảo bằng tiếng Do Thái, vì chúng là di sản của Isarel: bức thư được viết bằng thứ tiếng Hy Lạp giống như trong các Kinh Thánh này có liên quan đến người Cơ đốc, phải trả lại nó cho Giáo chủ. Ông ấy đã giữ lại *Sổ tay môn đồ*, và nhét vào cặp sách của tôi một tập đô la, kèm theo đó là tấm giấy da nhỏ viết chữ Hy Lạp. Rồi ông ấy cho tôi quay lại Saint-Marc, giữa màn bom.

Cha Nil sững sờ. “Anh ta đã cầm trong tay bức thư của tông đồ thứ mười ba, bản duy nhất thoát khỏi Giáo hội – có thể còn là bản chính!”

Gương mặt vẫn đánh lại, Lev tiếp tục:

- Đến cách tu viện khoảng một trăm mét, một viên đạn cối rơi trên phố: tôi bị hất tung lên, và bất tỉnh. Khi tôi mở mắt ra, một tu sĩ đang cúi xuống tôi. Tôi đang ở trong tu viện, da đầu bị rách từ dưới lên trên – anh nhả mặt chạm vào vết sẹo – và chiếc cặp học sinh của tôi đã biến mất.

- Biến mất?

- Vâng. Tôi đã bất tỉnh hai mươi bốn giờ, ở giữa sự sống và cái chết. Khi Giáo chủ đến thăm tôi vào hôm sau, ông nói rằng một trong số các tu sĩ của ông đã nhặt được tôi trong phố và đưa lại cho ông chiếc cặp. Khi mở ra, ông ấy đã hiểu: Yadin trả *tiền mặt* cho bản thảo Qumran, nhưng không muốn mua bức thư bằng tiếng Hy Lạp. Bức thư này, ông ấy vừa bán cho một thầy tu dòng Dominique, cùng với một lô lẻ các bản thảo tiếng Do Thái mà những người Ả Rập di cư đã mang đến. Ông ấy còn vừa cười vừa nói thêm rằng ông ấy đã nhét tất cả, bức thư và các bản thảo, trong một thùng rượu cognac Napoleon rỗng, thứ mà ông ấy rất ham thích. Và rằng hình như thầy tu dòng Dominique đó hoàn toàn không biết gì về giá trị của những thứ mà ông ta vừa có được.

Những câu hỏi chất chồng trong đầu cha Nil.

- Anh có cho rằng Giáo hội đã đọc bức thư trước khi bán lại nó cho thầy tu này không?

- Tôi chả biết, nhưng nếu thế thì tôi sẽ rất ngạc nhiên. Giáo chủ Samuel có thể là bất kỳ người nào, nhưng không bao giờ là một học giả. Đừng quên chúng tôi đang trong thời chiến, ông ấy cần tiền để nuôi sống các tu sĩ của mình, và chăm sóc những người bị thương mà người ta chuyển đến tu viện mỗi lần hàng chục người. Đó không phải là lúc để tiến hành nghiên cứu các văn tự! Chắc chắn ông ấy đã không đọc bức thư.

- Thế còn... thầy tu dòng Dominique kia?

Lev quay sang ông: anh biết rằng câu chuyện này đã khiến tu sĩ nhỏ bé người Pháp kia quan tâm tột độ. “Thế theo ông, cha thân mến, tại sao tôi lại mời ông bữa tối nay? Chỉ để thưởng thức món bánh phủ xốt cay thôi sao?”

- Tôi đã nói với ông rồi, những kỉ niệm này khắc sâu trong trí nhớ của tôi. Rất lâu sau, trước khi chết, Yadin đã nói lại với tôi về bức thư, và yêu cầu tôi tìm lại dấu vết của nó. Tôi đã làm một điều tra nhỏ, dựa vào Mossad, tổ chức mà tôi đã trở thành... cứ cho là một cộng tác viên thời vụ. Có vẻ như đây là cơ quan tình báo tốt nhất thế giới, sau cơ quan tình báo của Vatican!

Lev rất vui vẻ và lại thể hiện thái độ phấn khởi của mình: mọi căng thẳng trên mặt anh đã biến mất.

- Thầy tu dòng Dominique đó thật ra là một thầy dòng cần vụ [46], một người trung hậu và hơi đàn. Ngay trước khi Isarel tuyên bố độc lập, tình hình ở Jerusalem đã trở nên căng thẳng đến nỗi nhiều thầy tu bị bắt hồi hương về châu Âu. Hình như thầy tu đó đã nhồi vào hành lý của

mình thùng rượu cognac Napoleon kia – ông ta hoàn toàn không biết về giá trị của nó, và mang nó theo tới tận Roma, nơi ông ta chấm dứt cuộc đời tại Tòa chung dòng Dominique, ở Aventin. Chúng tôi đã biết rằng thùng rượu không còn ở đó nữa, khi ông ta chết người ta không tìm thấy gì khác ngoài một tràng hạt bằng gỗ ô liu.

- Thế ... nó có thể ở đâu được?

- Mỗi Tòa chung là một cơ quan hành chính, nó không lưu trữ những tài liệu vô ích. Hẳn là họ đã giao lại những thứ tài sản lẻ bộ đến từ Jerusalem cho Vatican, ở đó chắc chắn nó đã gia nhập đồng đồ cũ mà người ta không biết dùng làm gì- hoặc người ta không muốn khai thác. Có lẽ nó đang ngủ quên đâu đó, trong góc của một trong những thư viện hoặc một căn phòng khuất nẻo nào đó của Thành phố Thánh: nếu người ta mở ra, thì rốt cuộc nó cũng sẽ được biết đến.

- Tại sao lại thế, Lev?

Bị lây sự thoải mái của người Israel, cha Nil gọi anh bằng tên riêng. Lev nhận thấy điều đó, và rút cho ông một cốc vang khác.

- Vì Ygaël Yadin đã đọc bức thư trước khi trả lại cho Giáo chủ. Và những điều ông ấy nói với tôi trên giường bệnh khiến tôi nghĩ rằng nó chứa đựng một bí mật kinh khủng, mà không một Giáo chủ nào, không một Nhà nước nào- dù kín như bưng và quân chủ như Vatican- có thể ngăn cản nó rò rỉ ra ngoài trong một thời gian dài. Nếu có ai đó đã nhìn thấy bức thư này, cha Nil ạ, thì hoặc giờ này người ấy đã chết, hoặc có lẽ Vatican và Giáo hội Cơ Đốc đã sụp đổ, và điều này hẳn sẽ gây tiếng vang lớn hơn cả cuộc chiến Israel-Ả Rập năm 1947, hơn cả các cuộc Thập Tự Chinh, hơn bất kỳ một sự kiện nào khác trong lịch sử phương Tây.

Cha Nil căng thẳng xoa mặt.

Hoặc giờ này người ấy đã chết...

Cha Andrei!

71.

Rượu vang nhẹ Castelli khiến đầu óc cha Nil hơi quay cuồng. Ông ngạc nhiên thấy người phục vụ đặt trước mặt mình một tách cà phê: hoàn toàn bị lôi cuốn bởi câu chuyện của Lev, ông đã ngốn hết món *penne arrabiate* và lát thịt làm theo kiểu Milan kế tiếp mà không hề để ý. Về lo lắng, Leeland khuấy chiếc thìa trong tách của mình. Ông quyết định hỏi Lev một câu mà cha Nil đã từng đặt ra cho ông, trong sân Belvedere:

- Nói xem, Lev... Tại sao anh lại gửi cho tôi hai giấy mời đến buổi hòa nhạc, và lại còn thêm một lời nhắn nói rõ rằng có thể bạn tôi cũng sẽ quan tâm? Làm thế nào mà anh biết rõ rằng ông ấy đang ở Roma, và rất đơn giản là làm thế nào mà anh biết về sự tồn tại của ông ấy?

Lev nhướn mày vẻ ngạc nhiên.

- Nhưng... chính ông đã cho tôi biết điều đó! Hôm sau khi tôi đến đây, ở khách sạn trên đường Giulia tôi đã nhận được một bức thư, có rập huy hiệu của Vatican. Bên trong có vài dòng đánh máy – nếu tôi nhớ rõ, đại ý là: “Đức ông Leeland và bạn ông là cha Nil sẽ hân hạnh được tham dự v.v...” Tôi đã nghĩ là ông nhờ thư ký báo cho tôi, và tôi cũng thấy chuyện này hơi mau lẹ, nhưng hẳn đó là do phong tục của Vatican đã ảnh hưởng đến ông.

Leeland nhẹ nhàng trả lời:

- Tôi không có thư ký, Lev ạ, và tôi chưa bao giờ gửi thư cho anh. Thậm chí tôi còn không biết khách sạn nơi anh ở trong chuyến lưu diễn của anh tại Roma. Hãy nói xem... bức thư đó có chữ ký của tôi không?

Lev lua tay vào mái tóc dày.

- Tôi cũng không biết nữa! Không, không phải chữ ký của ông, ở bên dưới chỉ có một chữ cái đầu. Một chữ C viết hoa, tôi nghĩ thế, sau đó là một dấu chấm. Dù sao, Rembert ạ, tôi cũng đã có ý định gặp ông nhân dịp qua đây, và hẳn là tôi cũng sẽ làm quen với cha Nil.

Gương mặt Leeland đột ngột kín bưng: Catzinger hay Calfo? Con giận dữ lại dâng lên trong ông.

Chìm đắm trong dòng suy nghĩ, cha Nil theo dõi câu chuyện một cách lơ đãng. Ông đang vương bận với rất nhiều câu hỏi khác, và đột ngột cắt ngang:

- Chỉ kết quả là đáng kể thôi, vì chính nhờ bức thư này, tối nay tôi được nghe phần trình diễn tuyệt vời bản hòa tấu của Rachmaninov. Nhưng anh nói xem, Lev... Tại sao anh lại tâm sự với chúng tôi những chuyện này? Anh đoán được việc phát hiện ra một bức thư tông đồ mới, bức thư được lôi ra khỏi sự quên lãng một cách thần kỳ vào cuối thế kỷ XX, và có thể sẽ khiến chúng tôi phải xem lại đức tin của mình, có ý nghĩa như thế nào đối với Rembert và tôi. Tại sao anh lại nói với chúng tôi toàn bộ chuyện này?

Lev trả lời bằng nụ cười quyến rũ nhất. Anh không thể nói sự thật với cha Nil: “Vì đó là chỉ thị của Mossad”.

- Vậy còn ai có thể quan tâm đến chuyện này hơn các ông?

Dường như anh không hề coi trọng câu hỏi của cha Nil, và quan sát ông một cách thân tình.

- Cha Nil... liệu một tài liệu cổ đơn giản phản bác thiên chất của Jesus, có thể thực sự làm thay đổi điều gì đó đối với các ông?

Những khách hàng cuối cùng vừa rời khỏi cửa hàng, lúc này chỉ còn lại họ trong căn phòng nơi người chủ bắt đầu nhẹ nhàng thu dọn. Cha Nil suy nghĩ một lúc lâu trước khi trả lời, dường như ông đã quên mất mình đang nói chuyện với ai:

- Tối nay, anh đã cho tôi biết rằng một bức thư của tông đồ đã được phát hiện tại Qumran cùng với các bản thảo vùng biển Chết: từ vài tuần nay, tôi đã tích lũy được các bằng chứng về sự tồn tại của nó. Vào thế kỷ III với một bản thảo chữ Ai Cập cổ, vào thời điểm bản lề của thế kỷ IV với một văn bản của Origène. Vào thế kỷ VIII với một mật mã được đưa vào Tín điều Nicée ở Germigny, và cuối cùng là vào thế kỷ XIV với vụ án các Hiệp sĩ. Tất cả những chuyện này sau nhiều năm giải mã văn bản viết vào cuối thế kỷ I, nơi bắt đầu tất cả: kinh Phúc âm theo thánh Jean. Bức thư của tông đồ thứ mười ba, tôi đã lần theo được dấu vết của nó, nhờ có cái bóng nó in vào lịch sử phương Tây.

Ông nhìn thẳng vào Lev.

- Giờ đây, anh vừa nói với tôi rằng anh đã mang nó trong chiếc cặp học sinh của mình, khi tìm cách hoàn thành dưới làn bom một nhiệm vụ đối với người lãnh đạo của Hagana. Rồi anh cho tôi biết rằng nó đang nằm ở đâu đó ở Vatican, bị che giấu hoặc đơn giản là không được biết tới. Anh đã nghe Ygaël Yadin nói rằng nó chứa đựng một bí mật kinh khủng. Dù tôi có biết được nội dung của nó – hẳn là phải rất kinh khủng, thật thế, để trong suốt những thế kỷ qua có thể gây ra ngàn ấy vụ thanh trừng, giết người và cạm bẫy – thì điều đó cũng không làm thay đổi chút nào mối quan hệ giữa tôi với Jesus. Tôi đã gặp Người một cách riêng tư, Lev ạ, anh có thể hiểu điều đó không? Con người của Jesus không thuộc về bất cứ Giáo hội nào, Người không cần đến chúng để tồn tại.

Lev có vẻ bị ấn tượng mạnh. Anh nhẹ nhàng đặt bàn tay lên cánh tay cha Nil.

- Tôi chưa bao giờ là một tín đồ chăm chỉ, cha Nil ạ, nhưng mọi người Do Thái đều hiểu điều ông đang nói với tôi, vì mọi người Do Thái đều xuất thân từ dòng dõi của các nhà truyền giáo, dù muốn hay không. Tôi muốn ông biết rằng tôi thấy ông vô cùng dễ mến, và nếu trong đời mình tôi đã nói dối nhiều, thì khi nói với ông điều này tôi hoàn toàn chân thành.

Anh đứng dậy, chủ quán bắt đầu đi quanh bàn của họ.

- Với tất cả tấm lòng mình, tôi mong rằng ông sẽ thành công trong việc tìm kiếm. Đừng cho rằng nó chỉ liên quan đến ông, và tôi sẽ không nói thêm điều gì nữa. Hãy cẩn thận: tất cả các nhà truyền giáo và những người giống họ đều phải chịu một cái chết tàn khốc. Cả điều này, một người Do Thái cũng biết được bằng bản năng, và anh ta chấp nhận nó giống như Jesus, người Do Thái đã chấp nhận trước đây. Bây giờ là hai giờ sáng: hãy cho phép tôi trả tiền taxi để đưa ông về San Girolamo.

Lún sâu người trong ghế ô tô, cha Nil nhìn mái vòm của Vatican lướt qua, ánh nhẹ lên trong đêm tháng Mười hai lạnh lẽo, mắt ông nhòe nước. Cho đến ngày hôm nay, bức thư này vẫn chỉ là một giả thiết, chỉ là một sự thật giả tưởng. Vậy mà ông vừa bắt bàn tay đã từng chạm vào nó, vừa bắt gặp ánh mắt đã từng nhìn thấy tài liệu này.

Đột nhiên, giả thiết trở thành sự thật. Bức thư của tông đồ thứ mười ba hẳn đang nằm đâu đó sau bức tường thành Vatican cao ngất.

Ông sẽ đi đến tận cùng. Ông cũng vậy, ông cũng sẽ được tận mắt nhìn thấy bức thư này.

Và sẽ cố gắng sống sót, khác với tất cả những người đi trước ông.

Leeland đang chơi một khúc dạo của Bach thì cha Nil bước vào căn phòng trên đường Aurelia. Cho đến lúc bình minh, ông đã nghiền ngẫm những điều Lev Barjona tiết lộ. Đôi mắt thâm quầng cho thấy nỗi lo lắng trong lòng ông.

- Tớ đã không chợp mắt suốt đêm qua: cùng lúc, có quá nhiều điều mới mẻ! Không sao cả, chúng ta hãy đến kho sách, làm việc với các bản thảo giai điệu Grégoire của cậu sẽ giúp đầu óc tớ hồi tỉnh. Cậu có ý thức được điều đó không, Rembert, bức thư của tông đồ thứ mười ba có thể đang ở ngay Vatican!

- Chúng ta chỉ có thể ở đó sáng nay. Tớ vừa nhận được một cú điện thoại của Đức ông Calfo: Hồng y cho gọi tớ đến văn phòng ông ta vào mười bốn giờ chiều nay.

- Làm gì mới được chứ?

- Ô ... Leeland đẩy nắp đàn piano, vẻ lúng túng, tớ nghĩ là tớ biết tại sao, nhưng tớ muốn chưa trả lời cậu ngay bây giờ. Nếu bức thư bí ẩn mà cậu tìm kiếm từ bấy nhiêu năm đang ở Vatican, cậu sẽ làm thế nào để chạm được tay vào nó?

Đến lượt cha Nil có vẻ ngần ngại.

- Xin lỗi cậu, Rembert, tớ cũng muốn không trả lời cậu ngay lập tức. Cậu đã thấy Vatican biến chúng ta thành thế nào rồi: những người anh em không còn hoàn toàn là anh em nữa, bởi vì họ không nói hết mọi chuyện với nhau...

Ở tầng dưới, Moktar dùng máy ghi âm và hút gió. Cha Nil vừa nói một câu đáng giá nhiều đô la: *bức thư của tông đồ thứ mười ba có thể đang ở Vatican!* Hắn đã đúng khi nghe theo lệnh của Cairo, và chưa làm gì hại đến tu sĩ người Pháp bé nhỏ này. Fatah cũng biết nhiều thông tin ngang với Calfo về bức thư kia, và về tầm quan trọng sống còn của nó đối với đạo Cơ đốc: gọng kìm đang siết lại quanh cha Nil, phải để ông ta đi đến cùng.

Calfo bảo vệ Cơ đốc giáo, nhưng còn hắn, Moktar, hắn bảo vệ đạo Hồi, kinh Coran và Đấng tiên tri của hắn – cầu cho tên người được ban phúc.

Khi đi dọc hành lang dài dẫn đến văn phòng của người đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin, Leeland cảm thấy dạ dày quặn lại. Thảm lót dạ phớt, đèn vách kiểu Venise, tường lát gỗ quý: sự sang trọng này đột nhiên trở nên không thể chịu đựng nổi đối với ông. Đó là dấu hiệu phô trương quyền lực của một tổ chức không ngần ngại nghiền nát những thành viên của chính nó, để duy trì sự tồn tại của một đế chế rộng lớn được xây dựng trên một chuỗi những điều dối trá. Từ khi cha Nil đến đây, ông ý thức được rằng bản mình đã trở thành nạn nhân của quyền lực này, giống như ông – nhưng vì một lý do hoàn toàn khác. Leeland chưa bao giờ thực sự đặt ra cho mình câu hỏi về đức tin: những phát hiện của cha Nil làm cho ông bị đảo lộn, và củng cố cuộc nổi loạn trong con người ông. Ông kín đáo gõ vào cánh cửa cao được trang trí bằng những lát vàng mảnh.

- Mời đức ông vào, tôi đang chờ ông.

Leeland đã chuẩn bị tinh thần gặp ông ta có Calfo đi kèm, nhưng Catzinger chỉ có một mình. Trên bàn làm việc trống trơn có đặt một hồ sơ đơn giản có gạch chéo màu đỏ.

Khuôn mặt Hồng y vốn tròn và hồng hào, giờ cứng như đá.

- Đức ông, tôi sẽ không vòng vo. Từ ba tuần nay ngày nào ông cũng gặp cha Nil. Giờ đây ông còn dẫn ông ấy đến dự một buổi hòa nhạc, và để ông ấy gặp một người không mấy đáng tin cậy, người mà những thông tin chúng tôi có được đều rất xấu.

- Thừa Đức Hồng y, Roma không phải là một tu viện...

- *Sufficit!*^[47] Chúng ta đã có một thỏa thuận: ông phải cho tôi biết về những cuộc trò chuyện của ông với cha Nil, và về quá trình tiến triển trong các nghiên cứu cá nhân của ông ấy. Không nghiên cứu nào có thể là *cá nhân* trong Giáo hội Cơ đốc: mọi suy nghĩ, mọi phát hiện phải có ích cho nó. Tôi không nhận thêm được bất kì báo cáo nào từ ông, và những báo cáo ông đã gửi cho tôi thì hoàn toàn hỏng – đó là điều tối thiểu mà ta có thể nói. Chúng tôi biết rằng cha Nil đang đi theo một hướng nguy hiểm, và chúng tôi biết rằng ông ấy có chia sẻ với ông. Tại sao, thừa Đức ông, ông lại chọn đứng về phía mạo hiểm thay vì đứng về phía Giáo hội, nơi ông thuộc về và cũng là mẹ của ông?

Leeland cúi đầu. Với người này, ông có thể trả lời thế nào?

- Thừa đức Hồng y, tôi không hiểu gì nhiều về công việc nghiên cứu uyên thâm của cha Nil...

Catzinger khô khan cắt ngang:

- Tôi không yêu cầu ông phải hiểu, mà phải báo cáo lại điều ông nghe thấy. Tôi cảm thấy rất khó khăn phải nhắc cho ông nhớ, nhưng ông không ở trong tình thế được lựa chọn.

Ông ta nghiêng xuống bên bàn, mở kẹp hồ sơ và đẩy nó về phía Leeland.

- Ông nhận ra những bức ảnh này chứ? Có thể thấy ông đang ở cùng với một trong số các tu sĩ của ông ở St Mary, thời kỳ ông là tu viện trưởng. Ở đây - ông ta ve vẩy trước mũi Leeland một tấm ảnh đen trắng - hai người đang đối diện nhau trong vườn tu viện, và cái nhìn mà ông trao cho anh ta nói lên nhiều điều. Và ở đây, lần này là một tấm ảnh màu, ông đang ngồi sát vào lưng anh ta, và tay ông đặt lên vai anh ta. Giữa hai nhà tu hành, những tư thế này là không đoan chính.

Leeland tái mặt, và tim ông đập dữ dội trong lồng ngực. *Anselm!* Sự trong trắng, sự đẹp đẽ, sự cao quý của em Anselm! Hồng y này không bao giờ có thể hiểu được điều gì về những tình cảm đã gắn kết họ. Nhưng ông sẽ không đời nào để ông ta làm ô danh mình bằng ánh mắt lỗi đó, bằng những từ ngữ thoát ra từ cái miệng làm bằng đá cứng rắn và lạnh lẽo đó.

- Thưa Hồng y, tôi đã chứng tỏ điều đó và ngài cũng biết, không có gì xảy ra giữa đạo hữu Anselm và tôi làm ảnh hưởng đến lời nguyện trình bạch. Chưa bao giờ có một hành động nào, hay thậm chí là một mẫu hành động nào đi ngược lại với đạo đức Cơ Đốc giáo!

- Đức ông, sự trình bạch Cơ đốc không chỉ bị xâm phạm bởi những hành động, nó ngự trị trong sự làm chủ trí tuệ, tấm lòng và tâm hồn. Ông đã xâm phạm lời thề của mình bằng những ý nghĩ xấu xa, thư từ trao đổi giữa ông với đạo hữu Anselm, ông ta chỉ cho Leeland hàng chục bức thư được xếp cẩn thận dưới những tấm ảnh, quá đủ để chứng tỏ điều đó. Bằng việc lạm dụng quyền hạn của ông đối với anh ta, ông đã dẫn đạo hữu bất hạnh này theo khuynh hướng sôi sục trong ông, và chỉ nhắc đến khuynh hướng đó thôi cũng đủ để khiến một linh mục như tôi cảm thấy ghê tởm.

Leeland đỏ mặt đến tận chân tóc, và phẫn nộ. “Làm sao họ lại có được những bức thư này? Anselm, người bạn tội nghiệp, họ đã làm gì em rồi?”

- Thưa Hồng y, những bức thư này không chứa đựng gì ngoài sự triu mến, đúng là rất nồng nhiệt, nhưng trong trắng, giữa một tu sĩ và cấp trên của anh ta.

- Ông đùa à! Những tấm ảnh này, cộng thêm những bức thư này, và cộng thêm quan điểm công khai của ông về chuyện hôn nhân của các linh mục, mọi thứ đều chỉ ra rằng ông đã rơi vào tình trạng xuống cấp về đạo đức đến nỗi chúng tôi phải che chở ông sau phẩm tước Giáo mục nhằm tránh xảy ra một vụ bê bối kinh khủng ở Mỹ. Giáo hội Cơ Đốc Mỹ đang trong cơn bão, những vụ việc lặp đi lặp lại liên quan đến chúng yêu trẻ em đã làm suy giảm trầm trọng uy tín của nó đối với con chiên. Tưởng tượng xem một tờ báo hung dữ nào đó chống lại chúng ta sẽ biến thông tin này thành: “Tu viện St. Mary, nhà phụ của Sodome và Gomorrhe!” ^[48] Bằng cách che chở ông dưới cái bóng bảo vệ của

Vatican, tôi đã buộc được các nhà báo không làm trầm trọng thêm về con người ông, và chúng tôi phải trả giá rất đắt cho điều đó. Hồ sơ này, Đức ông ạ...

Ông ta cẩn thận xếp lại những bức ảnh vào dưới tập thư, và đóng kẹp hồ sơ lại bằng một củ chỉ khô khan.

- ... hồ sơ này, tôi không thể giữ bí mật lâu hơn nếu ông không hoàn thành thỏa thuận của chúng ta theo cách mà tôi thấy là thỏa đáng. Từ nay trở đi, ông báo cáo trực tiếp với tôi về tất cả những tiến triển của ông bạn người Pháp của ông. Với lại, bằng việc đề ý sao cho ở Roma ông ấy không gặp thêm ai ngoài ông ra, ông sẽ đảm bảo được cho sự an toàn của ông cũng như ông ấy. *Capito?* ^[49]

Khi Leeland ra đến hành lang dài vắng vẻ, ông phải tựa vào tường một lát. Ông thở hổn hển: cố gắng vừa rồi của ông trước bản thân khiến ông mệt lả, chiếc áo phong dính bết vào ngực. Ông từ từ trấn tĩnh lại, đi xuống cầu thang lớn bằng đá cẩm thạch và ra khỏi tòa nhà của Cơ quan truyền bá đức tin. Như một người máy, ông rẽ sang phải, đi theo lối đầu tiên trong số ba lối đi quanh hàng cột Bernin. Rồi lại rẽ phải, và tiến về phía đường Aurelia. Đầu óc trống rỗng, ông bước đi mà không hề nhìn xung quanh.

Ông có cảm giác thể xác ông vừa bị Hồng y giẫm nát. Anselm! Liệu họ có thể biết, liệu họ có thể hiểu được tình yêu là gì không? Đối với những người của Giáo hội này, tình yêu dường như chỉ là một từ, một chủng loại chung, bên trong cũng trống rỗng như một chương trình chính trị. Làm sao người ta có thể yêu một đức Chúa vô hình, khi mà người ta chưa từng yêu một sinh linh bằng xương bằng thịt? Làm sao có thể là “anh em toàn thế giới” nếu không là anh em của anh em mình?

Không rõ làm thế nào, ông đã ở trước căn hộ của mình, và trèo lên ba tầng gác. Ông rất ngạc nhiên thấy cha Nil đang ngồi trên một bậc cầu thang, chiếc túi kẹp giữa hai chân.

- Tớ không thể ở lại San Girolamo mà không làm gì, tu viện đó thật thê thảm. Tớ muốn được nói chuyện, tớ đã đến đây chờ...

Không nói một lời, ông dẫn cha Nil vào phòng khách. Ông cũng đang cần nói chuyện: nhưng liệu ông có thể phá vỡ cái vỏ đang siết chặt ngực ông không?

Ông ngồi xuống và tự rót cho mình một cốc rượu bourbon: mặt ông vẫn còn tái mét, cha Nil nhìn ông, đầu hơi nghiêng.

- Remby, bạn của tôi... có chuyện gì vậy? Cậu trông như bị phá hủy ấy.

Leeland ôm lấy chiếc cốc trong hai bàn tay, và nhắm mắt một lát. “Liệu mình có thể nói với cậu

ấy không?” Rồi ông uống thêm một ngụm, và trao cho cha Nil một nụ cười dè dặt. “Người bạn duy nhất của mình kể từ nay.” Ông không chịu đựng được bộ mặt kếp mà ông buộc phải mang kể từ khi cha Nil đến Roma. Với một sự cố gắng, ông bắt đầu nói:

- Cậu biết rằng tớ vào nhạc viện St.Mary từ khi còn rất trẻ, và tớ đã chuyển thẳng từ ghế nhà trường sang ghế tập tu. Tớ không biết gì về cuộc đời, Nil ạ, và sự chay tịnh không đè nặng lên tớ bởi vì tớ không biết đến sự say đắm. Năm tớ dâng lời nguyện, một thanh niên đã vào tập tu, cậu ấy cũng đến từ nhạc viện như tớ, và cũng giống tớ, cậu ấy trong trắng như một đứa trẻ sơ sinh. Tớ là nhạc công piano, còn cậu ấy là nhạc công violon. Đầu tiên là âm nhạc đã gắn kết chúng tớ, và sau đó là điều gì đấy mà tớ hoàn toàn không biết, trước nó tớ hoàn toàn yếu mềm, điều mà người ta không bao giờ nói đến trong tu viện: tình yêu. Phải mất nhiều năm tớ mới xác định được tình cảm mới lạ này trong tớ, để hiểu rằng niềm hạnh phúc mà tớ cảm thấy khi cậu ấy hiện diện chính là tình yêu. Lần đầu tiên, tớ đã yêu! Và tớ cũng được yêu, tớ biết điều đó vào ngày mà Anselm và tớ cởi mở tấm lòng với nhau. Tớ đã yêu, Nil ạ, một tu sĩ trẻ hơn tớ, mạch nước trong suốt chảy từ một suối nguồn trong vắt, và tớ được cậu ấy yêu!

Cha Nil phác một cử chỉ, nhưng vẫn không cắt lời ông.

- Khi tớ trở thành tu viện trưởng, quan hệ của chúng tớ càng trở nên sâu sắc. Thông qua lựa chọn của tu viện, cậu ấy đã trở thành con trai của tớ trước Chúa: tình yêu tớ dành cho cậu ấy được tô đậm thêm bởi một tình cảm vô cùng dịu dàng...

Hai giọt nước mắt lăn trên má ông: ông không thể nói thêm nữa. Cha Nil nhắc chiếc cốc ra khỏi tay ông, và đặt lên chiếc đàn piano. Ông ngập ngừng một lát:

- Tình yêu song phương đó, tình yêu mà cả hai người đều ý thức được, hai người có thể hiện nó qua một quan hệ thể xác nào không?

Leeland ngược nhìn ông bằng ánh mắt đăm lẹ.

- Chưa bao giờ! Chưa bao giờ cậu hiểu không, nếu cậu muốn ám chỉ điều gì đó dung tục. Tớ hít thở sự hiện diện của cậu ấy, nhưng chưa bao giờ thân thể chúng tớ lao vào một hành vi tiếp xúc thô tục. Chưa bao giờ tớ thôi làm tu sĩ, chưa bao giờ cậu ấy ngừng trong trắng như pha lê. Chúng tớ yêu nhau, Nil ạ, và chỉ cần biết thế thôi là đã đủ cho chúng tớ cảm thấy hạnh phúc. Từ ngày đó, tình yêu Chúa trở nên dễ hiểu hơn, gần gũi hơn đối với tớ. Có thể ngày xưa môn đồ cứng và Jesus cũng đã từng trải qua điều gì đó tương tự chẳng?

Cha Nil bĩu môi. Không nên trộn lẫn tất cả, mà phải dừng lại ở sự việc.

- Nếu không có gì xảy ra giữa hai người, nếu chưa từng có hành động nào, nghĩa là không có cơ sở tội lỗi nào, xin lỗi cậu, đó là cách lập luận của các nhà thần học, thì Catzinger có liên quan gì đến chuyện này? Vì cậu vừa ra khỏi văn phòng ông ta, đúng không?

- Trước đây tớ đã viết cho Anselm vài bức thư thể hiện tình yêu này: tớ không biết sau đó Vatican đã gây áp lực thế nào để có được chúng, cùng hai bức ảnh trong sáng trong đó Anselm và tớ đang ở bên nhau. Cậu biết nỗi ám ảnh của Giáo hội đối với tất cả những gì động chạm đến tình dục:

chừng ấy là đủ để nuôi dưỡng trí tưởng tượng bệnh hoạn của họ, để kết tội tở là suy đồi đạo đức, để bêu xấu và phủ một thứ bùn ghê tởm lên một tình cảm mà họ không thể hiểu được. Những giáo sĩ cấp cao này có còn là người nữa không, hả Nil? Tở nghi ngờ điều đó, họ chưa bao giờ biết đến vết thương tình yêu khiến cho nhân loại sinh ra một con người.

- Như vậy, cha Nil nhân mạnh, bây giờ Catzinger gây áp lực lên cậu. Nhưng cậu có biết là vì lý do gì không? Ông ta đã nói gì với cậu, tại sao cậu có vẻ bị đảo lộn đến thế?

Leeland cúi đầu, và trả lời trong một hơi thở.

- Ngày cậu đến Roma, ông ta đã cho gọi tở. Và giao cho tở nhiệm vụ phải báo cáo ông ta tất cả các cuộc trò chuyện của chúng ta, nếu không ông ta sẽ đưa tở ra làm mồi cho báo chí: tở thì chỉ có thể sống sót qua chuyện đó, nhưng Anselm không thể tự vệ được, cậu ấy không được trang bị để đương đầu với lũ chó săn, tở biết cậu ấy sẽ bị hủy hoại. Vì tở đã biết cảm giác yêu, vì tở đã dám yêu, nên người ta yêu cầu tở theo dõi cậu, Nil ạ!

Giây phút ngạc nhiên ban đầu qua đi, cha Nil đứng dậy và rót cho mình một ly bourbon. Giờ đây ông đã hiểu thái độ nước đôi của bạn mình, những lúc im lặng đột ngột của Leeland. Mọi thứ đã rõ ràng: các tài liệu bị đánh cắp trong phòng riêng của ông bên bờ sông Loire hẳn đã rất nhanh chóng đến một văn phòng của Cơ quan truyền bá đức tin. Việc ông bị gọi về Roma với một cái cớ nhân tạo, việc ông gặp lại Leeland, mọi chuyện đều được sắp đặt trước, mọi chuyện đều là kết quả của một kế hoạch. Theo dõi ư? Ông đã bị theo dõi ở tu viện, ngay sau ngày cha Andrei chết. Khi ông đến Roma, Rembert bắt hạnh chỉ còn là một con tốt trên bàn cờ, ông mới chính là quân cờ trung tâm.

Ông suy nghĩ căng thẳng, nhưng nhanh chóng đưa ra quyết định:

- Rembert, hình như những nghiên cứu của tở và của cha Andrei làm phiền nhiều người. Từ khi tở phát hiện ra sự hiện diện của một tông đồ thứ mười ba trong căn phòng lớn bên cạnh Jesus, và cách thức mà ông ta không ngừng bị loại bỏ bởi một quyết tâm dai dẳng, đã xảy ra những chuyện mà tở không thể tin là có thể xảy ra vào thế kỷ XX. Đối với Giáo hội, tở đã trở thành một con chiên ghê vì cuối cùng tở đã chấp nhận điều hiển nhiên không thể chấp nhận được: việc biến Jesus thành Chúa Christ là một trò bịp bợm. Và cũng vì tở đã phát hiện ra một mặt bị che giấu trong nhân cách của Giáo hoàng đầu tiên, những thủ đoạn quyền lực bắt nguồn từ Giáo hội. Người ta sẽ không để tở tiếp tục đi con đường này: giờ đây tở tin chắc rằng vì vướng vào chuyện này mà cha Andrei đã bị ngã khỏi tàu Roma Express. Tở muốn trả thù cho cái chết của ông ấy, và chỉ có sự thật mới trả thù được. Cậu có sẵn sàng đồng hành với tở đến cùng không?

Không ngần ngại, Leeland trả lời bằng giọng trầm đục:

- Cậu muốn trả thù cho người bạn quá cố của cậu, còn tở, tở muốn trả thù cho người bạn còn sống của tở, người đang phải sống khép kín trong xấu hổ và lạng lẽ ở tu viện của chính tở: từ nhiều tháng nay, cậu ấy không viết cho tở nữa. Tở muốn trả thù những điều bẩn thỉu mà họ đã bôi lên chúng tở, trả thù cho cái chết của điều gì đó quá trong trắng để những người ở Vatican có thể hiểu được. Đúng, tở sẽ ở bên cậu, Nil ạ: cuối cùng chúng ta lại tìm thấy nhau!

Cha Nil ngả người vào ghế, và nhả mặt uống cạn ly. “Mình bắt đầu uống như một tên cao bồi!”

Đột nhiên, sự căng thẳng trong ông giảm xuống: ông lại có thể chia sẻ mọi điều với bạn mình. Chỉ có hành động mới cho phép họ thoát khỏi tình trạng khép kín.

- Tớ muốn tìm thấy bức thư đó. Nhưng tớ đang tự hỏi về anh chàng Lev Barjona: cuộc gặp gỡ của anh ta với chúng ta không phải là ngẫu nhiên, nó đã được dàn xếp. Nhưng do ai, và để làm gì?

- Lev là một người bạn, tớ tin anh ta.

- Nhưng đó là một người Do Thái, và anh ta từng là thành viên của Mossad. Như anh ta đã nói, người Israel biết về sự tồn tại của bức thư, bởi vì Ygaël Yadin đã đọc nó và đã nhắc đến nó trước khi chết. Còn ai khác biết chuyện nữa không? Có vẻ Vatican không biết rằng nó đang nằm đâu đó giữa những bức tường của mình. Tại sao Lev lại tiết lộ cho tớ thông tin này? Người như anh ta không làm điều gì bộp chộp.

- Tớ không biết gì hết. Nhưng cậu sẽ làm thế nào để tìm thấy một tờ giấy sơ sài, có thể được bao bọc bảo vệ, hoặc cũng có thể đơn giản là bị lãng quên trong một góc nào đó? Vatican rất rộng lớn, các bảo tàng, thư viện, nhà phụ, phòng áp mái và hầm ngầm chứa đựng một mớ lộn xộn đến khó tin, từ những bản thảo bị bỏ rơi trong một ngăn kéo cho đến bản sao Sputnik mà Nikita Khrouchtchev đã tặng cho Jean XXIII. Hàng triệu đồ vật hầu như không được sắp xếp. Và lần này cậu chẳng có gì chỉ dẫn, dù chỉ là một mã số thư viện.

Cha Nil đứng dậy và vươn vai.

- Lev Barjona đã cho chúng ta một chỉ dẫn quý báu, mặc dù có thể anh ta cũng không biết điều đó. Để khai thác nó, quân chủ bài duy nhất của tớ là Breczinsky. Người này là một pháo đài được ngăn chặn từ mọi nơi: tớ phải tìm cách lọt vào trong đó, ông ấy là người duy nhất có thể giúp tớ. Ngày mai chúng ta sẽ vẫn đến kho sách như thường lệ, cậu sẽ để tớ hành động.

Cha Nil rời khỏi phòng: Moktar tháo tai nghe, và cuộn lại những cuộn băng ghi âm. Một cuộn là dành cho Calfo. Hắn nhét cuộn còn lại vào một chiếc phong bì, hắn sẽ mang nó đến đại sứ quán Ai Cập. Qua hành lý ngoại giao, sáng mai hắn nó sẽ đến tay Người dẫn đường tối cao ở đại học Al-Azhar.

Hắn chun môi lại ngao ngán. Tu sĩ người Mỹ này không chỉ là đồng phạm của cha Nil, ông ta còn là kẻ đồng tính. Cả người này lẫn người kia đều không xứng đáng được sống.

Cũng tới đó, Calfo triệu tập một cuộc họp bất thường của Hội Thánh Pie V. Sẽ họp ngắn thôi, nhưng các sự kiện đòi hỏi toàn bộ Mười hai tông đồ phải tập họp về quanh Thầy bị đóng đinh trên giá chữ thập.

Hội trưởng liếc mắt nhìn tông đồ thứ mười hai: đôi mắt khiêm tốn cụp xuống bên dưới chiếc mũ trùm, Antonio đang chờ cuộc họp bắt đầu. Calfo đã giao cho anh xử lý Breczinsky, đồng thời cho anh biết điểm yếu của người Ba Lan này: tại sao anh chàng người Tây Ba Nha lại không đến báo cáo với ông như dự kiến? Phải chăng lòng tin của ông đối với một trong số mười một tông đồ đã bị đặt sai chỗ? Nếu thế thì đây sẽ là lần đầu tiên. Ông ngạt bỏ ý nghĩ khó chịu này. Từ sau lễ nghi hôm qua, quỳ trước Sonia biến đổi thành một hình thái sống, ông đang bơi trong niềm khoan khoái. Cô gái Rumani cuối cùng đã chấp nhận mọi đòi hỏi của ông, giữ đến cùng chiếc mũ bà xơ trên mái đầu nhỏ nhắn xinh xắn.

Táo bạo hơn vì thành công này, khi cho cô về ông đã báo trước với cô: lần sau ông sẽ tổ chức một nghi lễ gọi cảm hơn, nó sẽ hợp nhất họ một cách rất thân mật trong sự hy sinh của Chúa. Khi ông giải thích cho cô nghe về nghi lễ mà ông đòi hỏi cô phải phối hợp, Sonia đã tái mặt, và vội vàng đi mất.

Ông không lo lắng: cô sẽ quay lại, chưa bao giờ cô từ chối ông bất cứ điều gì. Tối nay ông phải giải quyết êm thấm cuộc họp này, để trở về nhà mình, nơi những công việc chuẩn bị lâu dài và tỉ mỉ đang chờ. Ông đứng dậy, và hắng giọng.

- Các anh em, nhiệm vụ đang tiến hành đã có biến chuyển bất ngờ, và rất đáng khích lệ. Tôi đã khiến cho Lev Barjona, người hiện đang có một loạt buổi hòa nhạc ở nhạc viện Saint Cecilia, gặp gỡ cha Nil. Nói đúng ra, tôi can thiệp cũng vô ích: dù sao người Israel đó cũng đã có ý định liên hệ với tu sĩ của chúng ta, điều này cho thấy Mossad quan tâm đến các nghiên cứu của ông ta đến mức nào. Tóm lại, họ đã gặp nhau, và Lev đã để lộ trước mặt nhà trí thức vô hại này thông tin mà chúng ta chờ đợi bấy lâu nay: bức thư của tông đồ thứ mười ba không mất tích. Vẫn còn một bản bức thư này, và hẳn là đang ở Vatican.

Một cái rùng mình lan khắp cử tọa đang vừa ngạc nhiên vừa phấn khích. Một trong số Mười hai hội viên đưa hai cánh tay giao nhau ra phía trước.

- Sao lại thế được? Chúng ta từng nghi ngờ một bản của bức thư này đã thoát khỏi sự cảnh giác của chúng ta, nhưng... ở Vatican.

- Chúng ta đang ở trung tâm của Cơ Đốc giáo, mạng lưới rộng lớn với các mắt lưới bao phủ toàn bộ hành tinh. Mọi thứ đều kết thúc bằng việc đến Vatican vào một ngày nào đó, kể cả các bản thảo hoặc các văn tự cổ phát hiện được ở nơi này nơi kia: đó là điều phải xảy ra. Lev Barjona đưa ra thông tin này không phải không có mục đích: hắn hắn đang hy vọng nó sẽ khơi dậy sự tò mò của cha Nil, và ông ta sẽ dẫn hắn đến với văn bản mà người Do Thái cũng mong muốn có được không kém gì chúng ta.

- Người anh em Hội trưởng, chúng ta có cần thiết phải mạo hiểm để khai quật bức thư này không? Ông cũng biết đấy, lãng quên đã là vũ khí hiệu quả nhất của Giáo hội chống lại tông đồ thứ mười ba, chỉ có lãng quên mới khiến lời chứng nguy hiểm của ông ta không gây hại được. Có nên kéo dài căn bệnh quên lãng mang tính cứu rỗi này không?

Hội trưởng nhân nhíp này để nhắc nhở Mười một hội viên về tầm vóc lớn lao trong sứ mệnh của họ. Ông trang trọng duỗi bàn tay phải ra, để lộ viên ngọc thạch anh gắn trên chiếc nhẫn.

- Sau hội nghị Giám mục ở Trente, Thánh Pie V, vốn là Antoine-Michel Ghislieri, tu sĩ dòng Dominique, lo sợ trước sự suy yếu của Giáo hội Cơ Đốc, đã làm tất cả để cứu vớt nó khỏi tình trạng chìm xuống được báo trước. Mỗi đe dọa nghiêm trọng nhất không xuất phát từ cuộc nổi loạn mới đây của Luther, mà từ một lời đồn đại cổ xưa mà ngay cả Tòa dị giáo cũng không thể dập tắt: năm mộ có chứa xương cốt của Christ vẫn tồn tại, nó đang nằm đâu đó trong sa mạc ở vùng Cận Đông. Một bức thư bị mất của một nhân chứng có đặc huệ được chứng kiến những giờ phút cuối cùng của Đấng Cứu thế khẳng định rằng không những Jesus không sống lại, mà thi thể của Người còn được người Esseni chôn cất trong vùng này. Các vị đều biết điều đó, đúng không?

Mười một hội viên gật đầu.

- Trước khi trở thành Giáo hoàng, Ghislieri từng là Thẩm phán Tòa dị giáo: ông đã quen với việc hỏi cung những kẻ ly khai bị thiêu sống vì theo dị giáo, ông đã tham khảo một số biên bản xử các Hiệp sĩ, ngày nay tất cả các tài liệu này đã mất. Ông tin chắc rằng năm mộ của Jesus có tồn tại, và việc phát hiện ra năm mộ này sẽ đồng nghĩa với sự kết thúc vĩnh viễn của Giáo hội. Thế là vào năm 1570, ông đã thành lập ra Hội chúng ta để bảo vệ bí mật về năm mộ.

Điều này, các hội viên cũng biết. Đoán được sự nồn nóng của họ, Hội trưởng giơ cao chiếc nhẫn, nó phát ra một tia sáng ngắn dưới ánh sáng của những ngọn đèn chiếu.

- Ghislieri cho thừa chiếc nhẫn Giám mục có hình quan tài này bằng thứ ngọc thạch anh nguyên chất. Từ đó, dưới hình dạng này, nó nhắc nhở mỗi Hội trưởng, khi lấy nó ra khỏi ngón tay tiên nhiệm đã chết của mình, nhớ đến sứ mệnh của Hội chúng ta: làm thế nào để không bao giờ, *không một cô quan tài nào* có chứa đựng xương cốt của người bị hành hình trên giá chữ thập ở Jerusalem có thể bị phát hiện.

- Nhưng mặc dù tin đồn về bức thư của tông đồ thứ mười ba đã xuyên qua nhiều thế kỷ, không có điều gì chứng tỏ rằng nó chỉ ra vị trí chính xác của năm mộ. Sa mạc rộng mênh mông, từ rất lâu rồi cát đã bao phủ tất cả!

- Đúng thế, không có nguy cơ nào về việc năm mộ của Jesus bị phát hiện chừng nào chỉ có lạc đà

đến được sa mạc. Nhưng việc chinh phục không gian đã cho chúng ta các phương tiện tìm kiếm vô cùng hoàn thiện. Nếu người ta đã có thể tìm ra dấu vết của nước trên sao Hỏa xa xôi, thì ngày nay người ta cũng có thể kiểm kê tất cả xương cốt trong các sa mạc ở Negreb hoặc ở Idumea, kể cả những bộ xương đã bị cát vùi lấp: điều này thì Giáo hoàng Ghislieri không thể tưởng tượng được. Rằng sự tồn tại của nấm mồ đã trở nên công khai, và hàng trăm máy bay ra đa hoặc máy dò không gian sẽ xem xét sa mạc một cách kỹ lưỡng, từ Jerusalem cho đến tận biển Chết. Sự tham gia bất ngờ và ồ ạt của công nghệ không gian tạo ra một nguy cơ mới, mà chúng ta không thể mạo hiểm được. Chúng ta phải tìm lại được tài liệu tối tể này, và phải nhanh chóng, vì người Israel cũng đang đi cùng đường với chúng ta.

Ông cung kính đưa chiếc quan tài bằng ngọc thạch anh lên môi, trước khi rút tay vào dưới ống tay áo lễ.

- Tài liệu nguy hiểm này phải được cất giấu trong chiếc tủ trước mặt chúng ta đây. Phải tìm được nó, không chỉ để đưa nó ra ngoài tầm tay kẻ thù của chúng ta, mà còn để nhờ nó, sở hữu được những phương tiện tài chính đáp ứng khát vọng của chúng ta: ngăn chặn phương Tây đi chệch đường. Các vị biết các Hiệp sĩ dòng Đền đã có được tài sản khổng lồ của họ như thế nào rồi đây, thánh tích mà chúng ta sùng kính mỗi thứ Sáu ngày 13 nhắc nhở chúng ta điều đó. Tài sản này có thể trở thành của chúng ta, và chúng ta sẽ dùng nó để bảo vệ nhân thân thần thánh của Chúa Cứu thế.

- Ông có đề xuất gì, người anh em Hội trưởng?

- Cha Nil đang đoán được một hướng tìm kiếm, cuối cùng thì có thể đây là hướng đúng: hãy để ông ta đi theo nó. Tôi đã tăng cường việc giám sát xung quanh ông ta: nếu ông ta thành công, chúng ta sẽ là người biết đầu tiên. Và sau đó...

Hội trưởng cho rằng không cần thiết phải kết thúc câu nói. “Sau đó” đã xảy ra hàng nghìn lần, trong hầm ngầm các lâu đài của Tòa dị giáo vốn toát ra sự đau đớn hoặc trên những giàn thiêu vốn chiếu sáng Cơ Đốc giáo suốt chiều dài lịch sử của nó. “Sau đó”, họ đã có kinh nghiệm lâu dài. Trong trường hợp hiện nay, Cha Nil sẽ không bị thiêu chết công khai, cha Andrei cũng đã không bị như thế.

74.

Mặt trời vượt ve những viên đá lát trong sân Belvedere khi cha Nil và Leeland bước vào. Nhẹ nhõm vì dốc được bầu tâm sự, tu sĩ người Mỹ đã lấy lại tâm trạng vui vẻ, và trong suốt đoạn đường ông chỉ nói về tuổi trẻ của họ khi là sinh viên ở Roma. Mười giờ, họ có mặt trước cửa kho sách.

Một giờ trước đây, một linh mục mặc áo dòng đã đến trước họ. Khi nhìn thấy giấy phép ra vào do đích thân Hồng y Catzinger ký, viên cảnh sát nghiêng mình và kính cẩn dẫn người đó đến tận cánh cửa bọc sắt, nơi Breczinsky đang chờ đợi với vẻ lo lắng. Lần gặp gỡ thứ hai này cũng chóng vánh như lần đầu. Khi đi ra, vị linh mục đã nhìn chăm chú hồi lâu vào người đàn ông Ba Lan bằng đôi mắt đen của mình, môi dưới ông này run run.

Cha Nil không để ý đến sắc mặt rất nhợt nhạt, gần như bợt ra của ông; khi đến kho, cha Nil không nhận thấy sự bối rối trong ông, và đặt thiết bị lên bàn của họ trong khi Leeland đi tìm những bản thảo mà họ phải xem xét.

Sau khoảng một giờ làm việc, ông tháo găng tay và thì thầm:

- Cứ tiếp tục làm một mình đi nhé, tớ sẽ đi thử vận may với Breczinsky.

Leeland im lặng gật đầu, và cha Nil đi đến gõ cửa văn phòng viên thủ thư.

- Mời cha vào, mời cha ngồi.

Breczinsky có vẻ sung sướng khi gặp ông.

- Cha đã không nói gì với tôi về những nghiên cứu của cha trong kế các Hiệp sĩ hôm trước: cha có phát hiện được điều gì hữu ích không?

- Còn hơn thế nữa, cha ạ: tôi đã tìm lại được văn tự mà cha Andrei từng xem xét và ghi lại chỉ dẫn trong sổ tay.

Ông hít một hơi và thử liều:

- Nhờ có đạo hữu đã mất, tôi đang đi theo hướng dẫn đến tài liệu quan trọng nhất, nó có thể khiến ta phải xem xét lại những cơ sở của đức tin Cơ Đốc. Xin thứ lỗi cho tôi không thể nói nhiều hơn.

Từ khi tôi đến Roma, vì tôi, Đức ông Leeland đã phải chịu những áp lực đáng kể, nên bằng cách im lặng tôi muốn tránh cho cha mọi điều phiền toái.

Breczinsky lặng lẽ nhìn ông, rồi khẽ khàng hỏi:

- Nhưng... những áp lực như vậy đối với một Giám mục làm việc ở Vatican có thể xuất phát từ ai?

Cha Nil quyết định được ăn cả ngã về không. Ông nhớ lại một nhận xét của người Ba Lan này khi họ gặp nhau lần đầu tiên “Còn tôi thì tin rằng cha là người của Catzinger!”

- Từ Cơ quan truyền bá đức tin, và chính xác hơn là từ chính Hồng y đứng đầu cơ quan này.

- *Catzinger!*

Người Ba Lan lau mồ hôi trán, tay run nhè nhẹ.

- Cha không biết qua khứ của người này, cũng không biết điều ông ta từng trải qua!

Cha Nil giấu sự ngạc nhiên.

- Đúng là tôi không biết gì về ông ấy, trừ việc ông ấy là nhân vật thứ ba trong Giáo hội, sau bộ trưởng Ngoại giao và Giáo hoàng.

Breczinsky ngược nhìn ông bằng đôi mắt của một con chó bị đòn.

- Cha Nil ạ, cha đã đi quá xa, giờ đây cha cần phải biết. Điều tôi sắp nói với cha, tôi chỉ mới tâm sự với cha Andrei thôi, vì chỉ cha ấy mới có thể hiểu được. Gia đình cha ấy đã cùng gánh chịu những đau khổ như gia đình tôi. Tôi không phải giải thích gì, cha ấy hiểu ngay mọi chuyện.

Cha Nil nín thở.

- Khi người Đức phá vỡ hiệp ước Đức-Xô, quân đội Wehrmacht đã ồ ạt kéo đến nơi trước đây là đất nước Ba Lan. Trong vài tháng, sư đoàn Anschluss đảm bảo công tác hậu cần xung quanh Brest-Litovsk cho quân đội xâm lược, và vào tháng Tư năm 1940, một trong số các sĩ quan cao cấp của sư đoàn này, một người tên là Oberstleutnant đã đến vét hết đàn ông trong làng tôi. Cha tôi bị đưa vào rừng cùng họ, và chúng tôi không bao giờ gặp lại ông nữa.

- Đúng, cha đã kể chuyện này với tôi...

- Sau đó sư đoàn Anschluss gia nhập mặt trận phía Đông, và mẹ tôi đã cùng tôi cố gắng sống sót tại làng, nhờ vào sự giúp đỡ của gia đình cha Andrei. Hai năm sau, chúng tôi thấy những tàn quân cuối cùng của quân đội Đức quay ngược lại chạy trốn quân Nga. Không còn là quân đội Wehrmacht thắng lợi nữa, mà là một băng kẻ cướp hãm hiếp và đốt cháy mọi thứ trên đường chúng đi qua. Khi đó tôi năm tuổi: một hôm, mẹ tôi cầm tay tôi, bà rất hoảng sợ: “Con hãy trốn vào trong hầm, chính là tên sĩ quan đã dẫn cha con đi, hắn lại quay lại đây!” Qua khe cửa bị lỏng ra, tôi nhìn thấy một sĩ quan Đức bước vào. Không nói lời nào, hắn mở móc thắt lưng, chồm lên mẹ tôi và hãm hiếp bà ngay trước mắt tôi.

Cha Nil kinh hoàng.

- Cha có biết tên sĩ quan đó không?

- Như cha có thể thấy, tôi không bao giờ quên được hắn, và không ngừng tìm kiếm dấu vết hắn: hắn chết sau đó ít lâu, bị những người kháng chiến Ba Lan giết. Hắn là Obersleutnant Herbert von Catzinger, cha của Hồng y đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin hiện nay.

Cha Nil mở miệng nhưng không thể thốt ra lời nào. Trước mặt cha Nil, Breczinsky dường như bị phá hủy. Ông cố gắng nói tiếp.

- Sau chiến tranh, trở thành Hồng y tại Viên, Catzinger đã yêu cầu một người Tây Ba Nha thuộc nhóm Opus Dei tìm kiếm trong các hồ sơ lưu của Áo và Ba Lan, và đã phát hiện ra rằng cha ông ta, người mà ông ta ngưỡng mộ vô bờ bến, đã bị quân du kích Ba Lan giết chết. Từ đó ông ta căm thù tôi, cũng như căm thù tất cả những người Ba Lan.

- Nhưng... Giáo hoàng là người Ba Lan kia mà!

- Cha không thể hiểu được: tất cả những ai phải chịu đựng chủ nghĩa phát xít, mặc dù không muốn, đều giữ lại một dấu ấn sâu sắc. Từng tham gia đội Thiếu niên Hitler, con trai của viên chiến binh thuộc quân đội Wehrmacht bị quân kháng chiến Ba Lan giết chết này vứt bỏ quá khứ của mình nhưng không lãng quên nó: *không ai ra khỏi địa ngục đó mà vẫn còn nguyên vẹn*. Đối với Giáo hoàng người Ba Lan mà hiện nay ông ta là cánh tay phải, tôi tin chắc rằng ông ta đã vượt qua được nỗi căm ghét trong thâm tâm, ông ta sùng kính ngài một cách chân thành. Nhưng ông ta biết rằng tôi sinh ra ở một làng nơi sư đoàn Anschluss từng đóng, ông ta biết về cái chết của cha tôi.

- Và...về mẹ của cha?

Breczinsky đưa mu bàn tay lau nước mắt.

- Không, ông ta không thể biết được, tôi là nhân chứng duy nhất, ký ức về cha ông ta vẫn nguyên vẹn. Nhưng *tôi, tôi biết*. Tôi không thể... tôi không thể tha thứ được, cha Nil ạ.

Một nỗi thương cảm tràn ngập trong lòng cha Nil.

- Cha không thể tha thứ cho người cha... hay người con?

Breczinsky trả lời trong một hơi thở:

- Cả người này lẫn người kia. Từ nhiều năm nay, bệnh tật của Thánh Cha đã cho phép Hồng y làm hoặc để người khác làm những điều đi ngược lại với tinh thần của kinh Phúc âm. Ông ta muốn khôi phục Giáo hội của những thế kỷ trước bằng mọi giá, ông ta bị ám ảnh bởi cái mà ông ta gọi là “trật tự của thế giới”. Dưới vẻ bề ngoài hiện đại, đó chính là sự quay lại thời kỳ đồ sắt. Tôi đã thấy những nhà thần học, những linh mục, những tu sĩ bị phá hủy đến con số không, bị nghiền nát bởi một Vatican không chút tình thương giống như trước đây cha ông ta từng thể hiện đối với những dân tộc bị Reich biến thành nô lệ. Cha nói rằng ông ta gây áp lực với Đức ông Leeland? Giả như bạn của cha là người duy nhất... Tôi chỉ là một viên sỏi nhỏ vô nghĩa, nhưng cũng như những người khác tôi phải bị

nghiên nhỏ để cái đế của Giáo lý và Đức tin không nứt vỡ.

- Tại sao lại là cha? Giam mình trong sự im lặng của kho sách này, cha không làm phiền đến ai, cha không đe dọa bất cứ quyền lực nào!

- Nhưng tôi là người của Giáo hoàng, và chức vụ mà tôi đảm nhận ở đây nhạy cảm hơn cha nghĩ nhiều. Tôi... tôi không thể nói gì thêm với cha.

Vai ông rung lên nhẹ nhẹ. Ông cố gắng tiếp tục:

- Tôi chưa bao giờ nguôi ngoai được sau những đau khổ mà tội lỗi của Herbert von Catzinger đã gây ra, vết thương chưa khép lại và Hồng y biết điều đó. Mỗi đêm tôi tỉnh dậy người đầm mồ hôi, bị ám ảnh bởi hình ảnh cha tôi bị dẫn vào rừng dưới sự đe dọa của những họng súng tiểu liên, và bởi hình ảnh thân thể mẹ tôi bị những gót giày đạp sát vào chiếc bàn trong bếp. Người ta có thể trói buộc một người bằng sự đe dọa, nhưng cũng có thể biến người đó thành nô lệ bằng cách nuôi dưỡng sự đau khổ của anh ta: chỉ cần làm nó sống lại, làm cho vết thương chảy máu. Chỉ ai đó biết về những con người bằng đồng này mới có thể hiểu được, và đó là trường hợp của cha Andrei. Từ khi tôi vào phụng sự Giáo hoàng, tôi luôn bị chà đạp bởi hai gót giày sáng bóng, Catzinger khoác áo choàng tía cai trị tôi, giống như ngày xưa cha ông ta đã cai trị mẹ tôi và những người nô lệ Ba Lan khác trong bộ quân phục bó chèn.

Cha Nil bắt đầu hiểu ra. Brezinsky chưa bao giờ có thể rời khỏi căn hầm thời ấu thơ của ông, nơi ông nép sát vào cánh cửa mà bên ngoài đó người ta hăm hiếp mẹ mình. Chưa bao giờ ông ra khỏi con đường rừng nào đó, nơi ông bước đi trong giấc mơ, phía sau người cha sắp chết dưới một loạt đạn tiểu liên. Ngày cũng như đêm ông bị ám ảnh bởi hai gót giày đánh xi đập vào một chiếc bàn, tai ù đi bởi tiếng vọng của mệnh lệnh gầm gừ trong họng Herbert von Catzinger: *Feuer!* ^[50]

Cha ông bị đạn Đức giết chết, nhưng ông cũng không ngừng gục ngã, rơi xuống quay cuồng trong một cái giếng đen tối và không có đáy. Người đàn ông này là một người sống mà như chết. Cha Nil ngáp ngừng:

- Có phải... Hồng y đích thân đến đây, tra tấn cha bằng cách nhắc lại quá khứ của cha? Tôi không thể tin được.

- Ô không, ông ta không hành động trực tiếp. Ông ta cử người Tây Ban Nha, người đã thực hiện việc tìm kiếm các hồ sơ lưu trữ ở Viên cho ông ta. Lúc này người đó đang ở Roma, mấy hôm nay anh ta đến gặp tôi hai lần, anh ta... anh ta tra tấn tôi. Anh ta mặc áo linh mục: nhưng nếu đó thực sự là một linh mục của Jesus- Christ, thì cha Nil ạ, điều đó có nghĩa là Giáo hội đã kết thúc rồi. Anh ta không có tâm hồn, không có tình cảm của con người.

Im lặng một lúc lâu, và cha Nil đề Breczinsky nói tiếp:

- Cha hiểu tại sao tôi đã giúp cha Andrei, tại sao tôi giúp cha. Cũng như cha, ông ấy đã nói rằng ông ấy tìm một tài liệu quan trọng: ông ấy tuyệt đối muốn lấy cắp nó khỏi Catzinger, và đưa lại tận tay Giáo hoàng.

Cha Nil nghĩ nhanh: chưa khi nào ông nghĩ đến việc sẽ làm gì nếu tìm thấy bức thư của tông đồ thứ mười ba. Đúng là Giáo hoàng sẽ là người phán xét xem tương lai của Giáo hội có bị ảnh hưởng bởi một nội dung bức thư này không, và tùy ý sử dụng nó.

- Cha Andrei có lý. Tôi chưa biết tại sao, nhưng rõ ràng thứ tôi đã phát hiện ra là điều rất nhiều người thèm muốn. Nếu tìm lại được tài liệu đã mất từ nhiều thế kỷ nay, tôi có ý định thông báo cho Giáo hoàng và chỉ cho ngài biết vị trí của nó. Chỉ có người đứng đầu Giáo hội mới có thể là người nắm giữ bí mật này, giống như ngài đã là người nắm giữ những bí mật về Fatima. Tôi vừa biết được rằng có thể nó đang bị vùi lấp đâu đó ở Vatican: rất mong manh!

- Vatican rộng lớn lắm: cha không có chỉ dẫn nào ư?

- Chỉ có một chỉ dẫn duy nhất, rất nhỏ nhoi. Nếu đúng là nó đã đến Roma, theo như tôi nghĩ, thì nó phải lẫn trong những bản thảo cùng biển Chết. Vatican có thể đã tiếp nhận nó sau cuộc chiến giành độc lập của người Do Thái, vào khoảng năm 1948. Cha có ý tưởng gì về nơi cất giữ những bản thảo chưa được khai thác của người Esseni ở Qumran không?

Breczinsky đứng dậy, ông có vẻ mệt mỏi.

- Tôi không thể trả lời cha ngay được, tôi cần phải suy nghĩ. Chiều mai cha hãy đến văn phòng này gặp tôi: sẽ không có ai khác ngoài cha và Đức ông Leeland. Nhưng tôi xin cha, đừng nói với ông ấy về cuộc nói chuyện giữa chúng ta, lẽ ra tôi không nên nói với cha tất cả chuyện này.

Cha Nil trấn an ông: ông ấy có thể tin tưởng ở ông như đã tin tưởng cha Andrei. Mục đích của họ chỉ là một: thông báo cho Giáo hoàng.

75.

- Tôi nâng cốc chúc mừng vì kiều dân Do Thái cuối cùng đã ra khỏi Palestin!

- Còn tôi, vì sự thành lập vĩnh viễn của nước Israel vĩ đại!

Hai người đàn ông mỉm cười trước khi uống cạn. Lev Barjona đột nhiên đỏ mặt và bị nghẹn cổ.

- Vì các bùa chữ của tôi, Moktar Al-Quraysh, cái gì thế này? Dầu Ả Rập à?

- *Cent'herba*. Rượu vùng Abruzzes. Bảy mươi độ, đây là đồ uống dành cho đàn ông.

Từ khi nể nang lẫn nhau trên chiến trường, một tình cảm tòng phạm kỳ lạ đã nảy sinh giữa hai người Palestin và Israel này. Giống như kiểu tình cảm trước đây đã từng tồn tại giữa các sĩ quan thuộc những quân đội thù địch, hoặc giữa các chính trị gia đối thủ của nhau hoặc các viên chức thuộc những tập đoàn lớn đối đầu nhau. Là chiến binh trong bóng tối, họ chỉ cảm thấy thoải mái với những người giống mình, những người tham gia vào cùng những cuộc xung đột như mình. Khinh bỉ xã hội của những người dân thường bình dị, cuộc sống tẻ nhạt và chán ngán của họ. Thường là họ chống đối nhau một cách quyết liệt: nhưng khi không có hành động nào khiến họ trở nên đối lập, họ không từ chối chia sẻ một cốc rượu, vài cô gái hoặc một chiến dịch chung, nếu có cơ hội ở cùng trên một địa bàn trung lập.

Và cơ hội hiện nay là Đức ông Alessandro Calfo. Ông ta đã đề xuất với họ một trong những nhiệm vụ bẩn thỉu mà Giáo hội không muốn hoàn thành, thậm chí không muốn chính thức chấp nhận. *Ecclesia sanguinem abhorret* Giáo hội sợ máu. Cũng không thể để những công việc thấp hèn được thực hiện bởi một cánh tay ngoại đạo đã quay lưng lại với mình, từ nay trở đi Giáo hội buộc phải làm việc với những điệp viên tự do. Thường là tay chân của giới cực tả châu Âu. Nhưng những người này không thể cưỡng lại miếng mồi được lên sân khấu truyền thông, và luôn buộc phải trả công cho dịch vụ của họ bằng những đánh đổi chính trị vương vís. Calfo đánh giá cao việc Moktar chỉ đòi đô la, và việc hai người không để lại bất kỳ dấu vết gì. Họ kín đáo như một luồng không khí vậy.

- Moktar, tại sao anh lại hẹn tôi ở đây? Anh biết rằng nếu có người thấy chúng ta gặp nhau, lãnh đạo của cả hai bên sẽ coi đây là một lỗi nghề nghiệp vô cùng trầm trọng.

- Thôi nào, Lev, Mossad có vô số điệp viên hiện diện ở khắp nơi. Nhưng không phải ở đây: nhà hàng này chỉ chế biến thịt lợn, và tôi quen ông chủ, nếu ông ta biết rằng anh là người Do Thái, anh sẽ

không ở thêm một phút dưới mái nhà của ông ta. Chúng ta không gặp nhau từ sau vụ chuyển phiên đá Germigny đến Romas, nhưng anh vừa gặp hai tu sĩ nhà nghiên cứu của chúng ta, mà tôi thì thường xuyên nghe họ nói chuyện. Chúng ta phải nói chuyện với nhau.

- Tôi đang dòng tai...

Moktar ra hiệu cho ông chủ để bình rượu *cent'herba* lên bàn.

- Giữa chúng ta với nhau, không cần ra vẻ bí mật thế, Lev ạ, ở đây, chúng ta chơi cùng một cuộc chơi. Chỉ có điều, tôi không biết hết chuyện, nên tôi thấy căng thẳng: tu sĩ người Pháp đó bắt đầu xoay quanh kinh Coran, có những điều mà người Hồi giáo không tha thứ, anh cũng biết đấy. Phải nói cho rõ ràng: tôi thực hiện nhiệm vụ này không chỉ vì Đức ông Calfo, Fatah cũng có liên quan. Nhưng điều không mấy rõ ràng với tôi, đó là lý do mà vì nó cá nhân anh cũng tham gia cuộc chơi, bằng việc gặp cha Nil và để lộ cho ông ta biết những thông tin đáng giá bằng vàng.

- Anh hỏi tôi về lý do khiến chúng tôi quan tâm đến bức thư bị mất này à?

- Chính xác là: câu chuyện về tông đồ thứ mười ba này có liên quan gì đến người Do Thái?

Lev kín đáo gõ nhịp trên mặt bàn bằng đá cẩm thạch: món *pizzas al maiale* dành phải đợi.

- Những người theo trào lưu chính thống ở Likoud giám sát tất cả những điều được nói ra trong Giáo hội Cơ Đốc có liên quan đến Kinh Thánh. Đối với những người theo đạo này, điều cốt yếu là người Cơ Đốc không bao giờ được nghi ngờ thiên chất của Jesus-Christ. Chúng tôi đã bắt được những thông tin mà cha Andrei để lọt ra ở Roma và với các đồng nghiệp người châu Âu của ông ta. Cũng vì việc này mà tôi được lệnh sát cánh với anh trong vụ Roma Express: mọi việc diễn ra thật đúng lúc, vì học giả này đã phát hiện ra một số điều khiến người của Mea Shearim lo lắng.

- Nhưng tại sao chứ, nhân danh các ma thần! Có liên quan gì đến các anh nếu người Cơ Đốc đột nhiên nhận ra rằng họ đã chế tạo ra một Chúa giả, hay đúng hơn là một vị Chúa thứ hai? Đã mười ba thế kỷ nay kinh Coran lên án họ vì lý do này. Trái lại, lẽ ra các anh phải thỏa mãn vì cuối cùng họ cũng chấp nhận rằng Jesus không là gì khác ngoài một nhà truyền giáo Do Thái, như Muhammad khẳng định.

- Moktar, anh biết rằng chúng tôi chiến đấu vì phẩm cách Do Thái của chúng tôi trên mọi phương diện, chứ không chỉ về mặt lãnh thổ. Nếu Giáo hội Cơ Đốc xem lại thiên chất của Jesus và thừa nhận rằng Jesus chưa bao giờ ngừng là gì khác ngoài một nhà truyền giáo vĩ đại, điều gì sẽ phân biệt chúng tôi với họ? Cơ Đốc giáo, lại trở lại là Do Thái giáo, quay về với nguồn gốc lịch sử của nó, sẽ chỉ là một hướng của Do Thái đạo. Nếu người Cơ Đốc thờ Jesus thay vì ngưỡng mộ Chúa Christ của họ, thì đối với dân tộc Do Thái đó sẽ là một hiểm họa mà chúng tôi không thể để mình phải đối đầu. Thêm nữa, họ sẽ ngay lập tức khẳng định rằng Jesus cao hơn Moise, rằng cùng với Người kinh Torah không còn giá trị gì, mặc dù Jesus đã dạy rằng Người không đến để phá hủy Luật lệ mà là để hoàn thiện nó. Một nhà truyền giáo Do Thái lại đề xuất một luật hoàn hảo hơn luật của Moise: anh biết người Cơ Đốc rồi đấy, sự căm dỗ sẽ là quá lớn. Họ đã không thể tiêu diệt chúng tôi bằng những đợt tàn sát người Do Thái dưới thời Nga hoàng, nhưng chúng tôi sẽ bị hủy diệt bởi quá trình đồng hóa. Lửa của những giàn thiêu đã thanh lọc chúng tôi: nếu Jesus không còn là Chúa, nếu Người trở lại là người Do Thái, chẳng bao lâu nữa đạo Do Thái sẽ chỉ còn là một nhánh phụ của đạo Cơ Đốc, bị nhai, nuốt rồi tiêu hóa trong

cái bụng đói của Giáo hội. Chính vì điều đó mà những tìm kiếm như của cha Nil khiến chúng tôi lo lắng.

Người ta vừa đặt trước mặt họ hai chiếc bánh Pizza to tướng tỏa mùi mỡ rán thơm phức. Moktar bắt đầu ăn chiếc bánh của mình một cách tham lam.

- Thử đi, anh sẽ cho tôi biết tin tức mới, và ít nhất, chúng ta cũng biết tại sao chúng ta sẽ kết thúc ở địa ngục. Hừm...Điều kinh khủng đối với người Do Thái các anh chính là chứng cuồng ám. Những nỗi lo lắng mà các anh lôi ra quá xa xôi đối với chúng tôi! Nhưng tôi hiểu các anh, từ góc nhìn của các anh, lập luận này là có cơ sở. Nhất là không được gần gũi với người Cơ Đốc, để tránh nguy cơ bị nuốt chửng như một giọt nước trong biển khơi. Hãy cứ để Giáo hoàng khóc trước các máy quay bên bức tường Than thở, nhưng sau đó ai lại về nhà nấy. Đồng ý. Vậy thì các anh sẽ làm gì nếu cha Nil vẫn quyết tâm lục lọi?

- Tôi đã bị chặn tay lại khi tôi muốn...nói thế nào nhỉ, ngăn chặn công việc của ông ta hơi sớm. Chỉ thị đưa ra là để cho ông ta tiếp tục, và xem kết quả là gì. Đó cũng là chính sách của Calfo. Khi gặp người tu sĩ Pháp này, khi trò chuyện với ông ta, tôi đã cho ông ta một đầu mối nhỏ, có lẽ nó sẽ cho phép ông ta tìm thấy cái mà tất cả chúng ta đang tìm kiếm. Hơn nữa, cha Nil thích Rachmaninov, chứng tỏ ông ta là một người có khiếu thưởng thức.

- Anh có vẻ đánh giá cao ông ta?

Lev nuốt một miếng *pizza al maiale* to với vẻ thích thú: những người Do Thái giả danh này đúng là rất biết nấu món thịt lợn.

- Tôi thấy ông ấy vô cùng dễ mến, thậm chí còn khiến người ta xúc động. Đó là những điều mà người Ả Rập các anh không thể hiểu được, vì Muhammad chưa bao giờ hiểu gì về các nhà truyền giáo của đạo Do Thái. Cha Nil giống Leeland, cả hai đều là những người lý tưởng chủ nghĩa, những người con tinh thần của Élie, người anh hùng và cũng là hình mẫu của người Do Thái.

- Tôi không biết có phải Muhammad đã không hiểu gì về các nhà truyền giáo của các anh không, nhưng tôi thì hiểu Muhammad: những kẻ phản bội không được sống.

Lev đẩy chiếc đĩa trống ra:

Anh là một người Quraysh, và tôi là một người Barjona, nghĩa là hậu duệ của những người Do Thái yêu nước zélote ^[51] xưa kia từng khiến người La Mã kinh hoàng. Cũng giống như anh, tôi bảo vệ các giá trị và truyền thống của chúng tôi, không ngần ngại: những người Do Thái yêu nước cũng được gọi là kiếm khách, vì sự điêu luyện của họ trong việc điều khiển dao găm và kỹ thuật mổ bụng kẻ thù. Nhưng tôi thấy cha Nil là người dễ mến, còn Leeland là bạn tôi từ hai mươi năm

nay. Đừng làm gì họ mà không báo trước cho tôi.

- Ông bạn Leeland của anh thường bước đi tay trong tay với người Pháp đó, ông ta cũng biết gần hết mọi chuyện. Hơn nữa ông ta còn là một kẻ đồng tính, tôn giáo của chúng tôi lên án những kẻ như ông ta! Còn người kia, nếu ông ta động đến kinh Coran và Đấng Tiên tri, thì không điều gì có thể ngăn được công lý của Chúa.

- Rembert mà là người đồng tính ư? Anh đùa à! Họ là những con người trong sạch, Morktar ạ, tôi tin chắc rằng bạn tôi còn nguyên vẹn. Điều gì diễn ra trong đầu ông ấy thì lại là chuyện khác; nhưng kinh Coran chỉ kết tội hành động, chứ không lục soát trong bộ não. Nhiệm vụ này liên quan đến sự toàn vẹn của ba đạo độc thần: đừng động đến một sợi tóc của họ mà không báo trước cho tôi. Hơn nữa, nếu anh muốn áp dụng luật Coran với họ, anh sẽ không thể thoát ra khỏi chuyện này mà không có tôi: chuyện trên tàu Roma Express chỉ là trò trẻ con, nhưng giữa thành phố này mọi thứ sẽ khó hơn đây. Mossad để lại ít dấu vết hơn là Fatah, anh biết rõ thế mà... Ở đây, các phương pháp của anh không phù hợp đâu.

Khi họ chia tay nhau, bình *cent'herba* rỗng không. Nhưng bước chân của hai người đàn ông trong phố vắng vẫn chắc chắn giống như trước đó họ chỉ uống toàn nước suối.

Từ lúc bình minh, Sonia cứ đi thẳng về phía trước như một cái máy. Cô nghiền ngẫm những điều Calfo đòi hỏi cô làm cho ông ta trong lần tới: cô không thể. “Ta chẳng là gì hơn một con điếm, nhưng thế là quá nhiều.” Cô phải nói chuyện với ai đó, cô cần chia sẻ cảnh đơn chiếc tuyệt vọng của mình. Moktar ư? Anh ta sẽ đưa cô trở lại Ả Rập Xê út mát. Anh ta đã lấy hộ chiếu của cô, và đã cho cô xem ảnh gia đình cô, những bức ảnh mới chụp ở Rumania. Các chị em cô và bố mẹ cô có thể sẽ bị đe dọa, họ sẽ phải trả giá thay cô nếu cô không tỏ ra ngoan ngoãn. Cô lau nước mắt và hỉ mũi.

Cô đi ngược lên bờ sông Tiber, và nhận thấy mình vừa đi qua một ngã tư nhộn nhịp vào đầu buổi sáng. Ở đầu một con phố rộng quang đãng ngoặt về phía trụ sở thành phố, thấp thoáng hai giáo đường cổ và trán tường của Nhà hát Marcellus. Cô không muốn đi theo hướng đó, có thể sẽ có khách du lịch mà cô thì đang cần ở một mình. Cô đi qua: trước mặt cô, cổng nhà thờ Saint Mary in Cosmedin đang mở. Cô bước qua, đi qua cửa Miệng Thần Sự thật, không nhìn mà đi thẳng vào trong.

Cô chưa từng đến đây, và bị choáng ngợp trước vẻ đẹp của các bức tranh ghép. Không có bình phong hình thánh, nhưng nhà thờ này rất giống với những nhà thờ mà cô từng lui tới khi còn trẻ. Nơi đây ngự trị một bầu không khí yên bình và bí ẩn, đức Christ trong ánh hào quang là Đức Chúa của những người theo Chính giáo, và còn phảng phất mùi hương. Người ta vừa tổ chức lễ Mixa trên bàn thờ chính, một em bé trong dàn đồng ca đang thổi tắt từng ngọn nến. Cô bước lại gần, rồi quỳ xuống hàng ghế đầu tiên bên trái.

“Một linh mục: mình muốn nói chuyện với một linh mục. Những người Cơ Đốc cũng tôn trọng sự bí mật của lời xưng tội, giống như ở nước mình.”

Vừa lúc đó, một linh mục đi ra từ cửa bên trái, hẳn là từ kho đồ thờ ra. Ông mặc một áo lễ khoác ngoài rộng bằng đăng ten trắng, không có dấu hiệu gì đặc biệt. Khuôn mặt ông tròn và nhẵn như mặt một em bé, nhưng mái tóc bạc trắng cho thấy đây là một người từng trải. Cô ngược nhìn ông bằng đôi mắt đỏ hoe vì một đêm khóc nhiều, và bị ấn tượng bởi sự dịu dàng trong ánh mắt ông. Với vẻ hăm hở không suy xét, cô ngẩng đầu lên khi ông đi qua.

- Thừa cha...

Ông đưa mắt nhìn cô.

- Thừa cha, con theo đạo chính thống...nhưng liệu con có thể xưng tội với cha không?

Ông mỉm cười với cô một cách nhân từ: ông ưa thích những dịp hiếm hoi mà ông có thể thực hành chức phận nhân từ của mình một cách vô danh. Ánh sáng phản chiếu từ những bức tranh ghép mạ vàng khiến khuôn mặt Sonia đang hăm sâu vì căng thẳng ánh lên vẻ đẹp của người Xenia nguyên thủy.

- Cha không thể ban cho con lễ phước xá tội, con của cha, nhưng Chúa sẽ mang đến cho con niềm an ủi...Hãy đến đây.

Cô ngạc nhiên thấy mình quỳ trước mặt ông, không hàng rào cũng không có chướng ngại vật nào theo phong tục ở Roma. Mặt ông cách mặt cô vài xen ti mét.

- Nào, cha nghe con nói đây...

Khi bắt đầu nói, cô có cảm giác một khối nặng đã được nhấc ra khỏi ngực cô. Cô kể về người phụ nữ đã tuyển dụng cô ở Rumania, rồi về người Palestin đã sai cô đến nhà của viên chức cao cấp người Ả Rập. Cuối cùng là về Roma và người đàn ông nhỏ bé mũm mĩm, một giáo sĩ Cơ Đốc cao cấp mà cô phải thỏa mãn bằng mọi giá.

Khuôn mặt vị linh mục đột ngột rời xa khỏi mặt cô, và cái nhìn của ông trở nên sắc nhọn.

- Vị giáo sĩ cao cấp Cơ Đốc đó, con có biết tên ông ta không?

- Con không biết, thưa cha, nhưng hẳn ông ấy là Giám mục: ông ấy đeo một chiếc nhẫn kỳ lạ, con chưa từng thấy bao giờ. Có thể gọi là một cái quan tài, một viên đá quý hình quan tài.

Vị linh mục vội vàng quay mặt chiếc nhẫn Giám mục đang đeo trên ngón tay vào phía trong, và giấu bàn tay phải vào sau những nếp gấp của chiếc áo lễ. Đang toàn tâm với việc xưng tội nên Sonia không hề nhìn thấy cử chỉ lén lút đó.

- Một Giám mục...thật kinh khủng! Và con nói rằng ông ta bắt con làm...

Một cách khó nhọc, Sonia kể lại cảnh tượng đã diễn ra trước hình thánh kiêu bizăngtin, chiếc mũ bà xơ bọc trên đầu cô, cơ thể trần truồng của cô dâng cho người đàn ông vừa quỳ phía sau cô trên ghế cầu nguyện vừa thì thầm những lời không thể hiểu nổi về việc hợp nhất với Hư vô.

Vị linh mục ghé sát mặt vào cô.

- Và con nói rằng trong lần gặp tới, ông ta muốn...

Cô nói lại với ông điều vị Giám mục đã giải thích cho cô nghe trước khi cho cô về, cũng là điều đã khiến cô cuống cuống trốn chạy khỏi căn hộ đó. Gương mặt vị linh mục lúc này gần như chạm vào mặt cô, nó trở nên cứng như thứ đá cẩm thạch lát sàn mà cô đang quỳ lên. Ông nói chậm, tách rõ từng từ:

- Con của cha, Chúa tha thứ cho con vì con đã bị lạm dụng bởi một trong những người đại diện cho Người trên trái đất này, và con không có lựa chọn nào khác. Hôm nay, nhân danh Người, cha ban cho con sự bằng an. Nhưng không được, con hiểu ý cha chứ, *không* được chấp nhận dâng hiến thân xác cho giáo sĩ này trong lần gặp tới: điều ông ta muốn làm với con là một sự báng bổ ghê tởm đối với Jesus-Christ, Đấng Cứu thế đã bị đóng đinh trên thập giá.

Sonia ngẩng khuôn mặt ngao ngán về phía ông.

- Không thể được! Điều gì sẽ xảy ra với con nếu con không vâng lời ông ấy? Con không thể rời khỏi Roma, hộ chiếu của con...

- Sẽ không có chuyện gì xảy ra với con hết. Trước hết là vì Chúa sẽ che chở con, lời thú tội của con chứng tỏ tâm hồn con trong sạch. Con biết đấy, cha sẽ giữ bí mật về lời xưng tội của con. Nhưng cha biết một số người ở Roma, và cha sẽ làm thế nào đó để không có chuyện gì xảy ra với con mà vẫn không phản bội lời hứa giữ bí mật. Con thật bất hạnh vì đã rơi vào tay một Giám mục đồi bại, kẻ không còn xứng đáng với chiếc nhẫn hắc đang đeo. Chiếc quan tài đang trang trí cho bàn tay tội lỗi của hắn, giờ đây đã trở thành biểu tượng cho cái chết tinh thần của chính hắn. Nhưng con cũng đang ở trong tay Chúa: hãy có lòng tin. Đừng đến gặp hắn vào ngày mà con đã nói với cha.

Cuộc gặp bất ngờ với vị linh mục đối với Sonia giống như câu trả lời của Chúa đáp lại lời cầu xin của cô. Lần đầu tiên từ khi lao xuống cầu thang căn hộ của Calfo, cô có thể hít thở tự do. Vị linh mục không quen biết này đã nghe cô nói một cách nhân từ, đã bảo đảm với cô về sự khoan dung của Chúa! Được giải thoát khỏi khối nặng đang đè lên mình, cô nắm tay ông và hôn lên đó giống như những con chiên Cơ Đốc ngoan đạo vẫn làm. Cô không nhận thấy rằng đó là tay trái của ông: bàn tay phải vẫn luôn được giấu trong vạt áo lễ.

Trong khi cô bước về phía cửa ra, vị linh mục đứng dậy và quay vào kho đồ lễ. Trước hết ông xoay lại chiếc nhẫn Giám mục có khắc dấu của thánh Peter. Rồi cởi áo lễ, để lộ chiếc thắt lưng màu tía to bản. Bằng một cử chỉ chính xác, ông vuốt mái tóc bạc và đặt lên đó chiếc mũ chòm cũng màu tía của Hồng y.

Cho đến nay, ván bài của Catzinger vẫn ở vào thế ít thuận lợi hơn so với ván bài của người Napoli kia. Vô tình, Sonia đã mang đến cho ông một quân bài chủ. Quân bài này, ông sẽ dùng nó bằng cách giao cho Antonio, người trung thành trong số những người trung thành đã thành công trong việc đánh lừa sự cảnh giác của Hội Thánh Pie V: chàng trai gốc Andalousia này chưa bao giờ nhân nhượng hay đi chệch đường, có thể tỏ ra mềm dẻo như một lưỡi dao Toledo, và cũng giống như lưỡi dao đó, chỉ gấp lại để bật ra tốt hơn.

Ngồi trước cánh cửa bọc sắt đầu tiên, viên cảnh sát của Tòa Thánh để họ đi qua mà không kiểm tra giấy phép của cha Nil: những người quen thuộc...Breczinsky dẫn họ đến trước bàn nơi những bản thảo hôm trước đang chờ đợi.

Cha Nil đã báo trước cho Leeland biết rằng họ chỉ đến Vatican vào đầu buổi chiều: ông cần phải suy nghĩ. Sự tin tưởng mà người đàn ông Ba Lan kia dành cho ông lúc đầu khiến ông ngạc nhiên, sau đó hoảng sợ. “Ông ấy đã nói ra vì cô đơn đến tuyệt vọng, hay vì đang điều khiển mình?” Chưa bao giờ vị giảng viên trầm tĩnh của tu viện bên bờ sông Loire phải đối mặt với hoàn cảnh như vậy. Ông đã quyết định sẽ lần theo dấu vết của tông đồ thứ mười ba: cũng như ông ấy, ông đang ở giữa những xung đột lợi ích vượt quá chính ông.

Breczinsky đã nói muốn giúp ông, nhưng ông ấy có thể làm gì được? Vatican rất rộng lớn, mỗi bảo tàng và thư viện ở đây hẳn phải có một hoặc nhiều nhà phụ nơi hàng nghìn đồ vật có giá trị yên ngủ. Đâu đó trong các nhà phụ này có thể có một thùng rượu Cognac hiệu Napoleon, có chứa những bản thảo bị xé lẻ của người Esseni, và một mảnh giấy, một mảnh giấy da rất nhỏ được buộc bằng một sợi dây lanh. Lời mô tả của Lev Barjona vẫn khắc sâu trong tâm trí cha Nil, nhưng liệu cái thùng đó có bị dổc ra, và những thứ đựng trong đó có ngẫu nhiên bị phân tán bởi một nhân viên vội vàng nào đó không?

Khoảng giữa chiều ông tháo găng tay ra.

- Đừng hỏi tớ nhé: tớ phải gặp lại Breczinsky.

Leeland lặng lẽ gật đầu, và nở một nụ cười khuyến khích với cha Nil trước khi lại cúi xuống bản thảo thời Trung cổ mà họ đang xem xét.

Tim đập mạnh, tu sĩ người Pháp gõ cửa văn phòng viên thủ thư.

Khuôn mặt Breczinsky như đang lên cơn sốt, phía sau cặp kính tròn đôi mắt ông có quang thâm rõ rệt. Ông ra hiệu cho cha Nil ngồi xuống.

- Cha ạ, cả đêm tôi đã cầu nguyện để Chúa soi sáng cho tôi, và tôi đã quyết định. Điều tôi đã làm cho cha Andrei, tôi sẽ làm cho cha: chỉ cần cha biết rằng tôi lại một lần nữa vi phạm những quy định thiêng liêng nhất được truyền lại cho tôi khi tôi nhận chức vụ này. Tôi quyết định như vậy vì cha đã

đảm bảo với tôi rằng cha không tìm cách chống lại Giáo hoàng, mà ngược lại cha có ý định sẽ thông báo cho ngài tất cả những gì cha phát hiện được. Cha có thể thề với tôi điều đó trước Chúa không?

- Tôi chỉ là một tu sĩ, cha Brezinsky ạ, nhưng tôi luôn tìm cách để vẫn là tu sĩ đến cùng. Nếu điều tôi phát hiện ra là một mối nguy cho Giáo hội, Giáo hoàng sẽ là người duy nhất được cảnh báo.

- Tốt... Tôi tin cha, như tôi đã tin cha Andrei. Việc quản lý các tài sản cất giữ ở đây chỉ là một trong các chức phận của tôi, chức phận duy nhất được biết đến và cũng ít quan trọng nhất. Trong khu vực kéo dài của kho sách, có một nơi mà cha không nhìn thấy trên bất kỳ bản thiết kế nào về các công trình ở đây, cha không thấy được nhắc đến ở bất kỳ đâu vì nó không tồn tại một cách chính thức. Nó được xây dựng theo mong muốn của Thánh Pie V vào năm 1570, thời điểm kết thúc việc xây dựng đại giáo đường Saint Peter.

- Các tài liệu lưu trữ bí mật của Vatican à?

Brezinsky mỉm cười.

- Các tài liệu lưu trữ bí mật hoàn toàn chính thức, chúng nằm ở hai tầng trên đầu chúng ta, nội dung của chúng được các nhà nghiên cứu tiếp cận theo những quy định công khai. Không, khu vực này chỉ được rất ít người biết đến, và vì không tồn tại, nên nó không có tên. Cha có thể gọi nó là hầm bí mật của Vatican, phần lớn các nhà nước trên hành tinh này đều sở hữu một thứ gì đó tương tự. Tôi xin nhắc lại là vì nó không tồn tại, nên nó cũng không có thủ thư được chỉ định chính thức, và những thứ được đặt trong đó không có mã số cũng chẳng có danh mục. Đó là một thứ địa ngục nơi mà người ta chôn vào quên lãng những tài liệu nhạy cảm, vì người ta không muốn một ngày nào đó chúng được biết đến bởi các nhà sử học hoặc các phóng viên. Tôi là người duy nhất chịu trách nhiệm về nó trước Đức Thánh Cha. Trải qua nhiều thế kỷ, người ta đã chôn vùi vào đó cả đồng những thứ lẽ bộ, theo sáng kiến của một Giáo hoàng hoặc một Hồng y bộ trưởng nào đấy. Khi ai đó quyết định gửi một tài liệu đến hầm bí mật, người ta sẽ không lấy nó ra nữa, ngay cả người quyết định đã chết. Tài liệu ấy sẽ không bao giờ được lưu trữ hay khai quật.

- Cha Brezinsky... tại sao cha lại tiết lộ với tôi về sự tồn tại của căn hầm bí mật này?

- Vì đó là một trong hai nơi ở Vatican mà ta có thể tìm thấy thứ cha đang tìm. Nơi còn lại là những tài liệu lưu trữ bí mật được công bố hàng năm, năm mươi năm sau những sự việc có liên quan đến chúng. Trừ phi có quyết định ngược lại, nhưng nhìn chung quyết định đó thường có động cơ chính thức. Cha nói rằng một thùng rượu có chứa các bản thảo vùng biển Chết đã đến Vatican vào năm 1948, thời điểm xảy ra cuộc chiến Israel-Ả Rập đầu tiên: nếu được xếp vào loại các tài liệu lưu trữ bí mật, hẳn nó đã ra khỏi đó rồi. Và nếu một tài liệu nào đó trong số này được cho là quá nhạy cảm để công khai với quần chúng, hẳn là tôi cũng phải được biết: điều này đôi khi vẫn xảy ra, tôi thường nhận được một tập hồ sơ hoặc một kiện hàng cần được cất giấu trong hầm bí mật để tránh những kẻ tò mò ác ý. Tôi là người duy nhất có tư cách làm điều đó: vậy mà từ năm nay, tôi không nhận được thứ gì mới, dù là tài liệu lưu trữ bí mật hay thứ gì khác.

- Nhưng... cha có hiểu những thứ mà cha phải cất giữ vĩnh viễn trong hầm bí mật này không? Liệu có ngày nào đó cha tò mò liếc qua những thứ mà những người tiền nhiệm của cha đã cất giữ ở đó từ cuối thế kỷ XVI không?

Breczinsky trả lời với giọng gần như vui vẻ.

- Giáo hoàng Wojtyla đã khiến tôi phải thề không bao giờ được tìm cách biết nội dung của những thứ mà tôi tiếp nhận, hoặc những thứ đang có trong hầm này. Trong vòng mười lăm năm, tôi chỉ đến đó ba lần, để mang vào đó những thứ cần cất giữ. Tôi đã trung thành với lời thề của mình, nhưng tôi không ngăn được mình nhìn thấy một loạt giá sách có dán nhãn *Bản thảo vùng biển Chết*. Tôi không biết khu vực đó của hầm chứa đựng những gì. Khi tôi nói điều này với cha Andrei, người mà tôi cũng tâm sự những điều đã nói với cha, ông ấy đã xin được xem qua nơi đó. Tôi có thể xin phép ai chứ? Chỉ có Giáo hoàng thôi, nhưng chính Giáo hoàng lại là người mà cha Andrei và tôi muốn ngầm bảo vệ. Tôi đã đồng ý, và cho phép ông ấy ở trong đó một giờ.

Cha Nil thì thầm:

- Và ngay hôm sau ông ấy đã vội vã rời khỏi Roma đúng không?

- Đúng. Ông ấy đã lên tàu Roma Express ngay hôm sau, không nói gì với tôi. Phải chăng ông ấy đã phát hiện ra điều gì? Ông ấy có nói với ai không? Tôi không biết.

- Nhưng ông ấy đã bị rơi khỏi tàu Roma Express trong đêm, và đó không phải là một tai nạn.

Breczinsky đưa hai tay lên mặt.

- Đó không phải là một tai nạn. Điều tôi có thể nói với cha, đó là khi theo đuổi công việc của bạn mình, cha đã đặt bản thân vào hoàn cảnh nguy hiểm tương tự. Cũng như ông ấy, việc tìm kiếm đã dẫn cha đến tận ngưỡng cửa của cái nơi không tồn tại này. Tôi sẵn sàng để cha vào đó, tôi tin tưởng ở cha giống như đã tin tưởng ông ấy. Catzinger, mà tôi e là còn rất nhiều người khác nữa, cũng đang đi theo hướng tìm kiếm này: nếu đến đích trước họ, cha sẽ gặp nguy hiểm giống cha Andrei. Vẫn còn đủ thời gian để cha từ bỏ mọi thứ, cha Nil ạ, và quay về phòng bên cạnh để nghiên cứu những bản thảo vô hại thời Trung cổ. Cha quyết định thế nào?

Cha Nil nhắm mắt lại. Dường như ông đang nhìn thấy tông đồ thứ mười ba ngồi bên phải Jesus trong căn phòng lớn, kính cẩn nghe Người nói. Rồi trở thành người nắm giữ một bí mật nặng nề, phải đơn độc chiến đấu chống lại sự căm thù của Peter và Mười hai tông đồ, những người chỉ muốn có mười hai người và độc quyền nắm giữ thông tin truyền lại. Những người buộc ông phải chịu cảnh lưu đày và câm lặng, để Giáo hội mà họ sẽ xây dựng dựa trên kí ức dối trá về Jesus được tồn tại vĩnh viễn, *alpha và omega*.

Bí mật này đã trải qua nhiều thế kỷ trước khi đến được với ông. Nằm dài bên bàn trong bữa ăn cuối cùng, người tựa lên khủy tay, ngày nay môn đồ cứng của Jesus đang yêu cầu ông tiếp bước.

Cha Nil đứng dậy.

- Chúng ta đi nào, cha.

Họ ra khỏi văn phòng. Leeland vẫn cúi người bên bàn, thậm chí không ngẩng đầu lên khi nghe bước chân họ đi qua phía sau. Họ đi dọc các phòng của kho sách. Breczinsky mở một cánh cửa nhỏ và

ra hiệu cho cha Nil đi theo.

Một hành lang dốc xuống thoải thoải. Cha Nil tìm cách định hướng. Như đoán được ý nghĩ của ông, Brezczinsky thì thầm:

- Chúng ta đang ở bên dưới cánh ngang bên phải của đại giáo đường Saint Peter. Nơi này được đào vào trong móng, cách năm mét của Thánh tông đồ được phát hiện trong quá trình đào bới theo lệnh của Pie XII dưới bàn thờ chính khoảng bốn mươi mét.

Hành lang tạo thành một chỗ ngoặt, và dẫn đến một cánh cửa bọc sắt. Tu sĩ người Ba Lan mở cúc cổ áo kiểu Roma và lấy ra một chiếc chìa khóa nhỏ mà ông đeo sát vào người. Vừa mở cửa ông vừa nhìn đồng hồ.

- Bây giờ là mười bảy giờ, kho sách đóng cửa vào mười tám giờ: cha có một giờ. Tất cả các cánh cửa đều có thể mở được từ bên trong mà không cần chìa khóa, cánh cửa này cũng vậy: khi ra ngoài, cha chỉ cần đóng lại, nó sẽ tự động khóa. Cha tắt điện trước khi ra ngoài và đến tìm tôi trong văn phòng.

Cánh cửa bọc sắt mở ra không một tiếng động, Brezczinsky đưa tay vào tường bên trong và bật một công tắc.

- Cha cẩn thận đừng làm hỏng thứ gì. Chúc cha may mắn!

Cha Nil bước vào: cánh cửa đóng lại sau lưng ông với một tiếng cạch trầm đục.

Ông đang đứng trước một đường hầm dài có hình vòm, được chiếu sáng rực. Bức tường bên phải trần trụi, hình như bằng đá: cha Nil đưa tay lướt trên mặt tường, và nhận ra ngay kỹ thuật đục đá. Không phải là những thanh đỡ nóc của các thợ nề thời Trung cổ, cũng không phải là những đường cửa của thời đại gần đây. Dấu vết đều đặn của những đường kéo và khoảng cách giữa chúng là cách ký tên của các thợ đục đá thời Phục hưng.

Dọc bức tường bên trái, những kệ sách chạy dọc cho đến cuối đường hầm. Một số giá sách được chạm khắc cầu kỳ, đó là những giá sách cổ nhất. Những chiếc khác chỉ đơn giản bằng gỗ mộc, hẳn là được thêm vào qua các thế kỷ theo nhu cầu sắp xếp sách.

Sắp xếp... Mới nhìn qua, cha Nil đã nhận ra không có sự phân loại hợp lý nào cả. Những thùng, những hộp, những thùng giấy, những chồng hồ sơ nằm chồng chất trên các giá. “Cần gì phải đưa trật tự vào chốn địa ngục? Không bao giờ có thứ gì ra khỏi đây hết.”

Ông bước lên một bước để nhìn vào phần cuối đường hầm: khoảng năm mươi mét. Hàng chục kệ, hàng nghìn tài liệu: tìm một cây kim trong bó cỏ khô này, trong vòng một giờ... là điều không thể. Tuy nhiên cha Andrei đã tìm thấy ở đây thứ gì đó, cha Nil tin chắc như thế, chỉ điều này mới giải thích được tại sao ông ấy trốn chạy và thiệt mạng. Ông bước tiếp, vừa đi vừa chăm chú nhìn những kệ sách bên tay trái.

Không hề có sự sắp xếp, nhưng có những tấm biển đóng tại từng khu giá sách, một sự pha trộn giữa kiểu chữ viết thanh lịch thời xưa với

những nét chữ hiện đại hơn. Ông có cảm giác thời gian bị phá vỡ.

Cathares... Các vụ xử Hiệp sĩ, cả một kệ. Savonarole, Jean Huss, Vụ Galilei, Giordano Bruno, các giáo sĩ Pháp bỏ đạo, danh sách những linh mục đã tuyên thệ bị Roma kết tội bội giáo vào năm 1792. Một vài thư từ trao đổi S.S với Garibaldi... Toàn bộ lịch sử bí mật của Giáo hội trong cuộc chiến với kẻ thù của nó. Đột nhiên cha Nil sững lại: một kệ xếp đầy những hộp bằng bìa cứng có vẻ còn mới, với một cái nhãn duy nhất: *Nghệp vụ Ratlines*.

Quên mất tại sao mình lại ở đây, cha Nil bước vào trong dãy giá sách và mở ngẫu nhiên một hộp: thư từ trao đổi giữa Pie XII và Draganovich, cựu linh mục sau đó trở thành chỉ huy của các oustachi, những tên phát xít Croatia từng gây nên bao nỗi kinh hoàng trong chiến tranh. Ông mở vào hộp khác: phiếu căn cước của những tên tội phạm phát xít nổi tiếng, bản kê hộ chiếu của Vatican lập ra dưới tên chúng, biên nhận những khoản tiền đáng kể. Nghệp vụ Ratlines là tên gọi mã hóa của một cơ cấu đã cho phép những tội phạm phát xít trốn thoát ngay sau chiến tranh mà không hề bị trừng phạt, nhờ sự giúp đỡ của Trụ sở Thánh.

Cha Nil đưa tay lên mặt. Ông chẳng biết thêm gì mới. Những việc làm tổn hại đến thanh danh Giáo hội, thậm chí những tội ác, là đoạn tiếp theo đúng logic của những điều mà tông đồ thứ mười ba đã phải chịu đựng vào thế kỷ I. Ông ra khỏi dãy, và mắt ông bị thu hút bởi một tập hồ sơ được đặt qua loa trên một giá sách: *Auschwitz, báo cáo trong ngục tối 1941*. Ông kìm nén mong muốn mở tập hồ sơ: “Trụ sở Thánh đã biết rõ về Auschwitz ngay từ năm 1941...”

Ông nhìn đồng hồ: chỉ còn nửa giờ. Ông bước tiếp.

Đột nhiên, ông dừng lại: mắt ông vừa bắt được một nhãn có nét chữ còn mới.

Manoscritti del mare Morto, Spuria.

Khoảng chục chiếc hộp phủ bụi nằm chồng đống lên nhau. Ông nhấc chiếc hộp trên cùng và mở ra: bên trong nhiều cuộn giấy đã bị thời gian phá hủy đến một nửa. Ông tiếc mình không đeo găng, và nhấc một cuộn lên: những mảnh giấy da rời ra và rơi xuống phủ đầy đáy hộp. “Chữ viết Do Thái ở vùng Qumran!” Đúng là những bản thảo vùng biển Chết, nhưng tại sao chúng lại bị giam hãm trong địa ngục này, bị buộc phải tan vụn ra trong khi các nhà bác học trên toàn thế giới đang tìm kiếm chúng? *Spuria*, “rác”: phải chăng người ta muốn rút bỏ những thứ rác này ra khỏi cộng đồng thế giới, vì chúng không có giá trị gì... hay vì chúng đại diện cho một thứ rác của Lịch sử cần phải che giấu mọi người mãi mãi vì lịch sử đã ngoặt sang một hướng khác?

Ông đặt lại chiếc hộp vào chỗ của nó. Chiếc thùng bên dưới được làm bằng gỗ màu trắng, và bên cạnh nó có in dòng chữ: *Cognac Napoleon, hầm của Hoàng đế*.

Chiếc thùng của Giáo chủ Samuel, chiếc thùng được giao lại cho tu sĩ cần vụ của dòng tu Dominique ở Jerusalem!

Tim đập thành thịch, cha Nil kéo nó ra khỏi đống hộp. Trên nắp thùng, một bàn tay nào đó đã viết lên ba chữ cái: MMM. Ông nhận ra nét chữ thô nháp của cha Andrei.

Đầu óc ông quay cuồng: như vậy, khi viết MMM lên mảnh giấy lúc ở trên tàu, cha Andrei không ám chỉ lô bản sao của Thư viện Huntington được cất giữ trong thư viện của tu viện Saint-Martin. Ông ấy còn muốn nói đến chiếc thùng này, thứ mà cha Nil vừa phát hiện ra. Chính cha Andrei đã viết lên nắp thùng ba chữ cái kia để có thể nhận ra nó dễ dàng hơn một ngày nào đó: *nó* mới là thứ mà ông ấy muốn nói đến. Phát hiện này, thực hiện được nhờ cuộc gặp với Breczinsky, chính là kết quả của những tìm kiếm của họ, và ông ấy có ý định nói hết với cha Nil.

Đó là lý do vì sao ông ấy bị giết.

Cha Nil mở chiếc thùng: cũng vẫn là những mảnh vụn rơi ra từ những cuộn giấy chất đống. Và ở bên cạnh, một cuộn giấy da đơn giản được cuộn lại. Tay cha Nil run lên khi ông tháo sợi dây lanh buộc quanh bản thảo. Ông cẩn thận mở ra: chữ Hy Lạp, nét chữ thanh lịch hoàn toàn có thể đọc được. Chữ viết của tông đồ thứ mười ba! Ông bắt đầu đọc:

“Ta, môn đồ cung của Jesus, tông đồ thứ mười ba, gửi đến tất cả các Giáo hội...”

Khi đọc xong, mặt cha Nil tái xanh. Phần đầu của bức thư không cho biết thêm điều gì ngoài những điều ông đã biết: Jesus không phải là Chúa, Mười hai tông đồ, bị thôi thúc bởi tham vọng chính trị của họ, đã thần thánh hóa Người. Nhưng tông đồ thứ mười ba biết rằng điều này có thể sẽ không đủ để giữ gìn gương mặt thật của Thầy mình: ông đưa ra lời chứng, một cách không thể chối cãi được, rằng ngày 9 tháng Tư năm 30, ông đã gặp những người mặc đồ trắng, những người Esseni, trước năm mồ nơi họ vừa lấy thi thể Jesus ra, và đang chuẩn bị mang thi thể này đến một trong những nghĩa trang của họ trên sa mạc để chôn cất một cách xứng đáng.

Năm mồ này, ông không chỉ ra vị trí chính xác của nó. Bằng một câu ngắn gọn, ông khẳng định rằng chỉ cát sa mạc mới có thể bảo vệ năm mồ của Jesus khỏi ham muốn của loài người. Giống như tất cả các nhà truyền giáo khác, người Nazareth này sẽ sống trong cõi vĩnh hằng, và sự sùng kính đối với xương cốt của Người có thể khiến nhân loại đi trệch khỏi cách thức duy nhất để gặp gỡ Người: cầu nguyện.

Trong những tháng tìm kiếm vừa qua, cha Nil đã tin rằng bí ẩn mà ông đang đối mặt là bí ẩn về tông đồ thứ mười ba, về vai trò của ông này ở Jerusalem và đối với hậu duệ của ông. Người đã tự tay viết những dòng này cũng biết mình đã bị loại khỏi Giáo hội, bị xóa tên khỏi tương lai của Giáo hội. Tương lai đó, ông đã tiên liệu trước là sẽ không có gì liên quan đến cuộc đời và lời dạy của Thầy mình. Ông gửi gắm vào

mảnh giấy da này điều bí mật mà một ngày nào đó có thể sẽ cho phép thế giới phát hiện ra gương mặt thực sự của Jesus. Ông làm điều đó mà không hề có chút ảo tưởng nào: một mảnh giấy mỏng manh thì có ý nghĩa gì khi phải đối diện với tham vọng không bao giờ thỏa mãn nổi của những người sẵn sàng làm mọi chuyện để đạt được mục đích, bằng cách sử dụng ký ức về người mà ông yêu quý hơn bất cứ ai?

Tông đồ thứ mười ba vừa đưa ông đến với điều bí mật có thật: sự tồn tại thực sự về mặt vật lý của một nắm mồ chứa đựng xương cốt của Jesus.

Cha Nil liếc nhìn đồng hồ: mười tám giờ mười phút. “Miễn là Brezinsky còn chờ mình!” Ông xếp lại bức thư đã được tìm thấy một cách kỳ diệu vào thùng, và đặt lại chiếc thùng vào vị trí của nó. Ông sẽ giữ lời: Giáo hoàng sẽ được thông báo, thông qua trung gian là viên thủ thư người Ba Lan, về sự tồn tại của bức thư tông đồ mà ngàn ấy thế kỷ cũng như người của Giáo hội đã không thể làm biến mất được. Nhờ vào ghi chú MMM, Brezinsky sẽ dễ dàng tìm được nó và đưa lại cho ngài.

Chuyện xảy ra sau đó sẽ không còn liên quan gì đến một tu sĩ nhỏ bé như ông. Chỉ liên quan đến Giáo hoàng mà thôi.

Cha Nil nhanh chóng ra khỏi đường hầm, cẩn thận tắt đèn: phía sau ông, cánh cửa tự động khóa lại. Khi ông đến nơi Leeland và ông đã làm việc những ngày qua, căn phòng trống không và đèn trần đã tắt. Ông đến gõ cửa văn phòng viên thủ thư: không có ai trả lời, Brezinsky đã không chờ ông.

Cha Nil lo lắng tự hỏi liệu tất cả những cánh cửa dẫn ra sân Belvedere có mở được từ bên trong không: ông hiểu mình sẽ khổ sở thế nào nếu phải qua đêm trong bầu không khí tù hãm của kho sách. Nhưng Brezinsky đã không nói dối ông: ông đi qua hai cánh cửa bọc sắt một cách dễ dàng. Sảnh vào vắng hoe, nhưng cánh cửa bên ngoài tòa nhà mở hé. Không suy nghĩ, cha Nil bước ra sân và hít một hơi thật sâu. Ông

cần phải đi bộ, để sắp xếp lại suy nghĩ một chút.

Ông đã vội vàng rời tòa nhà nên không để ý đến ô cửa kính màu nơi viên cảnh sát của Vatican đang đứng hút thuốc. Vừa nhìn thấy ông đi qua, anh ta nhắc điện thoại nội bộ của Thành Vatican và ấn lên một nút.

- Thưa Đức Hồng y, ông ấy vừa đi ra... Vâng, một mình ạ: người kia đã ra trước ông ấy. *Di niente, Eminenza* ^[52].

Trong văn phòng mình, Hồng y Catzinger vừa gác máy vừa thở dài: sắp đến giờ của Antonio, sắp đến rồi.

79.

Cha Nil đi qua quảng trường Saint Peter, và máy móc ngược mắt lên: cửa sổ phòng Giáo hoàng vẫn sáng đèn. Ngay ngày mai ông sẽ nói với Brezinsky, chỉ cho ông ấy vị trí của vỏ thùng Cognac có đánh dấu MMM và nhờ ông ấy nói lại lời nhắn của ông đến vị Giáo hoàng già. Ông bước vào đường Aurelia.

Đến thêm nghỉ ở tầng ba, ông dừng lại: qua cánh cửa, ông nghe thấy Leeland đang chơi bản *Gymnopédie* thứ hai của Erik Satie. Giai điệu nhẹ nhàng thể hiện nỗi u sầu vô tận, nỗi tuyệt vọng nhuộm màu hài hước và nhạo báng. “Rembert... Sự hài hước của cậu có giúp cậu vượt qua nỗi tuyệt vọng của chính cậu không?” Ông khẽ gõ vào cánh cửa.

- Vào đi, tớ đang sốt ruột chờ cậu đây.

Cha Nil ngồi xuống, gần chiếc đàn piano.

- Remby, tại sao cậu rời kho sách trước khi tớ quay trở lại?

- Brezinsky đến thông báo với tớ vào lúc mười tám giờ: phải đóng cửa, ông ấy nói thế. Ông ấy có vẻ rất lo lắng. Nhưng chuyện đó không quan trọng: nói xem, cậu có phát hiện được gì không?

Cha Nil không chia sẻ được sự vô tư của Leeland: sự vắng mặt của Brezinsky khiến ông lo lắng. “Tại sao ông ấy không ở đó như đã thống nhất, khi mình quay lại?” Ông gạt ý nghĩ này ra khỏi đầu.

- Ủ, tớ đã tìm thấy cái mà cha Andrei và tớ tìm kiếm từ bấy lâu nay: một bản nguyên vẹn bức thư của tông đồ thứ mười ba, thực ra là bản gốc.

- Tuyệt vời! Nhưng bức thư này... nó khủng khiếp đến thế sao?

- Nó ngắn thôi, và tớ thuộc lòng rồi. Origène nói đúng, nó chứa đựng bằng chứng không thể chối cãi rằng Jesus không phải đã sống lại như Giáo hội rao giảng. Như vậy, Người không phải là Chúa: nằm mò trống ở Jerusalem, trên đó mộ Chúa Jesus được xây lên, là một sự lừa bịp. Nằm mò thật sự trong đó chứa đựng xương cốt của Jesus nằm đâu đó trên sa mạc.

Leeland có vẻ sửng sốt:

- Trên sa mạc! Nhưng chính xác là ở đâu?

- Tông đồ thứ mười ba từ chối nêu chính xác vị trí nấm mồ, nhằm bảo vệ thi thể Jesus khỏi sự thèm muốn của loài người: ông ấy chỉ nói đến sa mạc Idumea, một vùng rộng lớn ở phía Nam Israel, giới hạn của nó đã thay đổi nhiều theo thời gian. Nhưng ngành khảo cổ học đã có những tiến bộ đáng kể: nếu sử dụng phương tiện, người ta sẽ tìm ra. Một bộ xương đặt trong một nghĩa trang bị bỏ quên của người Esseni trong vùng này, mang những dấu vết của việc đóng đinh câu rút, được xác định bằng phương pháp carbon 14 là có niên đại vào giữa thế kỷ I có thể sẽ gây ra một cơn địa chấn ở phương Tây.

- Cậu có công bố những kết quả tìm kiếm của cậu cho cả thế giới biết về bức thư này và đi cùng những đoàn khảo cổ không? Nil, cậu có muốn người ta tìm lại được nấm mồ này không?

Cha Nil im lặng một lát. Trong đầu ông vẫn vang vọng giai điệu của Satie.

- Tớ sẽ đi theo tông đồ thứ mười ba đến cùng. Nếu lời chứng của ông ấy được Lịch sử ghi nhận, thì hẳn sẽ không bao giờ có Giáo hội Cơ Đốc. Chính vì biết rõ điều đó mà Mười hai tông đồ đã từ chối coi ông ấy là một người trong số họ. Hãy nhớ đến bản khắc ở Germigny: chỉ có mười hai người được chứng kiến Jesus, mãi mãi là thế, *alpha* và *omega*. Liệu hai mươi thế kỷ sau, có cần thiết phải xem xét lại tòa nhà mà họ đã xây lên trên nấm mồ rỗng đó không? Ngày nay, mộ phần của tông đồ Peter đánh dấu trung tâm của nền Cơ Đốc giáo. Thay cho một nấm mồ rỗng, người ta đã xây lên một nấm mồ đầy đủ, nấm mồ của người đầu tiên trong số mười hai tông đồ. Sau đó Giáo hội đã tạo ra các thánh lễ, để mỗi người trên hành tinh này có thể trực tiếp liên hệ với Chúa. Nếu tước mất của các tín đồ điều này, thì họ còn lại gì? Jesus yêu cầu làm theo Người hàng ngày, và phương pháp duy nhất Người đề xuất là cầu nguyện. Nhưng dân chúng, và cả một nền văn minh, chỉ có thể được dẫn dắt bởi những phương tiện cụ thể, có thể sờ mó được. Tác giả của bức thư đã đúng: đặt lại xương cốt của Jesus vào trong mộ Chúa có thể sẽ biến nấm mộ này thành vật duy nhất để chiêm ngưỡng đối với những đám đông cả tin. Việc đó sẽ khiến những người hèn mọn và bé nhỏ vĩnh viễn bị chệch hướng tiếp cận với một vị Chúa vô hình, thông qua các phương tiện vốn bấy lâu nay vẫn thuộc về họ: thánh lễ.

- Thế thì cậu sẽ làm gì?

- Báo cho Đức Thánh Cha về sự tồn tại của bức thư, cho ngài biết về vị trí của nó. Ngài sẽ phải nắm giữ thêm một bí mật nữa, vậy thôi. Khi nào trở về tu viện, tớ sẽ chôn vùi kết quả tìm kiếm của tớ trong sự câm lặng của tu viện. Chỉ trừ một thứ mà tớ muốn công bố không chậm trễ: vai trò của những người Nazareth trong sự ra đời của kinh Coran.

Ở tầng dưới, Moktak đã chu đáo ghi âm hai bản *Gymnopédie* của Satie, rồi từ sau lúc cha Nil vào phòng và bắt đầu trò chuyện. Đến lúc này, hắn áp chặt tai nghe vào tai.

- Bức thư tông đồ thứ mười ba đã cho cậu biết thêm điều gì mới về kinh Coran à?

- Ông ấy gửi bức thư này đến các Giáo hội, nhưng trên thực tế nó được dành cho các môn đồ

của ông ấy, những người Nazareth. Cuối cùng, ông ấy đã đề nghị họ hãy trung thành với lời chứng và lời dạy của ông ấy về Jesus, dù họ có phải lưu đày đến đâu đi nữa. Như vậy, ông ấy đã khẳng định điều mà tớ vẫn ngờ vực: sau một thời gian trốn ở Pella, họ lại phải lên đường, hẳn là trước cuộc xâm lược của người La Mã vào năm 70. Không ai biết sau đó họ ra sao, nhưng dường như cũng không ai nhận ra rằng, trong kinh Coran, Muhammad thường xuyên nói đến các *naçâra*, từ này luôn được dịch thành “những người Cơ Đốc”. Trên thực tế, *naçâra* là từ Ả Rập để chỉ “người Nazareth”!

- Kết luận của cậu là gì?

- Muhammad hẳn đã gặp người Nazareth ở Mecca, nơi họ ẩn náu sau khi đi khỏi Pella. Bị quyến rũ bởi những lời giảng dạy của họ, chính ông ấy cũng suýt trở thành một người trong số họ. Rồi ông ấy trốn đến Medina, nơi ông ấy trở thành thủ lĩnh: chính trị và bạo lực đã chiếm ưu thế, nhưng ông ấy vĩnh viễn đã mang dấu ấn của Jesus xứ Nazareth, Jesus của tông đồ thứ mười ba. Nếu Muhammad không bị giày vò bởi ham muốn chinh phục, có lẽ đạo Hồi sẽ không bao giờ ra đời, người Hồi giáo hẳn sẽ là hậu duệ của người Nazareth, giá chữ thập của nhà truyền giáo Jesus có lẽ sẽ nổi trên ngọn cờ của đạo Hồi!

Leeland có vẻ bị lây sự phấn khích của bạn mình.

- Tớ có thể đảm bảo với cậu rằng dù thế nào thì các giảng viên đại học ở Mỹ cũng sẽ say mê với những công trình của cậu! Tớ sẽ giúp cậu làm quen với họ ở đó.

- Tưởng tượng xem, Remby! Cuối cùng người Hồi giáo cũng chấp nhận rằng bộ kinh thiêng liêng của họ mang dấu ấn một người thân của Jesus, người cũng bị Giáo hội loại bỏ vì đã phủ nhận thiên chất của Người, giống như họ! Có thể đây sẽ là cơ sở mới để người Hồi giáo, người Cơ Đốc và người Do Thái xích lại gần nhau. Và hẳn là khi đó việc Djihad chống lại phương Tây sẽ chấm dứt!

Mặt Moktar đột ngột nhăn nhúm lại. Cầm thù trào lên, hẳn chỉ nghe cuộc trò chuyện bằng một tai: cha Nil đang hỏi Leeland về những dự định của ông ta, xem ông ta sẽ làm thế nào để giấu Catzinger tất cả chuyện này. Liệu Leeland có đủ khả năng chống chọi với áp lực để không nói gì với ông ta không? Điều gì sẽ xảy ra nếu Hồng y chuyển từ đe dọa sang hành động, và công bố rộng rãi mối quan hệ ưu ái của ông ta với Anselm?

Họ chuyện trò đông dài như đàn bà: những chuyện này không khiến người Palestin quan tâm nữa, hẳn nhắc tai nghe ra. Hai người này vừa vượt quá đường biên giới cấm: *Không được động đến kinh Coran*. Các học giả đạo Cơ đốc cứ việc chọc thủng điều bí mật giấu trong kinh Phúc âm, đó là vấn đề của họ. Nhưng không bao giờ được đưa kinh Coran ra để áp dụng những phương pháp chú giải báng bổ của họ, trường đại học Al-Azhar phản đối sự chối bỏ này. Không ai được phân tích lời thánh Allah do Đấng Tiên tri của Người truyền lại, cầu cho tên Người được ban phúc.

Muhammad mà lại là môn đồ bí mật của Jesus người Do Thái! Tu sĩ người Pháp đó có thể sẽ áp dụng những phương pháp của kẻ dị giáo với văn tự thiêng này, ông ta có thể sẽ công bố những kết quả nghiên cứu với sự giúp đỡ của người Mỹ kia. Trong tay nước Mỹ, tay sai của Israel, những công trình của ông ta sẽ trở thành một vũ khí kinh hoàng chống lại đạo Hồi.

Trán nhả lại, hắ cuộn lại nhữnɡ cuốn bắg từ và tự nhắ mình một câu mà hắ thường xuyên nhắ với sinh viên của mình: “Nhữnɡ kẻ dị giáo, hãy bắt và giết chúng ở bất kỳ nơi nào các con gặp chúng”!^[53]

Moktar cảm thấy được an ủi: Đắg Tiên tri, cầu cho tên Người được ban phúc, đã quyết định dứt khoát.

Hôm đó trời mưa cả ngày. Những lớp sương mù chậm chậm lan trên sườn dãy núi Abruzzes phía chúng tôi, rồi dường như ngán ngại một lát trước khi vượt qua đỉnh núi và tan biến về phía biển Adriatic. Những cánh chim săn mồi như bị hút về phía chân trời.

Cha Nil đã cho tôi trú lại gian nhà đơn sơ đào ngay trong vách đá của ông. Một chiếc đệm rom đặt trên một chiếc giường dương xỉ khô, một chiếc bàn nhỏ kê trước cửa sổ tí hon. Một lò sưởi sơ sài, một cuốn Kinh Thánh đặt trên giá, vài bó củi. Còn ít hơn cả những thứ thiết yếu nhất: thứ chủ yếu ở đây nằm ở nơi khác.

Ông báo trước với tôi rằng chúng tôi đang đi đến hồi kết của câu chuyện. Sau mọi chuyện, trong sự tĩnh lặng của vùng núi này, ông mới hiểu hết những tình tiết xung quanh nó. Ông chỉ bối rối có một lần, và tôi nhận thấy điều đó qua sự run rẩy trong giọng nói của ông: đó là khi ông nói với tôi về Rembert Leeland, về nỗi đau khổ nội tâm dai dẳng mà người đàn ông này đã phải trải qua, nỗi đau đã kết thúc trong vòng vài giờ, một cách bí thảm.

Ngay từ khi ông tìm ra bản thảo bị mất tích, các sự kiện đã tác động đến nhau. Khi lời văn tự thuở xưa này ra khỏi lãng quên, ông đã mở những chiếc van mà phía sau chúng những người ông không hề quen biết đang nôn nóng đợi chờ, mỗi người trong số họ đều bảo vệ cho sự nghiệp của mình với sự kiên quyết và bạo liệt mà cho đến hôm nay ông vẫn không thể hiểu nổi.

81.

Ngay tối đó, Moktar gọi điện cho Lev Barjona và hẹn gặp anh tại một quán bar. Họ gọi rượu và đứng ngay tại quầy, nói chuyện với nhau bằng giọng thầm thì mặc dù xung quanh khách hàng đang rất ồn ào.

- Nghe này, Lev, chuyện nghiêm trọng đây. Tôi vừa trao lại cho Calfo cuốn băng ghi âm một cuộc nói chuyện giữa Nil và Leeland. Người Pháp này đã tìm thấy bức thư, đúng là nó nằm trong một thùng rượu Cognac mà Giáo chủ Samuel đã nói với anh. Ông ta đã đọc và để nó lại tại chỗ, ở Vatican.

- Tốt, rất tốt! Bây giờ thì tiến hành nhẹ nhàng thôi.

- Bây giờ, phải hành động, mà không nhẹ nhàng đâu. Tên chó này khoe rằng bức thư đó chứa đựng bằng chứng... hay đúng hơn là khẳng định lòng tin thầm kín của ông ta rằng kinh Coran không phải do Chúa tiết lộ cho Muhammad. Rằng Đấng Tiên tri đã từng gần gũi với người Nazareth trước khi chìm đắm trong bạo lực ở Medina. Rằng Người đã bị tham vọng làm mù quáng... Anh biết chúng tôi từ lâu, anh hẳn phải hiểu điều đó có nghĩa là gì. Ông ta đã vượt quá giới hạn mà sau đó bất kỳ người Hồi giáo nào cũng phải phản ứng ngay lập tức, ông ta phải biến mất. Nhanh chóng, cả kẻ tòng phạm của ông ta nữa.

- Bình tĩnh nào, Moktar: anh có nhận được chỉ thị từ Cairo theo hướng này không? Rồi còn Calfo?

- Tôi không cần chỉ thị từ Cairo, trong hoàn cảnh này kinh Coran cho các tín đồ biết phải cư xử thế nào. Còn về Calfo, tôi không thêm quan tâm. Đó là một kẻ đòi bại, và tôi đứng vững với những chuyện của người Cơ Đốc. Cứ để họ tự giải quyết những vấn đề của mình và tranh giành quyền lực lẫn nhau, tôi chỉ bảo vệ sự trong sạch của thông điệp mà Chúa truyền cho Muhammad. Mỗi người Hồi giáo đều sẵn sàng đổ máu vì sự nghiệp này, Chúa không thể bị vấy bẩn. Tôi sẽ bảo vệ danh dự của Chúa.

Lev ra hiệu cho người phục vụ.

- Anh định thế nào?

- Tôi biết thói quen đi về của họ, những con đường mà họ vẫn đi. Buổi tối, Nil đi bộ về San Girolamo, ông ta đi mất khoảng một giờ và đi qua đường Salaria Antica, đường này lúc nào cũng vắng vẻ vào đầu đêm. Người Mỹ kia đi cùng ông ta một đoạn, sau đó quay về để hoàn thành nốt cuộc đi dạo quanh Lâu đài San Angelo, nơi ông ta mơ mộng dưới ánh trăng: không bao giờ có ai. Anh có tham gia

cùng tôi không? Tối mai.

Lev thở dài. Một vụ qua quýt tiến hành trong lúc giận dữ, không có tầm nhìn xa. Khi sự cuồng tín bốc lên đầu Moktar, anh ta không còn lý trí nữa. Người Ả Rập di cư này nhảy lên lừa của mình và lao đi rửa nhục bằng máu. Chờ đợi là dấu hiệu của sự yếu đuối, trái ngược với luật lệ sa mạc. Sự kiêu ngạo của người Ả Rập, sự bất lực của họ trong việc chế ngự bản thân khi đụng chạm đến một vấn đề về danh dự, những điều này đã luôn giúp Mossad thắng thế. Và anh nhớ lại chỉ thị từ Jerusalem do Ari truyền đạt lại một cách kiên quyết: “Hành động không còn là việc của cậu”.

- Tối mai tôi có buổi tập với dàn nhạc để chuẩn bị cho buổi hòa nhạc cuối cùng. Ai cũng biết là tôi đang ở Roma: sẽ không ai hiểu được tại sao tôi lại trốn. Tôi phải giữ gìn vỏ bọc của mình, Moktar ạ. Rất tiếc.

- Tôi sẽ hành động mà không cần có anh, đầu tiên là kẻ này, rồi đến kẻ kia. Cha Nil chỉ là một tượng sứ nhỏ, khẽ chạm vào là vỡ ngay. Còn người Mỹ kia, chỉ cần khiến ông ta hoảng sợ là ông ta sẽ chết trong nỗi sợ hãi mà không cần tôi chạm vào người. Tôi sẽ không cần bản tay với *ngũ đó*.

Khi họ chia tay, Lev đi về phía vườn Pincian. Anh cần phải suy nghĩ.

Vào đầu đêm, hội trưởng triệu tập gấp cuộc họp Mười hai hội viên. Khi họ đã ngồi sau chiếc bàn dài, ông đứng dậy:

- Các anh em, một lần nữa chúng ta lại quây quần quanh Thầy, giống như Mười hai tông đồ trong căn phòng lớn ngày xưa. Lần này không phải là để đi cùng Người đến Gethsemani, mà để dâng lên Người chuyển trở về Jerusalem trong huy hoàng lần thứ hai. Cha Nil đã tìm được bản cuối cùng và cũng là bản duy nhất còn lại từ bức thư của kẻ bịp bợm, kẻ tự xưng mình là tông đồ thứ mười ba. Nó nằm ngay trong hầm bí mật của Vatican, lẫn trong những bản thảo vùng biển Chết được vĩnh viễn cất ở đó vào năm 1948.

Tiếng thì thầm thỏa mãn cao độ lan khắp cử tọa.

- Ông ta đã làm gì với nó, người anh em Hội trưởng?

- Ông ta để nó tại chỗ, và có ý định thông báo cho Đức Thánh Cha về sự tồn tại và vị trí của nó.

Những gương mặt đột nhiên sầm lại.

- Dù ông ta có làm vậy hay không, cũng không có gì quan trọng: cha Nil sẽ thông qua Breczinsky để thông báo cho Giáo hoàng. Tông đồ thứ mười hai đang kiểm soát chặt chẽ người Ba Lan này, phải không, người anh em?

Antonio lặng lẽ nghiêng đầu.

- Ngay khi Breczinsky được cha Nil thông báo, hẳn là ngày mai, chúng ta sẽ chuyển sang hành động. Người Ba Lan này nằm trong tay chúng ta, ông ta sẽ dẫn chúng ta đến với bức thư. Hai ngày nữa, các anh em, nó sẽ nằm trước mắt chúng ta, ở vị trí dành cho nó, được giữ gìn bởi lòng trung thành của

chúng ta và cây thánh giá này. Và trong những tháng năm tiếp theo, chúng ta sẽ dùng đến nó để đạt được các phương tiện mà chúng ta cần nhằm phụng sự sứ mệnh của mình: nghiền nát những con rắn cắn vào gót chân Chúa, bóp nghẹt những kẻ chống đối lại sự ngự trị của Người, khôi phục lại nền Cơ Đốc giáo rộng lớn, sao cho phương Tây lấy lại được uy tín đã mất của mình.

Khi rời khỏi phòng, không nói một lời, ông đưa cho Antonio một chiếc phong bì: ông triệu tập anh đến nhà, ở Lâu đài San Angelo, sáng ngày kia. Để cha Nil có thời gian nói chuyện với Breczinsky.

Và để đầu óc ông được hoàn toàn thanh thoi chuẩn bị cho cuộc hẹn tối mai với Sonia, cuộc hẹn mà ông chờ đợi rất nhiều. Chuyện này xảy ra vào thời điểm không thể tốt hơn được. Nhờ cô, hẳn ông sẽ tràn ngập trong người thứ sức mạnh mà có lẽ ông sẽ cần đến. Sức mạnh bên trong mà một người Cơ Đốc nhận được bằng cách hóa thân mình đến từng đường gân thớ thịt thành chúa Christ bị đóng đinh trên giá chữ thập.

Antonio nhét lá thư vào túi. Nhưng thay vì đi về phía trung tâm thành phố, anh rẽ sang phía Vatican.

Người đứng đầu Cơ quan truyền bá đức tin luôn trực rất muộn trong văn phòng mình.

Roma đuổi mình dưới ánh mặt trời buổi sáng. Trời vẫn lạnh căm căm, nhưng Noel gần đến thôi thúc người dân Roma ra khỏi nhà. Đứng trước cửa sổ, Leeland lơ đãng ngắm nhìn cảnh tượng trên đường Aurelia. Hôm trước, cha Nil đã chia sẻ với ông rằng ông ấy quyết định sẽ nhanh chóng quay về Pháp: với việc phát hiện ra bức thư, điều ông coi như một nhiệm vụ nhận lãnh từ cha Andrei đã đạt kết quả.

- Remby, cậu có nghĩ rằng phần sa mạc nằm giữa Galilee và biển Đỏ đã sản sinh ra ba tôn giáo đơn thuần của thế giới không? Chính ở đó Moise đã nhìn thấy bụi cây cháy rực, chính ở đó Jesus đã biến đổi một cách triệt để, và cũng chính ở đó Muhammad đã ra đời và sinh sống. Sa mạc của riêng tớ sẽ là ở bên bờ sông Loire.

Sự ra đi của cha Nil đột ngột làm sáng tỏ sự trống rỗng trong cuộc đời ông. Ông biết mình sẽ không bao giờ đạt được kinh nghiệm tinh thần của bạn mình: Jesus sẽ không lấp đầy được khoảng trống bên trong con người ông. Âm nhạc lại càng không: người ta chơi nhạc để cho người khác nghe, để chia sẻ cảm xúc âm nhạc với người khác. Ông đã rất thường xuyên chơi cho Anselm, anh ngồi bên ông và lật các trang nhạc cho ông. Một mối giao cảm kỳ diệu nảy sinh giữa họ, mái đầu đẹp đẽ của nhạc công violon nghiêng về phía bàn phím trên đó ông lướt ngón tay. Ông đã vĩnh viễn mất Anselm, và Catzinger có đủ phương tiện để nhấn chìm cả hai người trong đại dương đau khổ. “*Life is over.*” [\[54\]](#)

Ông giật mình khi có người gõ cửa: Nil?

Không phải cho Nil, mà là Lev Barjona. Ngạc nhiên vì thấy anh đến nhà mình, Leeland đang định hỏi vài câu, nhưng người Israel đã đặt một ngón tay lên môi và thì thầm:

- Phía trên tòa nhà của ông có sân thượng không?

Có một cái, giống như phần lớn các tòa nhà ở Roma, và nó vắng hoe. Leeland để mặc Lev kéo mình về phía xa đường phố nhất.

- Từ khi cha Nil đến Roma, căn hộ của ông đã bị đặt máy nghe trộm, tôi vừa được biết điều đó. Những cuộc trò chuyện của các ông, dù là nhỏ nhất, đều bị ghi âm và chuyển ngay đến cho Đức ông Calfo, và những người khác, nguy hiểm hơn nhiều.

- Nhưng...

- Để tôi nói nốt, thời gian gấp lắm. Cha Nil và ông đã vô tình tham gia một “trò chơi lớn”, một trò chơi tầm cỡ thế giới mà ông không có ý niệm nào, không hề biết gì về nó, và như thế là tốt hơn cho ông. Đó là một *dirty game* ^[55], diễn ra giữa những kẻ chuyên nghiệp. Giống như những đứa trẻ còn mặc quần đùi, các ông đã rời khỏi sân chơi nhỏ bé của mình để bước vào giữa sân chơi của người lớn. Những người này không chơi bi mà dùng bạo lực, và luôn vì một điều duy nhất: quyền lực, hoặc hình thái có thể nhận biết của nó, tiền.

- Xin lỗi vì đã cắt ngang: anh cũng luôn chơi trò đó à?

- Tôi đã chơi trò này rất lâu cùng với Mossad, như ông biết đấy. Không bao giờ rời bỏ được trò này, Remby ạ, dù muốn đi nữa. Tôi sẽ không nói thêm về chuyện này với ông, nhưng cha Nil và ông đang gặp một mối nguy hiểm lớn. Báo cho ông thế này là tôi đang chống lại phe của tôi, nhưng ông là một người bạn, và cha Nil là một người tốt. Ông ấy đã thấy thứ mình tìm, giờ đây trò chơi sẽ tiếp tục mà không có các ông: nếu còn thiết tha với cuộc sống, các ông phải biến đi, và nhanh lên. Thật nhanh.

Leeland loạng choạng.

- Biến đi... nhưng bằng cách nào?

- Cả hai ông đều là tu sĩ: hãy trốn vào một tu viện. Một kẻ giết người đang theo dõi các ông, và đó là một kẻ chuyên nghiệp. Hãy đi đi, ngay hôm nay.

- Anh nghĩ rằng hắn sẽ giết chúng tôi?

- Tôi không nghĩ, mà chắc chắn thế. Và hắn sẽ làm điều đó không chậm trễ, ngay khi hắn tóm được các ông. Hãy nghe tôi, tôi xin ông: nếu các ông muốn sống, ngay hôm nay hãy đi tàu, đi ô tô, đi máy bay, bất kỳ phương tiện gì, và thu nhỏ mình lại. Hãy báo cho cha Nil.

Anh choàng tay ôm Leeland.

- Tôi đã mạo hiểm khi đến đây: trong trò chơi lớn, người ta không thích những kẻ không tuân thủ luật lệ, và tôi vẫn muốn sống để chơi thêm nhiều bản giao hưởng nữa. *Shalom*, bạn của tôi: năm năm, mười năm nữa, chúng ta sẽ gặp lại nhau, mỗi cuộc chơi đều không thể kéo dài vĩnh viễn.

Lát sau anh biến mất, để lại Leeland đứng chết lặng trên sân thượng.

Moktar đã tự cho phép mình ngủ nướng sáng nay: lần đầu tiên hẳn không cần đứng vào vị trí của mình ngay từ lúc bình minh, tai nghe đeo trên đầu, rình chờ những cuộc nói chuyện dù là nhỏ nhất ở căn hộ bên trên.

Do đó hẳn không nhìn thấy Leeland vội vã rời khỏi tòa nhà trên đường Aurelia, ngấp ngừng một lát rồi đi về phía trạm dừng xe buýt đi đến đường Salaria. Rất bối rối, người Mỹ này ngóng chờ chiếc xe buýt đầu tiên rồi khuất dạng trong đó.

Cha Nil đẩy tờ giấy trên bàn ra: tự hào về trí nhớ của mình, ông vừa chép lại bức thư của tông đồ thứ mười ba mà ông đã ghi nhớ được không chút khó khăn. Cùng với Giáo hoàng, ông sẽ là người duy nhất biết rằng một nắm mồ chứa đựng di hài của Jesus đang nằm đâu đó trong sa mạc, giữa Jerusalem và biển Đỏ. Ông mở túi và nhét tờ giấy vào trong.

Việc sắp xếp va li chắc là sẽ nhanh thôi, ông sẽ cầm chiếc túi này trên tay. Và bắt chuyến tàu đêm về Paris, vào thời điểm này trong năm tàu không bao giờ đầy khách. Rời khỏi tu viện ma San Girolamo là một niềm an ủi đối với ông: khi nào về đến Saint-Martin, ông sẽ cất những giấy tờ nguy hiểm nhất đi và sẽ đến định cư trong sa mạc. Giống như tông đồ thứ mười ba ngày xưa.

Ông vẫn còn điều cốt yếu nhất: con người Jesus, những hành động và lời nói của Người. Trong một sa mạc, ông không cần đến thứ thức ăn nào khác để sống sót.

Ông rất ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng gõ cửa phòng mình. Đó là cha Jean, cả ông này nữa, ông cũng không tiếc nuôi gì. Mắt con người có khả năng nói chuyện không mệt mỏi này sáng rực.

- Thừa cha, Đức ông Leeland vừa đến và muốn gặp cha.

Cha Nil đứng dậy ra đón bạn. Chàng sinh viên vui vẻ đã nhường chỗ cho một người đàn ông thẳng thốt, bước vào một cách đột ngột và buông người xuống chiếc ghế mà cha Nil kéo cho ông.

- Có chuyện gì thế, Remby?

- Căn hộ của tớ trên đường Aurelia đã bị đặt máy nghe trộm từ khi cậu đến, Catzinger và người của ông ta biết tất cả những chuyện mà chúng ta nói với nhau. Và còn những người khác, nguy hiểm hơn cả họ. Vì những lý do khác nhau, họ không muốn nghe nói đến chúng ta nữa.

Đến lượt cha Nil bị sốc và buông người xuống một chiếc phô toi.

- Tớ đang mơ, hay cậu bị khủng hoảng thần kinh?

- Lev Barjona vừa đến thăm tớ, và cho tớ biết một cách rất ngắn gọn, nhưng rất rõ ràng. Anh ta bảo tớ rằng anh ta làm điều đó vì tình bạn, tớ không khi nào nghi ngờ anh ta cả. Mọi chuyện đã vượt quá tầm kiểm soát của chúng ta rồi, Nil ạ. Mạng sống của cậu đang bị nguy hiểm, mạng sống của tớ cũng vậy.

Cha Nil úp mặt vào hai bàn tay. Khi ngẩng lên, ông nhìn chăm chăm vào Leeland, hai mắt rung rung lệ.

- Tớ đã biết điều này, Remby ạ, tớ biết ngay từ đầu, ngay từ khi cha Andrei cảnh báo tớ. Ngay trong tu viện, trong vẻ yên bình bất biến bề ngoài của một mái vòm được che chở bởi sự tĩnh mịch của nó. Tớ đã biết điều này khi biết về cái chết của ông ấy, khi tớ đi nhận diện thi thể ông ấy nằm co quắp trên nền đường đá sạt đường tàu Roma Express. Tớ đã biết khi Lịch sử tiếp cận tớ, trong thực tế kinh khủng của nó, cũng với Brezinsky và một số tâm sự thầm kín của ông ấy. Tớ chưa bao giờ sợ hãi điều tớ phát hiện ra. Mạng sống của tớ bị đe dọa ư? Tớ là người cuối cùng trong một danh sách rất dài, bắt đầu vào thời điểm tông đồ thứ mười ba từ chối điều chỉnh sự thật.

- *Sự thật!* Chỉ có một sự thật duy nhất, đó là sự thật mà con người cần đến để tạo lập và củng cố quyền lực của mình. Sự thật về một tình yêu rất trong trẻo giữa tớ và Anselm không phải là sự thật của họ. Sự thật mà cậu đã phát hiện trong các văn bản là không đúng, vì nó đi ngược lại sự thật của họ.

- Jesus từng nói: “Sự thật sẽ cho các người tự do.” Tớ tự do, Remby ạ.

- Cậu chỉ như thế nếu cậu biến đi, nếu sự thật của cậu cũng biến mất cùng với cậu. Các nhà triết học mà cậu yêu quý thường rao giảng rất nhiều rằng sự thật là một phạm trù, nó tồn tại trong bản thân nó giống như lòng tốt và cái đẹp. Thế nhưng điều đó lại là sai, và tớ đến đây để nói cho cậu biết. Tình yêu đã gắn kết chúng tớ, Anselm và tớ, là tốt và đẹp: nhưng nó không phù hợp với sự thật của Giáo hội, do đó nó không đúng. Phát hiện của cậu về gương mặt Jesus đi ngược lại với sự thật của Cơ Đốc giáo: như vậy là cậu đã hoàn toàn sai, Giáo hội không dung thứ cho bất kỳ sự thật nào khác với sự thật của nó. Người Do Thái và người Hồi giáo cũng không.

- Họ có thể làm gì tớ? Họ có thể làm gì chống lại một người tự do?

- Giết cậu. Cậu phải trốn đi, rời khỏi Roma ngay lập tức.

Một lát im lặng, chỉ có tiếng những chú chim đập cánh trong vườn hồng của tu viện. Cha Nil đứng dậy và đến bên cửa sổ.

- Nếu cậu nói đúng, tớ không thể quay lại tu viện của tớ nữa, sa mạc đó có thể đã có thú dữ. Trốn đi ư? Nhưng đi đâu?

-Tớ đã nghĩ đến điều đó trên đường tới đây. Cậu có nhớ cha Calati không?

- Thủ lĩnh của những người vùng Camaldoli? Tất nhiên, ông ấy đã từng là thầy dạy của chúng ta ở Roma. Một con người tuyệt vời.

- Cậu hãy đến Camaldoli, đề nghị ông ấy đón nhận cậu. Họ có những căn nhà rải rác trong vùng núi Abruzzes, ở đó cậu sẽ tìm được một sa mạc theo ý cậu. Làm nhanh lên. Ngay lập tức.

- Cậu nói đúng, người Camaldoli luôn rất hiếu khách. Nhưng còn cậu?

Leeland nhắm mắt một lát.

- Đừng lo cho tớ. Cuộc đời tớ đã chấm dứt từ ngày tớ hiểu rằng tình yêu mà Giáo hội rao giảng có thể chỉ là một thứ tư tưởng như những thứ khác. Những điều cậu phát hiện ra, những điều mà tớ cũng tham gia mặc dù không tìm kiếm, chỉ khẳng định thêm cảm giác của tớ: Giáo hội không còn là mẹ tớ, nó vứt bỏ đứa con là tớ trước đây chỉ vì tớ đã yêu theo cách khác với nó. Tớ sẽ ở lại Roma, sa mạc trên núi Abruzzes không dành cho tớ. Sa mạc của tớ ở ngay trong lòng tớ, từ khi tớ bị buộc phải rời khỏi nước Mỹ.

Ông bước về phía cửa.

- Cậu sắp xếp va li nhanh lên. Tớ sẽ xuống dưới, yêu cầu cha Jean dẫn tớ đi thăm thư viện, để đưa ông ấy tránh xa cửa ra vào. Trong lúc đó, cậu hãy kín đáo rời khỏi tu viện, bắt xe buýt đến bến Termini và lên chuyến tàu đầu tiên đi Arezzo. Tớ tin tưởng Calati, ông ấy sẽ bảo đảm an toàn cho cậu. Hãy trốn trong một căn nhà của người Camaldoli và viết thư cho tớ trong vòng hai, ba tuần nữa: tớ sẽ nói cậu có thể quay lại Roma hay không.

- Cậu sẽ làm gì?

- Tớ đã chết rồi, Nil ạ, họ chẳng thể làm gì được tớ nữa. Đừng lo: cậu có vài phút để rời khỏi San Girolamo mà không bị phát hiện. Hẹn sớm gặp lại, ông bạn: sự thật đã biến chúng ta thành những người tự do, cậu nói đúng.

Cha Jean ngạc nhiên khi thấy Rembert Leeland đột ngột tỏ vẻ quan tâm đến thư viện, vốn nổi tiếng là một đồng lộn xộn. Trong khi người Mỹ đặt cho ông này những câu hỏi chứng tỏ ông ta hoàn toàn không biết gì về bộ môn khoa học lịch sử, cha Nil tay phải xách va li, lách vào một chiếc xe buýt đi qua đường Salaria Nuova và chở khách đến ga trung tâm của Roma.

Tay trái ông không rời khỏi chiếc túi, dường như đó là tài sản quý báu nhất của ông.

Antonio đi nhanh thoăn thoắt. Nằm trong một khúc quanh của sông Tiber, những viên gạch thô của Lâu đài San Angelo ánh lên dưới ánh hoàng hôn. Ngày xưa, đây là nơi thực thi công lý của các Giáo hoàng: đó là công lý thần thánh mà anh phải hoàn thành tối nay. Một người sẵn sàng chống đối lại quyền lãnh đạo của Giáo hội, vì một lý tưởng mà người đó cho là tốt đẹp: không có lý tưởng tốt đẹp nào nằm ngoài hệ thống cả. Và gã đàn ông kia là một kẻ đồi bại, một con quỷ vô đạo. Chàng thanh niên người Tây Ban Nha tựa vào tay vịn cầu Victor-Emmanuel II. Trước khi hành động, anh muốn ôn lại những lời Hồng y nói tối hôm trước, làm sống lại sự giận dữ sôi sục: như thế, anh sẽ không run tay.

- Con nói ông ta sẽ dùng bức thư đó để gây áp lực với chúng ta?

- Ông ta đã nhiều lần khẳng định điều này với chúng con, thưa Đức Hồng y, và Mười hai hội viên đều đồng ý. Bức thư của tông đồ thứ mười ba sẽ mang lại cho người sở hữu nó một quyền lực đáng kể: việc công bố bức thư có thể sẽ gây ra những chuyện rắc rối tới nỗi Giáo hội của chúng ta, thậm chí cả một số nguyên thủ quốc gia phương Tây, sẵn sàng trả giá đắt để Hội Thánh giữ nó trong vòng bí mật. Các Hiệp sĩ đã không ngần ngại sử dụng phương tiện này.

- Nắm mồ của Jesus... không thể tin được. Hồng y đưa tay lên trán. Ta đã nghĩ bức thư đó chỉ dừng lại ở việc phủ nhận thiên chất của Jesus. Đây sẽ không phải là lần đầu tiên, Giáo hội đã luôn vượt qua được mọi nguy hiểm đó, bóp nghẹt những kẻ dị giáo. Nhưng một nắm mồ thật, chứa đựng xương cốt của Jesus, được tìm thấy! Không chỉ là thêm một xung đột thần học nữa, mà là một *bằng chứng*, chắc chắn, không thể chối cãi! Không thể tưởng tượng được, đó sẽ là ngày tận thế!

Antonio mỉm cười.

- Đây cũng là điều mà Đức ông Calfo nghĩ, nhưng ông ta có ý tưởng khác. Ông ta thấy Giáo hội quá sợ sệt trước một thế giới thối nát đang tiến triển mà không có chúng ta, hoặc chống lại chúng ta. Ông ta muốn tiền, nhiều tiền để gây ảnh hưởng với dư luận thế giới.

- *Bastardo!* [56]

Vị giáo sĩ cấp cao nhanh chóng nói tiếp:

- Antonio, khi ta quen con ở Viên, con là một kẻ trốn chạy khỏi Opus Dei: nhưng con đã thề sẽ phụng sự Giáo hoàng và trong trường hợp Ngài không hoàn thành bổn phận của mình, con sẽ phụng sự chính quyền của Giáo hoàng, cột sống của phương Tây. Đức Thánh Cha đáng kính của chúng ta bị ốm, và dù thế nào Ngài cũng luôn cống hiến toàn bộ sức lực và mối quan tâm của mình cho những đám đông hoan nghênh Ngài ở khắp nơi Ngài đến. Từ hai mươi năm nay, quyền quản lý Giáo hội thực sự được đặt lên vai những người như ta, đôi khi Giáo hoàng không được thông báo về những mối nguy hiểm mà chúng ta phải đối mặt. Ta thường phải hành động nhân danh Ngài, và ta sẽ còn làm như vậy. Ta có thể trông cậy và sự hỗ trợ của con không? Cần phải... vô hiệu hóa Calfo, và giành lại quyền kiểm soát Hội Thánh Pie V. Không chậm trễ.

- Thừa Đức Hồng y...

Hồng y mím môi, hai má chảy ra dài và giọng nói của ông như có tiếng gió xuýt:

- Con của ta, hãy nhớ lại đi: khi đến Viên, con đang bị truy đuổi. Không ai có thể rời khỏi Opus Dei, nhất là sau khi đã chỉ trích tổ chức đó như con từng làm. Khi ấy con còn trẻ dại, lý tưởng chủ nghĩa và chưa ý thức được việc mình làm! Ta đã che chở con, đã bảo vệ con, rồi tin tưởng con. Chính ta đã đưa con vào Hội Thánh Pie V, chính ta đã trả tiền để những người Catalan ở Escrivà de Balaguer, những kẻ điên khùng đó, im miệng khi Calfo cho điều tra về con. Ta vừa đòi con trả cổ tức cho ta đấy, Antonio ạ!

Chàng trai trẻ cúi đầu. Catzinger hiểu rằng đối với điều ông đang đòi hỏi thì một mệnh lệnh là chưa đủ: cần khơi dậy sự phẫn nộ, đánh thức khí chất ngùn ngụt của anh chàng vùng Andalousia này. Chạm vào điểm nhạy cảm của anh: tính khí cứng rắn, không khoan nhượng, thái độ bất chấp thân xác, được nuôi dưỡng bởi ngần ấy năm trời bị tước đoạt quan hệ tình dục trong trường của Opus Dei. Ông ta tròn môi và rót những lời ngọt ngào:

- Con có biết Hội trưởng của con là ai không? Con có biết người mà con tôn trọng mặc dù ông ta không tuân thủ kỷ luật là ai không? Con có biết những điều kinh khủng mà người đứng đầu Mười hai hội viên có thể tưởng tượng ra, ở nơi chỉ cách Thành phố Thánh và ngôi mộ của Thánh Peter khoảng một trăm bước chân không? Cách đây vài hôm ta đã nghe lời xưng tội của một trong số các nạn nhân của ông ta, một phụ nữ trẻ đẹp và trong sạch như Đức Mẹ, người đã bị ông ta làm vấy bẩn tâm hồn ngoan đạo và lạm dụng thể xác. Và cô ấy không phải là người đầu tiên bị ông ta làm nhục. Con không biết sao? Vậy thì ta sẽ cho con biết điều ông ta đã làm, và điều ông ta lại chuẩn bị làm ngay ngày mai. .

Ông thì thầm một lúc nữa, như thể ông muốn tránh cho cây thánh giá treo trên bức tường phía sau ông phải nghe những lời ông nói.

Khi ông nói xong, Antonio ngẩng đầu lên: đôi mắt đen của anh ánh lên một thứ ánh sáng dữ dội, không gì lay chuyển được. Anh rời văn phòng Hồng y mà không nói thêm lời nào.

Chàng trai vùng Andalousia thờ dài và tách người khỏi lan can cầu: anh đã đứng khi sống lại cảnh tượng này trước khi hành động. Giáo hội không ngừng cần được tẩy uế, thậm chí bằng cả bằng sắt. Mệnh lệnh của Hồng y miễn cho anh khỏi mọi trách nhiệm: cả điều này cũng luôn là sức mạnh của Giáo hội. Một quyết định khó khăn, một sự vi phạm đạo đức, một thành viên đòi bại cần loại bỏ... Chưa bao giờ người xuống dao đâm vào da thịt kẻ khác phải chịu trách nhiệm về máu đổ, về những mạng sống bị hủy hoại. Trách nhiệm đó thuộc về Giáo hội.

Alessandro Calfo lùi lại với vẻ thỏa mãn: thật hoàn hảo. Trên sàn phòng có đặt một cây thánh giá lớn, hai tấm ván rộng cho phép một người nằm thoải mái. Sonia sẽ ổn thôi. Ông sẽ trói tay cô bằng hai sợi dây lụa mảnh mềm mại mà ông đã chuẩn bị trước, chân cô phải được để tự do. Nghĩ đến cảnh tượng này, máu dồn lên thái dương và bụng dưới của ông: hợp nhất xác thịt với cô gái trẻ nằm chỗ của bậc thánh bị đóng đinh câu rút là hành động cao cả nhất mà ông từng thực hiện. Cuối cùng, sự thần thánh cũng pha trộn với con người, từng tế bào nhỏ nhất trên người ông nhận biết sự ngất ngây khi được hợp nhất với Đấng Christ Cứu thế hy sinh thân mình để chuộc tội trong hình hài hoàn hảo nhất. Không bạo lực: Sonia sẽ chấp thuận, ông biết vậy, ông cảm thấy điều đó. Phản ứng hoảng hốt của cô hôm trước chỉ là hệ quả của sự ngạc nhiên. Cô sẽ vâng lời, như mọi lần.

Ông xem lại để chắc chắn rằng hình thánh kiểu Byzantine thẳng với cây thánh giá: như thế, trong khi ông thực hiện nghi lễ, cô chỉ cần ngược mắt lên là nhìn thấy hình ảnh sẽ xoa dịu tâm hồn con chiên Chính giáo của cô. Ông đã nghĩ đến mọi chuyện, vì tất cả mọi thứ đều phải mẫu mực. Và tới mai, ông sẽ đặt bức thư đáng nguyên rủa đó lên tầng giá trống đã chờ đợi nó từ rất lâu.

Ông giật mình khi nghe tiếng chuông vang lên. Đã đến rồi ư? Thông thường, vốn là người luôn kín đáo, cô chỉ đến khi đêm xuống. Có thể hôm nay cô ấy sốt ruột chăng? Nụ cười rạng rỡ, ông ra mở cửa.

Không phải là Sonia.

- ...Antonio! Nhưng anh làm gì ở đây vào hôm nay thế? Tôi cho gọi anh vào sáng mai kia mà, phải để cha Nil gặp người Ba Lan vào chiều nay trước đã... Chuyện này nghĩa là sao?

Antonio tiến về phía ông, buộc ông phải bước giật lùi trong hành lang lối vào.

- Người anh em Hội trưởng ạ, chuyện này nghĩa là ông và tôi, chúng ta cần nói chuyện.

- Nói chuyện? Nhưng tôi mới là người nói, và chỉ nói khi nào tôi quyết định! Anh là người cuối cùng trong số Mười hai tông đồ, trong bất kỳ trường hợp nào...

Antonio vẫn bước tiếp, mắt nhìn chăm chăm vào mặt người đàn ông vùng Napoli, người đang lùi dần trước anh cho tới lúc chạm phải tường.

- Người không còn là người quyết định nữa, mà là đức Chúa người vẫn khoe khoang là đang phụng sự

- Mà ... mà ta khoe khoang! Ai cho phép người nói chuyện với ta với cái giọng đó?

Người nọ đẩy người kia, hai người tiến đến cửa phòng mà Calfo đã để mở.

- Ai cho phép ta ư? Thế ai cho phép người, đồ khốn, phản bội loài thê trình bạch? Ai cho phép người núp sau chức vụ Giám mục để làm vấy bẩn một sinh linh của Chúa?

Bằng một cú hích, anh đẩy người đàn ông nhỏ bé mũm mĩm, vẫn ở tư thế lùi, vào phòng. Calfo vấp vào chân cây thánh giá. Antonio đưa mắt nhìn khung cảnh được bài trí cẩn thận: Hồng y đã không nói dối anh.

- Thế còn đây? Điều người sắp làm là một sự báng bổ đáng ghê tởm. Người không xứng đáng được sở hữu bức thư của tông đồ thứ mười ba, Thầy không thể được bảo vệ bởi một kẻ như người. Chỉ một người trong trắng mới có thể tránh cho Đấng Cứu thế của chúng ta khỏi vết nhơ đang đe dọa Người.

- Nhưng...nhưng...

Calfo lại bị mắc chân vào cột dọc của cây thánh giá, trượt và ngã quỵ gồi xuống trước chàng trai vùng Andalousia. Anh nhìn ông ta khinh bỉ, môi mím lại vì ghê tởm. Kẻ này không còn là hội trưởng của anh, người đứng đầu Mười hai người nữa. Đây là một kẻ thân tàn ma dại, run rẩy và ướt đầm mồ hôi bẩn thỉu. Mắt ông ta đột nhiên trở nên lơ đãng.

- Người muốn nằm lên cây thánh giá, phải không? Người muốn hợp nhất thân xác bị biến đổi vì lạc thú của người với thân thể bị biến đổi vì tình yêu đối với mỗi người trong chúng ta của Thầy sao? Vậy thì người sẽ làm thế. Nhưng người sẽ không bao giờ phải chịu đựng bằng Người vốn đã chết vì người.

Mười lăm phút sau, Antonio nhẹ nhàng khép cửa căn hộ, và lau tay bằng một chiếc khăn mùi soa giấy. Không có khó khăn nào. Chưa bao giờ là khó khăn khi người ta vâng lệnh cả.

86.

Leeland bước từng bước ngắt quãng trên những viên đá lát mấp mô ở đường Salaria Antica. “Nil từng thích đi qua con đường này để đến nhà mình biết bao...Ồ, mình nghĩ đến cậu ấy ở thời quá khứ rồi!”

Ông đã giữ được cha Jean trong thư viện một lúc lâu, nhưng lại từ chối lời mời ăn trưa cộng đồng của ông này:

- Cha Nil và tôi có hẹn ở Vatican vào đầu giờ chiều. Hẳn là ông ấy đã đi trước mà không chờ tôi, tối nay ông ấy sẽ quay về...muộn.

Cha Nil sẽ không quay về; giờ này hẳn ông đang ở bến Termini, sẵn sàng lên một chuyến tàu đi Arezzo. Hoặc đã đi rồi.

Lòng tràn đầy lo sợ, nhưng Leeland cảm thấy hoàn toàn nhẹ nhàng: thật ra, con người ông đã trống rỗng đến từng thớ thịt nhỏ, đến từng đầu ngón tay. *Life is over*. Điều ông từ chối chấp nhận từ khi bị đẩy đến Vatican, sự thật mà ông tự che giấu chính mình, quãng thời gian ngăn ngui cha Nil đến Roma khiến ông phải thừa nhận một cách hiển nhiên: cuộc sống của ông chẳng còn ý nghĩa gì, niềm vui sống đã rời bỏ ông.

Không hiểu vì sao, ông thấy mình đang đứng trước cửa căn hộ của mình. Đẩy cánh cửa bằng bàn tay run rẩy, khép nó lại và khó nhọc ngồi xuống bên chiếc đàn piano. Liệu ông có thể chơi đàn được nữa không? Nhưng ... cho ai nghe?

Ở tầng dưới, Moktar đã ngồi lại vào vị trí nghe trộm của mình và cho chạy máy ghi âm. Hôm nay người Mỹ này về nhà muộn hơn thường lệ, và chỉ có một mình: vậy là ông ta đã để cha Nil lại Vatican, người Pháp này hẳn đang nói chuyện với Brezczinsky. Hẳn lựa tư thế ngồi thoải mái, tai nghe đeo trên tai. Cha Nil sẽ quay lại vào cuối buổi chiều, và ông ta sẽ nói chuyện với Leeland. Đến đêm ông ta sẽ về San Girolamo, như thường lệ. Đi bộ, trên những đường phố tối tăm và vắng vẻ. Bọn ông ta sẽ đi cùng một đoạn.

Trước hết là người Mỹ. Rồi đến kẻ còn lại.

Nhưng cha Nil không quay lại. Vẫn ngồi bên chiếc đàn piano, Leeland nhìn bóng tối xâm chiếm căn phòng. Ông không bật đèn: ông dồn hết sức chiến đấu với nỗi sợ hãi, chiến đấu với chính bản thân

mình. Ông chỉ còn một việc phải làm, Lev đã vô tình mang đến cho ông cách giải quyết. Nhưng liệu ông có đủ quyết tâm và dũng cảm để ra đi không?

Một giờ sau, màn đêm đã trùm xuống Roma. Những cuộn băng từ vẫn quay không: người Pháp đó làm gì nhỉ? Đột nhiên Moktar nghe thấy ở căn hộ phía trên có những tiếng động không rõ rệt, và cửa ra vào căn hộ mở ra rồi đóng lại. Hắn nhắc tai nghe khỏi đầu và đến bên cửa sổ: Leeland, một mình, ra khỏi toà nhà và đi qua phố. Họ hẹn gặp nhau trên đường đến San Girolamo chẳng? Nếu thế thì càng đơn giản hơn.

Moktar chuồn khỏi toà nhà. Hắn mang theo vũ khí là một con dao găm và một sợi dây thép. Hắn luôn thích dùng dao hoặc thắt cổ. Tiếp xúc trực tiếp với cơ thể của kẻ phản bội mang lại cho cái chết giá trị thực của nó. Mossad thường thích sử dụng những tay súng xuất sắc, nhưng Chúa của người Do Thái chỉ là một điều viễn vông xa xôi; đối với một người Hồi giáo, có thể đến với Chúa ngay trong thực tế của cuộc chiến giáp lá cà. Đấng Tiên tri chưa bao giờ dùng đến mũi tên, mà dùng thanh kiếm của Người. Nếu có thể, hắn sẽ thắt cổ người Mỹ đó. Cảm thấy tim ông ta ngừng đập dưới tay hắn, tim của người đã sẵn sàng cung cấp cho những người ở tổ quốc của ông ta một vũ khí mang tính quyết định chống lại người Hồi giáo.

Hắn đi theo Leeland, Leeland vừa vòng qua quảng trường Saint Peter mà không đi qua dưới hàng cột, và rẽ vào đường Borgo Santo Spirito. Ông đi về hướng Lâu đài San Angelo: trời rét căm căm, người Roma vốn chịu rét kém nên thu mình ở nhà. Nếu hai người đó hẹn gặp nhau dưới chân lâu đài, hắn là vì họ biết ở đó sẽ không có một bóng người. Càng tốt.

Lúc này Leeland bước đi nhẹ nhàng và cảm thấy lòng mình tĩnh lặng. Trong căn phòng tranh tối tranh sáng, ông đã đưa ra quyết định, tự nhắc lại những từ Lev đã dùng: “Một kẻ giết người, một kẻ chuyên nghiệp. Hãy đi đi, trốn trong một tu viện...” Ông sẽ không đi, ông sẽ không trốn. Ngược lại, ông sẽ đi về phía định mệnh của mình, như ông đang làm lúc này, có thể nhìn thấy ông từ bất cứ đâu. Tự sát là điều cấm kỵ đối với một người Cơ Đốc, ông không bao giờ tự chấm dứt cuộc sống không còn là sống mà từ nay trở đi ông phải chịu đựng. Nhưng thật tốt nếu có người khác đảm đương việc này. Ông đến bên bờ trái sông Tiber, đi qua Lâu đài San Angelo, bước vào đường Lungotevere. Vài chiếc ô tô hiếm hoi đi qua con đường nhô ra bên trên sông Tiber, rồi rẽ trái về hướng cầu Cavour. Không có một người đi dạo nào, hơi ẩm bốc lên từ mặt sông và cái lạnh cắt da cắt thịt.

Đến cầu Umberto số I, ông quay đầu lại. Dưới ánh sáng đèn đường, ông thấp thoáng nhìn thấy một người đi bộ cũng đang đi dọc lan can cầu như ông. Ông bước chậm lại, và có cảm giác người kia cũng làm như vậy. Chắc chắn là hắn rồi. Đừng chạy, đừng ẩn nấp, đừng trốn.

Life is over. Em Anselm, những ảo tưởng của ông đã vỡ cánh bay! Cải cách Giáo hội, hôn nhân của các linh mục, chấm dứt nỗi đau khổ dai dẳng cho chừng ấy con người rộng lượng, sự chay tịnh áp đặt bởi một Giáo hội bị mắc chứng co cơ trước tình yêu của con người... Ông nhìn thấy một cầu thang bằng đá dẫn xuống bờ sông Tiber: không ngần ngại, ông bước xuống.

Kè sông chỉ sáng lơ mờ, và được lát đá theo kiểu cũ. Ông bước về phía trước, ngắm nghía làn nước đen thắt lại ở đoạn này, dòng chảy mãnh liệt giội vào những vách đá nằm rải rác trong lòng sông. Những khóm sậy, khóm cây dại rậm rạp phủ đầy triền dốc thẳng đứng chạy xuống đến tận mặt nước. Roma chưa bao giờ rũ bỏ hoàn toàn sắc thái của một thành phố tỉnh lẻ.

Phía sau, ông nghe thấy tiếng bước chân người đàn ông đang bước xuống cầu thang, rồi vang lên trên nền đá kè sông và tiến lại gần ông. Mặc dù ông đã có tuổi, nhưng phẩm chất tu sĩ trong ông đã từng giúp ông thoát khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông vẫn thường tự hỏi liệu ở đó ông có chứng tỏ được sự dũng cảm về thể chất không. Trước cái bóng của kẻ thù đang quyết giết mình, liệu cơ thể ông sẽ phản ứng thế nào? Ông mỉm cười: bờ sông này sẽ là Việt Nam của ông, và tim ông không đập nhanh hơn thường lệ.

Một kẻ giết người, một kẻ chuyên nghiệp. Ông sẽ cảm thấy thế nào? Ông có bị đau đớn không?

Người này đi theo người kia, họ đến gần những chiếc vòm của cầu Cavour. Ngay phía sau, một bức tường cao chắn ngang kè sông, chấm dứt đoạn đường dạo chơi rất được người dân Roma mến chuộng khi thời tiết đẹp. Dọc theo bức tường, không có chiếc cầu thang nào: để trèo lên được đường cao tốc chạy dọc sông Tiber, phải quay lại con đường ông đã đi qua. Và đối mặt với người đang đi theo ông.

Leeland hít một hơi dài và nhắm mắt lại một lát. Ông cảm thấy rất bình tĩnh, nhưng ông sẽ không nhìn mặt người kia. Hãy để cái chết đến từ phía sau, như một kẻ gian lận.

Không quay đầu lại, ông cả quyết tiến vào phía bên dưới vòm cầu tối tăm.

Từ phía sau, ông nghe tiếng bước chân một người đang chạy như để lấy đà. Tiếng bước chân này rất nhẹ, chỉ hơi lướt trên bề mặt những viên đá lát.

87.

Một tay cầm túi, tay kia xách va li, cha Nil bước xuống xe buýt. Ngôi làng hoàn toàn quê kệch đúng như cha Calati đã miêu tả:

- Viên quản lý của chúng tôi đi Aquila ngay bây giờ, cha hãy lên xe của ông ấy. Ông ấy sẽ cho cha xuống ga đường bộ địa phương; buổi chiều, một xe buýt sẽ phục vụ giao thông cho khu vực hẻo lánh thuộc vùng núi Abruzzes này. Hãy xuống làng, rồi đi bộ đến một ngã rẽ. Rồi rẽ trái, và đi tiếp một kilomet đường đất nữa cho đến khi gặp một trang trại nằm đơn độc. Chắc chắn cha sẽ gặp Beppo, anh ta sống một mình ở đó cùng với mẹ. Đừng ngạc nhiên, anh ta không nói nhưng hiểu mọi chuyện. Hãy nói với anh ta là tôi cử cha đến, bảo anh ta dẫn cha tới gặp ẩn sĩ của chúng tôi. Sẽ là một chuyến đi bộ dài trong núi: Beppo quen rồi, anh ta là người duy nhất thỉnh thoảng trèo lên tận nhà tu để mang cho ẩn sĩ ấy đôi chút thức ăn.

Sau đó, Calati giơ tay lên trời, và im lặng ban phước cho cha Nil, người đang quỳ trên nền đá lạnh của tu viện.

Khi ông xuất hiện ở Camaldoli, thầy dạy cũ của ông đã choàng tay ôm lấy ông, chòm râu rậm rối bù của người thầy dạy lướt nhẹ trên má cha Nil. Ông cần đến định cư trên sa mạc trong khoảng thời gian vô định ư? Không ai được biết nơi ông ẩnấp ư? Calati không hỏi một câu nào, không ngạc nhiên khi thấy ông đến, không ngạc nhiên trước dáng vẻ chạy trốn cũng như lời đề nghị kỳ lạ của ông. Ông ấy chỉ nói đơn giản rằng nếu ở với ẩn sĩ, mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

- Cha sẽ thấy, đó là một người hơi kỳ lạ, ông ấy sống trong núi từ nhiều năm nay. Nhưng ông ấy không bao giờ cô độc: thông qua cầu nguyện, ông ấy liên hệ được với toàn vũ trụ, và ông ấy có một tài năng thiên phú mà đôi khi một số tâm hồn vĩ đại có được. Chúng ta vẫn liên hệ được với nhau nhờ Beppo, cứ nửa tháng anh ta lại xuống núi một lần để bán pho mát ở Aquila. Cầu chúa ban phước lành cho cha!

Cha Nil nhìn chiếc xe buýt đi xa dần trong một màn khói bụi, và bước vào con đường duy nhất của ngôi làng. Trời vẫn còn sáng, nhưng những căn nhà có mái thấp đã đóng kín cửa để chống chọi với cái lạnh ban đêm.

Khi đi ngang qua ông đưa mắt nhìn ô kính trên một cửa sổ, và mỉm cười với hình ảnh phản chiếu trên đó: mái tóc ngắn của ông, vẫn còn màu xám khi ông từ tu viện Saint-Martin ra đi, đã trở nên bạc phơ lúc ông phát hiện ra bức thư.

Chiếc va li trên tay ông trĩu nặng khi ông dừng trước trang trại. Mặc áo vest không tay bằng da cừu, trang phục truyền thống của các mục đồng vùng núi Abruzzes, một người đàn ông trẻ tuổi đang chẻ củi trước cửa nhà. Nghe thấy cha Nil bước đến, anh quay đầu và nhìn ông với vẻ lo lắng, vàng trán dưới mái tóc xoắn nhẵn lại.

- Con là Beppo à? Ta được cha Calati cử đến. Con có thể dẫn ta đến gặp ả sĩ được không?

Beppo cẩn thận dựa chiếc rìu vào đồng củi, lau tay vào mặt sau áo vest rồi bước lại gần cha Nil và chăm chú nhìn ông. Một lát sau, gương mặt anh giãn ra, anh nở một nụ cười và gật đầu. Nhấc chiếc va li của ông bằng một cánh tay rắn rỏi, anh hất cằm về phía núi và ra hiệu cho ông đi theo.

Con đường dẫn sâu vào trong rừng, rồi dốc ngược lên. Beppo bước những bước đều đặn, dáng đi của anh gợi lên một cảm giác thoải mái, gần như duyên dáng. Cha Nil đi theo anh một cách khó khăn. Liệu chàng trai này có hiểu đúng không? Ông phải trông cậy vào anh, và không rời tay khỏi chiếc túi quý báu của mình.

Họ đến nơi dường như là đoạn cuối con đường: một ngõ cụt, nơi vẫn còn dấu vết đã trở nên cũ kỹ của những đường mòn tạo nên bởi máy móc cơ khí: máy kéo của những người thợ rừng, hẳn là hiếm hoi lắm mới đến tận đây. Trong khe chảy một thứ nước trong vắt: Beppo đặt va li, cúi xuống và uống nước vốc trong lòng hai bàn tay rất lâu. Vẫn im lặng, chàng trai trẻ lại nhấc va li lên và rẽ vào con đường mòn dẫn tới một thung lũng bên sườn núi. Qua các vòm cây, có thể thấy thấp thoáng một đỉnh núi xa xa.

Màn đêm vừa buông xuống khi họ bước vào một bãi đất nhỏ xíu nhô ra phía trên thung lũng tối. Ngay trên vách đá, cha Nil nhìn thấy một cửa sổ sáng đèn. Không ngần ngại, Beppo lại gần, đặt va li xuống đất và gõ vào cửa kính.

Một cánh cửa thấp mở, và một bóng người hiện ra. Mặc áo kiểu blu có thắt lưng, một người đàn ông rất già, mái tóc trắng bao quanh đầu và phủ xuống vai, bước một bước về phía trước: sau ông, cha Nil thoáng thấy cái lò sưởi trong đó một thanh củi đang cháy, toả ra ánh sáng sống động. Beppo nghiêng người, thốt ra tiếng chào nhau và đưa tay về phía cha Nil. Ông già đưa tay vuốt nhẹ lên mái tóc quăn của chàng trai, rồi quay sang cha Nil và mỉm cười với ông. Ông chỉ cho cha Nil xem bên trong nhà tu của mình, nơi toả ra một làn hơi ấm áp dịu dàng, và chỉ nói:

- *Vieni, figlio mio. Ti aspettavo.*

Đến đây, con trai, ta đang đợi con!

Sáng đó, khắp Thành Vatican bao trùm bầu không khí náo động bồn chồn, một từ hoàn toàn mang ý nghĩa tương đối ở chốn này: vài giáo sĩ cao cấp đi trong các hành lang lát đá cẩm thạch với bước chân bót điệu đà hơn thường lệ một chút, vài chiếc thắt lưng màu tím bay hơi cao hơn một chút trên những cầu thang mà người ta trèo bốn bậc một. Một chiếc ô tô mang biển S.C.V. chạy hết tốc độ qua cửa vào sân Belvedere, người lính gác Thụy Sĩ chào đón và nhận ra bên trong xe là bác sĩ riêng của Giáo hoàng, một người đàn ông có tuổi đang giữ chặt một chiếc va li nhỏ trên đầu gối.

Ở bất kỳ nơi nào bên ngoài, những dấu hiệu náo động khó lòng nhận biết này có thể đã trôi qua mà không ai nhận thấy. Nhưng viên lính gác Thụy Sĩ, người chứng kiến tình trạng kích động bất thường này trong Thành phố Thánh, rất phấn khởi: hôm nay, hẳn anh chàng sẽ có điều gì đó để làm gia vị cho những cuộc trò chuyện với đồng đội.

Chiếc xe mang biển S.C.V. đi đến hết đường Conciliazione, rẽ trái, vượt qua Lâu đài San Angelo và đậu cách xa một chút trên vỉa hè đường Lungotevere, phía sau một chiếc xe hòm đang bật đèn hiệu. Người đàn ông mang va li nhanh nhẹn đi xuống cầu thang dẫn tới bờ sông Tiber, bước trên những viên đá lát mấp mô dẫn đến vòm cầu Cavour, nơi khoảng chục cảnh sát người Ý đang tập trung quanh một thân hình thảm hại nước chảy tong tong mà hình như họ vừa vớt lên khỏi những bụi sậy ven bờ sông.

Bác sĩ xem xét thi thể, trao đổi với cảnh sát, đóng va li lại rồi ngược lên đường Lungotevere, nơi ông nói nhỏ vào điện thoại di động, cẩn thận tránh xa vài kẻ tò mò đang quan sát cảnh tượng. Ông gật đầu nhiều lần, ra hiệu cho người tài xế quay về không cần chờ ông, và nhanh chóng đi bộ quay trở lại Lâu đài San Angelo. Qua đường, đi tiếp một đoạn và khuất vào một toà nhà mới, dưới chân toà nhà có một thanh niên ăn mặc như du khách có vẻ đang chờ ông.

Họ trao đổi với nhau mấy câu, rồi người thanh niên lấy từ túi áo ra một chiếc chìa khoá và ra hiệu cho bác sĩ đi theo anh vào trong toà nhà.

Cuối buổi sáng, Hồng y Catzinger đứng trước Giáo hoàng, người đã được đưa đến văn phòng ông. Được tô điểm bởi một chiếc nhẫn của Hội nghị Giám mục Vatican II mà ngài đã tham gia, bàn tay phải của Giáo hoàng run lên khi ông đọc một mảnh giấy. Dù tàn tạ vì đau ốm nhưng dưới hai hàng lông mày rậm, ánh mắt ngài vẫn linh lợi và sắc sảo.

- Đức Hồng y, chuyện này có thật không? Hai giáo sĩ cấp cao của Vatican, chết cách nhau vài giờ cùng trong đêm qua?

- Một sự trùng hợp đau xót, thưa Cha rất thánh. Đức ông Calfo vốn bị một cơn đau nguy hiểm cách đây nhiều tháng, đêm qua đã lên cơn đau tim và không qua khỏi.

Alessandro Calfo được phát hiện trong phòng mình, nằm dài trên hai tấm ván đặt theo hình thánh giá. Gương mặt tím ngắt vẫn còn nhăn nhúm bởi một cái cười nhăn đau đớn. Hai cánh tay đang buộc vào thanh ngang của cây thánh giá bằng hai sợi dây lụa, ánh mắt lơ đãng nhìn lên một hình thánh kiểu Byzantine treo ngay bên trên, thể hiện Đức Mẹ của Chúa với thần thái vô cùng trong sáng và trinh bạch.

Hai chiếc đinh đã được rút ra khỏi thành giường, và đóng sâu vào lòng bàn tay của kẻ bị hành hình. Không có máu chảy ra, hẳn là người đó đã chết trước khi bị đóng đinh câu rút.

Căn hộ cách quảng trường Saint Peter một chút, nên vụ này thuộc thẩm quyền của cảnh sát Italy. Nhưng cái chết thảm khốc của một giáo sĩ cao cấp, công dân Vatican, luôn khiến nhà nước Italy rơi vào tình huống vô cùng tế nhị. Cảnh sát trưởng, cũng là người Napoli giống người quá cố, rất bối rối. Một nghi lễ kỳ quái, người này đã bị đóng đinh câu rút? Ông không thích chuyện đó, và dù sao, theo đường chim bay, biên giới vô hình của Thành phố Thánh chỉ cách đó khoảng một trăm mét: vậy thì có thể coi như bác sĩ riêng của Giáo hoàng, người sắp đến đây, hoàn toàn đủ thẩm quyền để cấp phép mai táng.

Viên thầy thuốc đáng kính còn không thềm mở va li ra: được hỗ trợ bởi người thanh niên có ánh mắt đen đến kỳ lạ đi cùng, đầu tiên ông cẩn thận cài cúc áo của Calfo, để dấu thắt cổ hằn trên đó không lộ ra nữa. Rồi ông nhấc chiếc đinh, gọi viên cảnh sát đã kín đáo lùi ra xa, và nói với anh ta kết quả chuẩn đoán của mình: nhồi máu cơ tim, do ăn quá nhiều *pasta* mà không chịu luyện tập. Đó là những điều mà một người Napoli hiểu ra ngay lập tức. Viên cảnh sát thở dài nhẹ nhõm và không chậm trễ giao thi thể cho chính quyền Vatican.

- Một cơn nhồi máu cơ tim, Giáo hoàng thở dài, vậy chắc là ông ấy không bị đau đớn? Chúa nhân từ với các đầy tớ của mình, *requiescat in pace*. Nhưng còn người kia thì sao, Hồng y? Vì đêm qua có hai người chết, đúng không?

- Đúng vậy, và trường hợp này tế nhị hơn rất nhiều: đó là Đức ông Leeland mà tôi đã từng nói với ngài.

- Leeland! Vị tu viện trưởng từng ồn ào thể hiện quan điểm ủng hộ các linh mục kết hôn đúng không? Tôi vẫn nhớ rõ, chuyện này đã khiến ông ấy bị điều chuyển theo hình thức *promoveatur ut amoveatur*, và từ đó, ở Roma, ông ấy rất im ắng.

- Không hẳn thế, thưa Thánh Cha. Ở đây ông ta đã gặp gỡ một thầy tu nổi loạn, người này đã chia sẻ với ông ta những lý thuyết điên rồ về con người của Chúa Cứu thế Jesus-Christ. Có vẻ chuyện đó đã khiến ông ta vô cùng bối rối, hẳn là đến mức tuyệt vọng: sáng nay người ta tìm thấy ông ta bị chết đuối trong những khóm sậy ven bờ sông Tiber, đoạn cầu Cavour. Có thể là một vụ tự sát.

Không hơn các cảnh sát, viên thầy thuốc cũng chẳng muốn chú ý đến vết dây thắt quanh cổ Leeland. Chắc chắn là một sợi dây thép đã nghiền nát lưỡi gà. Công việc của một kẻ chuyên nghiệp. Kỳ lạ là gương mặt người Mỹ vẫn thanh thản, ông gần như đang mỉm cười.

Giáo hoàng khó nhọc ngẩng đầu nhìn chăm chăm vào Hồng y:

- Hãy cầu nguyện cho Đức ông Leeland tội nghiệp, hẳn là ông ấy đã rất đau khổ trong tâm hồn. Từ nay trở đi ông gửi cho tôi tất cả các thư từ có thể được gửi đến cho ông ấy. Thế còn... vị thầy tu nổi loạn kia?

- Hôm qua ông ta đã rời khỏi San Girolamo, nơi ông ta ở trọ từ vài ngày nay, và chúng tôi không biết ông ta đang ở đâu. Nhưng tìm ra dấu vết ông ta chắc cũng dễ dàng thôi.

Giáo hoàng đưa tay phác một cử chỉ.

- Hồng y, ông muốn một tu sĩ trốn tránh ở đâu ngoài một tu viện? Thôi nào, trước mắt đừng làm gì cả, hãy để ông ta có thời gian tìm lại sự yên bình nội tâm mà hình như ông ta đã đánh mất, theo những gì ông nói với tôi.

Trở về căn phòng mình, Catzinger nhận thấy rằng ông chia sẻ không dè dặt tình cảm của Giáo hoàng. Cái chết của Calfo đỡ cho ông một gánh nặng đáng kể; Antonio đã hành động kịp thời: bức thư của tông đồ thứ mười ba vẫn sẽ ẩn mình trong hầm bí mật của Vatican, không ở đâu tốt hơn chiếc hầm đó, nơi nó được bảo vệ khỏi những kẻ tọc mạch ác ý. Leeland ư? Chỉ là một con côn trùng, thuộc loại người ta có thể đưa tay gạt bỏ. Còn cha Nil rồi cuộc cũng chỉ nguy hiểm trong tu viện của ông ta. Chừng nào ông ta chưa quay lại đó thì vẫn không có áp lực gì.

Chỉ có Brezinsky: sự hiện diện của ông ta giữa những bức tường Vatican là một cái gai không thể chịu nổi. Nó luôn nhắc ông nhớ đến một thời kỳ đen tối trong lịch sử nước Đức, và khơi dậy trong ông cảm giác tội lỗi tập thể mà ông vẫn luôn phải chiến đấu chống lại. Cha ông ư? Ông ấy chỉ làm nhiệm vụ của mình, bằng việc dửng dưng hoàn thành nhiệm vụ: chiến đấu chống lại chủ nghĩa cộng sản đang đe dọa trật tự thế giới. Liệu có phải là lỗi của ông ấy, liệu có phải là lỗi của tất cả bọn họ nếu Hitler đã đánh lạc hướng ngàn ấy tâm hồn cao thượng để thiết lập nền thống trị của cái gọi là nòi giống cao cấp của ông ta, dù cái giá phải trả là sự kinh hoàng của ngày tận thế?

Người Ba Lan ấy đã bị cha ông huỷ hoại, nhưng đó là số phận của tất cả những kẻ chiến bại. Không tự thú nhận điều này với bản thân, song Hồng y cảm thấy nhục nhã vì một bi kịch mà ông không tham gia. Nhưng cha ông... Cảm giác nhục nhã này thôi thúc ông trong cuộc chiến bền bỉ của mình: sự trong sạch của giáo lý Cơ Đốc. Đó là sứ mệnh của ông, ông sẽ không nằm trong hàng ngũ của những kẻ chiến bại. Dòng giống duy nhất cao cấp, dòng giống duy nhất có thể chiến thắng, là dòng giống của

những người có đức tin. Giáo hội là thành lũy cuối cùng trước Ngày tận thế hiện đại.

Đối với ông, Brezinsky đã trở nên rất khó chịu và phải bị tách xa. Catzinger sẽ không thể tìm thấy sự bình yên chừng nào dưới mắt ông còn có nhân chứng cuối cùng về lịch sử của chính ông, và về lịch sử của cha ông.

Trước mắt, duy nhất một thứ huy động được năng lượng của ông: lễ phong thánh của Escrivá de Balaguer, dự kiến sẽ diễn ra trong vài tháng tới. Người sáng lập ra tổ chức Opus Dei đã biết củng cố toà nhà xây dựng trên thiên chất của Christ. Nhờ vào những người có nghị lực tinh thần như ông ta, Giáo hội sẽ chống chọi được.

Tuy nhiên ông vẫn cần tự quyết định tạo ra một phép màu: chuyện này có thể xảy ra.

Sa mạc trên dãy núi Abruzzes đúng như cha Nil mong đợi, hẳn cũng đúng như tông đồ thứ mười ba đã từng biết đến sau khi trốn khỏi Pella, và đúng như Jesus từng trải nghiệm sau khi gặp Jean Baptiste bên bờ sông Jordan. Ẩn sĩ chỉ cho ông một cái đệm rom đặt trong góc.

- Đó là cái đệm rom mà Beppo vẫn dùng khi cậu ta qua đêm ở đây. Cậu bé này gắn bó với tôi như với cha mình, người mà cậu chưa bao giờ biết mặt. Cậu ta không nói, nhưng chúng tôi có thể trao đổi với nhau không khó khăn gì.

Rồi ông không nói nữa, và trong vài ngày họ đã cùng sống trong yên lặng hoàn toàn, lặng lẽ dùng chung những bữa ăn gồm có pho mát, rau thơm và bánh mỳ trên thềm trước nhà nơi ngọn núi trò chuyện với họ bằng ngôn ngữ của nó.

Cha Nil nhận thấy rằng sa mạc trước hết là một trạng thái của tinh thần và tâm hồn. Rằng ông có thể cảm nhận thấy sa mạc ngay trong tu viện của mình, ngay giữa một thành phố. Rằng đó là một phẩm chất nào đấy trong việc rũ bỏ nội tâm, từ bỏ tất cả những dấu mốc quen thuộc của cuộc sống xã hội. Rất nhanh chóng, ông đứng vững với sự nghèo khó tốt cùng của nơi ông đang sống, đến nỗi ông không nhận thấy nữa. Khi tiếp xúc với ẩn sĩ, ông bắt đầu cảm thấy một sự hiện diện rất mạnh mẽ, rất nồng ấm, một sự giàu có bất ngờ. Ban đầu, ông cảm thấy nó như xuất phát từ bên ngoài, từ thiên nhiên, từ người sống chung với mình. Rồi ông hiểu ra rằng sự hiện diện đó đang nối kết với một sự hiện diện khác, ở bên trong con người ông. Và rằng nếu ông chú ý, để tâm quan sát trước khi tiếp nhận nó, thì không còn điều gì khác đáng kể. Sẽ không còn gì là bất tiện, cô độc, sợ hãi.

Thậm chí, có thể sẽ không còn ký ức về quá khứ và những vết thương của ông.

Một hôm, khi Beppo vừa ra đi sau khi mang bánh mì cho họ, ẩn sĩ vuốt râu và nói với ông:

- Tại sao con vẫn tự hỏi mình về ý nghĩa những lời chào đón của ta: “Ta đang chờ con, con trai”?

Người này đọc được ý nghĩ của ông như đọc một cuốn sách mở.

- Nhưng ... Cha không biết con, cha không được báo trước về việc con tới, cha không biết gì về con!

- *Ta hiểu con, con trai ạ, và ta biết nhiều điều về con mà bản thân con không biết. Con sẽ thấy, sống ở đây con sẽ tiếp nhận được cái nhìn của sự Thức tỉnh bên trong, cái nhìn mà Jesus có được khi*

ra khỏi sa mạc, cái nhìn đã cho phép Người thấy Nathanael dưới cây vả, mặc dù nó ở ngoài tầm mắt Người. Con tìm kiếm kho báu quý giá nhất, kho báu mà ngay cả các Giáo hội cũng không nắm giữ được chìa khóa, kho báu mà họ chỉ có thể định ra phương hướng khi không làm tắc nghẽn con đường dẫn tới nó.

- Cha biết ai là tông đồ thứ mười ba sao?

Ân sĩ lặng lẽ mỉm cười, một tia sáng nhảy nhót trong mắt ông.

- Thế con tin rằng luôn phải biết thì mới hiểu được sao?

Ông để ánh nhìn của mình lướt trên thung lũng, nơi những đám mây trên cao vẽ thành những cái đốm di động. Rồi ông nói, như nói với một người không phải cha Nil:

- Mọi thứ chỉ có thể được hiểu từ bên trong. Khoa học chỉ là cái vỏ, phải vượt qua nó để tìm thấy cái cốt lõi, thứ gỗ dác của hiểu biết. Các khoáng chất, cây cối, sinh vật sống là thực, kinh Phúc âm cũng là thực. Người xưa gọi sự hiểu biết bên trong này là ngộ đạo. Nhiều người đã bị đầu độc bởi thứ thức ăn quá giàu có mà họ tìm thấy ở đó, nó bốc lên đến

đầu họ, họ cứ ngỡ mình cao hơn tất cả, *catharoi* ^[57]. Người mà con gặp trong kinh Phúc âm, và cũng là người mà con đã trải nghiệm khi cầu nguyện, không cao hơn mà cũng không thấp hơn con: người đó ở cùng với con. Sự hiện diện của Jesus mạnh đến nỗi nó kết nối con với tất cả nhưng cũng tách biệt con với tất cả. Con đã bắt đầu trải nghiệm điều đó, và ở đây con chỉ sống với nó. Chính vì vậy mà con đến đây...

Ta đang chờ con, con trai ạ...

Roma dừng dung chứng kiến việc Hồng y Emil Catzinger chuyển giao quyền quản lý Hội Thánh Pie V. Nhân danh Giáo hoàng, ông tự mình chỉ định hội trưởng kế tiếp người Napoli Alessandro Calfo, đột ngột qua đời tại nhà riêng nên không thể chuyển lại chiếc nhẫn có hình chiếc quan tài, chiếc nhẫn nhắc nhở nghĩa vụ đáng sợ của người nắm giữ bí mật quý giá nhất thuộc về Giáo hội Cơ đốc: bí mật về nắm mồ thực sự nơi xương cốt của người bị đóng đinh câu rút tại Jerusalem đang yên nghỉ.

Hội trưởng này được ông lựa chọn trong số Mười một người và ông muốn người đó phải trẻ tuổi để có sức lực chiến đấu với kẻ thù của người đã trở thành Christ và Đức Chúa. Vì chúng sẽ nhanh chóng ngóc đầu dậy, như chúng vẫn làm từ trước đến nay, kể từ khi phải huỷ hoại con người và nhất là ký ức về kẻ bịp bợm, kẻ tự xưng mình là tông đồ thứ mười ba.

Khi lồng chiếc nhẫn có gắn viên ngọc thạch anh quý giá vào ngón tay đeo nhẫn bên phải của người đó, ông mỉm cười với đôi mắt rất đen, bình lặng như hồ trên núi. Antonio chỉ nghĩ rằng khi trở thành hội trưởng, anh sẽ vĩnh viễn nằm ngoài tầm tay của Opus Dei và các xúc tu của tổ chức này. Lần thứ hai, con trai của Oberstleutnant Herbert von Catzinger, cậu bé được tổ chức Thiếu niên Hitler giám hộ, đã đứng ra bảo vệ anh: nhưng ông ấy cũng đòi anh trả lãi. Trong kết của Hội, Antonio thấy có một hồ sơ đánh dấu *confidenziale*, ghi tên Hồng y. Nếu mở ra, hẳn anh đã thấy những tài liệu liên quan đến người bảo trợ đầy quyền lực của mình, phần đầu trang có hình chữ thập ngược. Không phải là toàn bộ những tài liệu này đều có trước tháng Năm năm 1945.

Nhưng anh đã không mở ra, mà tự mình trao lại cho Đức Hồng y, ông đã cho nó vào máy huỷ tài liệu trong văn phòng Cơ quan truyền bá đức tin ngay trước mặt anh.

Trong chiếc áo choàng đen nghiêm nghị, Breczinsky nhìn quang cảnh nông thôn Ba Lan buồn tẻ lướt qua trước mắt. Ông đã bị Antonio đích thân bắt giữ tại văn phòng ông trong kho sách, và bị dẫn ngay đến ga trung tâm của Roma. Từ đó, ông không thể suy nghĩ được nữa. Sau khi băng qua khắp châu Âu, con tàu đang đi sâu vào các bình nguyên trên đất nước ông: ông ngạc nhiên thấy mình chẳng có cảm

xúc gì. Đột nhiên ông đứng dậy, và đôi mắt kính tròn của ông bị một làn hơi nước làm mờ đi. Ông vừa nhìn thấy một ga nhỏ tỉnh lẻ vun vút chạy qua: Sobibor, trại tập trung quanh đó sư đoàn Anschluss đã tập trung trước khi vội vàng rút về phía Tây. Bị đẩy đi trước nó là đoàn người Ba Lan cuối cùng, những người sẽ bị thủ tiêu tại đây ngay trước khi Hồng quân đến. Trong đoàn người này có tất cả những người còn lại trong gia đình ông.

Vài ngày trước, một linh mục trẻ, Karol Wojtyla đã coi thường nguy hiểm, bế ông lên và giấu ông trong nơi ở chật hẹp của mình tại Cracovie. Để che chở ông khỏi cuộc vây ráp do sĩ quan người Đức vừa kể nhiệm Herbert von Calzinger, kẻ đã bị quân du kích Ba Lan giết chết, tổ chức.

Breczinsky xuống ga kế tiếp: chính ở đó, trong một tu viện nhỏ dòng Carmen cách xa mọi thứ, ông đã bị Hồng y Catzinger đưa vào vòng quản thúc. Mẹ bề trên đã nhận được một bức thư có đóng dấu của Vatican: vị linh mục được gửi đến đây không bao giờ được tiếp bất kỳ một người khách thăm viếng nào, cũng không được trao đổi với bên ngoài dưới bất kỳ hình thức nào.

Ông cần được tĩnh tâm, nghỉ ngơi. Và hẳn là trong thời gian dài.

91.

Cả khán phòng đồng loạt đứng dậy: trong buổi hòa nhạc cuối cùng của Lev Barjona ở Roma, Nhạc viện Saint Cecilia đông tưởng như muốn nổ tung. Anh chàng người Israel này phải biểu diễn bản giao hưởng số ba dành cho piano và dàn nhạc của Camille Saint-Saëns, trong chương thứ nhất anh sẽ thể hiện sự phù hoa, trong chương thứ hai sự uyển chuyển tuyệt vời của các ngón tay, và trong chương thứ ba khiêu hài hước của mình.

Như thường lệ, nhạc công piano bước lên sân khấu mà không nhìn khán giả, và ngồi ngay vào ghế. Khi chỉ huy dàn nhạc ra hiệu đã sẵn sàng, mặt anh đột nhiên đánh lại, và anh gõ những nốt đầu tiên trang trọng và hoa mỹ báo hiệu trường đoạn lãng mạn được thể hiện bởi *toàn bộ* dàn nhạc.

Ở chương thứ hai, anh tỏa sáng rực rỡ. Những phím đàn nhào lộn dưới các ngón tay anh một cách thần kỳ, mỗi nốt nhạc đều được thể hiện hoàn hảo và trau chuốt mặc dù anh sử dụng nhịp độ dữ dội cho toàn bộ bản nhạc. Sự đối lập giữa âm nhạc sôi động và nét tĩnh lặng hoàn toàn trên khuôn mặt anh khiến khán giả say sưa, và sau nốt nhạc cuối cùng, họ dành cho anh những tràng pháo tay hoan hô nhiệt liệt mà người Roma không tiếc đối với những người biết chinh phục trái tim họ.

Mọi người ai nấy đều nghĩ Lev Barjona sẽ theo thói quen đi ngay vào hậu trường mà không dành cho đám đông lần biểu diễn *bis* truyền thống. Vì thế, sự ngạc nhiên trong khán phòng càng tăng lên khi anh bước về phía họ và phác một cử chỉ yêu cầu mang cho mình một chiếc micro. Anh cầm lấy và ngược mắt lên, lóa mắt vì ánh đèn chiếu. Dường như anh đang nhìn ra rất xa, ra ngoài căn phòng đột nhiên trở nên im lặng, ra ngoài cả thành Roma. Mặt anh không còn đánh lại mà mang một vẻ nghiêm trang bất thường ở con người quen quỵên rũ này. Vết sẹo cắt ngang mái tóc vàng của anh càng khiến điều anh sắp nói ra trở nên bi thảm.

Anh nói rất ngắn gọn:

- Để cảm ơn sự tiếp đón nhiệt tình của các vị, tôi xin tặng các vị bản *Gymnopédie* thứ hai của Erik Satie, một nhà soạn nhạc vĩ đại người Pháp. Tối nay, tôi đặc biệt dành tặng bản nhạc này cho một người Pháp khác, một người hành hương đến cõi tuyệt đối. Và cho một nhạc công piano người Mỹ đã mất đi một cách bi thảm, nhưng ký ức về ông sẽ không bao giờ rời xa tôi. Chính ông cũng biểu diễn bản nhạc này trong tâm hồn mình, vì giống như Satie, ông đã tin vào tình yêu, và ông đã bị phản bội.

Trong khi Lev, mắt nhắm nghiền, như đang thả mình vào sự hoàn hảo của giai điệu hoàn toàn giản dị, từ cuối phòng một người nhìn anh và mỉm cười. Cố gắng thu nhỏ thân hình cơ bắp của mình, trong hân hoi lạc lõng giữa những khán giả tinh tế và sang trọng xung quanh.

“Người Do Thái, Moktar Al-Quraysh nghĩ, tất cả bọn họ đều là những người tình cảm!”

Với cái chết của Alessandro Calfo, nhiệm vụ của hắn đã kết thúc. Hắn cảm thấy thỏa mãn khi tự tay mình loại bỏ người Mỹ đó. Còn người kia thì đã biến mất, và Moktar chưa tìm thấy dấu vết ông ta. Chỉ là vấn đề thời gian thôi. Ngày mai, hắn sẽ quay về Cairo. Hắn sẽ báo cáo với Hội đồng Fatah và nhận chỉ thị của tổ chức. Người Pháp đó *phải* biến mất; để sẵn lòng dấu vết ông, Moktar cần có phương tiện và sự hỗ trợ. Lev vừa công khai tuyên bố ngưỡng mộ kẻ dị giáo ấy, hắn không thể trông cậy vào anh được nữa.

Còn về Sonia, cô đang thất nghiệp. Hắn sẽ nhanh chóng đưa cô đến Cairo. Che mặt bằng mạng đen, dáng vóc yêu kiều của cô sẽ khiến hắn hân hien diện. Vì hắn sẽ giữ cô lại cho mình. Sau khi qua tay một giáo sĩ cấp cao đòi bại ở Vatican, hắn cô phải biết làm những điều có thể đã bị Đấng Tiên tri lên án nếu Ngài biết được. Kinh Coran chỉ khẳng định: “Phụ nữ là một cánh đồng cần cày cấy: hãy đi khắp cánh đồng đó và cày cấy nó như con muốn.”^[58]. Hắn sẽ cày cấy Sonia. Hoàn toàn dừng dưng với thứ âm nhạc thanh nhã đang phát ra từ những ngón tay Lev, hắn cảm thấy máu dồn lên phần đàn ông của mình.

Ba tuần trôi qua kể từ khi cha Nil đến vùng Abruzzes, và ông có cảm giác đã sống cả đời mình trong sự cô độc này. Từng mẩu một, ông kể cho vị tu sĩ già nghe toàn bộ câu chuyện của mình: việc ông đến Roma, thái độ của Leeland cho đến lời thú nhận xúc động của ông ấy, cuộc gặp gỡ với Lev Barjona; những dấu vết của bức thư tông đồ mà ông tìm thấy một cách khó nhọc, phát hiện của ông trong hầm bí mật của Vatican...

Ông già mỉm cười.

- Ta biết rằng điều đó không làm thay đổi gì trong cuộc đời con cũng như định hướng sâu kín của nó. Chính sự thật là thứ mà con luôn tìm kiếm, con đã thấy cái vỏ, việc con còn phải làm là đào sâu sự hiểu biết này trong khi cầu nguyện. Con không bao giờ nên oán trách Giáo hội Cơ Đốc. Nó làm điều nó vẫn luôn làm, điều mà vì nó cả Giáo hội đã được lập ra: chinh phục quyền lực, rồi giữ gìn quyền lực bằng mọi giá. Một thầy tu thời Trung cổ đã định nghĩa Giáo hội một cách thực tế: *casta simul et meretrix*, sự trinh tiết của gái điếm. Giáo hội là một cái nạn cần thiết, con trai ạ: không nên vì việc nó thường xuyên lạm dụng quyền lực của mình mà con quên rằng nó đang giữ kín một kho báu, con người của Jesus. Và rằng, không có nó, hẳn con đã không bao giờ biết được Người.

Cha Nil biết rằng vị ẩn sĩ nói đúng.

Tò mò vì người mới đến quá giống với cha nuôi của mình, giống đến cả mái tóc bạc, Beppo lên căn nhà nhiều hơn thường lệ một chút. Anh ngồi cạnh cha Nil trên ụ đá khô ở sân trước nhà, và ánh mắt họ chỉ giao nhau có một lần. Rồi tu sĩ người Pháp chỉ còn cảm thấy hơi thở của anh, đều đặn và bình thản. Đột nhiên anh đứng dậy, hơi nghiêng đầu và biến mất trong con đường rừng.

Hôm đó, lần đầu tiên cha Nil nói chuyện với anh:

- Beppo, con có thể giúp cha một việc được không? Cha phải gửi thư này đến cho cha Calatin, ở Camaldoli. Con có thể mang nó đi được không? Phải đưa thư đến tận tay ông ấy.

Beppo gật đầu và nhét bức thư vào túi trong của chiếc áo vest bằng da cừu. Nó được đề gửi đến cho Rembert Leeland, đường Aurelia. Trong thư cha Nil kể vắn tắt về việc ông đến căn nhà, cuộc sống của ông, niềm hạnh phúc đã chạy trốn ông quá lâu và dường như đang trở thành hiện thực ở đây. Cuối cùng, ông hỏi tin tức bạn mình, và hỏi xem ông có nên đến Roma gặp lại bạn không.

Vài ngày sau, Giáo hoàng mở bức thư này và đọc hai lần trước mặt Catzinger, người đã trao nó lại theo chỉ thị của ông.

Giáo hoàng mệt mỏi đặt bức thư trên đầu gối. Rồi ông ngẩng đầu nhìn Hồng y, người vẫn đang cung kính đứng trước mặt ông.

- Tu sĩ người Pháp mà ông đã nói với tôi, vì sao ông lại nghĩ là ông ta nguy hiểm cho Giáo hội?

- Ông ta nghi ngờ thiên chất của Christ, thừa Cha rất thánh, theo cách đặc biệt ác ý. Phải khiến ông ta im lặng và trả ông ta về với sự cô độc trong tu viện của mình, nơi ông ta không bao giờ được rời khỏi.

Giáo hoàng để cằm gục xuống cổ áo chùng trắng. Ông nhắm mắt lại. Không bao giờ có thể biết toàn bộ sự thật về Christ. Christ ở phía trước chúng ta: chỉ có thể đi tìm kiếm Người. Tìm kiếm Người nghĩa là đã thấy được Người, Thánh Augustin từng nói vậy. Ngừng tìm kiếm nghĩa là để mất Người.

Không ngẩng đầu lên, ông thì thầm, và Catzinger phải căng tai ra để hiểu ông đang nói gì:

- Sự cô độc... Tôi tin rằng ông ấy đang có được nó, Hồng y ạ, và tôi mong muốn điều đó... đúng, tôi mong muốn. “Tu sĩ”, ông biết đấy, bắt nguồn từ “*monos*”, nghĩa là đơn độc, hay duy nhất. Ông ấy đã tìm thấy sự duy nhất cần thiết mà Jesus từng nói với Marthe, chị gái của Marie và Lazare. Hãy để ông ấy sống trong sự cô độc của mình, Hồng y ạ. Hãy để ông ấy với Người mà ông ấy đã tìm thấy.

Rồi ông nói thêm bằng giọng còn thoảng nhẹ hơn:

- Chính vì điều đó mà chúng ta ở đây, đúng không? Chính vì điều đó mà Giáo hội tồn tại. Sao cho trong lòng nó, có một vài người tìm thấy điều mà chúng ta, ông và tôi, đang tìm kiếm.

Catzinger nhướn một bên lông mày lên. Điều ông tìm kiếm là giải quyết vấn đề này tiếp sau vấn đề khác, làm cho Giáo hội tồn tại lâu dài, bảo vệ nó khỏi kẻ thù. *Sono il carabiniere della Chiesa* ^[59], người tiền nhiệm có trí nhớ nổi tiếng của ông, Hồng y Ottaviani, đã từng nói thế.

Giáo hoàng như đã ra khỏi giấc mộng và ra hiệu.

- Làm ơn hãy đưa tôi đến gần chiếc máy ở trong góc kia.

Catzinger đẩy ghế lăn về phía máy hủy tài liệu nhỏ đặt trước một chiếc sọt đã đầy đến một nửa các loại vụn giấy nhiều màu. Vì tay bị run, Giáo hoàng không khởi động cho máy chạy được. Catzinger ấn nút với vẻ tôn kính.

- Cảm ơn... Không, cha cứ để đây, tôi muốn tự làm.

Máy hủy tài liệu khắc ra vài mẩu giấy vụn, chúng rơi vào trong chiếc sọt chứa đựng những bí mật khác mà chỉ có Giáo hoàng giữ lại trong bộ não còn minh mẫn đến ngạc nhiên.

“Chỉ có một bí mật duy nhất, đó là bí mật của Chúa. Ông ấy thật may mắn, cha Nil ấy. Thật sự là rất may mắn.”

93.

Giữa đêm, cha Nil bị đánh thức bởi một tiếng động lạ, và thấp một ngọn nến. Nằm trên đệm rom, mắt nhắm, vị ẩn sĩ già rên lên khe khẽ.

- Cha, cha thấy đau à? Phải đi tìm Beppo, phải...

- Cứ kệ đi, con trai. Chỉ cần ta rời khỏi bờ để xuống nơi nước sâu, đã đến lúc rồi.

Ông mở mắt, và bao trùm cha Nil trong ánh mắt chan chứa nhân từ.

- Con sẽ ở lại đây, đây là nơi dành cho con vĩnh viễn. Giống như tông đồ thứ mười ba, con sẽ nghiêng đầu về phía Jesus để nghe. Chỉ trái tim con mới có thể hiểu được Người, nhưng nó đang thức tỉnh từng ngày. Con hãy lắng nghe, và đừng làm gì khác: Người sẽ dẫn đường cho con. Đó là người dẫn đường rất đáng tin cậy, con có thể hoàn toàn tin tưởng vào Người. Con người đã phản bội con, nhưng Người, Người không bao giờ phản bội.

Ông cố gắng lần cuối cùng:

- Beppo... con hãy chăm sóc nó, đó là đứa con trai mà ta giao phó cho con. Nó trong sạch như nước chảy trong núi này.

Sáng hôm sau, ngọn núi sáng lên từ phía sườn đối diện. Khi những ngọn lửa của mặt trời bao trùm căn nhà, vị ẩn sĩ già thì thầm tên Jesus và ngừng thở.

Cũng ngày hôm đó, cha Nil và Beppo chôn ông trên một vách đá, có lẽ giống với vách đá nhô ra bên trên Qumran, cha Nil nghĩ. Họ lặng lẽ quay trở về nhà tu.

Đến khoảng sân nhỏ trước nhà, Beppo nắm lấy cánh tay cha Nil đang bất động, cúi đầu xuống trước ông và nhẹ nhàng đặt bàn tay vị tu sĩ lên mái đầu tóc quăn của mình.

Ngày nối tiếp ngày, và đêm nối tiếp đêm. Bất động, dường như thời gian cũng mang một chiều kích khác. Ký ức của cha Nil còn chưa được chữa lành, nhưng càng ngày ông càng ít cảm thấy nỗi lo lắng vốn từng đè nặng lên ông trong những ngày kinh hoàng đó, những ngày ông đã trải qua để vấy dòn ảo ảnh của sự thật.

Sự thật không nằm trong bức thư của tông đồ thứ mười ba, cũng không nằm trong kinh Phúc âm

thứ tư. Nó không được chứa đựng trong bất kỳ văn tự nào, dù thiêng liêng đến đâu đi nữa. Nó vượt lên trên những từ ngữ in trên giấy, những lời nói phát ra từ miệng con người. Nó nằm trong sự im lặng, và sự im lặng chậm chậm chiếm hữu cha Nil.

Beppo đã chuyển sang ông sự ngưỡng mộ mà anh dành cho vị ẩn sĩ già khi vị ẩn sĩ còn sống. Khi anh đến, lúc nào cũng rất ngẫu hứng, họ ngồi trên mép khoảng sân nhỏ hoặc trước ngọn lửa trong lò sưởi. Cha Nil dịu dàng đọc cho anh nghe kinh Phúc âm và kể với anh về Jesus, giống như tông đồ thứ mười ba đã làm với Iokhanan ngày xưa.

Một hôm, do một cảm hứng đột ngột, ông vẽ lên trán, môi và trái tim chàng trai trẻ một dấu chữ thập vô hình. Tự nhiên, Beppo thè lưỡi ra, và ông cũng đưa tay vẽ lên đó dấu hiệu của cái chết và sự sống.

Ngày hôm sau, Beppo đến từ sáng sớm. Ngồi trên tấm đệm rom, anh nhìn cha Nil bằng đôi mắt bình lặng của mình và thì thầm trong một hơi thở vụng về:

- Cha... cha Nil! Con... con muốn học đọc. Để có thể tự mình nghiên cứu kinh Phúc âm.

Beppo đã nói. Anh nói ra những điều chất chứa trong tim mình.

Cuộc sống của cha Nil vì thế có đôi chút thay đổi. Từ đó trở đi, gần như ngày nào Beppo cũng đến thăm ông. Họ ngồi trước cửa sổ, và cha Nil mở sách ra trên chiếc bàn nhỏ xíu. Trong vòng vài tuần, Beppo đã có thể đọc được, chỉ ngập ngừng ở những từ phức tạp.

- Con có thể học cuốn kinh Phúc âm của Marc, cha Nil nói với anh. Đó là cuốn đơn giản nhất, rõ ràng nhất, gần với những điều Jesus đã nói và làm nhất. Sau này, một ngày nào đó, cha sẽ dạy con tiếng Hy Lạp. Con sẽ thấy nó không khó lắm đâu, và khi đọc to lên con sẽ nghe thấy điều mà các môn đồ đầu tiên của Jesus nói về Người.

Beppo nghiêm trang nhìn ông.

- Con sẽ làm những gì cha bảo: cha là cha của tâm hồn con.

Cha Nil mỉm cười. Hẳn tông đồ thứ mười ba cũng đã là cha tâm hồn của những người Nazareth trốn chạy khỏi Giáo hội đầu tiên.

- Chỉ có một người cha duy nhất của tâm hồn con, Beppo ạ. Người không có tên, không ai có thể biết được Người, chúng ta không biết gì về Người trừ một điều Jesus gọi Người là *abba*: cha.

Buổi sáng tháng Mười đó, quảng trường Saint Peter mang dáng dấp lễ hội: Giáo hoàng sẽ tuyên bố phong thánh cho người sáng lập ra tổ chức Opus Dei, Escriva de Balaguer. Phía trước Đại giáo đường, trung tâm của nền Cơ Đốc, một bức chân dung lớn của vị thánh mới đã được tặng cho đám đông. Đôi mắt ranh mãnh, dường như ông đang quan sát họ với vẻ mỉa mai.

Đứng bên phải Giáo hoàng, Hồng y Catzinger rạng rỡ vì vui sướng. Lễ phong thánh này mang một ý nghĩa đặc biệt đối với ông. Trước hết, đó là chiến thắng của riêng ông trước các thành viên của Opus Dei, ông đã buộc được họ phải quy lụy mình trong những năm chuẩn bị làm lễ tuyên phúc cho người anh hùng của họ. Từ nay trở đi họ đã mắc nợ ông, điều này sẽ che chở cho ông thêm chút nữa khỏi những thủ đoạn thường xuyên của họ. Catzinger vui sướng vì vừa chơi được họ một ván đẹp, ít nhất ông cũng có lợi thế trước họ trong suốt một khoảng thời gian.

Sau đó, ông che chở cho Antonio khỏi bất kỳ áp lực nào của những người Tây Ban Nha thuộc dòng họ de Balaguer. Điều quan trọng đối với ông là Hội Thánh Pie V phải được duy trì vững vàng, để tránh khỏi những nỗi thất vọng mà ông đã gặp phải với Calfo.

Cuối cùng, và niềm hạnh phúc này cũng không phải là nhỏ trong ngày hôm nay, Giáo hoàng, người càng ngày càng bất lực trong việc khiến người khác hiểu mình, đã giao phó cho ông nhiệm vụ tuyên đọc diễn văn. Ông sẽ tận dụng dịp này để vạch ra chương trình lãnh đạo của mình trước các ông kính truyền hình trên toàn thế giới.

Vì sẽ có một ngày ông lèo lái con thuyền của Peter. Không phải ngấm ngấm lèo lái như ông vẫn làm từ nhiều năm nay nữa. Mà lèo lái công khai, giữa thanh thiên bạch nhật.

Ông máy móc nhắc vạt áo choàng lễ của Giáo hoàng đã bị trượt đi vì những cơn run rẩy của vị Giáo chủ tối cao, điều sẽ khiến việc lên hình bị xấu đi. Và để che lấp cử chỉ này, ông mỉm cười với ông kính máy quay. Đôi mắt xanh, mái tóc bạc của ông sẽ rất đáng ngưỡng mộ trên màn hình. Ông đứng thẳng người lên: ông kính máy quay chĩa thẳng vào ông.

Giáo hội là vĩnh hằng.

Lần trong đám đông, một thanh niên nhìn quang cảnh huy hoàng của Giáo hội với ánh mắt chế nhạo. Mái tóc quăn của anh sáng lên dưới ánh mặt trời, và chiếc áo vest kiểu nông dân vùng Abruzzes của anh không bị lạc điệu: những đoàn đại biểu Cơ Đốc trên toàn thế giới, trong trang phục dân gian, tạo nên những mảng màu sắc sỡ trên quảng trường Saint Peter.

Đôi tay anh không để không: ghì sát vào ngực, chúng nắm chặt một chiếc túi bằng da căng tròn.

Cha Nil đã giao nó cho anh hôm qua. Anh thấy lo lắng: ở làng, nơi bất kỳ người lạ nào cũng bị nhận ra ngay lập tức, người ta đã thấy có một người đàn ông đến hỏi han. Chắc chắn không phải là một người miền núi, thậm chí cũng chẳng phải người Italy: anh ta quá cơ bắp, bụng không to lắm, và con mắt của những người dân làng không thể sai lầm. Mọi việc diễn ra như chúng phải diễn ra trong một ngôi làng ở vùng Abruzzes, Beppo đã nhận được tin đồn, nó đến tai anh không chậm trễ. Anh đã nói lại với cha Nil, ông cảm thấy những lo lắng trong mình thức dậy.

Liệu có phải họ đang tìm kiếm ông, ở tận nơi này không?

Ngay hôm sau, ông đã giao chiếc túi của mình cho Beppo. Nó chứa đựng kết quả của bao năm nghiên cứu. Nhất là nó cất giấu bản sao mà ông đã chép lại từ bức thư. Theo trí nhớ, đúng thế, nhưng ông biết nó trung thành với văn bản mà ông đã cầm trên tay trong khoảng thời gian ngắn ngủi dưới hầm bí mật của Vatican.

Mạng sống của ông không quan trọng, cuộc sống của ông không thuộc về ông nữa. Giống như tông đồ thứ mười ba, giống như rất nhiều người khác, có thể ông sẽ chết vì đã yêu Jesus hơn Đấng Christ. Ông biết điều đó, và hoàn toàn bình thản chấp nhận nó.

Ông chỉ còn một tiếc nuối duy nhất, một tội lỗi chống lại Tinh thần mà ông không thể xưng với bất kỳ linh mục nào: dù sao ông vẫn muốn thấy nắm mồ thật sự của Jesus trong sa mạc. Ông biết rằng mong muốn này chỉ là một ảo tưởng tội lỗi, nhưng ông không thể dập tắt nó. Lục tìm trong vùng cát mênh mông giữa Israel và biển Đỏ. Tìm lại một nắm mồ lạc giữa một nghĩa địa bỏ hoang của người Esseni và không được ai biết tới. Đi đến nơi tông đồ thứ mười ba từng công khai mong muốn là không ai được đến. Nghĩ về chuyện đó đã là một tội lỗi: sự im lặng đã không hoàn thành được công việc thanh lọc con người ông. Ông sẽ chiến đấu hết sức để loại bỏ khỏi trí óc mình ý nghĩ này, ý nghĩ tách ông ra xa Jesus, người ngày nào ông cũng gặp khi cầu nguyện.

Giữa những mảnh xương và thực tế, ông không có gì phải ngần ngại.

Nhưng cần phải cẩn thận. Beppo sẽ đi một mình đến Roma, và giao chiếc túi cho một người chú mà anh hoàn toàn tin tưởng.

Hồng y Emil Catzinger kết thúc bài diễn văn trong những tràng vỗ tay như sấm dậy, và khiêm tốn quay trở lại chỗ của mình ở bên phải Giáo hoàng.

Beppo lén cúi đầu xuống và cung kính lướt môi lên chiếc túi.

Sự thật sẽ không bị xóa khỏi mặt đất này.

Sự thật sẽ được truyền lại. Và sẽ tái xuất một ngày nào đó.

Nép mình dưới hàng cột Bernin, Moktar Al-Quraysh không rời mắt khỏi chàng trai. Hắn đã nhận ra anh ở làng. Kẻ dị giáo kia hẳn phải ẩn nấp đâu đó quanh đây, trong vùng núi.

Chỉ cần đi theo người nông dân vùng Abruzzes có cái nhìn ngờ ngác này.

Anh ta sẽ dẫn hắn đến với con mồi.

Hắn mỉm cười: nếu cha Nil đã có thể thoát khỏi người của Vatican, ông sẽ không thoát khỏi hắn. Không ai thoát được Đấng Tiên tri, cầu cho tên Ngài được ban phúc.

Khi rời khỏi căn nhà, tôi không thể không hỏi thêm một câu:

- Cha Nil, cha không sợ người đang tìm kiếm cha sao?

Ông suy nghĩ một lúc lâu trước khi trả lời tôi:

- Đó không phải là một người Do Thái. Từ khi Đền thờ bị phá hủy, họ đã phải trải qua một nỗi tuyệt vọng sâu sắc: lời hứa là hảo huyền, Đấng Cứu thế sẽ không trở lại. Nhưng Chúa là một sự thật sống động đối với họ. Trong khi người Hồi giáo không biết gì về Người, ngoại trừ việc Người là duy nhất, lớn hơn tất cả, và Người phán xét họ. Sự dịu dàng, sự gần gũi của Chúa của các nhà truyền giáo Israel là điều xa lạ đối với họ. Trước một vị Quan tòa bất định và rất đổi xa xôi, sự tuyệt vọng của người Do Thái đã biến thành nỗi lo lắng mà họ không thể vượt qua. Và một số người luôn cần đến bạo lực để loại bỏ nỗi sợ về một cõi hư vô mà Chúa không lấp đầy được. Hắn đó là một người Hồi giáo.

Ông mỉm cười nói tiếp:

- Sự thân thiết với Chúa của tình yêu sẽ xóa bỏ vĩnh viễn nỗi sợ hãi. Có thể là hắn đang lần theo tôi chăng? Dù có muốn kéo tôi vào cõi hư vô của hắn, thì hắn cũng không xoa dịu được nỗi lo sợ đang xâm chiếm con người hắn.

Ông đưa hai tay nắm lấy tay tôi.

- Tìm cách hiểu rõ con người của Jesus, chính là trở thành một tông đồ thứ mười ba khác. Con đừng kể tục người này luôn để ngỏ. Con có muốn tham gia không?

Từ đó, trong vùng Picardie của tôi, vùng đất của những cánh rừng, những miền đất màu mỡ và những con người trầm mặc, tôi không ngừng nghe thấy những lời nói cuối cùng này của cha Nil.

Mỗi khi chúng vang lên trong tôi, nỗi nhớ sa mạc lại tràn về.

HẾT

[1] Chú thích của tác giả: vùng đất có thủ phủ là Jerusalem.

[2] Người giữ chân thư ký trong Giáo hội Roma, thuộc tầng lớp dưới, chịu trách nhiệm viết tay các “văn bản” của Giáo hoàng.

[3] Tiếng Ý trong nguyên bản: Chào tạm biệt, thưa Đức ông!

[4] Nguyên bản: apocalypse

[5] Thánh Gennaro, thánh bảo trợ của thành phố Napoli, một linh mục đã tử vì đạo cách đây 1.700 năm và trong cuộc đời làm việc thiện của mình, đã làm nên nhiều điều thần kỳ. Người Napoli tin rằng, vào ngày lễ thánh của ngài (19/9 hàng năm), mỗi khi ngài khóc ra máu, năm đó sẽ có nhiều điều tốt lành đến với họ, cho con cháu họ, mang đến những điều tốt đẹp trong chặng đường sắp tới.

[6] Tiếng Ý trong nguyên bản: Sẽ ổn thôi, Đức ông.

[7] Nó xúc phạm đến đôi tai của chúng ta.

[8] Người Do Thái khá giả thường xây nhà theo mô hình của người La Mã: tất cả các phòng ở tầng trệt đều quay ra một hành lang có mái che; mái che này là nơi tập trung toàn bộ nước mưa đổ vào một bồn phun nước trung tâm

[9] Bản thảo vùng biển Chết

[10] Vì Chúa, đi thôi! (tiếng Ả rập).

[11] Được, cầu Chúa ban phúc! (tiếng Do Thái)

[12] Cha tinh thần

[13] Tiếng Ý trong nguyên bản: mật.

[14] Tiếng Ý trong nguyên bản: Chắc chắn rồi, thưa Đức Hồng y

[15] Giám mục không có địa phận (chú thích của tác giả)

[16] “Được nâng lên một chức vụ danh dự để từ bỏ chức vụ trước của mình” (Chú thích của tác giả)

[17] Những hộp hình vuông bằng da để đựng các câu trích từ kinh Phúc ân đeo ở trước trán và quấn quanh tay tái bằng những sợi dây da. Người ta đeo nó mỗi ngày trong các buổi cầu nguyện ban sáng

[18] Câu chào trong tiếng Ả Rập

[19] Nhất là phải kín đáo (Chú thích của tác giả).

[20] Kinh Coran, thiên Xura 5 (chú thích của tác giả)

[21] Tiếng Anh trong nguyên bản: Chào mừng cậu đến Roma.

[22] Tiếng Anh trong nguyên bản: Hẹn sớm gặp lại cậu.

[23] Cơ quan tình báo Isarel

[24] Tiếng Ý trong nguyên bản: Chính xác

[25] Tòa án Do Thái

[26] Thuộc nhóm ngôn ngữ Xê mít, từng là ngôn ngữ viết chính ở Trung Đông

[27] Phía Tây Bắc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay (chú thích của tác giả)

[28] Tiếng Anh trong nguyên bản: Lạy Chúa, thật vui được gặp cậu

[29] Nguyên bản tiếng Anh: anh bạn

[30] Nguyên bản tiếng Ý: Xin chào Đức ông

[31] Phương thức đặc trưng để xây các bức tường thành thời kỳ Đế chế La Mã: gạch được xếp thành những hàng đều đặn, tạo nên hình một tấm lưới hoặc túi lưới (chú thích của tác giả).

[32] Tiếng Anh trong nguyên bản: Ông bạn khôn khổ của tôi.

[33] Tiếng Anh trong nguyên bản: Hiểu rồi

[34] Kỷ nguyên Hồi giáo

[35] Tiếng Ý trong nguyên bản: Kiên nhẫn.

[36] Tác phẩm nổi tiếng của Thánh Jean Climaque, Giáo phụ (chú thích của tác giả).

[37] trích từ quy định của Thánh Bernard đối với các Hiệp sĩ, De laude novae militiae (chú thích của tác giả)

[38] Thư của Philippe le Bel gửi đến các kỵ sĩ Hugues de la Celle và Oudard de Molendinis, cảnh sát trưởng Hoàng gia

[39] Theo bức thư đã dẫn

[40] Tiếng Anh trong nguyên bản: Chúa ơi! Các Hiệp sĩ đồng tính!

[41] Tiếng Ý trong nguyên bản: bậc thầy

[42] Tiếng Ý trong nguyên bản: tối mật

[43] Mỗi Hồng y khi được bầu lên sẽ được giao cai quản một trong những nhà thờ cổ kính ở Roma. Nhà thờ này được gọi là titulum của Hồng y đó, nhằm nhắc nhở đến thời kỳ các Hồng y sát cánh bên Giáo hoàng trong việc cai quản thành phố (chú thích của tác giả).

[44] Quân đội Do Thái bí mật trước khi Tsalal, quân đội chính quy của Israel được thành lập

[45] Đội đặc công tinh nhuệ bí mật, đảm nhận các nhiệm vụ bảo vệ đặc biệt.

[46] Thầy tu không chức sắc, thực hiện những công việc chân tay

trong các tu viện

[47] Thôi đủ rồi! tiếng Ý trong nguyên bản. (ND)

[48] Sodome và Gomorrhe là tên hai thành phố trong Kinh Thánh, ở miền biển Chết (Mer Morte), cùng bị Chúa trời cho hỏa hoạn hủy diệt vì trụy lạc, suy đồi trong các cuộc ăn chơi đồng tính. (ND)

[49] Hiểu chưa?, tiếng Ý trong nguyên bản. (ND)

[50] Bản!

[51] Theo thổ ngữ của người Sémite ở Syrie và thượng nguồn Mésopotamie (thời cổ đại), “zélote” có nghĩa là Barjona

[52] Không có gì, thưa Đức Hồng y.

[53] Kinh Coran 4, 89

[54] Đời mình thế là hết.

[55] Trò chơi bắn thủ, tiếng Anh trong nguyên bản. (ND)

[56] Đồ con hoang

[57] Tiếng Hy Lạp nghĩa là “trong sạch”, nguồn gốc của danh từ những người Cathares.

[58] Kinh Coran 2, 223

[59] Tôi là viên sen đầm của Giáo hội